

Sói Thảo Nguyên

Contents

Sói Thảo Nguyên	1
1. Chương 1	1
2. Chương 2: Người Điên	7
3. Chương 3	13
4. Chương 4	18
5. Chương 5	24
6. Chương 6	29
7. Chương 7	36
8. Chương 8	43
9. Chương 9	51
10. Chương 10	60
11. Chương 11	69
12. Chương 12	75
13. Chương 13	82

Sói Thảo Nguyên



Giới thiệu

Sói thảo nguyên là cuốn tiểu thuyết nổi tiếng của nhà văn Hermann Hesse - một nhà văn, nhà thơ và

Đọc và tải ebook truyện tại: <http://truyenclub.com/soi-thao-nguyen>

1. Chương 1

Ngay phút đầu tiên nhìn thấy ông, khi ông bước qua tấm cửa kính vào nhà dì tôi, đầu ghéch lên như một con chim và tấm tắc khen trong nhà cô có mùi thơm, tôi đã thấy ngay một vẻ gì khác thường nơi người đàn ông này, và phản ứng khờ khạo đầu tiên của tôi là ác cảm. Tôi cảm thấy (dì tôi, ngược hẳn với tôi, hoàn

toàn chẳng trí thức tí nào, cũng cảm thấy gần như thế) – tôi cảm thấy người đàn ông này bệnh hoạn, về tâm thần hoặc tình cảm hoặc tính khí gì đó, nên tôi đã phản kháng với bản năng của kẻ lành mạnh. Với thời gian, thái độ phản kháng này nhường chỗ cho lòng quý mến, dựa trên sự đồng cảm sâu sắc với con người triền miên đau khổ vô cùng tận này, mà tôi là người cùng chứng kiến tình cảnh ngày càng cô độc và cái chết dần mòn trong tâm can ông. Theo thời gian tôi rõ dần rằng bệnh tật này không phải do thể tạng ông thiếu kém gì, mà ngược lại do thiếu quân bình giữa tài năng sung mãn và thể lực của ông. Tôi nhận thấy Haller là thiên tài khổ đau, hiểu theo nghĩa một số câu nói của triết gia Nietzsche (1), ông đã tạo trong con người mình một khả năng thần sầu, khủng khiếp, vô bờ bến để chịu đựng khổ đau, Đồng thời tôi nhận thấy không phải sự khinh miệt thế giới, mà sự khinh bỉ chính mình mới là nền tảng cho sự yếm thế của ông, vì khi ông mặt sát không khoan nhượng và tàn tệ về những định chế hoặc cá nhân, ông không hề loại trừ mình ra, mà luôn coi mình là đối tượng đầu tiên cho những mũi tên của ông, luôn là người đầu tiên ông căm ghét và bác bỏ...

(1) Friedrich Nietzsche (1844 – 1900): triết gia Đức, mới ngoài 30 tuổi đã phải chịu nhiều đau khổ vì bệnh tật.

Tôi phải thêm vào đây một nhận xét về tâm lý. Dẫu chỉ biết rất sơ sài về cuộc đời Sói Thảo Nguyên, tôi vẫn có đầy đủ lý lẽ để cho rằng thuở nhỏ ông được mẹ cha cùng các vị thầy đầy nhân ái, nhưng nghiêm khắc và rất mộ đạo (1) dạy dỗ; họ lấy “bề gãy ý chí” làm nền tảng của việc giáo dục. Việc hủy hoại nhân cách và bề gãy ý chí nọ không thành công ở cậu học trò này, vì cậu quá kiên cường, vững chãi, biết tự hào và có sức mạnh tinh thần (2). Thay vì hủy hoại nhân cách, lối giáo dục kia chỉ dạy được cậu một điều: tự căm ghét mình. Nay cả đời ông hướng mọi khả năng tưởng tượng thần sầu, vận dụng mọi sức mạnh trong suy nghĩ tự chống lại mình, chống lại đối tượng vô tội và cao quý ấy. Trong việc này, dẫu sao, ông vẫn là một người Cơ Đốc giáo hoàn toàn, một kẻ tuân đạo đúng nghĩa, nên mọi biện pháp gắt gao, mọi chê bai chỉ trích, mọi hành vi hiềm độc, mọi căm hận – mà ông tưởng tượng ra được – ông đều hướng tất cả vào mình trước hết. Với mọi người khác và thế giới xung quanh, ông luôn luôn cố gắng yêu thương họ bằng những hành động dũng cảm và nghiêm túc nhất, công tâm với họ, không làm họ đau khổ, vì ông ghi lòng tạc dạ câu “Người phải yêu thương đồng loại” giống như luôn tâm niệm nỗi căm ghét chính mình vì thế nên cả cuộc đời ông là một thí dụ cụ thể cho thấy rằng, nếu không tự thương yêu mình thì cũng không thể thương yêu đồng loại, rằng mỗi căm ghét bản thân cũng tương tự như tính ích kỷ độc tôn, rồi cuộc nó tạo ra cùng một tình trạng cô lập và môi tuyệt vọng kinh hoàng nhất.

(1) Cha và ông ngoại tác giả từng là những nhà truyền giáo đạo Tin Lành ở Ấn Độ, sau đó vẫn tiếp tục các hoạt động liên quan đến tôn giáo ở Đức và Thụy Sĩ.

(2) Trong bức thư của bà mẹ tác giả viết cho chồng vào tháng tám năm 1881, có đoạn: “(...) thằng nhỏ này có (...) một ý chí mãnh liệt và một kiểu hiểu biết quả thật khác thường ở tuổi lên bốn của nó”.

Nhưng bây giờ đã đến lúc tôi tạm gác qua một bên những suy nghĩ riêng của mình để nói về những sự kiện đã xảy ra thật. Điều đầu tiên tôi biết về ông Haller, một phần qua việc tôi lén lục soát phòng ông, phần khác qua những nhận xét của dì tôi, liên quan đến lối sống của ông. Tôi sớm nhận ra ông là một chuyên viên đầu vào những suy tư cùng sách vở và không làm một nghề thực tế nào. Ông luôn dậy rất muộn, thường mãi gần trưa rồi choàng áo khoác lên bộ đồ ngủ, đi vài bước từ phòng ngủ sang phòng khách của mình, phòng khách này, trên gác sát mái nhà, rộng rãi và ấm cúng với hai cửa sổ, chỉ mới dau vài ngày trông đã khác lúc còn những người thuê trước. Đồ đạc chồng chất và càng ngày càng đầy ngập thêm lên. Trên các bức tường được treo tranh, gắn ảnh; vì thường là những bức vẽ cắt từ các tạp chí nên chúng thay đổi thường xuyên. Một bức phong cảnh miền Nam, những tấm hình chụp ảnh ở một thành phố nhỏ vùng quê nước Đức, hẳn là quê hương của Haller, xen vào đây là những bức họa màu nước rực rỡ mà mãi về sau chúng tôi mới biết do ông tự vẽ (1). Rồi hình một thiếu phụ – cũng có thể là thiếu nữ – xinh đẹp. Có thời gian trên tường treo một bức tranh tượng Phật nước Xiêm, sau thay bằng một phiên bản họa phẩm “Đêm” của Michelangelo (2), rồi một chân dung của Mahatma Gandhi. Sách vở không chỉ chất đầy chiếc tủ sách to mà còn nằm la liệt trên bàn, trên chiếc án thư cổ kính xinh xắn, trên di văng, trên ghế, trên sàn; những mẫu giấy làm dấu kẹp trong các quyển sách ấy thay đổi chỗ thường xuyên. Lượng sách cứ tăng liên tục, vì ông không chỉ ôm từ thư viện về cả lô, mà còn nhận được thường xuyên bằng bưu kiện. Người ngủ trong căn phòng này hẳn phải là một học giả. Mùi khói thuốc bám trên mọi thứ cùng những mẫu thuốc, những chiếc gạt tàn rải rác khắp nơi lại càng phù hợp với hình ảnh ấy. Tuy nhiên phần lớn sách không thuộc loại khảo cứu mà là

tác phẩm của cá nhà văn, nhờ thơ thuộc mọi thời đại và của mọi dân tộc. Có thời gian trên chiếc đi văng nơi ông thường nằm suốt ngày, lẫn lộn đủ sáu quyển dày cộm của một tác phẩm tựa đề Chuyến du lịch của Sophie từ Memel tới Sachsen (3) xuất bản vào cuối thế kỷ 18. Một bộ toàn tập của Goethe và một của Jean Paul cũng như được dùng rất nhiều, cũng như Novalis, cả Lessing, Jacobi và Lichtenberg nữa. Vài quyển của Dostoyevsky (4) kẹp đầy những mẫu giấy dày đặc ghi chú. Trên chiếc bàn lớn, giữa các chồng sách và tạp chí, thường thấy có một bó hoa; một hộp vẽ màu nước cũng nằm lẫn lộn ở đấy, luôn bám đầy bụi, bên cạnh là những chiếc gạt tàn thuốc và, cũng chẳng giấu giếm làm gì, đủ loại chai lọ đựng thức uống. Một cái chai bọc rơm thường đựng vang đỏ uống. Một cái chai bọc rơm thường đựng vang đỏ ông mua ở một cửa hàng nhỏ gần nhà, thỉnh thoảng có cả một chai Burgund cũng như Malaga và một chai to rượi anh đào mà tôi thấy chỉ trong một thời gian ngắn đã gần cạn, rồi bị vứt ở một góc phòng mặc cho bụi bám, phần rượu còn lại chẳng hề vơi đi. Tôi không muốn bào chữa cho trò do thám vặt của mình và thẳng thắn thú nhận rằng, trong thời gian đầu, tất cả những dấu hiệu này của một cuộc sống tuy đáp ứng những nhu cầu của trí tuệ song lại đi đôi với phung phí thời gian và bê tha, đã khiến tôi ghê tởm và nghi ngại. Tôi không chỉ là một công dân sống điều độ, có thói quen lao động và phân chia thời gian chính xác, mà còn không cả rượu chè, thuốc lá, thành thử những chai rượu trong phòng Haller còn khiến tôi ít thiện cảm hơn là quang cảnh hỗn độn như trong tranh vẽ ở đây.

(1) Ngoài viết văn, làm thơ, Hesse còn vẽ tranh.

(2) Michelangelo (1475 – 1564): nhà họa sĩ, nhà điêu khắc, kiến trúc sư trứ danh của Ý.

(3) Tên bộ tiểu thuyết của Johann Timotheus Hermes (1738 – 1821)

(4) Jean Paul, Novalis, Lessing, Jacobi và Lichtenberg: tên một số nhà văn Đức ở thế kỷ 18 và 19, còn Dostoyevsky là nhà văn Nga

Trong chuyện ăn uống, người khách lạ này sống cũng rất không điều độ và thất thường, không khác gì trong chuyện ngủ nghỉ và làm việc của mình. Có những ngày ông hoàn toàn không bước ra khỏi nhà và chẳng ăn uống gì ngoài cà phê buổi sáng, thỉnh thoảng đi tôi thấy một vỏ chuối là thứ sót lại duy nhất của bữa ông ăn; những ngày khác ông lại đi ăn tiệm, khi thì vào quán sang trọng và thanh lịch, lúc lại đến quán nhỏ ở ngoại ô. Sức khỏe của ông có vẻ không được tốt; ngoài chuyện đi đứng khó khăn khiến ông thường khá vất vả lúc leo cầu thang, dường như ông còn bị những chứng tật khác trong cơ thể làm tình làm tội. Có lần ông buột miệng kể đã nhiều năm ông mắc chứng tiêu hóa yếu và ngủ không ngon. Tôi cho rằng chính là tại ông uống rượu. Về sau, đôi khi đi với ông tới một trong những quán quen của ông, tôi thỉnh thoảng chứng kiến ông nốc vang ừng ực lúc tâm trạng thất thường, nhưng tôi và mọi người khác chưa từng thấy ông thật sự say bao giờ.

Tôi không bao giờ quên được lần gặp gỡ đầu tiên, chỉ có ông và tôi. Chúng tôi biết nhau chỉ như hàng xóm ở cạnh phòng trong một ngôi nhà thuê thôi. Một chiều nọ đi làm về, tôi ngạc nhiên thấy Haller ngồi chỗ thêm nghỉ cầu thang giữa tầng một và tầng hai. Ông ngồi ở bậc trên cùng và nhánh sang bên cho tôi đi qua. Tôi hỏi ông không được khỏe chẳng và đề nghị đưa ông lên tới tận tầng trên.

Haller nhìn tôi và tôi chợt nhận ra mình vừa đánh thức ông ra khỏi một dạng của trạng thái xuất thần. Nụ cười dần dần nở trên gương mặt ông – kiểu mỉm cười khả ái khiến ta thấy tội nghiệp của ông nụ cười từng thường làm trái tim tôi trĩu nặng – rồi mời tôi ngồi xuống bên cạnh. Tôi cảm ơn và bảo tôi không quen ngồi trên cầu thang trước ăn hộ của người khác.

“À phải đấy”, ông nói và cười hơn nữa. “Ông nói phải. Nhưng xin ông chờ cho một chút, tôi phải chỉ ông thấy cái lý do đã khiến tôi ngồi đây một lúc”.

Vừa nói ông vừa chỉ vào khoảng hành lang trước căn hộ của mộ góa phụ ở tầng một. Trên cái khoảng nhỏ lát ván nằm giữa cầu thang, cửa sổ và cửa kính ra vào của căn hộ là một chiếc tủ gỗ gụ cao dựng sát tường, trên bày những đồ cổ bằng thiếc, trước tủ là hai chậu cây to, một cây đỗ quỳn và một cây bách tán, đặt trên hai bục thấp. Hai cây này thật đẹp và luôn được giữ gìn rất sạch sẽ, không chê trách được, như chính tôi từng thú vị nhận thấy.

“Ông nhìn kia”, Haller nói tiếp, “Cái khoảng hành lang nhỏ này với cây bách tán thơm thật là thơm, đã bao lần tôi đi qua đây mà không thể không dừng lại chốc lát. Trong căn hộ của bà đi ông cũng thơm lắm, ngăn nắp và sạch sẽ nhất mực, nhưng cái chỗ có cây bách tán này đây thật là sạch bóng, được hút bụi, lau chùi,

sạch như li như lau, đến độ thành ra rực rỡ. Tôi cứ luôn phải hít đầy phổi – ông cũng nghĩ thấy chứ nhỉ? Cái mùi xi đánh gỗ, thoảng chút mùi dầu thông còn đọng lại cùng với gỗ gụ, những chiếc lá được lau sạch, tất cả toát ra một mùi thơm như thế đấy, mức độ hoàn thiện của việc sạch sẽ tinh tươm trong giới trưởng giả, của tính chu đáo và chính xác, của việc hoàn tất nhiệm vụ và lòng trung tín ở ngay cả trong những việc nhỏ nhất. Tôi không rõ người ở trong căn hộ này là ai, nhưng đằng sau tấm cửa kính kia hẳn phải là cõi thiên đường của sự tinh khiết và lối sống trưởng giả sạch bong bụi bặm, của trật tự và sự tận tụy giữ gìn những tập quán và chu toàn bổn phận dù nhỏ nhất, với thái độ kính sợ đến mức khiến ta xúc động”.

Thấy tôi im lặng nên ông nói tiếp: “Xin ông chớ nghĩ rằng tôi mĩa mai! Thưa ông, không đời nào tôi dám cười nhạo lối sống trưởng giả và trật tự. Đúng là chính tôi sống trong một thế giới khác, chứ không phải trong thế giới này, và có lẽ tôi không đủ khả năng chịu đựng nổi, dù chỉ một ngày, trong một căn hộ với cây bách tán như thế kia. Nhưng dù tôi là một con sói thảo nguyên già nua và tẻ mạt, song tôi vẫn là con của một bà mẹ và mẹ tôi cũng từng là một người đàn bà thuộc tầng lớp trung lưu, từng trồng hoa, chăm nom phòng ốc, cầu thang, bàn ghế, màn cửa, và hết sức cố gắng giữ cho căn hộ cùng đời bà được sạch sẽ, thanh khiết và ngăn nắp như bà mong muốn. Mùi dầu thông làm tôi nhớ đến điều ấy, mùi cây bách tán gợi tôi nhớ đến điều ấy, nên tôi ngồi chỗ này chỗ nọ, nhìn vào khoảnh vườn con yên ả của sự nền nếp này và thấy vui vui vì nó vẫn còn đây, chứ chưa mai một”.

Ông muốn đứng lên, nhưng hơi vất vả, nên không từ chối khi được tôi đỡ đôi chút. Tôi vẫn lặng thinh, nhưng đã bị khuất phục, giống như dì tôi trước đây, trước sức lôi cuốn nào đó mà đôi lúc con người lạ lùng này có được. Chúng tôi từ từ sống vai bước lên cầu thang; tới trước cửa phòng ông, tay cầm sẵn chìa khóa, ông quay lại nhìn thẳng vào mặt tôi và với giọng rất mực thân ái ông nói: “Ông mới đi làm về à? Chà, tôi chẳng hiểu gì về những chuyện ấy; tôi sống xa cách những chuyện như thế, đại loại là sống bên lề, ông biết chứ. Nhưng tôi nghĩ rằng ông cũng ham mê sách vở và những thứ cùng loại, có lần bà dì ông bảo rằng ông đã qua bậc trung học và giỏi tiếng Hy Lạp. Ấy, áng nay tôi tìm thấy một câu của Novalis, tôi chỉ ông coi nhé? Ông cũng sẽ thích thú cho mà xem”.

Ông kéo tôi vào căn phòng nồng nặc mùi thuốc lá, rút một quyển từ một trong những chồng sách, lật tìm.

“Cái này cũng hay, rất hay” ông nói, “ông nghe thử câu này nhé: “Ta nên kiêu hãnh trước khổ đau – mỗi khổ đau đều là một nhắc nhở đến đẳng cấp cao của chúng ta”. Tuyệt! Tám mươi năm trước cả Nietzsche cơ đấy! Nhưng đó không phải là câu tôi muốn tìm – ông chờ chút – đây rồi. Cây ấy thế này “Phần lớn người ta đều không muốn bơi, cho đến lúc họ bơi được” Không dí dỏm sao? Dĩ nhiên người ta không muốn bơi! Người ta sinh ra để sống trên mặt đất, chứ đâu phải trong nước. Và dĩ nhiên họ cũng không muốn suy tư, họ được tạo ra để sống, không phải để suy tư! Đây và ai suy tư, ai coi suy tư là chuyện chủ yếu, người ấy tuy có thể tiến xa trong lĩnh vực này, nhưng chính là người ấy đã hoán đổi đất lấy nước, và sẽ có lúc chết đuối”.

Lúc ấy ông đã thu hút được tôi, khiến tôi chú ý và nán lại một lúc với ông, rồi từ đó việc chúng tôi trò chuyện đôi chút với nhau, khi gặp nơi cầu thang hay trên đường phố, không phải là hãn hữu. Vào những dịp ấy, giống như lần trò chuyện trước cây bách tán, mới đầu tôi luôn có đôi chút cảm giác rằng ông giấu cợt tôi. Nhưng không phải thế. Đối với tôi, cũng như với cây bách tán, ông có thái độ gần như kính trọng, ông ý thức rõ về hoàn cảnh mất gốc rễ của mình, khiến đôi lúc ông có thể cực kỳ hào hứng khi trông thấy một hành động thường nhật của thế giới trưởng giả, chẳng hạn việc tôi đi làm đúng giờ giấc, hay nghe một câu nói của người giúp việc trong nhà hoặc của người soát vé xe điện. Mới đầu tôi thấy điều này có hơi lố bịch và thái quá, đúng là tính khí của kẻ thượng lưu ăn không ngồi rồi, một kiểu đa cảm vờ vĩnh. Nhưng dần dà tôi phải nhìn nhận rằng quả thật ông, từ căn phòng không khí ngột ngạt, từ tình cảnh một kẻ xa lạ và tính chất sói thảo nguyên của mình, gần như đã ngưỡng mộ và yêu thích thế giới trưởng giả nhỏ bé của chúng tôi như một nơi chốn vững chãi và an toàn, như cái gì xa với và không đặt nỗi đối với ông, như quê hương và sự thanh bình mà không có con đường nào dẫn ông tới đó. Lần nào ông cũng trân trọng ngả mũ chào người giúp việc của chúng tôi, một người đàn bà đàn ông tử tế, và lần nào dì tôi trò chuyện đôi chút với ông, chẳng hạn lưu ý ông việc sửa quần áo hoặc một cái cúc bị sút, ông đều lắng nghe với vẻ chăm chú và trịnh trọng đáng ngạc nhiên, như thể với nỗ lực vượt bậc và vô vọng, ông cố lách qua một kẻ hở, vào trong cái thế giới nhỏ bé, yên bình này, để nó trở thành mái gia đình ấm cúng của mình, dù chỉ được một giờ thôi.

Ngay lần trò chuyện đầu tiên nơi đặt chày cây bách tán, ông đã tự xưng là Sói Thảo Nguyên, và điều này

khiến tôi ngạc nhiên và hơi bối rối. Từ ngữ gì mà lạ lùng vậy nhỉ? Nhưng rồi tôi tập chấp nhận nó không chỉ qua việc làm cho mình thích nghi, mà chẳng mấy chốc chính tôi, trong những suy nghĩ của mình, đã không bao giờ còn gọi ông bằng gì khác ngoài cái tên Sói Thảo Nguyên và ngay cả hiện nay tôi cũng không biết có từ nào chính xác hơn cho hình tượng này. Một con sói thảo nguyên lạc lối, tìm đến với chúng tôi nơi phố thị và cuộc sống bầy đàn – không hình ảnh nào khác diễn tả chính xác hơn con người ông cùng cảnh cô đơn đến thành xa cách, chất hoang dã, sự bồn chồn, nỗi nhớ nhà và tình trạng không có quê hương của ông.

Có lần tôi được dịp quan sát ông cả buổi chiều, tại một buổi hòa nhạc, tôi ngạc nhiên thấy ông ngồi gần tôi, còn ông lại không nhận ra tôi. Đầu tiên họ trình diễn nhạc Handel, loại âm nhạc hay ho và quý phái, nhưng Sói Thảo Nguyên ngồi trầm tư, chẳng chút liên quan đến âm nhạc lẫn mọi người chung quanh. Ông ngồi tách biệt, cô đơn và xa lạ, khuôn mặt lạnh lùng nhưng đầy âu lo cúi nhìn xuống. Rồi tới một đoạn khúc của Friedemann Bach, tôi hết sức kinh ngạc thấy chỉ sau vài nhịp người khách lạ của tôi đã bắt đầu mỉm cười thả hồn theo tiếng nhạc, đắm chìm vào nội tâm, để có đến mười phút trông ông thật say sưa hạnh phúc và mê ly trong những giấc mộng tuyệt vời, khiến tôi chú ý tới ông hoàn toàn vào tiếng nhạc. Khi đoạn khúc này chấm dứt, ông bình tĩnh, ngồi thẳng lại, chuẩn bị đứng lên, dường như định ra, nhưng lại ngồi và nghe khúc nhạc chót, đó là những biến tấu của Reger (1), thứ nhạc mà nhiều người cảm thấy lê thê và chán ngán. Cả Sói Thảo Nguyên cũng thế, mới đầu ông còn chú ý, hăm hở lắng nghe, nhưng rồi thấy chán, liền thọc tay vào túi, lại đắm chìm vào tâm tư của mình, nhưng lần này không hân hoan và chìm trong mơ mộng nữa, mà buồn bã và cuối cùng cau có bức bối, gương mặt ông lại xa vắng, nhợt nhạt và u tối, trông già đi, bệnh tật và bất mãn.

Sau buổi hòa nhạc tôi lại thấy ông trên đường phố, liền bước theo sau. Trầm kín người trong chiếc măng tô, ông chán chường và mệt mỏi bước về hướng khu phố của chúng tôi, nhưng tới trước một quán ăn nhỏ kiểu xưa ông dừng lại, phân vân nhìn đồng hồ rồi bước vào. Tôi bỗng nổi hứng nên cũng vào theo. Ông ngồi tại một chiếc bàn kiểu thị dân, chủ quán và cô chạy bàn chào hỏi ông như một khách quen, tôi cũng chào và ngồi xuống cạnh ông. Chúng tôi ngồi ở đó một giờ đồng hồ. Trong lúc tôi uống hai ly nước suối, ông gọi nửa lít vang đỏ rồi thêm một phần tư lít nữa. Tôi bảo tôi cũng có mặt trong buổi hòa nhạc, nhưng ông chẳng đả động gì tới chuyện ấy. Ông đọc nhãn hiệu chai nước suối của tôi và hỏi tôi không thích uống vang ư, vì ông muốn mời tôi. Khi nghe đáp tôi không bao giờ uống rượu, ông tỏ vẻ chững chặc và nói “Phải, ông nói đúng. Tôi cũng đã từng sống tiết chế nhiều năm và cả ăn chay (2) một thời gian dài nữa, nhưng bây giờ tôi lại cảm thấy Thủy thần, một chòm sao tối tăm và ẩm ướt”.

(1) Handel, Friedemann Bach, Reger: các nhạc sĩ cổ điển Đức.

(2) Ăn chay ở đây khoogn có nghĩa toàn “rau đậu” theo kiểu Phật giáo, mà thường chỉ kiêng rượu thịt.

Và khi tôi đùa lối nói bóng gió của ông bằng cách trả lời rằng người như oogn mà lại tin vào chiêm tinh thì thật là khó tin đối với tôi, ông liền lấy lại cái giọng lễ độ thường khiến tôi bị xúc phạm và nói: “Đúng quá, kể cả môn khoa học này tôi cũng rất tiếc không thể tin nổi”.

Tôi cáo từ ra về, còn ông mãi rất khuya mới về đến nhà, nhưng bước chân vẫn bình thường, và như mọi khi ông không đi ngủ ngay (là lắng giềng sát vách nên tôi nghe thấy rất rõ), mà còn thức trong phòng khách sáng đèn của ông một giờ nữa.

Tôi cũng không quên một buổi chiều khác. Lúc ấy tôi ở nhà một mình, dì tôi đi vắng, có tiếng chuông gọi cửa, tôi ra mở, thấy một thiếu phụ rất đẹp, khi nàng hỏi ông Haller, tôi nhận ra ngay nàng là người trên bức ảnh trong phòng ông. Tôi chỉ cho nàng cửa phòng ông rồi rút lui. Nàng ở trên đó một lát, lát sau tôi nghe tiếng họ cùng xuống cầu thang, chuyện trò riu rít, thích thú và đùa cợt, rồi đi ra ngoài. Tôi rất mừng vì nhà ẩn cư này có một người tình, mà lại trẻ đẹp và thanh lịch đến thế, khiến mọi phỏng đoán của tôi về ông và cuộc đời ông lại trở thành không chắc chắn. Nhưng non một giờ sau ông đã trở về, một mình, với bước chân nặng nề, buồn bã, gắng sức lên lầu, rồi rón rén đi đi lại lại trong phòng khách hàng giờ liền, thật y như một con sói trong cũi; suốt đèn căn phòng sáng ánh đèn cho đến hừng đông.

Tôi không biết gì về mối quan hệ này, chỉ muốn nói thêm: tôi thấy ông với thiếu phụ nọ một lần nữa trên một con đường trong thành phố. Họ khoác tay nhau, trông ông thật hạnh phúc và tôi lại ngạc nhiên thấy đôi khi khuôn mặt ưu tư và cô đơn của ông có thể đẩy nét phong nhã, thậm chí ngây thơ non dại tới mức nào và tôi hiểu thiếu phụ kia, hiểu cả sự đồng cảm dì tôi dành cho người đàn ông này. Nhưng chiều hôm ấy ông trở về, cũng buồn bã và khốn khổ, tôi gặp ông ở cửa nhà, kẹp dưới lớp áo măng tô chai rượu vang

Ý, như tôi đã đôi lúc thấy, rồi ngồi với nó suốt nửa buổi tối trong hang ổ của mình ở trên kia. Tôi thấy tội nghiệp ông, thấy cuộc đời mà ông sống ấy mới buồn thảm, phí hoài và khó xoay chuyển làm sao!

Thôi, tôi kể lan man như thế đủ rồi. Không cần thêm những tường thuật và miêu tả để cho thấy Sói Thảo Nguyên sống cuộc đời của một kẻ tự sát. Tuy nhiên tôi không tin rằng ông đã tự kết liễu đời mình, khi hồi đó ông đột ngột rời khỏi thành phố của chúng tôi mà không lời từ biệt và biến mất vào một ngày nọ, nhưng chỉ sau khi đã thanh toán đủ mọi khoản tiền còn thiếu. Dĩ cháu tôi không bao giờ còn nghe tin tức gì nữa về ông và vẫn còn giữ vài ba bức thư gửi đến ông sau đó. Ông không để lại gì ngoài tập cảo bản đã viết trong thời gian lưu lại đây cùng vài dòng ngắn ngủi tặng tôi với vài lời ghi chú cho phép tôi tùy ý làm gì với nó cũng được.

Tôi không thể nào kiểm chứng tính chân thực của những sự kiện tường thuật trong tập di cảo của Haller. Tôi không hề hoài nghi rằng chúng phần lớn là tưởng tượng, nhưng không phải theo nghĩa bịa đặt tùy tiện, mà theo nghĩa một thử nghiệm về cách diễn đạt, nhằm thể hiện những diễn biến từng trải sâu sắc trong tâm hồn dưới hình thức những biến cố ai cũng trông thấy được. Những sự cố phần nào kỳ quái trong sự tưởng tượng của Haller có lẽ xảy ra vào khoảng cuối thời gian ông lưu lại đây, và tôi cho rằng chúng cũng dựa một phần trên những điều ông đã trải qua thực sự ngoài đời. Quả thật trong thời gian ấy người khách của chúng tôi đã có sự thay đổi trong cách cư xử và ngoại hình; ông rất hay vắng nhà, đôi khi suốt nhiều đêm, và không đụng tới sách vở. Qua vài lần gặp gỡ hân hữu hồi ấy, tôi thấy ông có vẻ sinh động và trẻ ra khác thường, đôi khi rõ ràng là đang có điều gì đấy khiến ông rất thú vị. Nhưng ngay sau đó là một cơn bệnh trầm uất nặng nề mới, ông nằm cả ngày trên giường, chẳng buồn ăn và cũng trong thời gian ấy nổ ra một trận cãi vã hết sức gay gắt, phải nói là dữ dội với người tình (1) tái hiện của ông, làm náo động cả nhà, khiến ngày hôm sau Haller phải xin lỗi di tôi.

Không, tôi tin chắc ông không tự sát. Ông còn sống, ông đang lê đôi chân mệt mỏi lên xuống cầu thang những ngôi nhà lạ khác, đắm đắm nhìn đâu đó vào những dàn nhà lát gỗ lau chùi bóng loáng và những cây bách tán được chăm sóc sạch sẽ, ngồi suốt nhiều ngày trong những thư viện và suốt nhiều đêm trong các quán rượu hay nằm trên một chiếc đi văng thuê, nghe thấy con người và thế giới đang sống ở sau những ô cửa sổ, và biết rằng mình bị loại ra khỏi đó, nhưng ông không tự tử, vì mầu niềm tin còn sót lại bảo rằng ông phải nếm trải nỗi đau khổ ấy, nếm trải cho đến cạn kiệt nỗi đau khổ tẻ hại trong trái tim ông và vì nỗi khổ này mà ông phải chết. Tôi không nguôi nghĩ đến ông, ông đã không làm cho đời tôi được thanh thản hơn, ông không có tài hỗ trợ và khuyến khích sở trường cùng hạnh phúc lẫn niềm hân hoan trong tôi, mà hồi ơi, ngược lại! Nhưng tôi không phải là ông và tôi không sống theo kiểu của ông, mà của tôi, một cuộc sống trung lưu bình thường, nhưng ổn định và bận rộn vì những bổn phận phải chu toàn. Và như thế chúng tôi, tôi với di tôi, có thể nghĩ đến ông, bình thản và trong tình bằng hữu. Dĩ tôi chắc có nhiều điều hơn là tôi để nói về ông, nhưng di chôn giấu chúng trong trái tim nhân hậu của bà.

(1) Nhân vật người tình Erika này ngoài đời chính là nữ ca sĩ Ruth Wenger, vợ thứ hai của Hesse. Họ lấy năm năm 1924, nhưng không hạnh phúc, nên trong thời gian cùng lưu lại Basel mỗi người ở riêng một nơi, và cuối cùng ly hôn năm 1927.

Trở lại với những ghi chép này của Heller, về những tưởng tượng lạ lùng, bệnh hoạn có, mà hấp dẫn và đầy ắp tư tưởng cũng có, thì tôi phải nói rằng nếu những tờ giấy này ngẫu nhiên lọt vào tay tôi mà tôi không quen biết tác giả của chúng, chắc chắn tôi sẽ phần nội quảng đi ngay. Nhưng do mối quan hệ quen biết với Haller nên tôi có thể hiểu được chúng phần nào, thậm chí tán thành nữa là khác. Tôi sẽ rất dấn đo trong việc truyền đạt chúng tới người khác, nếu chỉ thấy trong đó những tưởng tượng mang tính bệnh lý của riêng một tâm hồn bệnh hoạn đáng thương. Nhưng tôi thấy trong đó chất chứa điều gì hơn thế, một tư liệu của thời đại, vì bệnh tâm thần của Haller – nay tôi biết điều này – không phải là thói dờ hơi của riêng lẻ một người, mà chính là bệnh của thời đại, là chứng loạn thần kinh của thế hệ trong đó có Haller, và dường như không chỉ những cá nhân yếu đuối và thấp kém mới mắc phải, mà đúng hơn lại là những con người giàu thể lực, trí lực nhất, tài ba nhất. Những ghi chép này – bất kể chúng dựa trên trải nghiệm thực tế nhiều hay ít – là một nỗ lực nhằm vượt thắng căn bệnh tràn lan của thời đại, không phải qua tránh né vòng vo hay tô son vẽ phấn, mà bằng cách cố gắng đưa căn bệnh đó lên làm đối tượng để thể hiện thời đại. Chúng đúng là một cuộc hành trình xuyên địa ngục, theo nghĩa đen, lúc thì ta thấy kinh hãi, khi khác lại anh dũng táo bạo, vượt qua sự hỗn mang của một thế giới nội tâm âm u, một cuộc hành trình quyết chí băng qua địa ngục, thách thức sự hỗn mang và chịu đựng bị cái ác hành hạ cho đến giờ phút cuối.

Một lưu ý của Haller đã cho tôi chìa khóa để thấy đạt nhận thức trên. Có lần, sau khi chúng tôi trò chuyện về cái gọi là những điều dã man thời Trung Cổ, ông bảo tôi: “Thật ra những điều dã man này không có thực. Một người thời Trung Cổ hẳn sẽ đánh giá mọi cung cách trong đời sống chúng ta ngày nay một cách khác hẳn; y sẽ kinh tởm cho như vậy là vô cùng tàn bạo, khủng khiếp và man rợ! Mỗi thời đại, mỗi nền văn hóa mỗi tập tục và truyền thống đều có cung cách của nó, xác định mức độ từ khoan dung đến hà khắc, đặt tiêu chuẩn thế nào là thiện mỹ hay tàn ác, coi một số nổi thống khổ là đương nhiên và nhẫn nại chấp nhận một số hiện tượng xấu xa nào đấy. Đời người chỉ thật sự thống khổ, thật sự biến thành địa ngục khi hai thời đại, hai nền văn hóa và tôn giáo chồng chéo lên nhau. Một người thời Thượng Cổ nếu phải sống trong thời Trung Cổ hẳn sẽ chết ngộp một cách khốn khổ, hết như một thổ dân vùng hoang dã hẳn sẽ chết ngộp giữa nền văn minh của chúng ta. Có những thời kỳ mà cả một thế hệ lạc loài vào giữa hay thời đại, giữa hai phong cách sống như thế, khiến nó mất đi mọi khả năng thấy mình đương nhiên được quyền hiện hữu, mất đi mọi tập tục, cảm tưởng được bảo bọc, và mất đi tính hồn nhiên vô tư. Tất nhiên không phải ai cũng cảm thấy điều ấy với mức độ như nhau. Trước đây hơn một thế hệ, một người với bản chất như Nietzsche đã phải chịu đựng nổi thống khổ của thời bấy giờ rồi – nay hàng nghìn người phải hứng chịu những gì Nietzsche từng ném trải qua cô đơn mà không ai thấu hiểu”.

Tôi thường nghĩ tới lời nói ấy khi đọc tập bút ký này, Haller thuộc vào những người sa chân lạc bước vào giữa hai thời đại, những kẻ bị văng ra khỏi sự được bảo bọc và tính vô tư, ông thuộc những kẻ vương vãi nghiệp dĩ phải trải nghiệm mọi vắn nạn của đời người bằng nổi thống khổ của riêng mình ở địa ngục trần gian.

Theo tôi thì ý nghĩa có thể rút ra từ tập bút ký của ông để lại cho chúng ta nằm ở điểm này, vì thế tôi đã quyết định công bố nó, mà không có ý bênh vực phán xét; điều này xin để tùy lương tâm của mỗi độc giả.

2. Chương 2: Người Điên

Ngày hôm nay đã trôi qua, như mọi ngày vẫn trôi qua; tôi đã kết liễu nó, đã nhẹ nhàng thủ tiêu nó bằng nghệ thuật sống tạm bợ và nhút nhát của tôi; tôi đã làm việc được vài giờ, tra cứu những quyển sách cổ; tôi bị một cơn đau hành hạ suốt hai tiếng đồng hồ, giống như những người luống tuổi vẫn phải chịu đựng thời; tôi uống tí thuốc bột và mừng rỡ vì đã đánh lừa được cơn đau, rồi đắm mình trong bồn nước nóng, để hơi ấm dễ chịu thấm vào người. Ba lần tôi ra nhận thư và đọc lướt qua mọi thư từ cùng ấn phẩm chẳng quan trọng này, sau đó luyện cách hô hấp, nhưng lười biếng nên hôm nay bỏ những bài tập về tư duy; tôi đã đi dạo một giờ, ngắm nhìn trên bầu trời hình dáng những áng mây tơ đẹp đẽ, mỏng mảnh, hiếm khi xuất hiện. Rất thú vị, giống như việc đọc những quyển sách cổ, như nằm trong bồn nước ấm, nhưng nói chung đó không hẳn là một ngày tuyệt vời, cũng chẳng được là một ngày chan hòa hạnh phúc và phơi phơi niềm vui, mà chỉ là một trong những ngày bình thường và quen thuộc với tôi từ lâu nay: những ngày thoải mái vừa phải, chịu đựng được, nhì nhằng, những ngày nhạt nhẽo của một kẻ luống tuổi bất đắc chí, những ngày tôi không bị đau nhức gì ghê gớm, không lo âu gì đặc biệt, không phiền não gì thật sự, không tuyệt vọng, những ngày mà ngay cả câu hỏi phải chăng đã đến lúc noi gương Adallbert Stifter (1) tử nạn trong lúc cạo râu, có thể được đem ra cân nhắc một cách khách quan và bình thản không chút căng thẳng sợ hãi.

(1) Adallbert Stifter (1805 – 1868): nhà văn Áo, đã tự sát bằng dao cạo râu vì không chịu nổi bệnh tật giày vò.

Ai đã từng ném trải những ngày khác, những ngày bị thấm với những cơn đau do chứng thống phong hoặc chứng nhức đầu tồi tệ bám rễ sau tròng mắt, như thế bị phù thủy quyết trừ ếm, khiến mọi hoạt động của mắt và tai bị biến từ niềm vui được nghe và được thấy thành cằn đau vô xe, hoặc những ngày tâm hồn lịm chết, những ngày khốn khổ tâm tư trống rỗng và tuyệt vọng, những ngày mà ngay trên Trái Đất bị hủy hoại và khai thác cạn kiệt bởi các hiệp hội cổ phần, chúng ta bị thế giới của con người cùng cái gọi là nền văn minh nham nhở ngạo nghễ cười nhạo báng và dai dẳng đeo đuổi trong cái vẻ hào nhoáng lọc lừa, dè tiện lẫn vô liêm sỉ kiểu chợ phiên của chúng, chẳng khác thứ thuốc dùng gây ói mửa, tập trung và thúc đẩy tới cái độ khiến Cái Tôi bệnh hoạn hết chịu đựng nổi – ai đã từng ném trải những ngày địa ngục ấy sẽ rất hài lòng với những ngày bình thường hoặc làng nhàng không sự cố như ngày hôm nay; y sẽ ngồi bên lò sưởi

ấm áp với lòng biết ơn, y sẽ đọc tờ báo buổi sáng và ghi nhận cũng với lòng biết ơn rằng thêm một ngày đã qua mà vẫn chưa nổ ra cuộc chiến tranh mới nào, không xuất hiện thêm một chế độ độc tài nào, không có thêm vụ những lạm trắng trợn nào trong chính trường và kinh tế bị phanh phui; y sẽ biết ơn nắn dây cây đàn thất huyền gổ sét của mình tấu một bài thánh vịnh hòa nhã, âm hưởng nghe có phần hoan hỉ thú vị; với tấu khúc này y làm cho vị thần Toại nguyên nửa dơi nửa chuột – vốn trầm lặng, hòa nhã, thường khật khừ do tác dụng của thứ thuốc có chất Brom – đâm ra ngán ngấm, và trong bầu không khí đậm đặc nhằm chán làm y hải lòng ấy, trong tình trạng không bị cơn đau nào hành hạ làm y thấy vô cùng biết ơn ấy, cả hai – vị thần nửa dơi nửa chuột ngủ gật nom phát chán và gã người nửa dơi nửa chuột tóc hoa râu ngân nga bài thánh vịnh – trông y hết như anh em sinh đôi.

Quả là một điều tuyệt vời khi tâm hồn thư thái, cơ thể không đau đớn, với những ngày ngoan ngoãn dễ chịu này, khi chẳng cơn đau hay dực vọng nào dám lên tiếng kêu ca, mà tất cả chỉ thoảng qua như lời thì thào, như bước chân rón rén. Chỉ tiếc rằng tôi lại không chịu nổi chính tâm trạng hải lòng này, khiến ít lâu sau tôi đâm ra thù ghét lẫn kinh tởm nó thậm tệ và tôi phải tuyệt vọng chạy trốn vào những nhiệt độ khác, bằng cách đi tìm khoái cảm, và nếu cần, đi tìm cả cảm giác đớn đau. Cứ ít lâu sau khi phải sống thiếu vắng cảm giác hoan lạc hay đau đớn, phải chịu đựng hít thở không khí vô vị nhạt nhẽo của những ngày gọi là tốt đẹp ấy, tôi liền cảm thấy đau đớn và khốn khổ trong tâm hồn mãi còn thơ dại của mình, đến nỗi cảm cây đàn han gổ từng dùng tấu khúc tri ân quẳng vào gương mặt đắc ý của vị thần Toại nguyên nửa dơi nửa chuột còn ngái ngủ, vì tôi thấy thà nóng bỏng vì cơn đau quặn quái quỷ trong ruột gan còn hơn phải chịu đựng thứ nhiệt độ được điều hòa rất dễ chịu này. Thế rồi trong lòng tôi bùng bùng nổi khao khát man dại những cảm giác mạnh, những chuyện giật gân, bùng bùng nổi căm ghét nếp sống không sinh khí, nhạt nhẽo, khuôn phép, cằn cỗi này, và tiếp đó là cơn điên cuồng ham muốn đập phá tan hoang gì đấy, chẳng hạn một siêu thị, một ngôi giáo đường hoặc chính tôi, muốn làm những chuyện ngu xuẩn ngông cuồng, chẳng hạn giật phẳng mái tóc giả của vài thần tượng đang được suy tôn, cung cấp cho đám ba chú nhóc học sinh nổi loạn những tấm vé đi Hamburg mà chúng khao khát, dụ dỗ một cô bé hoặc vắn cổ vài kẻ đại diện cho thứ trật tự của thế giới trưởng giả. Vì điều tôi thù ghét, kinh tởm và nguyên rủa một cách sâu sắc nhất trong tất cả mọi thứ là: tâm trạng mãn nguyện này, thể chất này, cuộc sống tiện nghi thoải mái, thói lạc quan được duy trì của giới thị dân, việc chăm chút vun bồi để những gì xoàng xĩnh, bình thường, ở mức trung bình được phát triển tràn lan.

Tôi kết thúc cái ngày tầm thường tầm tàm này trong tâm trạng như thế khi bóng đêm vừa xuống. Tôi không kết thúc nó theo cách bình thường và thoải mái cho một người hứng chịu đôi chút khổ đau bằng cách chui tọt vào chiếc giường có sẵn túi chườm nước nóng như một thứ mồi đang chờ đợi, mà bằng cách chán ngán và ghê tởm trước kết quả nhỏ nhoi của cả một ngày lao tâm khổ tứ, bức bối xỏ giày, khoác măng tô, đi vào phố bóng đèn và sương mù, tới quán Mũ Sắt uống thứ mà dân nhậu gọi là “một ly vang nhỏ” theo tập quán xưa.

Thế là tôi từ căn phòng trên gác xép bước xuống cầu thang, những bậc thang khó leo của cái thế giới xa lạ, những bậc thang được lau chùi sạch sẽ, hoàn toàn theo kiểu cách trưởng giả của một ngôi nhà gồm ba hộ trông bề thế, mà trên tầng sát mái là nơi ẩn dật của tôi. Tôi không rõ sao lại như thế, nhưng tôi, con sói thảo nguyên sống tha hương và là một con người cô độc, một kẻ thù ghét cái thế giới tiểu tư sản, lại sống trong những ngôi nhà của tầng lớp trưởng giả chính cống, đó là một thoái đa cảm thâm căn cố đế của tôi. Tôi không sống trong các lâu đài hoặc những ngôi nhà của lớp người cùng khổ, mà chỉ toàn trong những cái ổ tiểu tư sản rất mực đàn hoàng, rất mực nhằm chán, chăm chút không chệ vào đâu được, nơi thoảng mùi dầu nhựa thông với chút xà phòng, và sẽ giật mình nếu lỡ để cửa sập quá mạnh vào ổ khóa hoặc đi giày bẩn vào nhà. Hiển nhiên tôi yêu bầu không khí này từ thời thơ ấu và nổi khát khao thâm kín của tôi về thứ gì như thế quê hương toàn đưa đẩy tôi ngớ ngẩn tìm về những lối cũ đường xưa, không cưỡng lại được. Ấy, mà tôi cũng thích sự tương phản giữa cuộc sống của tôi – thiếu vắng tình cảm và căng thẳng nội tâm, một cuộc sống hoàn toàn vô trật tự - với cái môi trường trưởng giả và lấy gia đình làm trọng ấy. Tôi thích ngồi trên bậc thang hít thở cái mùi toát ra từ một thế giới yên ắng, ngăn nắp, sạch sẽ, tử tế và thuần tính; mặc dù tôi ghét sự trưởng giả, nhưng cái mùi này luôn phảng phất chút gì khiến tôi xúc động, và tôi thích sau đó bước qua ngưỡng cửa phòng mình, nơi không còn mọi thứ kia nữa, nơi những mẫu thuốc lá và những vỏ chai vang nằm lẫn lộn giữa các chồng sách, nơi mọi thứ đều bừa bộn, lộn xộn, không được ngó ngàng, và nơi mọi thứ - sách vở, bản thảo, những ý tưởng – đều ghi dấu và nói lên tâm trạng cùng quẫn của những kẻ cô đơn, về toàn bộ vấn đề đặt ra cho cuộc sống con người, niềm mong mỏi tìm được một ý nghĩa mới cho

kiếp nhân sinh nay đã trở thành vô nghĩa.

Thế rồi tôi đi qua chỗ để cây bách tán. Nói cho chính xác thì nơi tầng một ngôi nhà này, cầu thang dẫn qua khoảnh hàng lang trước một căn hộ còn được lai chùi sạch sẽ hơn những căn hộ khác, chắc chắn thế, sạch sẽ hơn những căn hộ khác, chắc chắn thế, sạch sẽ không chê được, vì khoảnh hàng lang này toát lên một sự chăm chút phải nói là quá sức con người, nó là một ngôi đền nhỏ bé tỏa sáng của sự ngăn nắp. Trên tấm sàn lát gỗ, mà người ta ngần ngại khi bước chân lên, có đặt hai cái bực xinh xinh, trên mỗi bực có một chậu cây to, một chậu đỗ quyên, chậu kia trồng cây bách tán khá lớn, non khỏe, cứng cáp, tuyệt vời hoàn hảo, ngay cả chiếc là hình kim cuối cùng trên cái cành cao nhất cũng ánh lên sự lau chùi thường xuyên. Đôi khi, biết không ai để ý, tôi vẫn dùng nơi này như mộ ngôi đền, tôi ngồi nghỉ chốc slats ở một bậc thang phía trên cây bách tán, chấp hai tay, trầm mặc nhìn xuống khoảnh vườn nhỏ của sự ngăn nắp được chăm chút đến mức làm nao lòng và khôì hài hiem thấy khiến tâm hồn tôi chùng như xúc động. Tôi đoán rằng sau khoảnh hàng lang này, có thể gọi là trong bóng mát thiêng liêng của cây bách tán, có một căn hộ đầy bàn ghế bằng gỗ gụ sáng bóng và một nếp sống tử tế, mọi người biết chăm lo sức khỏe, dậy sớm, chu toàn bốn phận, những buổi họp mặt gia đình nhộn nhịp nhưng chừng mực, mỗi Chủ Nhật đều đi lễ nhà thờ và tối tối đi ngủ.

Làm ra vẻ tươi tỉnh, tôi bước đi trên mặt nhựa ẩm ướt của những con đường hẹp, những ngọn đèn đường như ứa lệ và quần khăn tang, phát ra những quần sáng nhòe nhoẹt xuyên qua làn không khí ẩm đục, lạnh lẽo, và hút vào thứ ánh sáng lơ dờ hắt lên từ mặt đường ướt át. Tôi chợt nhớ lại những năm tháng đã lãng quên thời trẻ - hồi ấy tôi từng yêu những buổi chiều ẩm đậm và tối tắm vào cuối thu và suốt mùa đông như thế nào, tôi đã tham lam, mê mẩn thu hết vào tâm khảm toàn bộ ấn tượng về nỗi cô đơn và hội chứng u sầu, khi trườn chiếc măng tô, lang thang suốt nửa đêm, rảo bước qua vùng cây trụi lá trong mưa bão đầy đe dọa, ngày ấy tôi đã cô đơn rồi, nhưng lòng tốt cùng thống khoái và trong đầy đầy những vần thơ, để rồi sau đó ngồi trên mép giường trong phòng mình, viết ra dưới ánh nến lung linh! Chà, chuyện ấy đã qua rồi, ly rượu kia đã uống cạn rồi và không có ai rót tiếp cho tôi nữa. Đáng tiếc chẳng? Không đáng tiếc. Chẳng có lý do gì phải nuối tiếc những chuyện đã qua. Chỉ nên tiếc cho hiện tại và hôm nay, tiếc tất cả những giờ phút và tháng ngày tôi đã mất, nhiều vô kể; tôi mất vì phải trải qua những ngày giờ đó mà chẳng nhận thức điều gì mới hoặc không có sự cố nào làm tôi rung động tâm can. Nhưng đội ơn Chúa, cũng có những ngoại lệ; đôi khi, hiếm hoi thôi, có những giờ phút khác mang đến những rung động, mang đến những nhận thức mới, kéo sập những bức tường và đưa tôi, kẻ lạc đường, trở lại với trung tâm sinh động của thế gian. Buồn rầu nhưng trong tâm khảm tràn đầy khích lệ, tôi cố gắng nhớ lại biến cố cuối cùng thuộc loại này. Đó là tại một buổi hòa tấu, trình diễn loại âm nhạc cổ điển tuyệt vời, lúc ấy đang giữa hai nhịp của một nhạc khúc được các nhạc công sáo và kèn gỗ tấu lên nhẹ nhàng, thanh thoát, đột nhiên cánh cửa dẫn sang thế giới bên kia mở ra cho tôi, tôi bay lượn vòng khắp thiên đường và được mục kích Đức Chúa Trời đang làm công việc xây thế giới, tôi đau nỗi đau thần thánh và không chống cự lại gì nữa trên cõi nhân gian, không còn thấy sợ hãi điều gì nữa nơi trần thế, tôi đồng ý chấp nhận mọi chuyện, dâng hiến tim mình cho tất cả. Sự kiện này kéo dài không lâu, khoảng mười lăm phút thôi, nhưng đêm hôm ấy nó lại trở về trong giấc mơ, rồi từ đấy, vào những ngày lê thê, buồn tẻ, thỉnh thoảng tia sáng đó lại âm thầm lóe lên, đôi khi tôi thấy nó đi qua đời mình hàng phút rõ rệt như một dấu vết linh thiêng bằng vàng, hầu như luôn bị vùi sâu dưới bụi bặm và bùn nhơ, rồi lại lóe lên những tia óng ánh vàng, chừng như chẳng bao giờ tắt được, thế mà chỉ lát sau lại đã mất tăm. Có lần chuyện xảy ra giữa canh khuya, đang nằm thao thức chợt tôi thốt ra những vần thơ, nhưng vần thơ tuyệt hay và kỳ diệu, khiến tôi không dám nghĩ đến chuyện viết ra, sáng hôm sau tôi chẳng còn nhớ gì nữa, những thật ra chúng vẫn còn đâu đấy trong tôi như hạt hồ đào nặng trĩu nằm trong lớp vỏ khô giòn nứt nẻ. Lần khác tia sáng đến lúc tôi đang đọc một nhà thơ, đang suy ngẫm về một tư tưởng của Descartes, câu Pascal (1) , lần khác nữa nó lại tỏa sáng, rồi vạch một vệt bằng vàng lên trời cao, trong lúc tôi đang ở bên cạnh người yêu dấu của mình. Chao ôi, thật khó tìm ra dấu tích thần thánh ấy ngay giữa thời đại mà con người sống quá mẫn nguyện, quá ư trưởng giả, quá ư tế nhị về mặt tinh thần này; ta cứ nhìn những kiểu kiến trúc, những cung cách làm ăn kinh doanh, những đường lối chính sách và những con người này thì thấy! Ngay giữa một thế giới mà không một mục tiêu nào của nó tôi chia sẻ được, không một niềm vui nào của nó phản ánh niềm vui của tôi, hỏi làm sao tôi không trở thành một con sói thảo nguyên, lỗ một kẻ ẩn cư thô lỗ được chứ. Tôi không thể nào ngồi lâu trong một nhà hát hay rạp chiếu phim, hầu như không đọc nổi một tờ báo nào, hiếm khi đọc một quyển sách thịnh hành, tôi không thể hiểu được người ra tìm hứng thú và niềm vui gì trong những toa xe lửa và khách sạn đầy nhóc, trong những quán cà phê đông nghẹt giữa tiếng nhạc ngọt ngào gây khó chịu, trong các quán rượu và ca vũ trường của những thành phố xa hoa, ở những cuộc triển lãm quốc tế, tại các đám rước, trong các buổi thuyết trình cho những kẻ ham học

hỏi, trên các sân vận động lớn – tôi không thể hiểu và chia sẻ tất cả những thú vui mà cả nghìn người khác cố công đeo đuổi này, dù tôi có thể đạt được, nếu muốn. Ngược lại, những gì xảy đến với tôi trong những giờ phút hạnh phúc hiếm hoi, những gì làm tôi ngây ngất sung sướng, cho tôi kinh nghiệm sống thực, khiến tôi mê mẩn hay thấy mình thăng hoa, thì thế giới cùng lắm chỉ biết tới, tìm kiếm và yêu thích trong thi ca, còn trong đời sống họ xem đó là điên rồ. Quả thật, nếu thế giới này đúng, nếu thứ âm nhạc nọ trong các quán cà phê, những hội hè lễ lạc, những con người Mỹ hóa này – những kẻ không đòi hỏi gì ca xa – đúng, thì tôi sai, tôi điên, như thể tôi đúng là Sói Thảo Nguyên, như tôi thường tự xưng, một con vật lạc loài trong một thế giới xa lạ và khó hiểu, và nó không còn tìm thấy quê hương, khí trời và thứ ăn quen thuộc của nó.

(1) Descartes, Pascal: hai nhà khoa học kiêm triết gia Pháp ở thế kỷ 17.

Với những suy nghĩ quen thuộc này tôi tiếp tục rảo bước trên con đường ướt át, băng qua một trong những khu yên tĩnh và cổ kính nhất thành phố. Trong bóng tối phía đối diện, bên kia con đường hẹp, có một bức tường cổ bằng đá xám mà tôi luôn thích ngắm nghía. Nó luôn đứng đó, cổ kính và trơ trơ như thế đấy, xen giữa một ngôi giáo đường nhỏ và một bệnh viện đã có từ xưa. Ban ngày mắt tôi thường dừng thật lâu trên mặt tường nhám, không còn nhiều mặt bằng để trống, lặng lẽ, câm nín trong trung tâm phố, nơi cứ mỗi nửa mét vuông ta lại bị một cửa hàng, một luật sư, một nhà sáng chế, một thầy thuốc, một thợ hớt tóc hay một lang băm chuyên trị chai chân đập cái tên vào mắt. Cả lúc này tôi cũng lại thấy bức tường cổ thanh thần đứng đó, thế nhưng có điều gì đã thay đổi; tôi thấy một cái cổng nhỏ xinh xinh hình chớp nhẹn ở giữa bức tường và tôi trở nên bối rối, vì quả thật tôi không còn rõ cái cổng ấy luôn có từ xưa hay mới được xây thêm. Chắc chắn nó trông cũ kỹ rồi, cũ lắm, có lẽ từ nhiều thế kỷ trước cái cổng nhỏ với cánh cửa gỗ đóng im ỉm này dẫn vào sân trong im lìm ngủ quên của một tu viện nào đấy và bây giờ hẳn tôi đã thấy cái cổng này cả trăm lần rồi mà chẳng quan tâm đấy thôi, sở dĩ lần này tôi chú ý có lẽ vì nó vừa được sơn lại. Dẫu sao tôi đã dừng chân, chăm chú nhìn qua, chứ không bước sang bên đó, vì lòng đường lầy bùn và sũng nước. Tôi chỉ đứng trên vỉa hè, ngó qua thôi, lúc ấy đã tối lắm rồi và tôi thấy dường như quanh cổng có kết một vòng hoa hay thứ gì đó sặc sỡ. Và bây giờ, khi cố nhìn kỹ hơn, tôi thấy phía trên cổng một tấm biển màu sáng, dường như bên đó có hàng chữ viết. Tôi căng mắt và cuối cùng đã bước qua đường, mặc kệ bùn lầy nước đọng. Tôi thấy ở đó, trên nền xám xanh cổ kính của bức tường, phía trên cái cổng, một vệt sáng nhờ nhờ và bên trên vệt ấy chạy những chữ cái đủ màu, thoát ẩn thoát hiện. Hóa ra đúng là họ, tôi nghĩ thế, đã lạm dụng đến cả bức tường cổ hiền hòa này làm đèn hiệu quảng cáo! Trong lúc ấy tôi giải đoán vài ba trong số những từ thoáng hiện ra, chúng xuất hiện lúc nhanh lúc chậm, mờ tịt và chập chờn rồi tắt phụt rất mau nên thật khó đọc, cứ phải đoán mò. Người nào muốn kinh doanh kiểu này thật chẳng tài cán gì, hẳn chỉ là một con sói thảo nguyên, một kẻ đáng thương hại, sao hắn lại chiếu những chữ nọ ở đây, lên bức tường này, trong cái ngõ tối tăm nhất khu phố cổ, vào giờ này, lúc trời mưa, tối tăm nhất khu phố cổ, vào giờ này, lúc trời mưa, nơi chẳng ai lai vãng và tại sao những chữ ấy lại lướt qua, biến nhanh, chập chờn và khó đọc đến thế? Nhưng khoan đã, bây giờ tôi đã nhận ra được nhiều chữ nối tiếp nhau rồi, chúng như thế này:

Hí viện ma thuật

Không phải ai muốn vào xem cũng được

- không phải cho mọi người

Tôi thử mở cổng, nhưng ần hết sức mà cái tay nhẵn cũ kỹ nặng nề vẫn không nhúc nhích. Dòng chữ thoát ẩn thoát hiện kia phụt tắt, nó chấm dứt đột ngột, buồn bã, như thể chợt nhận ra tiếp tục trò chơi này chỉ uổng công. Tôi lùi lại vài bước, lún sâu trong bùn, không thấy chữ nào nữa xuất hiện, trò chơi ấy đã kết thúc, tôi đứng trong sinh lầy chờ thật lâu, song hoài công.

Nhưng kia, khi tôi đã bỏ cuộc và quay lại vỉa hè thì vài ba chữ bằng ánh sáng màu mè chợt nhỏ giọt trên mặt đường nhựa bóng loáng trước mắt tôi.

Tôi đọc thấy:

Chỉ... dành cho... những... người điên!

Chân ướt, tôi lạnh cóng, tuy vậy tôi vẫn đứng chờ một lúc lâu nữa. Chẳng thấy gì thêm. Trong lúc tôi còn đứng ngẫm nghĩ rằng những chữ màu mỏng manh, lung linh sáng, lập lờ trên bức tường ướt át và trên mặt nhựa đen bóng thật đẹp biết bao, chợt một hình tượng trong mơ ý tưởng lúc này lại hiện ra: biểu tượng của vệt ngồi sáng như vàng nọ, cái vệt sáng chợt đến chợt đi mất hút không thể tìm thấy nữa.

Tôi lạnh tái tê, tiếp tục bước đi, miên man nghĩ tới vệt sáng nọ, lòng đầy khắc khoải mong tìm ra cánh cổng dẫn vào cái hí viện ma thuật chỉ dành cho những người điên. Trong lúc ấy chân tôi đã bước vào bãi chợ, nơi không thiếu những trò tiêu khiển về đêm; cứ vài bước lại thấy một tấm bích chương hoặc biển quảng cáo: Ban nhạc nữ - Ca vũ trường - Rạp chiếu phim - Đêm khiêu vũ, nhưng những thứ này hoàn toàn không phải cho tôi, mà cho “tất cả mọi người”, cho những kẻ bình thường, những kẻ tôi thấy đang túm tụm chen qua các cửa vào ở khắp nơi. Tuy nhiên tôi cũng bớt buồn bã chút ít, vì một lời chào đến từ thế giới khác quả đã làm động lòng tôi, dăm ba chữ màu nhảy nhót và gây xôn xao trong tâm hồn tôi, chạm vào những sợi dây đàn ẩn kín lâu nay, và tôi được thấy dấu vết vàng kia lóe lên một lần nữa.

Tôi tìm đến quán rượu nhỏ, cũ kỹ, không chút đổi thay từ ngày đầu tiên tôi dừng chân tại thành phố này, ngót hai mươi lăm năm trước. Vẫn bà chủ cũ; trong số những thực khách ngày hôm nay có vài người đã từng ngồi đây từ thuở nọ, vẫn tại chỗ đó, trước cũng những cái ly ấy. Tôi bước vào cái quán tồi tàn, nơi ẩn dật của tôi. Tuy nó cũng chỉ là một nơi nung nấu tương tự như trên bậc thang đặt cây bách tán, tuy ở đây tôi cũng không tìm thấy quê hương và cộng đồng, mà chỉ tìm được một chỗ yên tĩnh trong khán giả, trước một sân khấu cho những kẻ xa lạ diễn những màn lạ lẫm, nhưng chỉ riêng chỗ yên tĩnh này thôi cũng khá đáng giá rồi: không đông nghẹt người, không tiếng hò la, không tiếng nhạc, chỉ dăm ba thị dân bình thần ngồi tại mấy chiếc bàn gỗ đơn sơ (không cẩm thạch, không sắt tây tráng men, không vải nhung, không đồng thau!) trước mặt mỗi người là một ly rượu cho buổi tối – loại vang lâu năm có tên tuổi. Có lẽ dăm ba vị khách thân thiết của quán, mà tôi nhận ra được, thuộc hàng phàm phu tục tử thật sự và ở nhà họ, trong những căn hộ phàm phu, có những chiếc bàn thờ hiu quạnh đặt trước những tượng thần Toại nguyên vớ vẩn nào đấy, có thể họ cũng là những kẻ cô đơn và đi chệch lối như tôi, những Lưu Linh trầm lặng đầy suy tư về những lý tưởng bị phá sản, họ có phải là sói thảo nguyên và là những kẻ đáng thương hay không, tôi chẳng rõ. Họ đến đây vì nhớ nhà, vì thất vọng, vì có nhu cầu tìm thứ gì khác, người có vợ tìm kiếm nơi đây bầu không khí thời độc thân, vị công chức già tìm âm hưởng những năm tháng thời sinh viên, hết thấy họ đều khá trầm lặng, hết thấy họ đều là dân nhậu giống như tôi, họ thích ngồi trước nửa lít vang Alsace hơn là trước ban nhạc nữ. Đây là nơi tôi thả neo, nơi tôi ngồi được một đến hai giờ đồng hồ. Vừa làm một ngụm Alsace, tôi đã nhận thấy ngày hôm nay tôi chưa ăn gì, ngoài bữa điểm tâm.

Thật quái lạ, sao con người ta lại có thể nuốt trôi đủ mọi thứ như thế nhỉ! Tôi đọc một tờ báo để đến mười phút, để cho tư tưởng của một kẻ vô trách nhiệm nào đấy thâm nhập vào tôi qua thị giác, hấn nhat nát lời người khác và nhồi nước bọt vào đó, rồi nhả ra chữ chưa kịp tiêu hóa. Đến phiên tôi ngấu ngiến hấp thụ lại, cả một cột báo dài. Rồi tôi chén một khoanh lớn gan xèo từ bụng một con bê. Thật lạ lùng! Ngon nhất là rượu Alsace. Tôi vốn không chuộn rượu vang mạnh, những thứ đặc biệt lôi cuốn và hương vị độc đáo, nhất là vào bữa ăn hằng ngày. Thường tôi thích những loại vang thuần túy địa phương, nhẹ, không mang nhãn hiệu gì đặc biệt, có thể uống được nhiều, chúng thật ngon và mang hương vị của đồng quê, đất đai, bầu trời và cây cỏ quanh vùng. Một ly Alsace và một khúc bánh mì ngon, thế là tuyệt nhất trong mọi bữa ăn. Bấy giờ tôi đã xơi hết phần gan rồi, một sự thú vị đặc biệt vì tôi hiếm khi ăn thịt, trước mặt là một ly thứ hai. Đó cũng là một điều kỳ quái, vì đầu đây trong những thung lũng xanh mơn mơn có những con người khỏe mạnh hiền lành trông nho, ép thành rượu vang, để rồi đây đó trên thế giới, thật xa, đôi ba thị dân thất vọng và dăm con sói thảo nguyên nản chí có thể lặng lẽ uống, tìm chút can đảm và nhiệt tình từ những ly rượu của mình.

Quái lạ hay chẳng, tôi chẳng quan tâm! Chủ yếu là nó ngon, có tác dụng, gây hứng thú. Nghĩ tới những lời nhai lại của bài báo tôi bật cười khuấy khỏa và sức nhớ ra điệu nhạc nhẹ nhàng thanh thoát được những chiếc sáo và kèn gỗ trình tấu mà tôi đã quên khuấy; nó trào dâng trong tôi như một bong bóng xà phòng bé tẹo, sáng ngời, óng ánh, phản chiếu dưới dạng thu nhỏ toàn thế giới muôn màu, rồi nhẹ nhàng vỡ. Nếu điệu nhạc ngắn ngủi tuyệt vời nọ có thể âm thầm bám rễ trong tâm hồn tôi và một ngày kia những bông hoa diêm kiều của nó lại bùng nở với muôn sắc màu duyên dáng thì có thể nào tôi hoàn toàn vô vọng được chẳng? Dù tôi chỉ là một con thú lạc đường không hiểu được thế giới chugn quanh thì cuộc sống khinh suất của tôi vẫn có ý nghĩa, có gì đó trong tôi đã lên tiếng trả lời, đã như chiếc máy thu nhận những lời kêu gọi từ những thế giới cao xa vời vọi, đầu óc tôi chất chứa muôn nghìn hình ảnh.

Những đoàn thiên thần của Giotto (1) từ một vòm nhỏ màu thiên thanh của ngôi giáo đường ở thành phố Padua, đi cạnh họ là Ham ket và Ophelia đầu đội vòng hoa, những biểu tượng tuyệt vời của mọi nỗi buồn và ngộ nhận trên thế gian, nhà lái khí cầu Gianozzo đang thổi tù và trong chiếc khí cầu cháy phừng phừng, Attila Schmelze cầm chiếc mũ mới trong tay, còn Borobudur (4) tung hô lên trời những hình thù chạm khắc

trùng trùng điệp điệp của nó. Cho dù mọi hình dáng xinh đẹp này sống trong cả nghìn trái tim khác thì vẫn còn cả vạn hình ảnh và giai điệu nữa không ai biết, ngoài tấm lòng tôi, chỉ mắt tôi thấy và tai tôi nghe được. Bức tường nhà thương cũ kỹ màu xanh xám, loang lổ, hư hao vì mưa nắng với những vết nứt và vết phong hóa khiến ta có thể hình dung ra cả nghìn bức bích họa - ai đắp lại lời nó, ai mở rộng lòng chào đón nó, ai yêu quý nó, ai cảm nhận sức quyến rũ nơi những màu sắc đang âm thầm giãy chết của nó? Những quyển sách cổ với những tiểu họa màu sáng diệu của các tu sĩ và của các thi sĩ Đức trước đây hai trăm hoặc một trăm năm nay bị dân tộc học lãng quên, toàn những quyển đã cũ sờn và thâm sì, những bản in hoặc viết tay của các nhạc sĩ ngày trước, những tờ giấy bền chắc, ó vàng ghi nốt nhạc cùng những giấc mơ bằng thanh âm đã bị đông cứng của họ - ai nghe những tiếng nói thông minh, tinh quái và khát khao của họ, trái tim ai chờ đầy những trí tuệ và sức lôi cuốn của họ xuyên qua một thời đại khác, xa lạ với họ? Ai còn nhớ đến cây bách nhỏ bé, dẻo dai tận đỉnh núi phía trên Gubbio (5), gãy toác vì đá lở mà vẫn bám chặt vào sự sống và trong cảnh quần bách đã nhú lên một ngọn mới lơ thơ? Ai công tâm với bà nội trợ ở tầng một và cây bách tán sạch bong của bà?

(1) Giotto di Bondone (1266 – 1337): họa sĩ Ý.

(2) Hamlet và Ophelia: những nhân vật trọng vở kịch Hamlet của Shakespeare.

(3) Gianozzo và Attila Schmelze: hai nhân vật chính trong hai quyển tiểu thuyết của nhà văn Đức Jean Paul (1763 – 1825).

(4) Borobudur: ở Java, Indonesia, nơi có đại đền Phật giáo nổi tiếng thế giới, xây dựng vào năm 800 theo kiến trúc Ấn Độ.

(5) Gubbio: một thành phố ở Trung Ý.

Đêm khuya, ai đọc những chữ như mây khói của làn sương mù la đà trên dòng sông Rhin? Chính là Sói Thảo Nguyên. Và ai đã tìm trên đồng hoang tàn của đời mình cái ý nghĩa xốn xang, chịu đựng điều tưởng chừng phi lý, sống kiếp đường như điên rồ và ai đã âm thầm hy vọng được mặc khải và gần với Chúa trong sự hỗn loạn ghê gớm cuối cùng?

Tôi úp tay lên cái ly để bà chủ quán khỏi rót thêm rồi đứng dậy. Tôi không cần rượu nữa. Cái vệt bằng vàng đã lóe lên rồi, tôi đã hồi tưởng tới vĩnh cửu, tới Mozart, tới những vì sao. Tôi lại có thể thở hít được một giờ, có thể sống, được phép tồn tại, không phải chịu dần vật nữa, không phải sợ hãi hay hổ thẹn nữa.

Khi tôi bước ra khỏi quán, con đường đã trở nên vắng lặng, gió lạnh hắt những hạt mưa phùn lay phay quanh những ngọn đèn đường nghe xào xạc và ánh lên như thủy tinh. Bây giờ đi đâu? Nếu giờ đây có được một chiếc đĩa thần, hẳn tôi sẽ làm hiện ra một sảnh đường nho nhỏ xinh xinh, kiểu của vua Louis XVI, để nghe dăm nhạc sĩ tài hoa trình diễn vài ba tác phẩm của Handel và Mozart. Tôi đang hứng thú và sẽ nhắm nháp thứ âm nhạc mát rượi và quý phái ấy như thần thánh thưởng thức rượu tiên. Chao ơi, giá lúc này tôi có được một người bạn, một người bạn đang trầm tư bên ánh nến trong một căn gác xép nào đấy, với chiếc vĩ cầm để bên cạnh! Tôi sẽ lên vào trong cõi đêm yên ắng của anh, sẽ leo êm như ru lên cầu thang uốn khúc, khiến anh ngạc nhiên, rồi chúng tôi sẽ trò chuyện và nghe nhạc, ăn mừng dăm ba giờ khuya khoắt siêu phàm! Trước kia, trong những năm qua, tôi thường được hưởng hạnh phúc này, nhưng theo thời gian nó cũng đã dần xa và rời hẳn khỏi tôi, giữa ngày ấy và bây giờ đã bap năm khô héo.

Tôi ngần ngại đi về nhà, kéo cao cổ áo, thọc gậy trên mặt đường lát đá ướt át. Dù chậm bước đến đâu thì tôi cũng vẫn sẽ lại phải ngồi quá sớm trong căn gác xép, trong quê hương bé nhỏ giả tã mà tôi không hề yên thương song cũng không thể thiếu, vì cái thời tôi có thể lang thang ngoài trời suốt một đêm đông mưa gió đã qua rồi. Lạy Chúa, tôi không muốn lòng mình chiều nay đang phơi phơi bị gió mưa, bệnh thống phong hay cây bách tán làm mất vui và dấu không có được dàn nhạc thính phòng và không tìm được một người bạn cô đơn với chiếc vĩ cầm, giai điệu thanh nhã nọ vẫn vang trong lòng tôi và tôi có thể ngân nga khe khẽ trong lúc thở hít đúng nhịp, tựa hồ nó được trình diễn cho chính tôi. Tôi vừa đi vừa ngẫm nghĩ. Đúng vậy, không có nhạc thính phòng lẫn bạn bè thì đã sao và đúng là ngớ ngẩn khi mỗi mòn, nhưng bất lực, ngón tìm sự ấm cúng. Cô đơn chính là độc lập! Tôi đã từng ao ước và đạt được điều này trong bao năm ròng. Nó lạnh lẽo, đúng thế, những cũng trầm lặng, trầm lặng tuyệt vời và mệnh mong như bầu không gian yên ắng, giá lạnh, nơi các tinh tú chuyển dịch.

3. Chương 3

Tôi đi ngang qua một vũ trường; tiếng nhạc Jazz dữ dội hắt vào tôi, nóng bỏng và sống sượng như làn hơi bốc lên từ thịt sống. Tôi dừng lại một lúc; dù ghê tởm loại nhạc này đến đâu, nó vẫn âm thầm quyến rũ tôi. Tôi ghét cay ghét đắng nhạc Jazz, nhưng vẫn thích nó gấp chục lần mọi thứ âm nhạc hàn lâm ngày nay; tính cuồng nhiệt sống sượng của nó chạm tới tận bản năng sâu thẳm trong tôi, toát ra một dự tính hồn nhiên và chân thật.

Tôi đứng hình mũi đánh hơi thứ âm nhạc chói tai này, cấu kính và thềm thường đoán trước bầu không khí trong những căn phòng ấy. Một nửa điệu nhạc, cái phần du dương, thì lâm ly, ngọt xót, ủy mị đến chảy nước, nửa kia hoang dại, bất thường và mạnh liệt, tuy vậy cả hai nửa lại hợp với nhau thật hồn nhiên, hòa thành một tổng thể. Đó là thứ âm nhạc suy đồi, thời các hoàng đế La Mã cuối cùng hẳn cũng có thứ âm nhạc tương tự. Tất nhiên so với Bach, với Mozart và âm nhạc đích thực, nó chỉ là thứ nhăng cuộc – nhưng tất cả nghệ thuật của chúng ta, tư tưởng của chúng ta, văn hóa giả tạo của chúng ta đều như thế cả, nếu so sánh với nền văn hóa chân chính. Và thứ âm nhạc này có ưu điểm là rất chân thành kiểu người da đen, đáng mến, vui tươi hồn nhiên chứ không giả trá. Đối với người Âu chúng ta, thứ âm nhạc này mang nét gì đây của người da đen và người Mỹ, mạnh bạo nhưng hồn nhiên và tươi mát tựa trẻ thơ đang lớn. Châu Âu sẽ thành như vậy chăng? Nó đang dần như thế rồi chăng? Chúng ta, những kẻ am tường và hâm mộ Châu Âu thuở trước, nền âm nhạc đích thực thuở trước, thơ ca đích thực thuở trước, chẳng lẽ chúng ta chỉ là một nhúm thiểu số ngu xuẩn gần đỡ mắc bệnh loạn thần kinh phức tạp, mai đây sẽ bị lãng quên và nhạo báng? Phải chăng đó là thứ mà chúng ta gọi là “văn hóa”, trí tuệ, tinh thần và coi là đẹp, là thiêng liêng; phải chăng đó chỉ là một bóng ma đã chết từ lâu mà chỉ dăm kẻ ngớ ngẩn chúng ta vẫn còn coi là đích thực? Phải chăng nó không hề đích thực và sống động? Phải chăng những gì lũ ngớ ngẩn chúng ta ra công suy nghĩ, tìm tòi vốn luôn chỉ là một bóng ma?

Khu phố cổ tiếp nhận tôi, ngôi giáo đường nhỏ bé đứng tàn lụi và hư ảo trong khung cảnh màu xám. Đột nhiên tôi nhớ lại câu chuyện hồi chiều với cái cửa chớp nhọn bí ẩn, với tấm biển bí ẩn phía trên, với những chữ chiếu sáng nhảy mức giễu cợt. Hàng chữ ấy viết gì nhỉ? “Không phải ai muốn vào xem cũng được” và “Chỉ dành cho những người điên”. Để thẩm tra, tôi nhìn qua bức tường cổ, thầm mong màn ảo thuật nọ tái diễn với hàng chữ mời mọc tôi, một gã điên, và cánh cổng để tôi vào. Có thể điều tôi ước mơ đang ở trong đó, có thể trong đó đang trình diễn thứ âm nhạc của tôi?

Bức tường đá bình thản nhìn tôi, nó đen sẫm bóng chiều, khép kín, chìm đắm trong mơ. Chẳng thấy đâu một cái cổng, chẳng thấy đâu vòng chớp nhọn, chỉ bức tường tối đen, im lìm, không một kẻ hở. Tôi mỉm cười tiếp tục bước đi, thân mật gật đầu chào bức tường. “Ngủ ngon, tường nhé, ta không đánh thức mi đâu. Sớm đến lúc người ta giật sập mi hoặc dán lên mi những băng hiệu tham lam của họ, nhưng tạm thời mi vẫn còn đó, mi vẫn đẹp, vẫn im ắng và ta ưa thích mi”.

Chợt tôi giật bắn người vì từ một ngõ đen ngòm có một người, một kẻ trở về nhà muộn màng và lẻ loi với bước chân mệt mỏi, nhô ra quan sát nách tôi; y đội mũ lưỡi trai, khoác áo choàng xanh, vác một thanh gỗ gắn bích chương, trước bụng quàng dây đai mang một chiếc hòm con để mở, giống những người bán hàng rong ở các chợ phiên. Y mệt mỏi bước qua trước mặt tôi, chẳng ngoái nhìn, bằng không tôi đã chào và mời y một điếu thuốc. Tôi cố thử đọc cái cờ hiệu của y, tấm bích chương đó gắn trên thanh gỗ, dưới ánh sáng ngọn đèn đường cạnh đấy, nhưng tấm bích chương cứ chao qua đảo lại nên tôi chẳng đọc được gì. Tôi liền gọi và yêu cầu y cho tôi xem. Y dừng bước, giữ thanh gỗ cho thẳng hơn, lúc ấy tôi có thể đọc được những chữ chao đảo nhảy múa:

Giải trí hỗn loạn buổi tối!

Hí viện ma thuật!

Không phải ai muốn vào xe...

“Tôi đang tìm ông đây” tôi thích thú kêu lên. “Buổi giải trí ban tối của ông như thế nào? Ở đâu? Bao giờ?”

Y đã bước đi rồi.

“Không phải ai muốn vào xem cũng được” y thờ ơ nó, giọng ngái ngủ và đi tiếp. Y chán rồi, muốn về nhà.

“Khoan đã”, tôi chạy theo gọi “Ông bán những gì thế? Tôi muốn mua chút ít”.

Không dừng lại, người đàn ông ấy máy móc thò tay vào hòm, rút ra một tập sách mỏng, chìa cho tôi. Tôi chụp ngay lấy, cất đi. Trong lúc tôi cởi cúc áo măng tô tìm tiền, y đã ngoặt vào một cái cổng bên đường, rồi đóng lại và biến mất. Mới đầu tôi nghe tiếng chân y nặng nề trên mặt đường đá, rồi trên một cầu thang gỗ, rồi không nghe gì nữa. Đột nhiên tôi thấy cũng quá mệt và cảm tưởng đã khuya lắm rồi, về là vừa. Tôi bước rảo hơn, chẳng mấy chốc đã vượt qua những con hẻm vùng ngoại ô đang say ngủ, về tới nhà. Nhà tôi nằm giữa khi thành lũy, nơi các công chức và những người hưu trí cấp thấp ngụ trong những ngôi nhà thuê cho nhỏ sạch sẽ, phía trước có bãi cỏ và khóm thường xuân. Qua khỏi đám thường xuân, bãi cỏ và bụi thông nhỏ tôi về tới cửa nhà, mò lỗ khóa, tìm nút bật đèn, lách qua tấm cửa kính, đi qua những cái tủ bóng lộn và những chậu cây, mở cửa phòng mình, chôn giả làm quê hương bé nhỏ của tôi, nơi chiếc ghế bành và lò sưởi có nghiến mực và hộp vẽ, có Novalis và Dostoyevsky chờ đợi tôi, hết như bà mẹ hay người vợ, lũ con, các cô người làm, chó, mèo chờ đợi những con người khác, những con người đích thực, khi họ về nhà.

Khi cởi chiếc áo măng tô ướt át, tôi chợt thấy lại tập sách nhỏ kia, liền rút ra. Đó là loại sách mỏng, in lem nhem trên giấy xấu bán ở các chợ phiên, giống như tập “Tử vi cho người sinh ra trong tháng Giêng” hay “Làm cách nào trẻ lại hay mười tuổi trong tám ngày?”

Nhưng khi đã ngồi yên trong ghế bành và đeo kính, tôi sững sốt đọc và đột nhiên cảm thấy về một số phận đang xảy đến qua nhan đề trên bìa tập sách chợ phiên ấy: Luận thuyết về Sói Thảo Nguyên. Dành riêng cho những người điên.

Và đây là nội dung của nó mà tôi đã đọc liền một mạch, mỗi lúc một hồi hộp thêm:

LUẬN THUYẾT VỀ SÓI THẢO NGUYÊN

Dành riêng cho những người điên

Thuở ấy có một tay tên là Harry, biệt danh Sói Thảo Nguyên. Hắn đi ha chân, hần mặc áo quần, hần là người, nhưng thật ra hần đích thị là một con sói thảo nguyên. Hần học được nhiều thứ mà những người có đầu óc đều có thể học được và hần là một kẻ khá thông minh. Nhưng cái hần không học được là: hài lòng về mình và cuộc đời mình. Điều ấy hần không học được, hần là một kẻ bất đắc chí. Sở dĩ như thế có lẽ vì lúc nào trong thâm tâm hần cũng biết (hoặc tưởng là biết) rằng thật ra hần không phải là người, mà là một con sói từ thảo nguyên. Các nhà thông thái cứ việc tranh cãi xem hần có thật là sói hay không, biết đâu đã có lần, trước cả khi hần chào đời cũng nên, hần được phù phép biến từ sói thành người, hoặc giả hần sinh ra là người, nhưng lại được phú cho hồn một con sói thảo nguyên và bị nó chế ngự hoặc giả điều hần tin rằng hần thật ra là sói chỉ do trí tưởng tượng hoặc một thứ bệnh của hần mà thôi. Chẳng hạn có thể thời thơ ấu con người này rất hiếu động, bất kham và vô kỷ luật; những người dạy dỗ hần đã tìm cách diệt trừ tính dã thú trong con người hần và chính vì thế đã tạo cho hần ấn tượng và niềm tin rằng thật ra hần là một dã thú, chỉ khoác một lớp vỏ mỏng tanh của giáo dục và nhân tính thôi. Nếu muốn, người ta có thể nói tràng giang đại hải và tiêu khiển về điều này, thậm chí viết thành sách; nhưng chẳng ích gì cho Sói Thảo Nguyên, vì hần chẳng mấy may quan tâm đến chuyện con sói nhập vào hần là do bùa chú hoặc roi vọt, hay đó chỉ là tưởng tượng của tâm hồn hần. Người khác, thậm chí ngay cả hần nữa, muốn nghĩ gì về điều ấy, hần cũng mặc kệ, vì sự nghĩ ngợi đó không trực nổi con sói ra khỏi hần được.

Vậy là Sói Thảo Nguyên có hai bản chất, một người và một sói; đó là số kiếp của hần, và có thể số phận này chẳng phải đặc biệt và hiếm hoi gì lắm. Người ra đã từng thấy sbao kẻ mang trong mình nhiều tính chất của chó hoặc chồn, của cá hoặc rắn nhưng không vì thế mà họ gặp khó khăn gì ghê gớm. Ở những kẻ đó người và chồn, người và cá đúng là sống cạnh nhau, không bên nào làm khổ bên nào, thậm chí còn tương trợ lẫn nhau; lắm kẻ tiến xa và đáng ganh tị nhờ được sức chồn hoặc khỉ đem lại cho họ phúc lộc nhiều hơn sức người trong họ. Điều này ai cũng biết. Nhưng ở Harry lại khác, người và sói trong hần không tiến song đôi hoặc giúp đỡ nhau, mà thường trực là kẻ tử thù của nhau, phần này sống chỉ để làm khổ phần kia, và khi hai phần trong cùng một dòng máu và một tâm hồn coi nhau như kẻ tử thù thì đó là một cuộc sống khốn khổ. Thế đấy, ai cũng có số phận riêng và chẳng số phận nào nhẹ nhàng cả.

Về phần Sói Thảo Nguyên của chúng ta thì lúc hấn cảm thấy mình sống giống sói, lúc lại giống người, như ở mọi sinh vật lai tạp; nhưng khi hấn là sói thì phần người trong hấn thường xuyên nằm rình rập, nhóm ngó, bình phẩm và phán xét – con những lúc hấn là người thì phần sói cũng làm y như thế. Chẳng hạn khi Harry là người, có một ý tưởng hay ho, một cảm xúc tinh tế cao quý hoặc có một hành vi gọi là thiện, con sói trong hấn liền nhe nanh, ra sức chế nhạo, chỉ cho hấn thấy rằng tất cả cái vở kịch cao quý kia, nực cười sao, lại rất thích hợp với một con thú thảo nguyên, một con sói, nó biết rất rõ trong thâm tâm điều gì khiến nó hài lòng, đó là đơn độc rong ruổi qua thảo nguyên, thỉnh thoảng uống máu tươi hoặc chạy theo một con sói cái – và, dưới nhãn quan của con sói, mọi hành động của con người đều kỳ cục, vụng về, ngu xuẩn và kiêu căng phát sợ. Cũng y như vậy khi Harry cảm thấy mình là sói, khi hấn đe dọa người khác, khi hấn thù ghét và coi mọi người cùng cung cách xử thế cũng như tập quan suy đồi, giả trá của họ là kẻ tử thù; lúc ấy phần người trong hấn sẽ rình rập, theo dõi con sói, gọi nó là đồ súc vật, đồ dã thú, khiến nó chán chường, hết cả hứng thú trong bản tính sói chất phác, lành mạnh và hoang dã của nó.

Bản chất Sói Thảo Nguyên như vậy đấy, và ta có thể hình dung cuộc đời Harry chẳng thoải mái và hạnh phúc chút nào. Nhưng như thế không hàm nghĩa hấn đặc biệt bất hạnh (mặc dù tự hấn cảm thấy thế, giống như ai cũng cho rằng nỗi đau khổ mình phải hứng chịu là ghê gớm nhất). Ta không nên nói như thế về ai. Ngay cả người không mang phần sói trong mình cũng không nhất thiết hạnh phúc. Ngay cả cuộc sống bất hạnh nhất cũng có những giờ phút rạng rỡ ánh hồng và những đóa hoa hạnh phúc nở bừng giữa cát sỏi. Với Sói Thảo Nguyên cũng thế. Phần lớn cuộc đời hấn rất bất hạnh, không thể phủ nhận điều ấy, và hấn có thể làm người khác bất hạnh theo, đó là khi hấn yêu thương họ và họ yêu thương hấn. Vì hết thấy những kẻ yêu thương hấn chỉ thấy một khía cạnh của hấn thôi. Có những người yêu thương hấn là một kẻ tệ nạn, thông minh và độc đáo, nên khi họ đột nhiên phát hiện phần sói trong hấn, họ liền đâm ra kinh hoàng và thất vọng. Họ phải phát hiện ra thôi, vì Harry, như mọi sinh vật khác, muốn được thương yêu trọn vẹn, nên không thể che giấu và lấp liếm phần sói của hấn, nhất là trước tình thương yêu của những kẻ hấn rất trân trọng. Nhưng cũng có những kẻ thương yêu chính cái phần sói trong hấn, cái chất tự do, hoang dã, không thể thuần hóa, ngỗ nghịch, mạnh bạo, nên chính họ lại cực kỳ thất vọng lẫn đau đớn khi thấy con sói hoang dại, hung ác đột nhiên cũng là một con người, cũng khao khát điều tốt và sự dịu dàng, nghe cả nhạc Mozart, cũng đọc thơ và muốn có người này đâm ra đặc biệt thất vọng và phần nộ, thế là Sói Thảo Nguyên đã truyền bản tính kép và đối nghịch của chính hấn vào mọi số kiếp xa lạ mà hấn tiếp xúc.

Giờ đây ai tưởng rằng mình biết rõ Sói Thảo Nguyên và có thể hình dung được cuộc đời tội nghiệp và đau lòng của hấn, người ấy rất nhầm, người ấy còn lâu mới biết hết. Người ấy không biết rằng (chẳng quy tắc nào không có ngoại lệ và trong hoàn cảnh nhất định Chúc ửng kẻ duy nhất phạm tội hơn chín mươi chín kẻ công chính) ở Harry cũng có ngoại lệ và những may mắn tình cờ, rằng đôi khi hấn có thể thờ, suy nghĩ và cảm thấy lúc như sói, lúc như người, rõ ràng chứ không lẫn lộn, đúng thế, và đôi khi, vào những giờ khắc rất hiếm hoi, phần sói và phần người sống hòa hoãn, thân ái với nhau, chứ không chỉ bản này ngủ, bên kia thức, mà tăng cường lẫn nhau, bên nọ giúp cho bên kia trở thành gấp đôi. Cũng trong cuộc đời người đàn ông này, như khắp nơi trên thế gian, dường như đôi lúc mọi thói quen, mọi việc thường nhật, mọi điều được nhìn nhận, mọi sự điều độ chỉ nhằm mục đích ngưng nghỉ ở đâu đó một đôi giây ngắn ngủi, rồi bị phá bỏ, nhường chỗ cho cái phi thường, phép lạ và ân sủng. Những giờ phút hạnh phúc ngắn ngủi, hiếm hoi này có đền bù và xoa dịu được số phận hẩm hiu của Sói Thảo Nguyên, khiến cuối cùng hạnh phúc cân bằng được khổ đau không, hay thậm chí niềm hạnh phúc ngắn ngủi nhưng mãnh liệt trong vài giờ ít ỏi ấy vượt xa sự hóa giải khổ đau, điều này hãy để cho những kẻ nhân cư tha hồ ngẫm nghĩ. Chính Sói Thảo Nguyên cũng thường suy ngẫm về chuyện ấy, và đó là những ngày nhàn rỗi lẫn vô bổ của hấn.

Ở đây cần phải nói thêm một điều. Có khá nhiều người cùng loại như Harry, đặc biệt là các nghệ sĩ. Những người này đều mang song song trong lòng họ hai linh hồn, hai bản chất vừa thù nghịch vừa phức tạp, cả thần thánh lẫn quỷ sứ, cả dòng máu mẹ lẫn dòng máu cha, cả khả năng tiếp thu hạnh phúc lẫn khả năng tiếp nhận khổ đau, giống như Harry mang trong con người hấn phần sói và phần người vậy. Những con người có cuộc sống rất không thanh thản ấy đôi khi cảm thấy một vẻ đẹp và sự mãnh liệt khôn tả trong những khoảnh khắc hạnh phúc đôi khi phụt cao chói lọi trên đại dương đau khổ, làm xúc động và lôi cuốn người khác. Mọi công trình nghệ thuật đều đã ra đời như thế, như làn bọt hạnh phúc quý giá thoát ran trên bề khổ, chính nhờ những công trình ấy mà một cá nhân đau khổ đã vương lên khỏi số phận cầu mình được trong một giờ, đến mức hạnh phúc của người ấy rạng rỡ như một vì sao, khiến ai trông thấy cũng đều ngỡ là thứ gì vĩnh cửu và là giấc mơ hạnh phúc riêng tư của mình. Nói chung tất cả những con người này, dù

việc họ làm và tác phẩm của họ mang tên gì đi nữa, đều không có đời sống thật sự, nghĩa là đời sống của họ không phải là sự hiện hữu, nó không có gì rõ rệt, họ không phải là những anh hùng hay nghệ sĩ hoặc nhà tư tưởng như kiểu những người khác là thẩm phán, thầy thuốc, thợ giày hay thầy giáo, mà cuộc đời họ là một dòng biến dịch triền miên, đau khổ và sóng gió, bất hạnh, bị giằng xé đầy đau đớn, khủng khiếp và vô nghĩa, ngay từ người ta không chịu nhìn thấy ý nghĩa của nó trong chính những sự kiện, những hành động, những tư tưởng và những tác phẩm hiếm hoi rực sáng trên sự hỗn loạn của một cuộc đời như thế. Giữa những người thuộc loại này đã nảy sinh ý tưởng nguy hiểm và đáng sợ rằng biết đâu toàn thể đời người chỉ là một lần lăn phũ phàng, một sự sẩy thai khốc liệt và bất hạnh của bà mẹ nguyên thủy, một thử nghiệm man dại và thất bại khủng khiếp của tự nhiên. Nhưng giữa những người ấy cũng đã nảy sinh một ý tưởng khác, rằng con người có thể không chỉ là thú vật tương đối có lý trí, mà là con của thần thánh, mang số phận bất tử.

Mỗi loại người đều có những dấu hiệu đặc trưng, những biểu tượng, những phẩm hạnh cùng tật xấu và tội trọng riêng của họ. Dấu hiệu đặc trưng của Sói Thảo Nguyên là sống về đêm. Hẳn sợ buổi sáng, vì đó là khoảng thời gian tệ hại trong ngày, chẳng khi nào đem lại cho hắn điều tốt lành. Hẳn chưa từng thật thoải mái vào bất cứ một buổi sáng nào trong đời, hẳn chưa hề làm được điều gì tốt đẹp gì khả dĩ khiến hắn và người khác vui. Chỉ trong lúc xế trưa hắn mới ấm dần và sinh động và chỉ khi gần tối, vào những ngày hắn thoải mái, hắn mới nghỉ ra được nhiều chuyện, trở nên linh hoạt, đôi khi hào hứng và vui vẻ. Điều này liên quan đến nhu cầu được cô đơn và độc lập của hắn. Chưa ai từng khát vọng độc lập sâu xa và mãnh liệt như hắn. Thuở thiếu thời, lúc hà vi phải vất vả kiếm sống, hắn thà chịu ăn đói, mặc rách chỉ để khỏi mất đi chút độc lập nhỏ nhoi. Hẳn chưa hề bán mình cho đàn bà hoặc những kẻ lạm quyền nhiều thế hay vì tiền bạc hoặc cuộc sống phong lưu, hắn đã trăm lần vất bỏ và cự tuyệt những thứ được coi là lợi lộc và hạnh phúc trong mắt thế gian, chỉ cốt giữ lấy tự do. Hẳn không thù ghét và ghê tởm gì hơn là nhận một chức vụ này đây, giữ đúng thời gian biểu của ngày, của năm và phải tuân lệnh kẻ khác. Hẳn thù ghét bàn giấy, văn phòng, công sở như thù ghét cái chết và điều khủng khiếp nhất, mà hắn trải qua trong mơ, là bị giam hãm trong trại lính. Hẳn biết cách thoát khỏi những điều này, nhưng thường phải chịu nhiều hy sinh. Đây là mặt mạnh và đức tính của hắn, ở điểm này hắn bất khuất và không thể bị mua chuộc, ở điểm này hắn kiên định và cứng rắn. Có điều nổi đau khổ và số phận của hắn lại gắn bó mật thiết với đức tính ấy. Đối với hắn thì cũng như đối với mọi người thôi: những gì hắn tìm kiếm và kiên trì tới tột bậc vươn tới vì một sự thôi thúc thâm sâu nhất từ bản chất, hắn đều đạt được, nhưng những điều ấy lại quá mức cho sự tốt lành của con người ta. Thoạt tiên điều ấy là ước mơ và hạnh phúc của hắn, nhưng rồi trở thành số phận đắng cay, Kẻ tham quyền lực sẽ tàn đời vì quyền lực, kẻ tham tiền vì tiền, kẻ quy lụy vì khúm núm, kẻ ham lạc thú vì dục lạc. Thành ra Sói Thảo Nguyên đã tàn đời vì sự độc lập của hắn. Đạt mục đích rồi, hắn càng độc lập thêm; không ai ra lệnh cho hắn được nữa, hắn chẳng phụ thuộc vào ai và hắn tự do quyết định việc làm hay không làm. Mọi kẻ xuất sắc đều chắc chắn đạt được điều mà lòng khát khao đích thực của họ thúc đẩy. Nhưng giữa lúc đạt được tự do, Harry chợt nhận thấy tự do của hắn yên thân một cách đáng sợ, hắn chẳng còn chút liên quan gì nữa với con người, thậm chí với chính hắn, hắn chết ngộp từ từ trong bầu không khí cứ mãi loãng dần của sự xa cách và cô độc. Vì bây giờ cô đơn và độc lập không còn là ước mơ và mục đích của hắn nữa mà là số phận, là bản án của hắn. Điều nguyện ước thần diệu đã được đáp ứng rồi, không rút lại được nữa; dù hắn thành tâm khao khát dang rộng đôi tay đón chào sự liên hệ gắn bó và đoàn kết cũng chẳng ích gì; không ai đoái hoài đến hắn. Mà nào có phải người ra ghét bỏ hay ghê tởm hắn đâu. Ngược lại, hắn có rất đông bạn bè. Nhiều người quý mến hắn. Song hắn luôn chỉ tìm được sự thiện cảm và niềm nở; người ta mời mọc, tặng quà, thân ái viết thư cho hắn, nhưng không ai gần gũi hắn, không ai nảy sinh chút gắn bó nào, không ai muốn và có khả năng cùng hắn chia sẻ cuộc đời. Giờ đây bao quanh hắn là khoảng trống của sự cô đơn, của bầu không khí thăm lặng; thế giới chung quanh hắn cứ dần trượt xa và bất lực trong việc tạo dựng quan hệ mà chẳng ý chí hay khao khát nào có thể chống chọi nổi. Đây là một trong những đặc điểm quan trọng nhất của đời hắn.

Một đặc điểm khác là hắn ở trong số những kẻ tự tử. Ở đây cần phải nói rằng sẽ là sai lầm nếu chỉ dùng khái niệm ấy để gọi những kẻ tự hủy mình thật sự. Vì trong số này nhiều kẻ có thể gọi là tự tử do ngẫu nhiên, chứ tự sát không nhất thiết thuộc vào bản chất của họ. Có những kẻ chết vì tự sát trong số những hạng xoàng xĩnh, bất chước vô ý thức, trong số người không cá tính, không tác phong đặc biệt, không định mệnh vững chãi nhưng không phải vì thế mà họ thuộc vào mẫu người tự tử, nếu xét toàn các tính, trong khi có rất nhiều kẻ, phần lớn cũng nên, theo bản chất được xếp vào loại người tự tử, nhưng lại chẳng bao giờ dám thật sự tự hủy mình. “Kẻ tự sát” – Harry là một – không nhất thiết phải sống trong quan hệ đặc biệt gần gũi với cái chết; người ta có thể sống như vậy, mà vẫn không phải là kẻ tự sát. Nhưng kẻ tự tử có điểm

khác thường ở chỗ y thấy Cái Tôi của mình, bất kể điều này đúng hay sai, là một hạt mầm đặc biệt nguy hiểm, đáng ngờ và bị đe dọa của tự nhiên, y luôn thấy mình mạo hiểm và bị đe dọa khác thường, như thể y đứng trên một mỏm đá bé tẹo, chỉ cần một cái xô nhẹ từ bên ngoài hay chút khiếp nhược từ bên trong đủ khiến y rơi vào cõi hư không. Đặc trưng trên lần chỉ tay sinh mệnh của loài người này cho thấy tự tử là kiểu chết dễ có khả năng xảy ra nhất, ít ra trong trí tưởng tượng của chính họ. Điều kiện tiên quyết gây nên tâm trạng này – hầu như luôn thấy rõ ngay từ thời niên thiếu và bám theo họ suốt đời – không phải là sinh khí đặc biệt nhu nhược, ngược lại người ta thấy trong số những “kẻ tự sát” lắm người bản tính rất gan lì, đầy khao khát và cả liều lĩnh nữa. Những giống như những kẻ hơi ốm một tí đã bị sốt, những người mà chúng ta gọi là “kẻ tự sát” vốn luôn rất dễ xúc động và nhạy cảm, dễ bị sốc một tí liền có khuynh hướng ráo riết nghĩ đến việc tự hủy mình. Nếu chúng ta có được một ngành khoa học đủ dũng cảm, đủ tinh thần trách nhiệm cao, nghiên cứu về con người thay vì chỉ quan tâm đến cơ chế những hiện tượng của sự sống, nếu chúng ta có được một ngành tương tự như nhân chủng học, tâm lý học, thì ai cũng sẽ quen thuộc với những sự kiện này.

Điều chúng ta nói ở đây về những kẻ tự sát tất nhiên chỉ hơi hợt thôi. Nó là tâm lý học, nghĩa là một phần của ngành vật lý. Xét về mặt siêu hình thì vấn đề khác hẳn và sáng tỏ hơn nhiều, vì quan sát trên khía cạnh này chúng ta thấy những “kẻ tự sát” như là những người mang cảm giác phạm tội vì sự cá biệt hóa của mình, như những linh hồn không còn thấy cứu cánh của cuộc đời là hoàn thiện và uốn nắn chính mình, mà là thủ tiêu nó, trở về với Mẹ nguyên thủy, trở về với Chúa, trở về với vũ trụ. Rất nhiều kẻ trong số đó hoàn toàn bất lực trước việc tiến hành tự sát thật sự vào một lúc nào đấy, vì họ thấy rõ tội lỗi của hành động ấy. Tuy nhiên, với chúng ta họ vẫn là những kẻ tự sát, vì họ thấy đáng cứu tinh trong cái chết chứ không trong sự sống và họ sẵn sàng vứt bỏ đời mình, xả thân, hủy hoại, trở về với nguồn cội.

Giống như mọi sức mạnh đều có thể trở thành yếu đuối (thậm chí phải trở thành, trong một số tình huống), kẻ tự sát điển hình có thể biến sự yếu đuối ngoài mặt của y thành sức mạnh cùng chỗ tựa, và y làm điều này hết sức thường xuyên. Đó cũng là trường hợp của Harry, của con Soi Thảo Nguyên. Như hàng nghìn đồng loại, hắn không chỉ biến ý tưởng bất cứ lúc nào con đường đưa hắn tới cái chết cũng rộng mở thành một trò tưởng tượng của tuổi trẻ u sầu, mà còn tìm thấy từ chính ý tưởng này một niềm an ủi và một chỗ dựa. Quả thật, trong tâm hồn hắn, cũng như trong mọi kẻ cùng loại mỗi dao động, mỗi đau đớn, mỗi bế tắc trong cuộc sống đều khơi dậy ngay ý muốn đào thoát bằng cái chết. Song từ ý hướng này hắn dần dà xây dựng cho mình một triết lý có ích cho đời hắn. Hắn vốn quen nghĩ rằng lối thoát cấp cứu kia thường xuyên rộng mở và điều đó đã tạo cho hắn sức mạnh, đã khiến hắn tò mò tận hưởng đau thương cùng những hoàn cảnh oái ăm; rồi khi quá khốn khổ, hắn đôi lúc tự nhủ với niềm vui tàn nhẫn, hã hề độc địa: “Ta tò mò xem thử con người có thể chịu đựng được đến đâu ấy mà! Khi nào quá mức, ta chỉ cần mở cái cửa cấp cứu kia là sẽ được giải thoát ngay thôi”. Khối kẻ tự sát đã được ý tưởng này truyền cho bao sức mạnh phi thường.

Mặt khác, mọi kẻ tự sát đều quen thuộc với việc củng cố lại sức cảm dỗ của việc tự hủy mình. Ở một góc ngách nào đấy trong tâm hồn, họ thừa biết tuy tự tử là một lối thoát, song vẫn chỉ là một lối thoát khá ươn hèn, không chính đáng, trong khi chịu để cho cuộc đời chiến thắng mình, quật mình ngã gục mới đúng là cao đẹp hơn. Ý thức này, sự cần rứt lương tâm này, đại loại cùng nguồn gốc với sự cần rứt lương tâm của những kẻ gọi là thủ phạm, thôi thúc phần lớn những “kẻ tự sát” đấu tranh dai dẳng chống lại cảm dỗ của việc tự hủy hoại. Họ đấu tranh như người mắc bệnh ăn cắp vật chống lại tật xấu của mình, Soi Thảo Nguyên chẳng lạ gì điều ấy, vì chính hắn đã từng sử dụng đủ loại vũ khí khác nhau cho cuộc đấu tranh như thế. Cuối cùng, khoảng năm bốn mươi bảy tuổi, hắn nảy ra một ý định tài tình và không phải không khôi hài, khiến hắn thường thích thú. Hắn xác định vào sinh nhật thứ năm mươi sẽ cho phéo mình tự sát (1). Ngày ấy hắn được tự do quyết định có sử dụng lối thoát cấp cứu kia hay không, tùy tâm trạng của hắn hôm đó, hắn thỏa thuận với lòng như thế. Vậy thì nay dần hắn gặp chuyện gì cũng mệt, dù hắn ngã bệnh hay lâm cảnh nghèo đói, chịu đau khổ và đắng cay – tất cả đều có kỳ hạn, tất cả chỉ còn có thể kéo dài tối đa vài năm, vài tháng, vài ngày nữa và con số này cứ mãi giảm dần! Quả thật, nay hắn chịu đựng dễ dàng hơn nhiều một số điều phiền muộn trước đây từng giày vò hắn nặng nề và dai dẳng, thậm chí có lẽ đã khiến hắn rung động tận gốc rễ. Nếu vì lý do nào đấy hắn quá ư bức bối, chẳng hạn cuộc sống của hắn đã quanh hiu, đơn chiếc và man rợ, lại phải chịu thêm nữa những đau đớn khác thường hoặc mất mát, thì hắn có thể bảo nổi đau đớn ấy rằng: “Cứ chờ đi, hai năm nữa thôi, lúc ấy ta sẽ là chủ của bọn bay!” Và rồi hắn say mê đắm chìm hình dung thư từ cùng thiệp mừng sẽ đến với hắn vào buổi sáng sinh nhật thứ năm mươi như thế nào, trong lúc hắn, tin cậy vào con dao cạo, vĩnh biệt mọi khổ đau và khép lại cánh cửa cấp cứu sau

lưng mình. Bấy giờ bệnh thống phong trong xương cốt hằn, chứng sâu muộn, bệnh nhức đầu và đau bao tử sẽ được thấy bọn chúng đang ở đâu.

(1) “... Tôi khá tuyệt vọng một thời gian và không thiết sống nữa. Nhưng rồi tôi tìm được lối thoát. Tôi dự định vào sinh nhật thứ năm mươi, hai năm nữa, sẽ cho mình quyền tự treo cổ, nếu lúc ấy tôi còn mong muốn như thế...” (Thư ngày 1.4.1925 gửi vợ chồng Hugo Ball, người viết tiểu sử của Hesse).

Hesse cũng gửi thư với nội dung tương tự cho một số người khác, vào thời điểm khác.

(Thêm một chú thích: năm 1892, mới mười lăm tuổi, sau khi bị hai thầy giáo đánh đập tàn bạo, ép nhận lỗi vì “một chuyện con con trong lớp mà tôi hoàn toàn vô tội”, Hesse “mất lòng tin và các thầy” nên đã toan tự tử bằng súng lục, khiến cuối năm học ấy cha mẹ ông phải đưa ông vào bệnh viện tâm thần).

Cũng cần nói thêm: để giải thích hiện tượng riêng lẻ của Sói Thảo Nguyên, đặc biệt mối quan hệ khác thường của hắn với tầng lớp trưởng giả, chúng ta hãy quy các sự kiện này vào những quy luật cơ bản của chúng. Sản đây, chúng ta lấy ngay cái quan hệ của hắn với giới trưởng giả làm khởi điểm!

Sói Thảo Nguyên, theo quan niệm của hắn, hoàn toàn đứng ngoài thế giới trưởng giả, vì hắn không có cuộc sống gia đình hay tham vọng xã hội. Hắn thấy mình hoàn toàn cá biệt, là kẻ lập dị, khi thì hắn là một kẻ ẩn cư bệnh hoạn, lúc là một cá nhân bẩm sinh thiên tài, cao quý, trội hơn hẳn những chuẩn mực nhỏ nhoi của đám làng nhàng. Hắn khinh miệt một cách có ý thức kẻ trưởng giả và tự hào không là một người như thế. Tuy nhiên trên một số khía cạnh hắn sống hoàn toàn trưởng giả; hắn có tiền gửi ngân hàng và trợ giúp họ hàng nghèo túng, hắn ăn mặc tuy không chăm chút, nhưng lịch sự và nhã nhặn, hắn tìm cách sống hòa hợp với Sở Cảnh Sát, Sở Thuế vụ và những quyền lực tương tự. Nhưng ngoài những điều ấy ra, một niềm khao khát âm thầm song mạnh liệt không ngừng kéo hắn tới cái thế giới trưởng giả bé nhỏ, tới những ngôi nhà êm ấm, đáng trọng với những khoảnh vườn sạch sẽ, khoang cầu thang được chăm chút sáng bóng và bầu không khí rất mực khiêm tốn của trật tự cùng sự sung túc. Hắn thích thói hư tật xấu và tính thái quá của mình, thích cảm thấy mình là kẻ đứng ngoài tầng lớp trưởng giả, là kẻ lập dị hoặc thiên tài, nhưng hắn không bao giờ cư ngụ và sống, tạm gọi thế, trong những khu vực chẳng còn tính trưởng giả nào. Hắn không thoải mái trong bầu không khí của những kẻ thô bạo hoặc khác thường cũng như của những kẻ phạm pháp hoặc tồn tại ngoài vòng pháp luật, hắn luôn sống trong khu vực của giới thị dân, lúc nào cũng duy trì quan hệ với tập tục, chuẩn mực và môi trường của họ, dù là quan hệ đối nghịch hay phản kháng. Ngoài ra, vì lớn lên trong nền giáo dục tiểu tư sản nên hắn vẫn còn lưu giữ từ đó không ít khái niệm cùng mẫu mực. Về lý thuyết hắn không hề chống báng giới buôn son bán phấn, nhưng cá nhân hắn không thể nào coi trọng một cô gái mãi dâm và xem thật là ngang hàng với mình. Hắn có thể quý mến như anh em một chính chị phạm, một nhà cách mạng hay người xách động quần chúng về mặt tinh thần – những kẻ bị Nhà nước và xã hội tẩy chay, nhưng hắn chẳng biết nên có thái độ thế nào với một tên ăn cắp, một gã trộm, một kẻ sát nhân dâm ác hơn là tội nghiệp chúng theo một cách khá trưởng giả.

Bằng cách đó, lúc nào hắn cũng nhìn nhận và tán thành với một nửa bản chất và hành động của mình điều mà hắn phủ nhận và chống lại với nửa bản chất kia. Lớn lên với khuôn mẫu và tập quan nghiêm ngặt trong một gia đình trưởng giả, có học thức, một phần tâm hồn hắn vẫn còn luôn gắn bó với những trật tự của thế giới này, cả sau khi hắn đã cá thể hóa vượt mức khả dĩ của gười trưởng giả và thoát khỏi những lý tưởng cùng niềm tin của giới ấy từ lâu.

“Lối sống trưởng giả”, nhưng một trạng thái luôn hiện hữu của đặc tính con người, không là gì khác hơn sự

4. Chương 4

cố gắng cân bằng, là nỗ lực tìm sự trung dung giữa vô số thái cực và những cặp đối nghịch trong cách xử thế của con người. Chúng ta thử lấy một cặp đối nghịch bất kỳ nào đấy làm thí dụ, chẳng hạn cặp người thánh thiện và kẻ phóng dăng, thì sự so sánh sẽ thành dễ hiểu ngay. Con người có khả năng dồn hết tâm trí vào chuyện tâm linh, vào việc nỗ lực tiếp cận với thánh thần, vào lý tưởng của bậc đức hạnh. Ngược lại con người cũng có khả năng dành hết tâm trí cho cuộc sống bản năng, cho đòi hỏi của dục vọng và hướng mọi

nỗ lực vào việc đạt lạc thú nhất thời. Con đường thứ nhất dẫn tới bậc thánh thiện, tới những người hy sinh cho trí tuệ, tới sự quên mình vì Chúa. Còn con đường kia dẫn đến kẻ phóng đảng, tới kẻ chịu chết vì bản năng, tới sự buông thả cho điều thói rửa. Người trưởng giả tìm cách sống theo lối trung dung giữa hai cực đoan ấy. Y sẽ không bao giờ quên mình, hiến thân, chẳng theo sự say sưa cũng không theo nếp khổ hạnh; y sẽ không bao giờ thành kẻ tuấn đạo, chẳng bao giờ chịu bị hủy diệt - ngược lại, lý tưởng của y không phải là sự hiến thân, mà là bảo tồn Cái Tôi, nỗ lực của y không dành cho sự thánh thiện cũng chẳng cho điều đối nghịch; y không chịu nổi tính vô điều kiện, tuy muốn phụng sự Chúa, nhưng y cũng muốn hưởng lạc thú ngất ngây; tuy y muốn sống đức hạnh, nhưng cũng thích đôi chút thoải mái và tiện nghi trên trần thế. Tóm lại, y cố tìm chốn trung dung giữa những cực đoan, trong một vùng ôn hòa, dễ chịu, không bão tố hay cuồng phong; quả thật y đã đạt được điều ấy, song bù lại sẽ thiếu cảm giác tuyệt mức như trong lối sống cực đoan và hoàn toàn buông thả. Người ta chỉ có thể sống cuồng nhiệt khi chịu trả giá cho Cái Tôi. Mà kẻ trưởng giả không quý gì hơn Cái Tôi (tất nhiên một Cái Tôi phát triển ở dạng sơ đẳng). Cho nên y chịu mất mát chút cuồng nhiệt đối lấy Cái Tôi và sự an lòng; y thanh thản lương tâm thay vì đam mê Chúa, mãn nguyện thay vì dục lạc, thoải mái thay vì tự do, khát khao vừa phải thay vì cuồng nhiệt trí mạng. Vì thế kẻ trưởng giả, do bản chất, là một sinh vật có động lực sống yếu đuối, nhút nhát, sợ mọi phóng đảng, dễ bị chế ngự. Nên y đặt ra đa số thay cho quyền uy, luật lệ thay cho vũ lực, bầu cử thay cho tinh thần trách nhiệm.

Rõ ràng thứ sinh vật yếu đuối và nhút nhát này dù đông đến mấy cũng không thể tự bảo tồn; do đặc tính nên nó không thể giữ vai trò gì khác hơn một đàn cừu giữa những con sói lang thang. Tuy nhiên chúng ta thấy vào thời những người hung bạo cầm quyền, kẻ trưởng giả dù bị đè nén nhưng không bao giờ chịu diệt vong, thậm chí dường như đôi khi y còn thống trị thế giới nữa. Sao lại thế được nhỉ? Bầy đàn đông đảo của y, phẩm hạnh của y, quan niệm thông thường của người đời hoặc sự tổ chức của y đều đủ mạnh để cứu y khỏi diệt vong. Kẻ đã quá bạc nhược ngay từ đầu thì chẳng phương thuốc nào trên thế gian giữ nổi mạng sống. Thế mà giai cấp trưởng giả vẫn tồn tại, vẫn mạnh và phát triển. Vì sao?

Câu trả lời là: vì những con sói thảo nguyên. Quả thật sức sống của giai cấp trưởng giả hoàn toàn không dựa trên phẩm chất của các thành viên bình thường, mà của cực kỳ đông đảo outsider(1), những kẻ mà giai cấp trưởng giả có khả năng thu hút nhờ lý tưởng mơ hồ và uyển chuyển của nó. Luôn luôn có không ít những kẻ tính tình mạnh bạo và hiếu động trong giai cấp trưởng giả. Sói Thảo Nguyên Harry của chúng ta là một thí dụ điển hình. Hắn - kẻ đã vượt xa mức khả dĩ của một kẻ trưởng giả để phát triển thành một cá thể, kẻ đã từng biết mùi khoái cảm của sự trầm tư mặc tưởng cũng như những vui thú âm thầm của sự thù hận lẫn ghét bỏ chính mình, kẻ khinh miệt luật lệ, phẩm hạnh và quan niệm thông thường của con người - vậy mà vẫn bó buộc là tù nhân của giai cấp trưởng giả, không thoát ra nổi. Cho nên chung quanh giới trưởng giả đúng nghĩa quy tụ biết bao thành phần của nhân loại, quy tụ hàng nghìn cuộc đời cùng trí tuệ; tuy mỗi kẻ ấy đều có thể phát triển vượt ra khỏi giai cấp trưởng giả, đi theo tiếng gọi của một cuộc sống tuyệt đối, vô điều kiện, nhưng do những tình cảm thời thơ ấu gắn bó với giới trưởng giả và vì tiềm năng khá nặng sức sống yếu đuối của nó, nên y vẫn bám lấy nó, lệ thuộc nó, ràng buộc với nó, sẵn sàng phục vụ nó thế nào đấy. Vì phương châm của giai cấp tư sản ngược với những con người vĩ đại: kẻ nào không chống lại ta là theo ta!

1. Outsider (tiếng Anh trong nguyên tác): người ngoài cuộc.

Thành ra, nếu thẩm tra tâm hồn Sói Thảo Nguyên, chúng ta sẽ thấy hắn đã cá thể hóa cao độ trở thành kẻ không-trưởng giả, vì mọi sự cá thể hóa tới mức cao đều quay lại chống đối Cái Tôi và có khuynh hướng hủy diệt nó. Chúng ta thấy trong con người hắn có những thôi thúc mãnh liệt hướng tới cả sự thánh thiện lẫn phóng đảng, nhưng vì một sự yếu đuối hay trì trệ nào đó, hắn không thể thực hiện được bước nhảy vào vũ trụ tự do và hoang dại, mà cứ bị trói chặt vào chòm sao nặng nề của giai cấp trưởng giả. Đó chính là vị trí của hắn trong vũ trụ, đó chính là sự cấu trúc của hắn. Phần lớn trí thức, đại đa số nghệ sĩ thuộc vào mẫu người này. Chỉ những kẻ mạnh nhất trong bọn họ mới xuyên qua nổi bầu khí quyển của quả đất trưởng giả, tiến vào vũ trụ; còn những người khác thấy đều cam chịu hoặc thỏa hiệp, họ khinh bỉ giai cấp trưởng giả nhưng vẫn cứ lệ thuộc vào nó và củng cố lẫn ca ngợi nó; rốt cuộc họ phải tán thành nó để có thể sống. Cuộc đời của vô vàn con người này không vì thế mà biến thành bi thảm, nhưng khá bất hạnh và đen đui; trong hỏa ngục của sự bất hạnh ấy tài năng của họ trở nên chín muồi, đơm hoa kết quả. Một số kẻ, ít ỏi thôi, bứt khỏi giai cấp trưởng giả, đạt đến chốn tuyệt đối, vô điều kiện, lại suy tàn một cách đáng khâm phục, họ là những kẻ bi tráng. Những kẻ còn lại chịu ràng buộc - mà tài năng của họ thường được

giai cấp trưởng giả vô cùng trọng vọng - được một vương quốc thứ ba rộng mở đón chào, một thế giới ảo, nhưng độc lập: đó là sự hài hước. Những con sói thảo nguyên lòng chẳng yên bình, những kẻ triền miên đau khổ, mang số phận hẩm hiu không có được sức mạnh cần thiết để xuyên tới không gian của những vì sao, những kẻ tự thấy có thiên bẩm vào cõi tuyệt đối, nhưng lại không đủ khả năng sống trong đó, những kẻ ấy còn một con đường thoát an ủi vào sự hài hước, nếu tinh thần họ trở thành vũng chầy và uyển chuyển qua đau khổ. Sự hài hước luôn mang tính trưởng giả thế nào ấy, dù kẻ trưởng giả thật sự không có khả năng hiểu được nó. Cái lý tưởng rối rắm, đa dạng của mọi con sói thảo nguyên trở thành hiện thực trong lãnh vực tưởng tượng của hần; nơi đây chẳng những hần có thể cùng lúc tán thành cả sự thánh thiện lẫn phóng đảng, uốn hai thái cực lại gần nhau, mà còn liên kết được cả kẻ trưởng giả vào sự tán thành đó nữa. Người bị thánh thần ám ảnh rất có thể tán thành kẻ tội phạm và ngược lại; nhưng cả hai loại người này, và mọi kẻ tuyệt đối khác, lại không thể chấp nhận thêm kẻ trưởng giả, loại dở dở ương ương. Chỉ có sự hài hước, phát minh tuyệt vời của những kẻ thiên bẩm trở thành vĩ đại nhưng bị kìm hãm, của những kẻ gần như bị trắng, của những kẻ bất hạnh thiên tư cùng tột, chỉ có sự hài hước (có lẽ đó là thành tựu độc đáo nhất và tài tình nhất của nhân loại) mới đạt được điều bất khả này: đó là phủ lên và hợp nhất mọi khía cạnh của con người với những tia sáng từ lăng kính của nó. Sống trong thế giới mà như thế đó không là thế giới, tôn trọng luật lệ mà vẫn đứng cao hơn nó, sở hữu mà “như không sở hữu”, từ bỏ mà như không từ bỏ - tất cả những đòi hỏi được ưa thích và thường được quy phạm hóa này của một triết lý sống rất mực thông tuệ chỉ có thể thực hiện được nhờ sự hài hước mà thôi.

Và nếu ở mê cung ngọt ngào nơi địa ngục của mình, Sói Thảo Nguyên lại thành công trong việc sắc thứ thuốc thần diệu này - hần không thiếu tư chất cùng phương cách - và vãi mồ hôi, thì hần sẽ thoát. Tất nhiên trong việc này hần còn thiếu nhiều thứ. Nhưng khả năng và hy vọng là có. Ai yêu quý hần, ai đồng cảm với hần, hãy cầu chúc cho hần thoát. Tuy qua đó hần sẽ suốt đời gắn bó với giới trưởng giả, nhưng mọi khổ lụy của hần sẽ trở nên có thể chịu đựng và đơm hoa kết quả. Quan hệ của hần với thế giới trưởng giả, trong sự thương yêu và thù ghét, sẽ mất đi tính đa cảm; sự ràng buộc giữa hần với thế giới này sẽ thôi liên tục giằng vò hần như một mối hổ nhục.

Để đạt được điều ấy, hoặc để cuối cùng có thể dám lao vào trong vũ trụ, Sói Thảo Nguyên phải một lần tự đổi chất với mình, phải nhìn sâu vào sự hỗn mang của chính tâm hồn mình và thấu hiểu triệt để về sự hiện hữu của mình. Lúc ấy sự hiện hữu mơ hồ của hần sẽ tự hoàn toàn độc lập hiển lộ trước chính hần và trong tương lai hần sẽ không thể mãi trốn chạy địa ngục của bản năng, tìm tới những an ủi triết lý và tình cảm, rồi từ đó lại đào tẩu vào trạng thái ngất ngây mù quáng của loài sói. Người và sói sẽ buộc phải nhìn thẳng vào mắt nhau, nhận biết nhau mà không cần những mặt nạ mang cảm xúc giả dối. Lúc ấy hai bên hoặc sẽ nổi giận và vĩnh viễn lìa bỏ nhau, khiến chẳng còn con sói thảo nguyên nào nữa, hoặc chịu sống chung vì lý trí, do được sự hài hước soi sáng.

Có thể một ngày nào đấy Harry sẽ đứng trước khả năng cuối cùng này. Có thể một ngày nào đấy hần sẽ học được cách tự nhận ra mình, hoặc vì hần có được tấm gương soi nhỏ bé của chúng ta, hoặc vì hần gặp người bất tử, hoặc có thể hần tìm thấy trong hí viện ma thuật của chúng ta thứ hần cần để giải thoát tâm hồn bị hắt hủi của mình. Cả nghìn khả năng như thế đang chờ đợi hần, chúng bị số phận của hần thu hút không cưỡng được; mọi kẻ bên lề này của giai cấp trưởng giả đều sống trong bầu không khí của những khả năng ma thuật ấy. Chẳng cần gì hết mà sấm sét vẫn cứ đánh được.

Sói Thảo Nguyên rất rành rẽ những điều ấy, dù hần chưa một lần thấy đoạn tiểu sử nội tâm này của mình. Hần linh cảm vị trí của mình trong tòa nhà thế giới, hần linh cảm và hiểu những người bất tử, hần linh cảm và sợ khả năng đối mặt với chính mình, hần biết về sự hiện hữu của tấm gương mà hần rất cần nhìn vào - nhưng hần lại sợ nhìn vào đó chí chết.

Còn một giả tưởng cuối cùng, một nhằm lẫn cơ bản cần làm sáng tỏ để kết thúc thảo luận của chúng ta. Mọi “sự giải thích”, mọi thứ tâm lý học, mọi nỗ lực để hiểu vấn đề quả thật cần có phương tiện hỗ trợ, những lý thuyết, những thần thoại, những sự dối trá và - vào đoạn cuối của bài trình bày - một tác giả nghiêm túc không nên bỏ qua việc lý giải những dối trá này trong khả năng cho phép. Khi tôi nói “bên trên” hoặc “bên dưới” thì đó đã là một khẳng định cần được giải thích, vì trên và dưới chỉ có trong suy nghĩ, trong sự trừu tượng. Thế giới tự nó không biết đến cao và thấp.

Thành ra, nói tóm lại, “Sói Thảo Nguyên” cũng chỉ là một giả tưởng thôi. Khi Harry tự thấy hần là một người-sói, và tưởng là được cấu thành với hai bản chất thù địch và đối kháng, thì đó chỉ là một huyền thoại

được đơn giản hóa. Harry tuyệt nhiên không phải là một người-sói; nên khi chúng ta dường như đã chấp nhận điều dối trá do chính hắc bìa đặt và tin tưởng mà không kiểm tra, chúng ta coi hắc thật sự là một sinh vật mang bản chất kép, là con sói thảo nguyên và tìm cách lý giải, có nghĩa chúng ta đã lợi dụng một điều nhầm lẫn, hy vọng qua đó sẽ làm vấn đề thành dễ hiểu hơn, khiến bây giờ chúng ta phải cố đính chính lại điều nhầm lẫn ấy.

Sự lưỡng phân thành sói và người, thành bản năng và tinh thần, như Harry cố làm cho chính hắc hiểu dễ hơn về số phận của mình, là một sự đơn giản hóa quá thô thiển, một sự cưỡng ép sự thật nhằm tạo thuận lợi cho một giải thích có vẻ hợp lý, nhưng lệch lạc, về những mâu thuẫn mà phần con người của hắc phát hiện ra trong chính hắc và chúng dường như là một cội nguồn những khổ lụy không nhỏ của hắc. Harry tìm thấy trong chính hắc một “con người”, nghĩa là một thế giới của những tư tưởng, của những cảm nghĩ, của văn hóa, của bản tính thuần hóa và thăng hoa, bên cạnh đó hắc cũng lại tìm thấy trong hắc một “con sói” nữa, nghĩa là một thế giới đen tối của những bản năng, của tính hoang dại, tàn nhẫn, của bản tính tàn bạo, không thăng hoa. Tuy bản chất hắc có vẻ được phân chia rành mạch thành hai phạm vi thù nghịch nhau, nhưng hắc luôn luôn được chứng kiến việc sói và người chịu đựng nổi nhau trong một khoảnh khắc, trong một phút giây hạnh phúc. Giả sử Harry muốn xác định trong mỗi khoảnh khắc của đời hắc, trong mỗi hành động, trong mỗi cảm giác của hắc phần nào của người, phần nào của sói thì lập tức hắc sẽ lâm vào tình thế khó xử và toàn thể mớ lý thuyết đẹp đẽ của hắc về sói sẽ tan thành mây khói ngay. Vì không một ai, kể cả người da đen man dã, kể cả kẻ ngu xuẩn, lại thoải mái đồng ý với việc bản chất của mình được giải thích chỉ qua hai hoặc ba yếu tố chính; thành ra giải thích cho một kẻ rất phức tạp như Harry bằng sự phân chia gờng ngăn thành sói và người quả là một cố gắng vô vọng, rất dối trẻ con. Harry không chỉ gồm hai bản chất, mà cả trăm, cả nghìn. Cuộc đời hắc (như mọi đời người) không chỉ dao động giữa hai cực, như giữa bản năng và tinh thần hoặc giữa thánh thiện và phóng dăng, mà giữa cả nghìn, giữa vô vàn cặp đối cực.

Chúng ta không nên ngạc nhiên khi thấy một kẻ học thức và thông minh như Harry lại có thể tự coi mình là một con “sói thảo nguyên” và tin rằng có thể thu tóm cả cái cấu trúc phong phú và phức tạp của đời mình vào trong một công thức quá giản lược, quá thô thiển đến thế. Con người không có khả năng suy tư ở mức độ cao; ngay cả người thông minh và học rộng nhất cũng thường xuyên nhìn thế giới và chính mình qua cặp kính của những công thức rất hỗn nhiên, giản lược và giả tạo - nhất là nhìn chính mình! Vì, dường như thế, nhu cầu bẩm sinh và hoàn toàn tất yếu của mọi người là hình dung Cái Tôi của họ như một nhất thể. Dù ảo tưởng này bị lung lay thường xuyên tới đâu, mãnh liệt đến đâu, nó luôn được phục hồi. Viên thẩm phán ngồi đối diện tên sát nhân, nhìn vào mắt y, nghe y nói một lúc bằng chính giọng của mình (của viên quan tòa) và phát hiện ngay trong chính lòng mình cũng có mọi cảm xúc, tài cán, khả năng của y, nhưng chỉ nháy mắt sau ông lại là nhất thể, là viên thẩm phán, quay vội về với vỏ của Cái Tôi tưởng tượng của mình, thi hành nhiệm vụ và kết án tử hình kẻ sát nhân. Còn nếu những tâm hồn đặc biệt thiên tài và được tổ chức vi tế từ từ nhận thấy sự đa dạng của chúng, khi chúng, như mọi thiên tài, phá vỡ cái ảo tưởng về sự nhất thể của cá nhân và tự cảm nhận thấy chúng là phức hợp, là một chùm của nhiều Cái Tôi, thì chỉ cần chúng nói ra điều ấy tức khắc số đông sẽ gông cổ chúng, lại còn yêu cầu khoa học trợ giúp, xác định đó là chúng tâm thần phân liệt để bảo vệ nhân loại khỏi phải nghe lời kêu gọi của sự thật từ miệng những kẻ bất hạnh này. Ô, thế thì phí lời làm gì, nói ra những điều ấy làm gì, vì người nào có suy nghĩ đều tự hiểu, nói ra chỉ đi ngược lại tập quán? Cho nên nếu nay một kẻ đã xưng phong nói sự nhất thể tưởng tượng của Cái Tôi thành lưỡng thể, thì y đúng là chẳng khác bậc thiên tài, hay ít ra cũng là một ngoại lệ hiếm hoi và thú vị. Nhưng thật ra chẳng Cái Tôi nào, kể cả Cái Tôi ngây ngô nhất, là một nhất thể, mà là cả một thế giới hết sức đa dạng, một bầu trời nho nhỏ của những tinh tú, một hỗn mang của những hình dạng, của những mức độ và trạng thái, của những di sản và những khả năng. Sự kiện mỗi cá nhân cố coi sự hỗn mang này là một nhất thể và nói về Cái Tôi của mình như đó là một hiện tượng đơn giản, cố định và có hình thù rõ rệt, cái sự kiện mà mỗi người (kể cả những bậc cao nhất) thường nhầm lẫn, dường như chỉ là một điều tất yếu, một đòi hỏi của đời sống tựa như hít thở và ăn uống.

Ảo tưởng này dựa trên một suy diễn đơn giản. Về thể xác thì mỗi người là một, về linh hồn thì không bao giờ. Cả thơ văn, thậm chí những tác phẩm hoàn chỉnh nhất cũng luôn theo thông lệ nói về những nhân vật dường như toàn vẹn, dường như nhất thể. Cho tới ngày nay, bộ môn được các chuyên gia, những người am hiểu trân trọng nhất trong thơ văn là kịch; và họ có lý, vì kịch đem lại (hoặc có thể đem lại) khả năng lớn nhất để diễn tả Cái Tôi như một nhất thể đa hợp - nếu nó không mâu thuẫn với cái hình ảnh khái quát

làm cho chúng ta tin rằng mọi nhân vật của vở kịch đều là một nhất thể, vì chắc chắn mỗi nhân vật từ đầu đến cuối đều có một cơ thể duy nhất và tách biệt. Nền thẩm mỹ học hồn nhiên cũng đánh giá cao nhất loại kịch diễn tả cá tính, trong đó mỗi nhân vật xuất hiện rõ rệt như một nhất thể tách biệt. Chỉ khi nhìn từ xa mới dần hé ra sự phỏng đoán rời rạc, rằng có thể tất cả những điều này là một thứ triết lý thẩm mỹ nông cạn rẻ tiền và chúng ta đã nhầm khi đem những khái niệm tuyệt vời thời cổ đại về cái đẹp gán cho những nhà soạn kịch lớn của chúng ta, những khái niệm chúng ta có không do bẩm sinh mà chỉ qua nghe bàn tán; thực tế những khái niệm ấy, xuất phát từ những hình hài thấy được khắp nơi, đã sáng tạo ra sự hư cấu về Cái Tôi, về nhân vật. Thơ ca cổ đại Ấn Độ hoàn toàn xa lạ với khái niệm này; những vai chính trong các thiên anh hùng ca Ấn Độ không phải là những cá thể, mà cả một đám, một chuỗi kẻ hóa thân. Và trong thế giới đương đại của chúng ta có những tác phẩm thơ văn cổ điển đạt sự đa hợp của linh hồn, đằng sau tấm màn về nhân vật và cá tính, mà hẳn chính tác giả không hoàn toàn ý thức. Ai muốn nhận ra điều này, phải quyết định một lần không nhận xét những hình hài của tác phẩm thơ ca ấy như những con người riêng biệt, mà là những phần, những mặt, những khía cạnh khác nhau của một nhất thể cao hơn (ví dụ tâm hồn nhà thơ). Ai quan sát Faust theo cách này, đều thấy Faust, Mephisto, Wagner(1) cùng mọi nhân vật khác hợp thành một nhất thể, một siêu-nhân-vật, và chỉ trong nhất thể cao vượt này, chứ không trong những nhân vật đơn lẻ, mới thể hiện phần nào bản chất đích thực của tâm hồn. Khi Faust thốt ra câu “Chao ôi, hai linh hồn cùng ở trong ngực tôi!” nổi tiếng trong giới mô phạm, còn đám phàm tục rùng mình thán phục, thì y đã quên rằng Mephisto cùng cả đám linh hồn khác mà y cũng mang trong lồng ngực. Con sói thảo nguyên của chúng ta cũng tin hấn mang trong lồng ngực hai tâm hồn (sói và người), nên thấy ngực mình bị dồn ép quá mức. Lồng ngực, cơ thể luôn luôn là một thôi, còn trong đó không chỉ hai hoặc năm linh hồn cư ngụ, mà nhiều vô kể; con người là một cử hành với hàng trăm lớp vỏ, một tấm vải dệt từ vô vàn sợi. Người Á châu thời cổ đại đã nhận biết và hiểu rõ điều này; yoga Phật giáo đã tìm ra một kỹ thuật chính xác để lột trần ảo tưởng về cá tính. Trò đùa của nhân loại thật vui nhộn và muôn hình thái: cái ảo tưởng mà Ấn Độ đã nỗ lực cả nghìn năm để lột trần lại chính là thứ mà phương Tây đã đổ ra cũng ngần ấy công sức để duy trì và khiến nó mạnh thêm.

1. Một số nhân vật chính trong vở kịch thơ Faust nổi tiếng của đại thi hào Đức Goethe (1749-1832).

Quan sát Sói Thảo Nguyên từ quan điểm này, chúng ta sẽ rõ vì sao hấn lại đau khổ quá mức đến thế dưới tính nhị phân lô bịch của hấn. Hấn nghĩ, giống như Faust, rằng một lồng ngực duy nhất cho hai linh hồn là quá nhiều và lồng ngực đó sẽ phải vỡ tan. Nhưng ngược lại, hai linh hồn là quá ít, và Harry đã làm tình làm tội linh hồn khốn khổ của hấn, khi cố tìm hiểu nó qua một hình ảnh quá đơn giản như thể. Tuy kiến thức cao, nhưng Harry hành động chẳng khác một kẻ mọi rợ không đếm nổi quá số hai. Hấn gọi một phần của mình là người, phần kia là sói, cho như thế là rốt ráo và nghĩ cạn hết rồi. Trong phần “người” hấn nhét mọi thứ trí tuệ, siêu việt hoặc có văn hóa mà hấn phát hiện nơi hấn, còn trong phần “sói” mọi thứ mang bản năng, hoang dã và hỗn loạn. Nhưng sự việc trong cuộc đời không đơn giản như trong suy nghĩ hoặc thô thiển như thứ ngôn ngữ khốn khổ của chúng ta, thành ra Harry đã tự dối lòng đến hai lần, khi hấn sử dụng phương cách sói mọi rợ này. Harry gán ghép cho “con người”, chúng ta e là như thế, trọn nhiều vùng của linh hồn hấn, những vùng còn lâu mới thuộc về con người, và cho “sói” nhiều phần trong bản chất hấn, những phần đã từ lâu không thuộc về sói nữa.

Như mọi người, Harry tin rằng biết rất rõ con người là gì, nhưng lại hoàn toàn chẳng biết gì cả, cho dù không hiểm khi hấn linh cảm thấy điều ấy trong những giấc mơ và những trạng thái ý thức khó kiểm soát nào khác. Giá như hấn không quên những linh cảm ấy, giá như hấn cố hết sức biến chúng thành của riêng! Con người không phải một cấu thành cố định và bền vững (điều này là lý tưởng của thời cổ đại, bất chấp những ước đoán trái ngược của các bậc thông thái thời bấy giờ), ngược lại y là một thử nghiệm và bước chuyển tiếp; y không là gì khác hơn một cây cầu chật hẹp, nguy hiểm nối thiên nhiên với tinh thần. Sứ mạng thâm sâu hướng y tới tinh thần, tới Chúa; còn khát vọng thâm sâu lại kéo y trở về với tự nhiên, với Mẹ nguyên thủy: cuộc đời y đung đưa đầy run sợ giữa hai thế lực ấy. Cái mà con người ta hiểu về khái niệm “người” luôn luôn chỉ là một quy ước nhất thời của giới trưởng giả. Quy ước này gạt bỏ và tẩy chay một số bản năng thô bạo nhất, nó đòi hỏi một chút ý thức, lối cư xử văn hóa và phi thú-vật-hóa, nó không chỉ cho phép mà thậm chí còn khuyến khích một chút trí tuệ. “Con người” của quy ước này, như mọi lý tưởng trưởng giả, là một thỏa hiệp, một thử nghiệm rụt rè và ngây thơ ranh mãnh, vừa để lừa bịp tổ mẫu cấu kính - thiên nhiên - cùng tổ phụ phiền nhiễu - tinh thần - trước những đòi hỏi gắt gao của họ, vừa để sống tạm gọi là trung dung giữa hai đẳng ấy. Vì thế kẻ trưởng giả cho phép và dung túng cái y gọi là “nhân

cách”, nhưng đồng thời lại trao nhân cách ấy cho thể lực độc ác “Nhà nước” và liên tục dùng chúng chống lại nhau. Cho nên hôm nay người trưởng giả thiêu kẻ bị xem là tà đạo, treo cổ kẻ bị coi là tội phạm, song ngày mai lại dựng tượng đài tưởng niệm họ.

Chính Sói Thảo Nguyên cũng linh cảm rằng “Con người” chưa phải là một tạo vật đã hoàn tất mà là một thách thức của tinh thần, một khả thể xa xôi đáng khát khao lẫn đáng sợ và luôn chỉ có thể đi tới đó từng đoạn ngắn, dưới những đau khổ kinh hoàng và những giây phút xuất thần, kể cả đối với những cá nhân hiếm hoi mà hôm nay người ta dựng đoạn đầu dài, ngày mai dựng tượng đài tưởng niệm. Nhưng cái mà hần gọi là “người” trong hần, đối nghịch với phần “sói”, phần lớn chẳng là gì khác hơn chính cái ước lệ trưởng giả tầm thường nọ. Tuy Harry có thể đã mừng tượng được khá rõ con đường đưa đến con người đích thực, con đường dẫn tới những kẻ bất tử và hần ngập ngừng bước chỗ này chỗ nọ một đoạn ngắn ngủi, để rồi trả giá bằng nhiều khổ sở và cô đơn đau đớn, nhưng tự đáy tâm hồn hần lại sợ sự thách thức cao nhất kia, không dám chấp nhận và nỗ lực vươn tới trở thành con người đích thực mà tinh thần đang tìm kiếm, không dám đi con đường chật hẹp duy nhất đưa tới sự bất tử. Hần cảm thấy rất rõ: điều đó sẽ dẫn tới những khổ đau hơn, tới sự tẩy chay, tới sự từ khước cuối cùng, có thể tới đoạn đầu dài nữa; và cho dù sự bất tử đang nhử hần ở cuối con đường này, hần vẫn không sẵn lòng hứng chịu mọi đớn đau nọ, chết mọi cái chết kia. Dù hần ý thức hơn kẻ trưởng giả về mục tiêu của sự trở thành con người đích thực, hần vẫn nhắm mắt không muốn biết rằng việc bám víu tuyệt vọng vào Cái Tôi, bám víu tuyệt vọng vào sự tham sống chính là con đường chắc chắn nhất để dẫn đến cái chết đời đời, trong khi việc có thể chết, việc rũ sạch mọi lớp màn che đậy, vĩnh viễn dâng hiến Cái Tôi cho sự chuyển hóa lại đưa tới sự bất tử. Khi hần tôn thờ những người hần yêu quý trong những kẻ bất tử, chẳng hạn Mozart, thì rút cuộc hần vẫn luôn đánh giá ông bằng đôi mắt của kẻ trưởng giả và có khuynh hướng, như một thầy giáo, giải thích sự toàn mỹ của Mozart chỉ là nhờ thiên bẩm đặc biệt cao vời, thay vì do tầm vóc của sự dâng hiến và sẵn sàng chấp nhận khổ đau của ông, do sự thờ ơ của ông đối với những lý tưởng của kẻ trưởng giả, do sự chịu đựng nổi cô đơn cùng cực của ông, nỗi cô đơn hòa loãng mọi bầu không khí trưởng giả thành lớp ê te bằng giá quanh những kẻ đau khổ, những kẻ hóa thân thành người, nỗi cô đơn trong vườn Gethsemane(1).

1. Vườn Gethsemane: nơi Chúa Jesus cô đơn cầu nguyện ba lần, trước khi bị bắt, rồi chịu khổ hình trên thập giá (theo Tân Ước).

Dẫu sao Sói Thảo Nguyên của chúng ta ít ra cũng đã phát hiện ra bản chất kép như ở nhân vật Faust trong con người hần, hần đã khám phá ra rằng trong nhất thể của hình hài hần không trú ngụ một nhất thể của tâm hồn, mà giới lấm thì hần mới đang trên con đường dài hành hương tới lý tưởng của sự hòa đồng này thôi. Hần muốn chế ngự con sói trong mình và hoàn toàn trở thành con người, hoặc từ khước phần người và ít nhất sống một cuộc sống trọn vẹn như sói, không bị phân hóa. Có lẽ hần chưa từng quan sát kỹ một con sói thật sự, vì nếu có, hần hần đã thấy rằng loài vật cũng không có linh hồn nhất thể; dưới vóc dáng căng lẳn, đẹp đẽ của tấm thân chúng cũng có vô vàn khát vọng cùng trạng thái; trong lòng sói cũng đầy rẫy đau khổ và vực thẳm. Không, “Trở về với tự nhiên!” nghĩa là con người luôn theo con đường lầm lạc đầy đau khổ và vô vọng. Harry chẳng bao giờ hoàn toàn trở thành sói lại được nữa, và nếu có, hần hần sẽ thấy rằng ngay cả sói cũng không phải là gì đơn giản và sơ khai, mà đã rất đa dạng và phức tạp. Cả con sói cũng có hai hay nhiều linh hồn hơn nữa trong lồng ngực nó và ai ao ước được thành sói hần cũng đã lãng quên như người đàn ông trong bài hát “Ôi, sung sướng sao còn được là một đứa trẻ!” Người đàn ông đáng mến nhưng đa cảm hát bài ca này, về những đứa trẻ hạnh phúc, là kẻ cũng ước mong trở về với tự nhiên, với sự ngây thơ trong trắng, với những thuở ban đầu và quên bằng rằng trẻ thơ chẳng hạnh phúc chút nào, mà có thể chúng phải chịu bao tranh chấp, bao mâu thuẫn tự thân và mọi đau khổ khác.

Hoàn toàn không có con đường trở về nào, dù trở về với sói hay trẻ thơ. Khởi thủy của sự vật không phải là thơ ngây và chất phác; mọi tạo vật, kể cả thứ dường như đơn giản nhất, đều đã mang tội lỗi, đều đã đa dạng, đều đã bị quăng vào dòng lưu chuyển bất thủy của sự biến dịch và không bao giờ, không bao giờ bơi ngược dòng được nữa. Con đường đưa tới ngây thơ, tới trạng thái chưa được tạo dựng, tới Chúa không quay ngược, mà đi tới, không trở về với sói hay trẻ thơ, mà mãi dần sâu vào trong tội lỗi, vào sự thành người. Sói Thảo Nguyên đáng thương ời, dù mi tự sát cũng chẳng giúp ích thật sự gì cho mi đâu, mi sẽ phải đi suốt chặng đường lê thê, nhọc nhằn và vất vả để thành người, mi sẽ còn phải thường xuyên nhún lên bội phần cái bản chất kép của mi, phức tạp hóa nhiều hơn nữa sự phức tạp của mi. Thay vì thu hẹp thể giới của mình, đơn giản hóa linh hồn mình, mi sẽ phải nhận thêm, cuối cùng phải thu nhận cả thể giới vào trong linh hồn đau đớn nơi rộng của mi, để may ra được một lần kết thúc, được nghỉ ngơi. Đức Phật đã

đi con đường này, mọi vĩ nhân cũng đều theo con đường này, người ý thức, kẻ không, bao lâu họ gặp may với sự táo bạo ấy. Mọi sinh nở đều có nghĩa chia lìa với toàn thể, có nghĩa xác định ranh giới, tách rời khỏi Chúa, có nghĩa một sự tạo dựng mới đầy đau khổ. Trở về với cái toàn thể, giải thoát sự cá nhân hóa đầy khổ lụy, hòa nhập với Chúa có nghĩa là mở rộng tâm hồn cho đến khi nó lại có thể ôm tròn cái toàn thể.

5. Chương 5

Đây không phải nói về con người mà nhà trường, nền kinh tế quốc dân, sự thống kê vốn biết, cũng không nói về con người như hàng triệu kẻ đang ngược xuôi trên đường phố, chẳng khác cát trong biển cả hay những tia nước của ngọn sóng xô bờ; hơn kém vài triệu chẳng nghĩa lý gì, họ là vật liệu, thể thời. Không, ở đây chúng ta nói về những con người theo nghĩa cao hơn, về mục đích của con đường trở thành người dài tít tắp, về những con người vương giả, về những kẻ bất tử. Bậc thiên tài không hiếm như chúng ta thường vẫn tưởng, tất nhiên cũng không quá sẵn như văn học sử và sử thế giới hoặc thậm chí báo chí hằng ngày vẫn nghĩ. Sói Thảo Nguyên Harry, theo chúng ta thấy, có lẽ đủ thiên tài để bạo dạn thử trở thành con người đích thực, thay vì mỗi khi gặp khó khăn lại than thở, viện cớ là con sói thảo nguyên ngu xuẩn.

Thật quá đổi ngạc nhiên và nản chí khi những con người với khả năng như thế lại phải cầu cứu đến những con sói thảo nguyên cùng kiểu than van “Hai linh hồn, chào ơi!” như họ quá thường bày tỏ thứ luyến ái hèn nhất nọ với nếp sống trưởng giả. Một người có khả năng hiểu được Đức Phật, một người có được linh cảm về cõi trời và những vực thẳm của nhân loại không nên sống trong một thế giới ngự trị bởi lý trí của con người lành mạnh, chế độ dân chủ và nền giáo dục trưởng giả. Y sống trong đó chỉ vì hèn nhát và khi bị tâm cơ của y thúc ép, khi căn phòng trưởng giả chật hẹp trở nên quá tù túng với y, y liền đổ lỗi cho phần “sói” chứ không chịu hiểu rằng đôi khi con sói là phần đáng quý nhất của mình. Y gọi tất cả những gì hoang dại trong bản thân là sói, coi đó là xấu xa, nguy hiểm, là con ngáo ộp của giới trưởng giả - nhưng mà y, tưởng mình là một nghệ sĩ và có nhận xét tinh tế, lại không nhận ra nổi rằng ngoài con sói, phía sau con sói, còn nhiều con vật khác sống trong y, rằng không phải hề thứ gì cần đều là sói cả, vì ở đó còn có cả chồn, rồng, cọp, hổ và chim thiên đường(1) sống nữa. Hết như y không thấy được rằng cả thế giới này, hết thảy các vườn địa đàng này với những hình thù xinh đẹp hoặc đáng sợ, lớn hay nhỏ, mạnh mẽ hay yếu đuối đều bị đè bẹp và giam hãm bởi câu chuyện ngụ ngôn về con sói, giống như con người đích thực trong y bị con người giả mạo - kẻ trưởng giả - đè bẹp và giam hãm.

1. Loại chim lông sặc sỡ ở một số rừng nhiệt đới Á châu.

Ta thử hình dung một khu vườn với hàng trăm loại cây, hàng nghìn loại hoa, hàng trăm loại trái, hàng trăm loại rau cỏ. Giả dụ người làm vườn chỉ phân biệt nổi chúng thành loại “ăn được” và “cỏ dại”, thì y sẽ chẳng biết nên làm gì với chín phần mười thửa vườn, y sẽ nhổ phăng những bông hoa tuyệt trần nhất, sẽ đốn trụi những cây quý nhất, hoặc sẽ ghét bỏ và lờn nguyền chúng. Sói Thảo Nguyên cũng cư xử y như thế với hàng nghìn đóa hoa trong tâm hồn hần. Cái gì không thích hợp với phạm trù “con người” hoặc “sói” hần đều không nhìn thấy. Và còn có gì mà hần chẳng xếp vào cho “con người”! Tất cả những trò hèn nhát, ngớ ngẩn như khi, mọi trò ngu muội và bần tiện hần đều gán cho “con người”, miễn không có vẻ sói, cũng như hần quy cho con sói mọi thứ mạnh mẽ và cao quý, chỉ vì hần chưa thành công trong việc làm chủ được nó.

Chúng ta tạm biệt Harry ở đây, để mặc hần một mình đi tiếp con đường của hần. Giả thử hần tới được cõi những người bất tử rồi, giả thử hần đã đạt đến đích mà con đường khó nhọc của hần dường như hướng tới thì hần sẽ kinh ngạc ra sao khi nhìn lại con đường quanh co khúc khuỷu mà hần đã hết đi tới lại đi lui, lung tung, do dự và hần sẽ động viên, trách mắng, cảm thông, cười cợt con sói ấy như thế nào!

Đọc xong, tôi chợt nhớ mấy tuần trước có lần đã viết một bài thơ khá kỳ lạ cũng nói về Sói Thảo Nguyên, nên lục tìm trong đồng giấy má trên cái bàn đầy nhóc. Thấy rồi tôi liền đọc:

Ta, Sói Thảo Nguyên, ruổi rong, rong ruổi

Thế gian đầy tuyết,

Từ cây bạch dương con quạ vỗ cánh bay lên,
Nhưng chẳng thấy đâu một bóng thỏ, một dáng nai!
Ta vốn khoái nai tơ,
Phải chi vớ được một con!
Ta sẽ ghì nó trong nanh, quặp nó trong chân,
Chẳng còn gì tuyệt vời hơn thế.
Ta sẽ hết lòng trân trọng con thú yêu kiều,
Ta bập thật sâu vào bắp chân mảnh khảnh,
Uống no nê dòng máu đỏ tươi,
Để rồi sau đó ta cô đơn tru suốt đêm trường.
Dù chỉ vớ được một con thỏ thôi, ta cũng hài lòng,
Trong đêm tối, thịt nó ấm nên vẫn ngọt.
Chao ơi, chẳng lẽ mọi thứ đều đã rời bỏ ta,
Những thứ khiến cuộc đời vui thêm chút ít?
Lông đuôi ta đã bạc rồi,
Mắt ta cũng không còn thật tinh tường nữa,
Vài năm trước vợ yêu của ta đã lìa đời.
Giờ đây ta lang thang và mơ đến những con nai,
Lang thang và mơ đến những con thỏ,
Nghe gió hú trong đêm đông,
Ta nuốt tuyết hầu làm dịu họng ta cháy bỏng,
Và mang cho quỷ dữ linh hồn khốn khổ của ta.

Thế là tôi có trong tay hai bức chân dung của chính mình, một bức tự họa qua những vần thơ nghe như chọc vào tai, buồn rầu và hãi sợ như bản thân tôi, bức kia lạnh lùng, mang vẻ hết sức khách quan của một kẻ ngoài cuộc, nhìn từ bên ngoài lẫn bên trong, viết do một người biết nhiều song lại ít hơn tôi biết về chính mình. Cả hai bức chân dung này, bài thơ u buồn, áp a áp úng của tôi lẫn bài khảo cứu sáng suốt của một kẻ ẩn danh, đều làm tôi đau đớn; cả hai bài đều chí lý, đều lột trần sự hiện hữu thê lương, đều vạch rõ tình trạng khôn kham và bất ổn của tôi. Gã Sói Thảo Nguyên này phải chết, hẳn phải tự tay kết liễu sự hiện hữu đáng ghét của mình hoặc - do tan chảy trong lò lửa luyện ngục của sự tái chiêm nghiệm mình - hẳn phải biến cải, gỡ bỏ mặt nạ và thực hiện công cuộc trở thành một Cái Tôi mới. Chao ơi, quy trình này nào phải mới mẻ hay xa lạ gì đối với tôi; tôi biết nó mà, tôi đã trải qua nhiều lần rồi, lần nào cũng đều trong những giai đoạn tuyệt vọng tột cùng. Lần nào Cái Tôi ở thời kỳ ấy cũng vỡ tan thành muôn mảnh, khi sự cố bị đào xới tàn tệ; lần nào nó cũng đều bị những sức mạnh sâu kín lung lay và hủy hoại, lần nào cũng có một khoảng đời được chăm chút và đặc biệt yêu dấu của tôi phản bội tôi, bỏ đi không tăm tích. Một lần tôi đã mất đi cái thanh danh trưởng giả cùng tài sản của mình và đã phải học khước từ lòng kính trọng của những kẻ cho đến lúc ấy vẫn ngả mũ chào tôi. Một lần khác, chỉ trong một đêm cuộc sống gia đình của tôi sụp đổ; người vợ bị bệnh tâm thần của tôi(1) đã xua đuổi tôi ra khỏi mái nhà êm ấm; tình yêu và lòng tin cậy đột nhiên biến thành thù hận và cãi nhau chí tử; láng giềng nhìn theo tôi thương hại và khinh bỉ. Sự cô đơn của tôi bắt đầu từ ngày ấy. Rồi sau nhiều năm, sau nhiều năm vô cùng cay đắng, trong sự cô đơn ghê gớm và kỷ luật tự giác gian khổ tôi xây dựng được cho mình một cuộc sống cùng lý tưởng khổ hạnh và trí thức mới, đời tôi đã lại đi lên và đạt một mức bình yên nào đấy, tôi say mê luyện tập suy nghĩ trừu tượng và nhập định theo quy tắc nghiêm ngặt, thì cung cách sống mới này cũng lại sụp đổ và đột nhiên mất đi ý nghĩa cao cả của nó; tôi lại bị lôi kéo vào những chuyến du lịch rất căng thẳng trên thế gian này, đau khổ

mới và tội lỗi mới chất chồng. Và lần nào cũng thế, trước khi một mặt nạ bị lột bỏ, một lý tưởng sụp đổ, tôi đều phải trải qua tình trạng trống rỗng và thanh thản rùng rợn này, cái địa ngục hoang vu trống trải này của sự không có tình yêu và tuyệt vọng, như giờ đây tôi lại phải vượt qua.

1. Năm 1919, người vợ đầu của Hesse bị bệnh tâm thần phân liệt.

Không thể phủ nhận là cứ mỗi khi cuộc đời mình bị chấn động như thế thì rốt cục tôi cũng đều đã đạt được chút gì đấy, một chút tự do, trí tuệ, thâm trầm, cả sự cô quạnh nữa, cả tình trạng không ai hiểu mình và sự ngạo lạnh. Nhìn từ phía kẻ trưởng giả thì cuộc đời tôi sa sút không ngừng, từ lần chấn động này qua lần chấn động khác, ngày càng cách xa cái bình thường, cái được phép, cái lành mạnh. Suốt nhiều năm tôi trở thành kẻ vô nghề nghiệp, không gia đình, không quê hương, sống bên ngoài mọi phe nhóm, mọi giới xã hội, đơn độc, chẳng ai yêu thương, bị nhiều kẻ nghi ngờ, không ngừng xung đột gay gắt với công luận cùng đạo đức và mặc dù vẫn sống trong khuôn khổ trưởng giả, tôi vẫn là kẻ xa lạ ngay giữa thế giới này do tất cả cách rung cảm và suy nghĩ của mình. Tôn giáo, Tổ quốc, gia đình, Nhà nước đều đã mất giá trị đối với tôi và chẳng liên quan gì tới tôi nữa; sự quan trọng hóa của khoa học, của những phường hội, của các nghệ thuật làm tôi ghê tởm; những quan điểm của tôi, những thị hiếu, mọi suy nghĩ của tôi, những điều ngày trước từng khiến tôi nổi bật là một kẻ tài hoa và được hâm mộ, nay bị nghi ngờ, trở nên tàn lụi. Cứ cho là tôi đã gặt hái được một điều gì vô hình và không thể cân đo qua mọi cuộc hóa thân đau khổ đến thế của mình, thì tôi cũng đã phải trả giá đắt và cuộc đời tôi càng trở nên gian khổ hơn, khó khăn hơn, cô đơn hơn và hiem nghèo hơn từ lần này qua lần khác. Thật ra tôi chẳng có lý do gì để ước mong tiếp tục theo con đường này, nó chỉ dẫn tôi tới những bầu không khí loãng hơn, giống như làn khói trong bài thơ Herbstlied - Ca khúc mùa thu của Nietzsche.

À vâng, tôi biết những sự kiện này, những sự hóa thân này, những thứ mà định mệnh dành cho bấy con đã gây cho nó nhiều lo âu, bấy con khó nuôi của nó, tôi biết chúng rõ lắm. Tôi biết chúng như một kẻ đi săn, đầy tham vọng nhưng thất bại, có thể biết về những chặng đường của cuộc săn, như một người chơi chứng khoán lão luyện có thể biết về những giai đoạn của việc đầu cơ, của lợi nhuận, của thị trường bất ổn, của biến động giá cả và của sự phá sản. Tôi có nên thực sự trải qua một lần nữa mọi điều ấy không? Lại trải qua mọi giày vò ấy, mọi cùng quẫn kinh hoàng ấy, mọi điều trông thấy về sự thấp hèn và vô tích sự của bản ngã tôi, mọi khựng khiếp trước sự thua cuộc, mọi sợ hãi trước cái chết? Chẳng phải là khôn ngoan và đơn giản hơn ư, khi ta lẩn tránh? Hẳn rồi, như thế là khôn ngoan và đơn giản hơn. Mặc cho những điều viết về những “kẻ tự sát” trong tập sách mỏng về Sói Thảo Nguyên đúng hay sai, không ai có thể ngăn cản tôi thú vui dùng thần khí, dao cạo hay súng ngắn để khởi phải lập lại một quy trình mà quả thật tôi đã phải nếm trải quá thường và quá nhiều sự giày vò cay đắng của nó. Không, quý thần ơi, chẳng thế lực nào trên thế gian này có thể đòi hỏi tôi phải chịu đựng thêm lần nữa những ớn lạnh chết người của cuộc gặp gỡ chính mình, thêm một lần tái tạo mới, một sự đầu thai mới mà mục tiêu và cứu cánh của nó không phải là yên bình và thư thái, mà luôn chỉ là sự tự hủy diệt mới, luôn chỉ là sự tự tạo dựng mới! Mặc cho việc tự sát là ngu xuẩn, hèn nhát và đáng khinh, mặc cho nó là một lối thoát không về vãng và đầy nhục nhã, để ra khỏi luyện ngục của sự đau khổ này thì mọi lối thoát, dù hèn hạ nhất cũng đáng được tha thiết ước ao; nơi đây không còn chỗ nào nữa cho vở kịch mang tính hào hiệp cao thượng và chủ nghĩa anh hùng, nơi đây tôi bị đặt trước một chọn lựa đơn giản giữa sự đau đớn nhỏ nhoi, thoáng qua và nỗi khổ đau vô hạn, nóng bỏng không tưởng tượng nổi. Trong cuộc đời gian khổ và cuồng điên đến thế của mình tôi đã quá thường đóng vai Don Quichotte(1) cao quý, đã chuộng danh dự hơn thoải mái, chủ nghĩa anh hùng hơn lý trí. Đủ rồi và phải chấm dứt thôi!

1. Nhân vật chính trong tiểu thuyết cùng tên nổi tiếng của nhà văn Tây Ban Nha Miguel de Cervantes Saavedra (1574-1616).

Cuối cùng, khi tôi đi nằm, buổi sáng đã lấp ló qua khung kính cửa sổ, cái buổi sáng màu chì, đáng nguyên rủa của một ngày mưa gió mùa đông. Tôi mang theo vào giường điều quyết định của mình. Nhưng tệ hại thay, đúng lúc tôi vừa thiếp đi, thì ở ranh giới cuối cùng của ý thức, cái đoạn lạ lùng nói về “những kẻ bất tử” chợt lóe lên một tích tắc trong tôi, khiến tôi nhớ lại trong chớp mắt rằng thỉnh thoảng - và vừa mới đây thôi - tôi cảm thấy đã đủ gần những kẻ bất tử để cùng thưởng thức trong một nhịp của khúc nhạc cổ điển tất cả sự thông tuệ lạnh lùng, sáng láng cùng nụ cười khát khe của họ. Điều tôi nhớ lại ấy hiện ra, ngời sáng, rồi tắt ngấm và giấc ngủ đè lên trán tôi như một quả núi nặng nề.

Quãng gần trưa tôi thức dậy thì cái tình trạng đã được làm sáng tỏ kia lại ập ngay đến với tôi; tập sách

nhỏ cùng với bài thơ của tôi nằm trên chiếc bàn ngủ; cái quyết định - đã định hình trọn vẹn và chắc chắn trong giấc ngủ hồi đêm - vui vẻ và điềm tĩnh nhìn tôi từ sự hỗn loạn trong cuộc sống mới đây của tôi. Gấp gấp nhưng không vội vàng! Quyết định tự sát của tôi không phải chuyện bốc đồng trong một giờ, mà là một trái chín, để lâu được; nó lớn từ từ và nặng dần, khẽ đung đưa theo ngọn gió định mệnh và sẽ rụng rơi trong làn gió sắp tới.

Tôi có trong túi thuốc du lịch một phương tiện tuyệt vời để làm dịu đớn đau: thuốc phiện được pha chế cực mạnh mà tôi thường giữ cả tháng, rất hiếm khi dám đụng tới; tôi chỉ dùng thứ thuốc gây mê nặng này khi bị những đau đớn thể xác hành hạ tới mức chịu không nổi. Nhưng tiếc thay nó lại không thích hợp để tự tử; nhiều năm trước tôi đã có lần thử rồi. Hồi đó, khi lại bị tuyệt vọng bủa vây, tôi đã nuốt một lượng khá, đủ để giết sáu người, thế mà nó chẳng giết được tôi. Tuy tôi có thiếp đi và hoàn toàn mê man trong nhiều giờ, nhưng cực kỳ thất vọng khi mơ màng tỉnh dậy vì bao tử quặn thắt dữ dội, tôi nôn ra hết thứ thuốc độc kia, song không tỉnh hoàn toàn và lại thiếp đi; mãi trưa hôm sau mới tỉnh hẳn, tỉnh táo khủng khiếp, đầu óc trống rỗng, chấy rui và hầu như mất sạch trí nhớ. Nhưng chất độc này chẳng để lại di chứng nào, trừ một thời kỳ tôi bị mất ngủ và những cơn đau bao tử làm tình làm tội.

Nghĩa là không thể dùng thứ thuốc ấy được rồi. Nhưng bây giờ tôi quyết định cụ thể như sau: ngay khi lại xảy ra tình trạng khiến phải dùng đến thứ thuốc chế biến từ nha phiến này, thì thay vì một sự giải thoát ngắn ngủi tôi sẽ cho phép mình nhâm nhi sự giải thoát lớn, chắc chắn, bằng một viên đạn hay lưỡi dao cạo. Như thế tình trạng đã sáng tỏ! Phải chờ đến sinh nhật thứ năm mươi của mình, theo cái cách kỳ dị của tập sách về Sói Thảo Nguyên, tôi thấy thật quá lâu, còn những hai năm nữa! Dù thực hiện quyết định này trong một năm, trong một tháng hay ngay ngày mai thì cánh cửa cũng đã rộng mở rồi!

Tôi không thể nói rằng “quyết định” này đã thay đổi nhiều cuộc đời mình. Nó khiến tôi thờ ơ hơn đôi chút trước những đau đớn, bệnh tật, ít ưu tư hơn khi dùng thuốc phiện và rượu, tò mò hơn một chút về giới hạn của sự chịu đựng, tất cả chỉ có thế. Những sự kiện khác tôi đã trải qua buổi tối hôm ấy mới thật có hậu quả mạnh hơn. Thỉnh thoảng tôi vẫn đọc lại hết tập luận thuyết về Sói Thảo Nguyên, khi thì say mê và với lòng hàm ơn như thể biết có một nhà ảo thuật vô hình hướng dẫn định mệnh của tôi một cách sáng suốt, lúc lại chế giễu và khinh miệt sự nhạt nhẽo của tập luận thuyết mà theo tôi nó dường như không hiểu tâm trạng và căng thẳng đặc biệt của tôi. Những điều viết trong ấy về lũ sói thảo nguyên và những kẻ tự sát có thể rất hay ho và sáng suốt đấy, đúng cho chủng loại đó, mẫu người đó, quả là một sự trừu tượng đặc sắc; còn ngược lại, theo tôi thấy, cái lưới thưa như thế thật khó chụp bắt nổi cá nhân tôi, tâm hồn thật sự cùng số phận độc nhất cá biệt của tôi.

Nhưng điều khiến tôi bận tâm trí hơn mọi điều khác là cái ảo giác trên bức tường ngôi nhà thờ nọ, là lời tuyên cáo đầy dự báo của những chữ bằng ánh sáng nhảy nhót lung linh phù hợp với những ám dụ của tập luận thuyết. Ở đó tôi đã được hứa hẹn nhiều, những giọng nói của cái thế giới xa lạ nọ đã khơi dậy mãnh liệt trí tò mò của tôi, tôi thường đắm chìm hàng giờ ngẫm nghĩ về nó. Và lời cảnh báo của hàng chữ ấy không ngớt nói với tôi mỗi lúc một rõ ràng hơn: “Không phải ai muốn vào xem cũng được!” và “Chỉ dành cho những người điên!” Nghĩa là tôi phải điên và khác biệt hẳn “bất cứ ai” nếu những tiếng nọ đến được với tôi và những thế giới nọ nói được cùng tôi. Chúa ơi, chẳng lẽ tôi chưa xa cách đủ với đời sống của mọi người, với sự hiện hữu và tư duy của những kẻ bình thường từ lâu rồi ư, chẳng lẽ tôi chưa tách biệt và quá điên rồ từ lâu rồi ư? Vậy mà tôi hiểu rất rõ trong tận đáy lòng lời kêu gọi kia, lời đòi hỏi trở thành kẻ điên, vất bỏ lý trí, ngần ngại, lối sống trưởng giả, hiển mình cho thế giới buông thả không bị kềm tỏa của tâm hồn, của trí tưởng tượng.

Một ngày nọ, sau khi uống công thêm một lần nữa lòng khắp các đường phố cùng quảng trường tìm kiếm người đàn ông vác thanh gỗ gắn tấm bích chương, sau nhiều lần tạt qua bức tường với cái cổng vô hình và để ý rình, tôi gặp ở khu ngoại ô St.Martin một đám ma. Khi quan sát những gương mặt của tang chúng lê bước sau chiếc xa hòm, tôi nghĩ: “Trong thành phố này, trong thế gian này, đâu là kẻ mà cái chết của người ấy sẽ là một mất mát đối với ta? Và đâu là kẻ mà cái chết của ta sẽ có chút ý nghĩa nào đấy với người đó?” Ở thì, có Erika đấy, người tình của tôi, nhưng từ lâu rồi chúng tôi sống trong mối quan hệ rất hời hợt, hiếm khi gặp nhau mà không cãi vã và bây giờ tôi chẳng biết đến cả nàng đang ở đâu. Thỉnh thoảng nàng tìm đến tôi, hoặc tôi tới với nàng và vì hai chúng tôi đều là người cô đơn và khó tính, trong tâm hồn và trong tâm bệnh thoảng có chút gì giống nhau, nên tuy vậy vẫn còn giữ được sự gắn bó. Nhưng có thể nào nàng không thờ dãi nhẹ nhõm khi được tin tôi chết chẳng? Tôi không biết, cũng chẳng rõ cảm nhận của mình có

đáng tin cậy không. Người ta phải sống trong trạng thái bình thường và khả thể mới mong biết gì đây về những điều này.

Trong lúc đó, chiều theo tính bốc đồng, tôi nhập vào đám tang và lững thững theo sau những người đang đau buồn nọ tới nơi chôn cất, một nghĩa trang hiện đại, trắng xi măng, được phép có lò thiêu cùng mọi thứ tiện nghi khác. Nhưng họ không thiêu kẻ quá vãng này mà quan tài được hạ xuống trước một cái huyệt đơn sơ; tôi quan sát ông mục sư cùng những kẻ kiếm ăn trên xác chết - các nhân viên của một xí nghiệp mai táng - cử hành nghi lễ; vì cố nặn ra một vẻ thật trang trọng và sâu thẳm, nên họ đã ra sức đóng kịch; sự lúng túng và vẻ giả dối khiến họ đâm ra khôi hài; tôi thấy những nếp gấp trên bộ đồng phục đen của họ chảy xuống và họ cố tạo một bầu không khí buồn rầu để buộc những người đưa đám phải khầu đầu trước vẻ uy nghi lẫm liệt của thần Chết. Nhưng chỉ hoài công, chẳng ai thương khóc, dường như tất cả đều không thấy thiếu vắng người đã khuất. Cũng chẳng thuyết phục được ai nấy chút lòng sùng tín, nên khi ông mục sư luôn miệng “thưa các tín hữu Cơ Đốc giáo quý mến,” mọi khuôn mặt kinh doanh lăm lăm của những thương gia, của những chủ lò bánh mì cùng các bà vợ đều cúi gằm, cố nặn vẻ nghiêm trang, những bối rối và giả trá; chẳng có gì khiến những khuôn mặt ấy lộ nét cảm kích hơn là buổi lễ tang không chút thoải mái này chấm dứt sớm. Khi tang lễ kết thúc, hai người đứng hàng đầu trong số các tín hữu Cơ Đốc giáo bắt tay ông mục sư, rồi họ tới vệ cỏ gần đó cạo giày cho sạch lớp bùn nhão nhoét, thứ bùn mà họ đã chôn người chết; gương mặt họ tức thì trở lại bình thường, ra dáng con người. Chợt thấy một người trong đám ấy có vẻ quen quen, dường như đó là người đàn ông ngày nọ đã vác tấm bích chương và ấn vào tay tôi tập sách mỏng kia.

Đúng lúc tôi ngỡ là nhận ra ông ta, thì ông ta quay người, cúi xuống kiểu cách xấn chiếc quần đen lên khỏi giày rồi nhanh nhẹn bước đi, cây dù kẹp dưới nách. Tôi chạy theo, bắt kịp, gật đầu chào, nhưng dường như ông ta không nhận ra tôi.

“Hôm nay không có giải trí buổi tối à?” tôi vừa hỏi vừa nháy mắt, giống những kẻ đồng lõa biết được điều bí mật vẫn làm với nhau. Nhưng đã lâu lắm rồi, từ cái thời tôi rành rẽ lối ra hiệu bằng điệu bộ và nét mặt, lối sống của tôi đã khiến tôi gần như quên mất thể nào là nói năng và trò chuyện, thành ra chính tôi cũng cảm thấy mình chỉ nặn được một vẻ mặt nhún nhó ngớ ngẩn.

“Giải trí buổi tối à?” người đàn ông vừa lầu bầu vừa nhìn tôi như một kẻ lạ hoắc. “Cha nội ơi, nếu có nhu cầu thì cứ đến quán Đại Bàng Đen.”

Quả thật tôi không còn dám chắc ông ta chính là người mình muốn tìm. Tôi thất vọng tiếp tục đi, chẳng rõ tới đâu, không mục đích, nỗ lực hay nhiệm vụ nào. Cuộc đời cay đắng đến ghê tởm; tôi cảm thấy sự chán ghét ngày một tăng đã từ lâu nay đạt tới cao điểm và cuộc đời xua đuổi, ruồng bỏ tôi như thế nào. Tôi giận dữ chạy qua thành phố xám xịt, thấy mọi thứ dường như toát ra mùi đất ẩm ướt và mùi mai táng. Không, ngày chôn cất tôi sẽ không một con chim báo tử khoác áo thụng thầy tu nào lăm nhăm những lời ủy mị với tín hữu Cơ Đốc giáo được phép đứng bên huyệt của tôi! Chao ơi, mặc lòng tôi nhìn về đâu, mặc lòng tôi hướng suy nghĩ về đâu, chẳng nơi nào chờ đợi tôi với niềm vui, không nơi nào vẫy gọi tôi, không nơi nào thoáng chút hơi hướm của sự dục dõ; tất cả đều nồng nặc mùi hao mòn thói rửa, mùi thỏa mãn tạm bợ hôi rình, tất cả đều củ mềm, tàn tạ, xám ngoét, bở phờ, kiệt quệ. Chúa ơi, sao lại thế được? Sao tôi lại có thể lăm vào một hoàn cảnh như thế được - tôi, gã thanh niên được chấp cánh, thi sĩ, bạn của những nữ thần thơ ca, kẻ ngao du khắp thế gian, kẻ mộng mơ cuồng nhiệt? Làm thế nào mà nó luồn vào tôi từ từ như thế được, cái sự tê liệt ấy, niềm thù hận ấy đối với bản thân tôi và tất cả, sự tác nghiệt ấy của mọi cảm giác, sự bất mãn sâu xa cay độc ấy, cái địa ngục bản thủ ấy của trái tim trống rỗng và niềm tuyệt vọng?

Lúc đi ngang qua thư viện, tôi gặp một ông giáo sư trẻ mà trước đây tôi thỉnh thoảng vẫn trò chuyện, thậm chí vài năm trước, trong lần cuối cùng cư ngụ tại thành phố này, tôi từng nhiều lần đến tận nhà thăm, cùng ông mạn đàm về thần thoại phương Đông, một lĩnh vực tôi rất quan tâm hồi đó. Đi ngược chiều tôi, nhà học giả đáng người cứng đơ và cận thị khá nặng, chỉ kịp nhận ra tôi khi tôi sắp đi qua khỏi. Ông nhảy bổ vào tôi với cả tấm chân tình, còn tôi nửa vui nửa không vì lòng đang rầu rĩ. Ông mừng rỡ, sôi nổi hẳn lên, nhắc lại những chi tiết từ các buổi mạn đàm ngày trước của chúng tôi, đoan chắc rằng ông rất hàm ơn những gợi ý của tôi và vẫn thường nhớ đến tôi; kể từ dạo ấy ông ít khi có được những buổi tranh luận hào hứng và phong phú đến thế với các đồng nghiệp. Ông hỏi tôi tới thành phố này bao lâu rồi (tôi nói dối: mới vài ngày) và sao không đến thăm ông. Tôi nhìn vào khuôn mặt học giả hiền lành của con người dễ mến ấy, thấy khung cảnh hơi nực cười, nước dãi ứa đầy vòm họng khô khốc, tình cảm khiến hẳn mềm lòng dù hẳn không muốn. Đúng thế, cho nên tôi mồm năm miệng mười nói dối rằng chỉ ở tạm đây thôi, vì chuyện

ngiên cứu, và tại trong người không khỏe, bằng không tất nhiên thế nào tôi cũng đến thăm ông chứ. Rồi khi ông chân thành mời tôi thế nào cũng phải đến chơi ngay buổi tối ấy, tôi liền cảm ơn nhận lời và nhờ ông chuyển lời chào đến bà vợ; việc nói cười hăm hở này khiến hai bên má tôi đau dần, vì chúng không còn quen phải gắng sức như thế nữa. Và trong lúc tôi, Harry Haller này, đứng đấy trên đường phố, hoàn toàn bất ngờ vì được tặng bốc nên đã lễ độ và vồn vã mỉm cười với khuôn mặt hiền lành cận thị của con người dễ mến này, thì gã Harry kia đứng ngay bên cạnh cũng cười luôn, gã vừa đứng vừa cười, nghĩ tôi đúng là một thứ anh em quá gối, lươn lẹo và dối trá; mới hai phút trước tôi còn nhe răng phần nộ với cả thế gian khốn kiếp, thế mà giờ đây chỉ nghe một tiếng gọi, một lời chào hỏi vô thưởng vô phạt của một kẻ trưởng giả thật thà đáng trọng đã liền cảm kích, hăm hở đồng tình và tận hưởng chút thiện cảm, sự trọng thị và vẻ ân cần chẳng khác một con heo sữa đầm mình trong bùn. Hai gã Harry này, hai nhân vật cực kỳ mất thiện cảm, đứng đối diện như thế đấy với ông giáo sư lịch thiệp; chúng chế giễu nhau, xét nét nhau, nhổ toẹt trước mặt nhau và một lần nữa tự hỏi, như từng luôn xảy ra trong những hoàn cảnh tương tự, rằng đó đơn thuần là sự ngu muội và nhu nhược của con người, số phận con người nói chung, hay tính ích kỷ ủy mị này, sự thiếu cá tính này, tính không nghiêm chỉnh và lá mặt lá trái này của cảm giác chỉ là một khí chất riêng của lũ sói thảo nguyên. Nếu thứ dễ tiện này là của con người nói chung thì lòng khinh bỉ thế giới của tôi có thể nhào lên nó với một sức mạnh mới; còn nếu đó chỉ là sự hèn mọn của riêng tôi, thì đấy sẽ là dịp để tôi mặc sức tự khinh bỉ mình.

6. Chương 6

Trong lúc hai gã Harry này cãi vã thì tôi hầu như quên bằng ông giáo sư; nên bây giờ sự hiện diện của ông đột nhiên khiến tôi lại thấy khó chịu và tôi hồi hải tìm cách dứt khỏi ông cho rảnh nợ. Tôi nhìn theo ông một lúc lâu, khi bóng ông khuất dần trên đại lộ tơ trụ, với dáng đi hiền lành và hơi kỳ quái của một con người có lý tưởng cao, một kẻ sùng tín. Cuộc gấu ó kia sôi sục trong lòng tôi; trong lúc co vào, duỗi ra như mấy những ngón tay cứng đờ bị chứng thống phong âm thầm hành hạ, tôi phải thú nhận rằng mình đã bị phỉnh nịnh nên đã tròng vào cổ lời mời ăn chiều lúc bảy giờ rưỡi, cùng với bó buộc về lịch sự, tán gẫu về khoa học và ngắm nhìn hạnh phúc gia đình người khác. Tôi điên tiết đi về nhà, uống ly rượu Cognac pha với nước, ngoài ra còn nuốt vài viên thuốc trị bệnh thống phong, rồi ngã người trên đi văng, cố đọc sách. Cuối cùng, khi đã đọc được một lúc quyển Chuyến du lịch của Sophie từ Memel đến Sachsen, một câu chuyện giải trí mê ly của thế kỷ 18, tôi sực nhớ đến lời mời nợ, mà tôi chưa cạo râu, lại còn phải ăn vận nữa. Chỉ Chúa biết sao tự dưng tôi lại tròng vào cổ những chuyện này! Nào, Harry, đứng lên, bỏ sách xuống, xát xà phòng cạo râu, gọt cằm cho tõe máu, đóng bộ vào và hãy hài lòng nơi con người! Trong lúc xát xà phòng tôi nghĩ tới cái hồ bùn bẩn thỉu trong nghĩa trang, nơi hôm nay họ đã thông dây hạ huyết kẻ xa lạ nợ, đến những khuôn mặt nhợt nhạt của những tín hữu Cơ Đốc giáo buồn tẻ, nghĩ mà không nhếch mép cười nổi. Tôi thấy dường như tại cái hồ bùn bẩn thỉu nợ, trong những lời ngu muội lúng ba lúng búng của nhà thuyết giảng, trong nét mặt lúng ba lúng búng ngu muội của tang chúng, trong cảnh hoang liêu của mọi cây thập giá và bia mộ bằng sắt thép và cẩm thạch, trong hết thảy những bông hoa giả bằng dây kẽm hoặc thủy tinh, không chỉ kết thúc đời kẻ xa lạ nợ, nơi đó không chỉ tôi cũng sẽ kết thúc ngày mai hoặc ngày kia, bị vùi lấp vào bùn đất dưới vẻ bối rối và dối trá của những kẻ tham dự; không, tất cả đều sẽ kết thúc như thế, mọi kỳ vọng của chúng ta, toàn bộ văn hóa của chúng ta, toàn bộ niềm tin của chúng ta, mọi nỗi sống vui và tính yêu đời của chúng ta, cái tính yêu đời đã quá bệnh hoạn và chẳng mấy chốc cũng sẽ bị chôn vùi. Thế giới văn minh của chúng ta là một bãi tha ma, trong đó Chúa Jesus Ki-tô và Socrates, Mozart và Haydn, Dante(1) và Goethe chỉ còn là những tên tuổi phai mờ trên những mộ bia han gỉ; đám người đưa tang bối rối và giả trá bu quanh sẵn sàng trả khối tiền, nếu họ còn tin tưởng nổi vào những tấm mộ bia bằng kim loại từng là thiêng liêng đối với họ; họ sẵn sàng trả khối tiền, dù ít nhất có thể nói được một lời trung thực, nghiêm chỉnh về nỗi u buồn và niềm tuyệt vọng đối với cái thế giới đã tiêu vong, nhưng thay vào những thứ ấy họ chẳng còn gì khác hơn là gượng gạo cười, đứng vờ vẩn bên một tấm mộ. Bực bội nên tôi lại làm trầy trụa chỗ xưa nay vẫn thường bị ở cằm, phải tẩy rửa vết thương mất một lúc, và lại phải thay chiếc cổ áo vừa mới đeo(2) mà hoàn toàn chẳng hiểu tại sao mình lại làm tất cả những điều ấy, vì tôi chẳng chút hứng thú với lời mời. Nhưng một phần của Harry lại giở trò, bảo rằng ông giáo sư là kẻ đáng mến, khao khát được tiếp

xúc, chuyện văn và giao tế đôi chút với con người, hẳn nhớ tới bà vợ xinh xắn của ông ta, thấy về cơ bản cái ý tưởng trải qua một buổi tối với những người chủ nhà khả ái thật là đáng phấn khởi và hẳn giúp tôi dần lên cảm một miếng băng của Anh, giúp tôi mặc quần áo, thắt chiếc cà vạt lịch sự và nhẹ nhàng khuyên tôi từ bỏ điều mong muốn thật sự là được ở nhà. Đồng thời tôi lại nghĩ: giống như tôi thắng bộ lúc này rồi đến thăm ông giáo sư, trao đổi với ông những điều lẽ độ mang ít nhiều giả dối mà tôi thật lòng không muốn, thì phần lớn con người ta hằng ngày, hằng giờ phải sống và hành động tương tự như thế, bó buộc chứ không hề muốn; họ thăm viếng, trò chuyện với nhau, ngồi cho hết giờ ở bàn giấy, dù trong công sở hay hằng tư, tất cả đều miễn cưỡng, máy móc, gượng gạo, tất cả những chuyện này để máy móc làm cũng tốt không kém hoặc bỏ cũng chẳng sao; chính cái cơ chế chạy hoài huyễn đó đã ngăn cản họ, giống như trong trường hợp tôi, phê phán chính cuộc sống của mình, ngăn cản họ cảm nhận sự ngu muội và hời hợt, sự khả nghi đáng tởm, sự buồn rầu tuyệt vọng và nhạt nhẽo của cuộc sống ấy. Chà, họ - những con người ấy - có lý, có lý quá, khi họ sống như thế, chơi trò chơi của họ, đeo đuổi những việc quan trọng của họ thay vì cưỡng lại cái cơ chế ảo não và dăm dăm nhìn tuyệt vọng vào cõi hư vô, như tôi - một kẻ lầm đường lạc lối - đang làm. Nếu trong những trang giấy này thỉnh thoảng tôi khinh thị và cả giễu cợt con người, xin đừng ai nghĩ rằng tôi đổ lỗi cho họ, lên án họ, quy trách nhiệm cho người khác về nỗi khốn khổ của cá nhân tôi! Nhưng mà tôi, kẻ đã dần bước quá xa và nay đứng bên rìa cuộc sống, nơi nó rơi vào cõi tối đen thăm thẳm, sẽ sai trai và dối trá nếu cố lừa mị mình và người khác, làm như thể cái cơ chế kia vẫn quay đều với cả tôi trong đó, như thể cả tôi cũng vẫn thuộc về thế giới trẻ thơ đẹp đẽ nọ của trò chơi miên viễn.

1. Haydn: nhạc sĩ Áo vào thế kỷ 18; Dante: nhà thơ Ý vào thế kỷ 13, 14.

2. Cổ áo cứng rời, để gắn vào loại sơ mi chuyên dùng đóng bộ với áo smoking hoặc đuôi tôm.

Cho nên buổi tối hôm ấy cũng tuyệt vời tương ứng. Tôi dừng lại một lúc trước ngôi nhà của ông giáo sư, ngược nhìn những khung cửa sổ. Người đàn ông này sống ở đây, tôi thầm nghĩ, ông ta không ngừng làm công việc của mình hết năm này sang năm khác, hứng thú đọc và chú giải những văn bản, tìm kiếm những liên hệ những thần thoại vùng Tây Nam Á với Ấn Độ, vì ông tin tưởng vào giá trị của việc mình làm, tin vào khoa học mà ông là kẻ phục vụ, tin vào giá trị của kiến thức đơn thuần, của sự thu thập nó, vì ông tin vào sự tiến bộ, vào sự phát triển. Ông không phải trải qua cuộc chiến tranh(1), không trải nghiệm sự chấn động tận nền tảng của sự tư duy - cho tới bây giờ - mà Einstein(2) đã gây ra (ông nghĩ rằng điều này chỉ liên quan đến các nhà toán học), ông không mấy may thấy chung quanh mình cuộc chiến tranh sắp tới đang được chuẩn bị ráo riết như thế nào, ông cho rằng người Do Thái và Cộng sản là đáng thù ghét, ông thật không khác một đứa trẻ vô tư lý, ham đùa nghịch, tự cho mình là quan trọng, ông thật đáng ganh tị xiết bao. Gạt bỏ do dự, tôi bước vào, được một cô người làm đeo tạp dề trắng ra đón; chẳng hiểu linh cảm thế nào mà tôi lại ghi nhớ rõ chỗ cô treo mũ cùng mũm tũ của tôi; cô mời tôi vào một căn phòng sáng sủa ấm cúng, yêu cầu tôi ngồi đợi; rồi tôi, thay vì cầu nguyện hay nhắm mắt ngời một lát, lại chiều theo bản năng nghịch ngợm của mình, vớ ngay lấy một vật gần nhất trong tầm tay. Đó là một bức hình nhỏ lồng khung đứng nghiêng nghiêng trên chiếc bàn tròn nhờ cái chân chống bằng giấy bồi cứng, một bản khắc đồng diễn tả thi hào Goethe, một cụ già đầy cá tính, mái tóc hết sức chải chuốt với khuôn mặt được tạo hình thật đẹp và không thể thiếu đôi mắt rực lửa nổi tiếng cùng đường nét thoa phấn trắng hơi cô đơn và đau khổ của người sống trong cung đình mà nhà nghệ sĩ đã đặc biệt dày công tô điểm. Y đã thành công trong việc tạo nên một vẻ thần nhiên và trung thực khá mô phạm lẫn kịch cỡm mà không làm tổn hại đến sự sâu sắc nơi cụ già quý quai này; nói chung, nhà nghệ sĩ nọ đã biến Goethe thành một con người đẹp lão thật sự, đáng trưng bày trong mỗi ngôi nhà trưởng giả. Có lẽ tấm hình này không ngô nghê hơn mọi bức cùng loại của các thợ thủ công cần cù về nghệ thuật, như những bức hình đáng Cứu thế xinh đẹp, hình các tông đồ, các vị anh hùng, những thiên tài về tư tưởng và những chính khách tài ba; nhưng nó khiến tôi bức mình có lẽ chỉ do một sự thành thạo điêu luyện nào đấy; dầu vì lý do gì thì cái hình ảnh diễn tả vô nghĩa và tự mãn này về cụ Goethe đã như quất ngay vào mặt tôi - nghe rất chói tai và hậu quả thật đáng tiếc, vì tôi đang cấu tiết do sẵn khá bức dọc - rằng tôi đã đến nhầm nơi, rằng đây là chỗ dành cho những bậc lão thành được cách điệu hóa tuyệt mỹ và những vĩ nhân của đất nước, chứ không phải cho lũ sói thảo nguyên.

1. Tác giả muốn nói đến cuộc Thế chiến I (1914-1918).

2. Ý tác giả nói đến thuyết Tương đối do Albert Einstein (1879-1955) đề ra vào những năm 1905 và 1915.

Giá lúc ấy ông chủ nhà bước vào thì may ra tôi có thể viện những lý do có thể chấp nhận để rút lui. Nhưng người bước vào lại là bà vợ ông, nên tôi đành phó mặc cho số phận, dù đã linh cảm chuyện chẳng lành. Vừa

chào hỏi nhau xong thì tiếp theo điều lạc điệu đầu tiên chỉ toàn là những lạc điệu mới. Bà khen vẻ mặt tôi tươi tốt, mà tôi quá rõ rằng mình đã già đi biết bao trong mấy năm qua, kể từ lần gặp gỡ cuối cùng. Chỉ cần bắt tay bà thôi là những ngón tay nhứt buốt do chứng thống phong đã nhắc nhở tôi đau xót nhớ tới điều ấy. Đúng thế! rồi bà hỏi thăm về sức khỏe người vợ yêu quý của tôi, tôi phải trả lời rằng vợ tôi đã bỏ tôi và chúng tôi ly dị nhau rồi(1). Nên cả bà lẫn tôi đều mừng rỡ, khi ông giáo sư bước vào. Ông cũng niềm nở chào tôi và vỗ kịch nhanh chóng mang về khôi hài nhất mà ta có thể hình dung được. Ông cầm tờ nhật báo đặt mua dài hạn của cái đảng quân phiệt và kích động chiến tranh(2); bắt tay xong, ông chỉ vào tờ báo kể rằng trong đó viết đôi điều về một người trùng tên với tôi, một nhà báo Haller; hẳn y là một kẻ dè tiện và vô Tổ quốc, vì y đã chế nhạo Đức Hoàng đế(1) và cho rằng trong việc gây ra cuộc chiến tranh, Tổ quốc của y cũng gánh trách nhiệm không kém những nước thù địch. Hẳn y phải là một kẻ tồi tệ nhường nào! Đây, trong tờ báo này y đã bị vạch mặt chỉ tên, ban biên tập đã đập y tơi bời và bêu riếu phải biết! Nhưng khi thấy tôi không quan tâm đến chuyện ấy, ông liền đổi qua đề tài khác; vợ chồng ông thật chẳng mấy may nghĩ tới khả năng có thể tên ác ôn kia đang ngồi ngay trước mặt họ. Đúng vậy đấy, tên ác ôn nọ chính là tôi. Chà, khía chiêm giống trống khiến người ta bất an mà làm gì! Tôi cười thầm, nhưng không còn hy vọng tới hôm đó có được đôi chút thoải mái. Tôi vẫn nhớ rõ giây phút ấy, vì đúng lúc đó, khi ông giáo sư nói về tên phản quốc Haller, cái cảm giác phiền muộn và tuyệt vọng tồi tệ không ngừng chất chứa trong tôi từ lúc dự đám tang càng lúc càng dữ dội thêm, trở thành một sức ép điên cuồng, một tình trạng cùng quẫn mà tôi cảm thấy rõ trong cơ thể mình (nơi bụng dưới), một cảm giác sợ hãi đến ngạt thở về định mệnh. Có gì đó đang rình rập, tôi cảm thấy thế, một mối nguy cơ đang lên tới tôi từ phía sau. May thay chúng tôi được thông báo bữa ăn đã sẵn sàng. Chủ khách cùng kéo vào phòng ăn; trong lúc tôi luôn cố gắng nói hoặc hỏi những điều vô thưởng vô phạt, tôi lại ăn nhiều hơn bình thường, nên càng lúc càng cảm thấy thảm hại hơn. Lạy Chúa, tôi không ngớt thầm nghĩ, sao chúng ta cứ phải gắng sức thế này? Tôi cảm thấy rõ chính vợ chồng chủ nhà cũng không thoải mái; họ phải cố gắng mới tươi tỉnh được, hoặc vì tôi đã khiến họ bị tê liệt đến mức ấy, hoặc vì trong nhà này có điều chi bất hòa. Họ hỏi tôi toàn những điều mà tôi không trả lời thẳng thắn được; chẳng mấy chốc tôi buộc toàn phải nói dối thật sự, để rồi phải chống chịu nỗi kinh tởm sau mỗi lời mình thốt ra. Cuối cùng, để lái sang đề tài khác, tôi kể về đám tang đã chứng kiến bữa nay. Nhưng tôi ăn nói tẻ nhạt nên những cố gắng gây hài hước của mình chỉ tạo ra bức dọc, khiến chủ khách lại càng thêm xa cách; con sói trong tôi liền nhe răng cười. Lúc ăn tráng miệng cả ba chúng tôi đều lặng lẽ hẳn.

1. Năm 1923, Hesse ly dị người vợ đầu, Maria Bernouilli.

2. Đảng Quốc xã Đức của Hitler, thành lập năm 1921 - thoát thai từ một đảng cực khác - chủ trương “bài Do Thái, chống Cộng sản”, gây chiến tranh để báo thù sự thất trận trong Thế chiến I và rửa mối nhục bị Đồng minh áp đặt.

1. Wilhelm II (gọi theo tiếng Pháp là Guillaume) hoàng đế Phổ (1886-1918); thoái vị ngày 28.11.1918, sau khi bại trận trong Thế chiến I, chấm dứt nền quân chủ ở Đức.

Rồi chủ khách cùng quay lại căn phòng đầu tiên để dùng cà phê và rượu; biết đâu hai món này sẽ giúp chúng tôi được chút gì chẳng. Nhưng ở đó, bậc thềm sơn bắc đầu của làng thơ lại đập vào mắt tôi; cụ đã được mời sang một chiếc tủ chè bên cạnh. Tôi không dứt khỏi cụ được nên đã lại cầm lấy, bắt đầu tranh luận với cụ, dù không phải không nghe thấy tiếng cảnh báo trong lòng mình. Tôi như bị ám ảnh bởi cảm giác rằng bây giờ tình thế đã trở thành khôn kham và tôi phải hoặc làm cho vợ chồng chủ nhà sôi nổi lên bằng được, lôi cuốn họ vào sự cao hứng giống như tôi hoặc đưa đến chỗ bế hoàn toàn.

“Chúng ta hãy hy vọng,” tôi nói, “rằng Goethe thật sự trông không như thế này, không mang cái dáng điệu kiêu căng và quý tộc này, cái phẩm cách làm duyên làm dáng này đối với quý vị quan khách tham quan và ẩn dưới bề ngoài có vẻ nam tính là cả một thế giới đa cảm rất yếu đuối. Đương nhiên người ta có thể phản bác cụ nhiều thứ, chính tôi cũng thường không ưa ông già làm bộ làm tịch này, nhưng diễn tả cụ như vậy thì không được, thế là quá lỗ.”

Với khuôn mặt cực kỳ thiếu não, bà chủ nhà rút xong cà phê liền hối hả đi ra; ông chồng thổ lộ với tôi - nửa bối rối, nửa trách móc - rằng bức hình Goethe này là của vợ ông và bà đặc biệt yêu quý nó. “Ngay cả ông đúng về mặt khách quan, điều mà tôi phủ nhận, thì ông cũng không nên nói toạc ra như thế chứ.”

“Ông nói đúng,” tôi công nhận. “Rất tiếc đó là một thói quen, một tật xấu của tôi, cứ luôn chọn lối nói thẳng thừng nhất, điều mà Goethe cũng từng làm trong những giờ phút thoải mái của mình. Cụ Goethe để

thương và thiên cận trong phòng khách này dĩ nhiên chẳng bao giờ dùng một lối nói thành thật trực tiếp. Tôi tha thiết mong ông bà tha lỗi cho - xin ông nói giúp với bà nhà rằng tôi là một kẻ mắc chứng tâm thần phân liệt. Đồng thời tôi cũng xin phép cáo từ.”

Chủ nhà luống cuống vài lời chống chế, nhắc cả chuyện ngày trước chúng tôi từng có những buổi mạn đàm thú vị và gây cảm hứng; đúng thế, điều phỏng đoán hồi đó của tôi về Mithras và Krishna(1) từng gây ấn tượng sâu đậm cho ông và ông đã hy vọng hôm nay cũng sẽ lại ... vân vân. Tôi cảm ơn ông về những lời rất mực thân ái ấy, nhưng tiếc thay sự quan tâm của tôi tới Krishna đã tan biến, cũng như tôi hoàn toàn chẳng còn hứng thú gì với những buổi mạn đàm khoa học, rằng hôm nay tôi đã nhiều lần nói dối ông, chẳng hạn không phải tôi đến thành phố này mới vài ngày, mà đã nhiều tháng rồi, nhưng sống một thân một mình và không tiện giao du với những gia đình trưởng giả nữa, vì một là tôi rất xấu tính, lại mắc bệnh thống phong và hai là tôi rất thường say sưa. Ngoài ra, để làm sáng tỏ và ít nhất không từ giả như một kẻ dối trá, tôi phải giải thích cho ông chủ nhà quý mến rằng hôm nay ông đã rất miệt thị tôi, vì ông đã lấy quan điểm của một tờ báo phản động về những suy nghĩ của Haller làm của mình, những quan điểm ngu xuẩn, đầu bù đầu bấu, thích hợp với một viên sĩ quan vô công rồi nghề, nhưng không xứng với một học giả như ông. “Gã vô Tổ quốc” Haller đó lại chính là tôi và có lẽ sẽ tốt hơn cho đất nước chúng ta và thế giới, nếu có được ít ra dăm ba kẻ biết suy nghĩ chịu đứng về phía lý trí và yêu chuộng hòa bình, thay vì mù quáng và điên cuồng nhắm tới một cuộc chiến tranh mới. Thôi, đành vâng theo ý Chúa!

1. Mithras: thần Thái Dương ở Ba Tư cổ đại; Krishna: hóa thân thứ tám của Vishnu, một trong ba ngôi thần chúa tể trong đạo Bà La Môn.

Thế là tôi đứng lên, từ biệt cụ Goethe và ông giáo sư, giắt phăng mũ áo treo trên móc ở nhà ngoài rồi bỏ đi. Con sói trong lòng tôi tru lên hể hã; giữa hai gã Harry nổ ra một trận đấu khẩu kịch liệt. Vì buổi tối kém vui vẻ này mang nhiều ý nghĩa với tôi hơn là với ông giáo sư đang phần nộ kia, tôi rõ ngay điều ấy; với ông nó chỉ là một sự thất vọng và một chút bực mình, còn với tôi đó là một thất bại và một cuộc tháo chạy cuối cùng, là sự giả tử của tôi với thế giới trưởng giả, đạo đức và thông thái, một thắng lợi hoàn toàn của con sói thảo nguyên. Tôi giả tử như kẻ đào tẩu và chiến bại, như một lời tuyên bố phá sản trước chính mình, giả tử không lời an ủi, không kên kiệu, không hài hước. Tôi đã giả tử thế giới cũ, quê hương xưa của mình, lối sống trưởng giả, tập quán, sự uyên bác không khác một kẻ đau bao tử giả biệt món thịt heo chiên. Tôi giận dữ bước đi dưới những ngọn đèn đường, giận dữ và buồn thất ruột. Thật là một ngày buồn nản, đáng xấu hổ, tồi tệ, từ sáng đến tối, từ nghĩa trang đến những biển cổ trong nhà ông giáo sư! Để làm gì chứ? Tại sao? Có ý nghĩa gì không, khi chất lên mình thêm nhiều ngày như thế này nữa, hứng chịu thêm nhiều hậu quả tồi tệ như thế này nữa? Không! Thế thì đêm nay tôi sẽ kết thúc vở hài kịch này. Về nhà thôi, Harry, về mà cắt phăng cái họng mi đi! Mi đã chờ đợi chuyện này đủ lâu rồi.

Tôi lang thang qua các phố xá, lòng dằn vặt khổ đau. Đúng là tôi đã quá ngu xuẩn, ngu xuẩn và bất lịch sự, khi phỉ nhổ vật trang hoàng phòng khách của những con người tử tế, nhưng tôi hoàn toàn không thể làm khác được, tôi không thể chịu đựng nổi lối sống dễ bảo, giả trá và ngoan ngoãn kia. Và vì tôi, chừng như thế, cũng không thể chịu nổi sự cô đơn nữa, vì xã hội của riêng tôi cũng đã trở nên đáng ghét và kinh tởm khôn xiết đối với tôi, vì tôi ngạt thở giữa giụa trong cái địa ngục thiếu vắng không khí của mình, vậy hỏi còn lối thoát nào nữa chứ? Không còn lối nào cả. Hỡi mẹ cha, hỡi ngọn lửa thiêng thời trẻ xa xôi của tôi, hỡi muôn và niềm vui, công trình và mục tiêu của đời tôi! Tôi chẳng còn gì trong tất cả những thứ ấy, không có nổi một sự ân hận, chỉ toàn kinh tởm và đau đớn. Chưa bao giờ, dường như thế, cái việc duy nhất là phải sống lại khiến tôi đau khổ như trong giờ phút này.

Tôi ngồi nghỉ một lúc trong cái quán buồn tẻ ở ngoại ô, uống rượu Cognac pha nước, rồi tiếp tục đi như bị ma đuổi lên những con đường dốc quanh co của khu phố cổ, rồi lại xuống dốc, qua những đại lộ, băng qua quảng trường Nhà Ga. Mình đi nơi khác! tôi nghĩ thế, rồi bước vào trong ga, nhìn đắm đắm vào bảng giờ tàu chạy trên những bức tường, uống chút vang, cố ngấm nghĩ. Tôi bắt đầu nhận ra, càng lúc càng gần hơn, càng lúc càng rõ rệt hơn, cái bóng ma đã khiến tôi khiếp sợ. Bóng ma đó chính là về nhà, là quay về trong căn phòng mình, là sự phải bình thần trước nỗi tuyệt vọng! Tôi không sao thoát nổi bóng ma ấy; dù đi loanh quanh thêm nhiều giờ nữa tôi vẫn không thoát nổi phải trở về với cái cửa phòng mình, tới cái bàn đầy sách, tới cái đi vắng với tấm hình người yêu dấu của tôi treo phía trên, không thoát nổi giây phút tôi rút dao cạo và tự cắt cổ. Hình ảnh này hiện ra càng lúc càng rõ rệt trước mắt tôi và tôi cảm thấy càng lúc càng rõ, với trái tim hồi hã, nỗi sợ hãi nhất trong mọi sợ hãi: sợ cái chết! Vâng, tôi sợ chết kinh khủng.

Cho dù tôi không thấy một lối thoát nào khác, dù sự kinh tởm, đau khổ và tuyệt vọng chồng chất quanh tôi, dù chẳng còn gì kêu gọi được tôi, tạo nỗi cho tôi niềm vui và hy vọng, tôi vẫn cứ khiếp sợ không thốt nên lời trước sự hành hình, trước giây phút cuối cùng, trước vết cửa lạnh lẽo toang hoác vào chính da thịt mình! Tôi không thấy lối nào thoát khỏi điều đáng sợ này. Hôm nay sự hèn nhát có thể thắng trong trận đấu tranh giữa tuyệt vọng và hèn nhát, ngày mai và mọi ngày khác tôi sẽ lại vẫn đối diện với nỗi tuyệt vọng, nhiều hơn nữa, do tự khinh bỉ. Tôi sẽ cứ hết cầm lưỡi dao rồi lại quăng nó đi, cho đến lúc rốt cục sẽ thực hiện ý định. Thế thì là làm quách hôm nay! Tôi lựa lời tự nhủ, như vỗ về một đứa trẻ đang sợ hãi, nhưng nó không nghe mà bỏ chạy, nó muốn sống. Rùng mình từng cơn, tôi tiếp tục đi qua thành phố, vòng thật xa căn hộ của mình, luôn nghĩ đến việc trở về, nhưng luôn trì hoãn. Chỗ này chỗ nọ tôi dừng chân ở một quán rượu, vừa đủ lâu để uống một hai ly, rồi nó lại tiếp tục săn đuổi tôi vòng quanh thật xa mục tiêu, quanh lưỡi dao cạo, quanh cái chết. Thỉnh thoảng tôi mệt rũ ngồi trên băng ghế, trên một bờ giếng, trên một cái bệ chống va, nghe tim đập, lau mồ hôi trán, rồi lại tiếp tục đi, lòng đầy nỗi sợ ghê gớm, đầy nỗi khát khao khắc khoải được sống.

Tôi lang thang như thế, lúc ấy đã khuya, tới một vùng ngoại ô tí tắp và gần như xa lạ đối với tôi, vào một quán trọ có tiếng nhạc khiêu vũ xập xình hắt ra từ những cửa sổ. Khi bước vào, tôi thấy bên trên cổng treo một tấm bảng hiệu cũ kỹ: “Đến với quán Đại Bàng Đen”. Buổi tối miễn phí nên quán đầy nghẹt người cùng với khói thuốc, hơi rượu và tiếng la ó; người ta khiêu vũ ở căn phòng phía sau, nơi phát ra tiếng nhạc điên cuồng. Tôi dừng lại trong căn phòng trước, nơi toàn những kẻ ăn mặc xuề xòa, nghèo nàn cũng có, còn trong phòng nhảy phía sau thấy có cả những bộ áo quần thanh lịch. Tôi bị đám đông xô đẩy tới sát một cái bàn bên cạnh quầy rượu; một cô gái xinh xắn, xanh xao mặc y phục dạ hội mỏng, hở cổ thật sâu, tóc cài một bông hoa đã héo đang ngồi ở đấy trên chiếc ghế dài dựa sát tường. Thấy tôi tới, nàng thân mật chăm chú nhìn rồi mỉm cười nhích qua một bên, nhường chỗ.

“Tôi được phép chứ ạ?” tôi hỏi và ngồi xuống cạnh nàng.

“Đương nhiên, anh được phép,” nàng nói, “anh là ai thế?”

“Cám ơn cô,” tôi nói, “tôi không thể nào trở về nhà; tôi không thể, tôi không thể, tôi muốn ở lại đây, với cô, nếu cô cho phép. Không, tôi không thể trở về nhà.”

Nàng gật đầu như thể hiểu ý tôi; lúc nàng gật đầu, tôi quan sát lộn tóc từ trán nàng xoắn qua tai, thấy bông hoa héo kia là một đóa hoa trà. Từ bên kia vang tới tiếng nhạc chát chúa, còn ở quầy mấy cô bán hàng hối hả xướng lên những món khách gọi.

“Thì anh cứ ở đây,” giọng nàng khiến tôi thấy dễ chịu. “Mà sao anh lại không thể về nhà?”

“Tôi không thể. Ở đó có gì đấy đang chờ đợi tôi - không, tôi không thể, khủng khiếp lắm.”

“Thế thì cứ để nó chờ, còn anh ở lại đây. Này, trước hết anh lau kính đi đã, anh có nhìn gì được đâu nào. Thế, đưa em cái khăn tay của anh. Minh uống gì nào? Vang Burgund nhé?”

Nàng lau kính cho tôi; lúc ấy tôi mới nhìn rõ nàng, khuôn mặt xanh xao, cương nghị, đôi môi tô đỏ chót, đôi mắt xám nhạt, vầng trán láng nhẵn, tươi mát, một lọn tóc ngắn và căng phía trước tai. Nàng gọi vang, chăm sóc tôi với vẻ hiền lành, pha chút giấu cợt; trong lúc cụng ly nàng ngó xuống đôi giày của tôi.

“Chúa ơi, anh từ đâu đến vậy? Trông cứ như thể anh đã cuộc bộ từ Paris tới đây. Chẳng ai đến một buổi khiêu vũ với bộ dạng như thế này cả.”

Tôi ừ hử, khề cười, còn cứ để nàng nói. Tôi thấy nàng rất khả ái và điều ấy khiến tôi thật sự ngạc nhiên, vì xưa nay tôi toàn tránh xa những thiếu nữ kiểu này, nghi kỵ nữa là khác. Nàng đã cư xử với tôi đúng theo cái cách tốt nhất cho tôi trong lúc này - ôi, từ đó nàng luôn như thế đối với tôi, vào bất cứ lúc nào. Nàng chăm chút tôi như tôi cần, nàng giấu cợt tôi như tôi cần. Nàng gọi một ổ bánh mì kẹp, bảo tôi ăn. Nàng rót rượu cho tôi, bảo tôi uống, nhưng đừng quá nhanh. Rồi nàng khen tôi biết vâng lời.

“Anh ngoan lắm,” nàng khích lệ tôi, “anh không làm khó dễ ai. Em đánh cuộc là đã lâu rồi anh mới lại phải nghe lời ai đấy, đúng không?”

“Đúng. Cô thắng cuộc. Sao cô biết được nhỉ?”

“Có gì khó đâu. Nghe lời cũng như ăn uống thôi - ai thiếu thốn nó lâu, sẽ thấy chẳng có gì hơn được nó. Anh sẵn lòng nghe lời em đúng không?”

“Rất sẵn lòng. Cô biết hết.”

“Anh làm nó thành dễ dàng cho em mà. Anh bạn ạ, có thể em còn nói cho anh được cái gì đang chờ anh ở nhà và cái gì làm anh sợ đến thế nữa cơ. Nhưng chính anh biết mà, mình chẳng cần nói về điều đó nữa, né? Vỡ vãn! Hoặc là một người treo cổ, ừ thì y treo cổ, y có lý do của y. Hoặc y vẫn sống, lúc ấy y chỉ phải quan tâm đến cuộc sống thôi. Chẳng có gì đơn giản hơn.”

“Ôi chao,” tôi kêu lên, “phải chi nó đơn giản như thế! Còn tôi, có Chúa biết là tôi đã quan tâm đầy đủ đến cuộc đời, mà chẳng ăn thua gì. Treo cổ có thể là chuyện khó, tôi không rõ. Nhưng sống khó hơn gấp bội! Chúa ơi, khó biết mấy!”

“Đào, anh sẽ thấy nó dễ như bỡn. Mình đã làm được bước đầu rồi, anh đã lau kính, đã ăn, đã uống. Bây giờ mình đi, chải quần với giày của anh một chút, cần đấy. Rồi anh sẽ nhảy với em một bản Shimmy.”

“Cô thấy đấy,” tôi hăm hờ kêu lên, “tôi nói đúng! Không gì khiến tôi lấy làm tiếc hơn là không thực hiện mệnh lệnh của cô. Nhưng mệnh lệnh này tôi không thể thi hành được. Tôi không nhảy được Shimmy; Valse không, Polka cũng không, tất cả đều không, dù chúng tên gì đi nữa, tôi chưa từng học nhảy trong đời mà. Bây giờ cô thấy rằng không phải tất cả đều đơn giản như cô tưởng chứ?”

Đôi môi đỏ chót của người con gái xinh xắn mỉm cười, nằng lắc lắc cái đầu cương nghị, mái tóc cắt như con trai. Nhìn nàng, tôi ngỡ nàng giống Rosa Kreisler, người con gái đầu tiên tôi phải lòng thời là một chú bé, nhưng Rosa da hơi nâu, tóc sẫm. Không, tôi không biết cô gái xa lạ này gợi nhớ đến ai, chỉ biết đó là một người thời tôi rất trẻ, thời thơ ấu.

“Khoan đã,” nàng kêu lên, “khoan đã! Vậy là anh không biết nhảy à? Hoàn toàn không? Cả điệu onestep cũng không luôn? Chúa ơi, thế mà anh dám cả quyết rằng đã cố gắng biết mấy cho cuộc đời! Anh chỉ bịa. Bỏ tèo ơi, ở tuổi này anh đừng nên thế nữa nhé. Thật đấy, làm sao anh dám nói đã nỗ lực sống, khi ngay chỉ một chuyện nhảy thôi anh cũng không muốn?”

“Nhưng nếu tôi không thể nhảy thì sao! Tôi chưa từng học bao giờ.”

Nàng cười.

“Nhưng đọc và viết thì anh có học, nhỉ? Làm tính và có lẽ cả tiếng Latin, tiếng Pháp và đủ thứ linh tinh? Em đánh cuộc anh đã ngồi mười đến mười hai năm trong nhà trường, biết đâu đã theo học cả đại học nữa và thậm chí có bằng tiến sĩ và biết cả tiếng Hán hoặc Tây Ban Nha cũng nên. Đúng không? Đấy. Nhưng chút thời gian và tiền bạc cho vài ba giờ học khiêu vũ thì anh không có nổi! Chà!”

“Tại bố mẹ tôi,” tôi chống chế, “các cụ cho tôi học tiếng Latin, tiếng Hy Lạp và đủ mọi thứ. Nhưng không cho tôi học nhảy; ở gia đình tôi nó không được ưa chuộng, chính bố mẹ tôi cũng không khiêu vũ bao giờ.”

Nàng lạnh lùng nhìn tôi, đầy miệt thị, và một lần nữa trên gương mặt nàng phảng phất nét gì gợi tôi nhớ tới thời thanh xuân của mình.

“Ra thế, lỗi là do bố mẹ anh! Thế anh có hỏi các cụ xem hôm nay anh được phép đến quán Đại Bàng Đen không? Có không? Anh bảo các cụ mất lâu rồi à? Thôi được! Nếu thời niên thiếu anh không muốn học nhảy vì vâng lời bố mẹ - em không phản đối! Tuy em không tin hồi đó anh là một đứa trẻ gương mẫu. Nhưng rồi sau đó - sau đó anh đã làm những gì suốt bao nhiêu năm ấy?”

“Chắc,” tôi thú nhận, “chính tôi cũng không còn nhớ nữa. Tôi đã nghiên cứu, chơi nhạc, đọc sách, viết lách, đi du lịch...”

“Quan niệm của anh về cuộc đời mới quái lạ làm sao! Nghĩa là anh đã luôn làm những việc khó khăn và phức tạp, còn những chuyện đơn giản anh hoàn toàn không học à? Không có thì giờ à? Không hứng thú à? Em không phản đối, đội ơn Chúa, em không phải là mẹ anh. Nhưng rồi anh làm như thế đã ném trái hết cuộc đời, rồi bảo rằng chẳng tìm thấy gì cả; không, như thế không được!”

“Đừng trách móc tôi mà!” tôi năn nỉ. “Tôi dự biết mình điên mà.”

“Thôi đi, đừng than thở nữa! Anh hoàn toàn không điên, thưa giáo sư, theo em thấy thì anh thậm chí còn điên quá ít! Em thấy anh thông minh theo một kiểu ngu xuẩn, hết như một giáo sư. Này, ăn thêm một ổ bánh mì nữa đi! Rồi hãy kể tiếp.”

Nàng gọi cho tôi một ổ bánh mì nữa, rắc ít muối, phết một chút mù tạt, tự cắt cho mình một miếng nhỏ rồi bảo tôi ăn. Tôi ăn. Tôi sẵn sàng làm hết mọi điều nàng ra lệnh, mọi điều, trừ khiêu vũ. Thật thích thú vô cùng được vâng lời người nào đấy, được ngồi cạnh người nào đấy, được người ấy vặn hỏi, ra lệnh, mắng mỏ. Giá vài giờ trước đây ông giáo sư và bà vợ làm như thế này, hẳn tôi đã đỡ phải chịu khổ chuyện. Nhưng không, như thế lại hóa may, bằng ngược lại tôi sẽ hụt mất nhiều thứ!

“Anh tên gì mới được chứ?” đột nhiên nàng hỏi.

“Harry.”

“Harry à? Tên của con nít! Mà anh cũng đúng là một chú nhóc, Harry ạ, dù mái tóc đã hoa râm đôi chút. Anh là một chú nhóc nên anh cần có người chăm sóc cho anh chút ít. Em không nói gì về khiêu vũ nữa. Nhưng xem anh chải tóc kìa! Anh không có vợ, không có cục cưng à?”

“Tôi không còn vợ nữa, chúng tôi đã ly dị. Tôi có cục cưng chứ, nhưng nàng không ở đây, thỉnh thoảng tôi mới gặp nàng, chúng tôi không hợp nhau lắm.”

Nàng khẽ huýt sáo qua kẽ răng.

“Xem chừng anh là một người rất khó tính, nên không ai ở với anh được. Nhưng bây giờ hãy cho em biết: tối hôm nay đã xảy ra chuyện gì đặc biệt, đến nỗi anh chạy quanh như hóa rồ vậy? Phá sản à? Thua bạc à?”

Thật khó trả lời.

“Thế này nhé,” tôi nói, “đúng ra chỉ là một chuyện nhỏ nhặt thôi. Tôi được mời tới nhà một ông giáo sư - chứ bản thân tôi chẳng phải giáo sư, giáo sư gì - lẽ ra tôi không nên đến, tôi không còn quen ngồi tán gẫu với người khác, tôi đã quên cái đó rồi. Tôi vào đây sẵn với cảm giác sẽ có chuyện không hay - khi treo mũ, tôi đã nghĩ ngay có lẽ tôi sẽ lại sớm cần tới nó. Vâng, trong nhà ông giáo sư này, trên bàn có một tấm hình, một bức hình ngớ ngẩn khiến tôi bực mình...”

“Hình gì? Sao anh lại bực mình?” nàng ngắt lời tôi.

“À, đó là một bức tranh vẽ Goethe, cô biết chứ, nhà thơ Goethe ấy. Người trong tranh không giống như người thật - tất nhiên không ai biết được chính xác, vì cụ đã mất đã cả trăm năm rồi. Nhưng một họa sĩ tân thời nào đấy đã chăm chút Goethe thành ra giống như hẳn đã hình dung về cụ, và bức hình này làm tôi bực mình và kinh tởm - tôi không biết cô có hiểu không?”

“Em hiểu rất rõ, cứ yên trí. Anh kể tiếp đi!”

“Trước đó tôi đã bất đồng với ông giáo sư; như hầu hết các giáo sư, ông ta là một người rất yêu nước và trong thời chiến tranh đã thật thà tiếp tay đối đãi nhân dân(1) - họ thành thật tin, tất nhiên. Còn tôi là một kẻ chống chiến tranh. Nhưng điều này không quan trọng.” Tôi kể tiếp. “Lẽ ra tôi không cần nhìn bức tranh đó...”

1. Vì thế, năm 1931 – hai năm trước khi Hitler nắm quyền ở Đức, tám năm trước khi nổ ra Thế chiến II – Hesse đã rút tên khỏi Viện Hàn lâm Nghệ thuật Phổ, với lý do: “Tôi có cảm tưởng khi cuộc chiến tranh sắp tới nổ ra, Viện Hàn lâm này sẽ cống hiến cả một đám đông cho số 90 hoặc 100 nhân vật nổi tiếng được Nhà nước giao trọng trách đối gặt nhân dân về mọi vấn đề cốt tử như vào năm 1914.”

“Lẽ ra anh không cần thật.”

“Nhưng trước hết nó khiến tôi tội nghiệp Goethe, vì tôi rất quý cụ; rồi chuyện như thế này: tôi nghĩ, vâng, tôi nghĩ hoặc cảm thấy đại khái như sau: mình ngồi đây với những người mình coi là giống như mình, những người mà mình nghĩ là họ cũng yêu quý Goethe giống như mình và hình dung tương tự như mình về chân dung của cụ; vậy mà họ lại trưng bày một bức hình nhạt nhẽo, sai lệch, tô vẽ và cho thế là tuyệt vời chứ không nhận thấy cái hồn của Goethe. Họ thấy tấm hình là tuyệt đẹp, họ muốn thế thì tùy họ thôi - nhưng với tôi đột nhiên mọi tin tưởng vào những con người này, mọi tình bạn dành cho họ, mọi cảm

giác gần bó về quan hệ người với người chấm dứt. Nói thêm là tình bạn giữa tôi với họ không sâu đậm gì mấy. Thế là tôi liền nổi giận lẫn buồn rầu và thấy mình hoàn toàn cô đơn, không ai hiểu mình. Cô hiểu chứ?”

7. Chương 7

“Để hiểu thôi mà, Harry. Rồi sao nữa? Anh phang tấ hình lên đầu họ à?”

“Không, tôi làm toáng lên rồi bỏ đi; lúc ấy tôi muốn về nhà nhưng...”

“Nhưng ở nhà sẽ chẳng có bà mẹ nào để an ủi hay mắng mỏ chú nhóc ngu ngốc. Ôi chao, Harry ơi, anh làm em tí nữa thì mũi lòng vì anh đấy, anh là một kẻ ngây ngô không giống ai.”

Tất nhiên, dường như chính tôi cũng thấy thế. Nàng đưa tôi một ly vang, bảo tôi uống. Quả thật nàng đối với tôi như một bà mẹ. Thỉnh thoảng tôi thấy trong một thoáng giây nàng đẹp và trẻ biết bao.

“Nghĩa là,” nàng nói tiếp, “cái cụ Goethe ấy đã chết cả trăm năm rồi và chàng Harry rất yêu quý cụ; chàng ta có một hình dung tuyệt vời về cụ, rằng dung mạo cụ có lẽ phải như thế này thế nọ, về chuyện ấy thì Harry có quyền chứ gì? Còn người họa sĩ, cũng mê cụ Goethe và vẽ một bức hình của cụ, lại không có quyền; ông giáo sư nọ cũng không luôn, hoàn toàn không ai có quyền, vì điều này không hợp ý Harry, chàng ta chịu không nổi, chàng ta phải chửi toáng lên và bỏ chạy! Nếu chàng ta khôn ngoan, thì chàng ta chỉ việc cười người họa sĩ và ông giáo sư thôi. Nếu chàng ta điên, chàng ta sẽ quăng cụ Goethe của họ vào mặt họ. Nhưng vì chàng ta chỉ là một chú nhóc, chàng ta chạy về nhà và muốn treo cổ. Em hiểu câu chuyện của anh rõ lắm, Harry ạ. Thật là một câu chuyện khôi hài. Nó làm em buồn cười. Khoan, đừng uống nhanh thế. Rượu Burgund phải uống từ từ, nếu không sẽ nóng. Phải chỉ bảo anh mọi thứ thôi, chú nhóc ạ.”

Mắt nàng nhìn nghiêm khắc và khuyên răn như của một nữ gia sư sáu mươi tuổi.

“Ồ phải,” tôi hài lòng yêu cầu, “cô cứ chỉ bảo tôi mọi thứ đi.”

“Em nên chỉ anh cái gì đây?”

“Mọi điều cô muốn.”

“Được, em nói với anh điều này nhé. Suốt một giờ qua anh nghe em gọi anh là anh, thế mà anh luôn gọi em là cô. Luôn luôn Latin với Hy Lạp, luôn luôn cực kỳ phức tạp! Khi một cô gái gọi anh là anh mà anh không chán ghét nàng thì hãy gọi nàng là em. Đó, anh học được chút ít rồi đấy. Hai là: từ nửa giờ qua em biết anh tên Harry. Em biết, vì em hỏi anh. Còn anh không muốn biết em tên gì.”

“Có chứ, tôi rất muốn biết mà.”

“Muộn rồi, chú nhóc ơi! Khi nào mình gặp lại nhau thì anh có thể hỏi. Bữa nay em không nói nữa. Nào, bây giờ em muốn khiêu vũ.”

Nàng dậm đứng lên khiến tôi đột nhiên buồn bã. Tôi sợ nàng sẽ bỏ đi, để tôi bơ vơ, và rồi có lẽ mọi chuyện sẽ lại như cũ; nỗi sợ và kinh hoàng của tôi lại xuất hiện, tựa như cái răng tằm hết đau, thỉnh linh nhúc trở lại, rất như phải bỏng. Chúa ơi, chẳng lẽ tôi đã có thể quên chuyện gì chờ đợi mình ư? Đã có chuyện gì thay đổi chẳng?

“Khoan,” tôi năn nỉ kêu lên, “cô đừng - em đừng bỏ đi! Đương nhiên em muốn nhảy bao nhiêu cũng được, nhưng đừng bỏ đi lâu quá, hãy quay trở lại, hãy quay trở lại!”

Nàng mỉm cười đứng lên. Tôi cứ nghĩ nàng cao hơn; hóa ra nàng thon thả, chứ không cao. Nàng lại khiến tôi nhớ đến người nào đấy - ai? Tôi không nhớ ra được.

“Em trở lại chứ?”

“Em sẽ trở lại, nhưng có thể phải một lúc lâu, nửa giờ hoặc cả giờ cũng nên. Em muốn nói với anh điều này: hãy nhắm mắt lại và ngủ chút ít đi; đó là cái anh đang cần đấy.”

Tôi tránh chỗ cho nàng bước qua; váy nàng chạm vào đầu gối tôi; vừa đi nàng vừa soi một chiếc gương tròn bỏ túi nhỏ xíu, nàng nhướn mày, phớt chiếc cọ thoa phấn xinh xinh lên cằm rồi khuất dạng trong gian phòng khiêu vũ. Tôi nhìn quanh: những khuôn mặt lạ, những người đàn ông đang hút thuốc, bia sánh trên mặt bàn cẩm thạch, tiếng ồn ào, la ó khắp nơi, bên cạnh là tiếng nhạc khiêu vũ. Tôi nên ngủ, nàng vừa bảo thế. Chà, bé ngoan ơi, cứ như là em biết rõ về giấc ngủ của ta vậy, nó còn nhút nhát hơn loài chồn bạch cơ! Ngủ trong cái chợ phiên như thế này, ngồi ở bàn, giữa tiếng lách cách của những cốc vại bia! Tôi nhấp rượu vang, móc túi lấy một miếng xì gà, nhìn quanh tìm điếu, nhưng thật ra tôi đâu định hút, nên đặt nó lên bàn ngay trước mặt. “Nhắm mắt lại,” nàng đã bảo tôi thế. Chúa ơi, từ đâu mà nàng có giọng nói này, trầm trầm, êm ái của một bà mẹ. Vâng lời giọng nói này là đúng, tôi từng có kinh nghiệm rồi. Tôi tuân lời nhắm mắt lại, tựa đầu vào tường, nghe hàng trăm thứ tiếng âm ĩ chung quanh ập vào người; tôi mỉm cười trước ý tưởng ngủ ở chỗ này và quyết định đi tới cửa phòng khiêu vũ, lướt nhìn vào đấy - tôi phải thấy cô bé xinh đẹp của tôi nhảy chứ; tôi cựa quậy chân dưới gầm bàn, mãi lúc ấy tôi mới cảm thấy xiết bao mệt mỏi sau hàng giờ lang thang, nên lại ngồi ì. Và rồi tôi thiếp luôn, tuân theo mệnh lệnh của người mẹ, ngủ một cách tham lam lần biết ơn và tôi mơ, thật rành mạch và thú vị; lâu lắm rồi tôi mới lại mơ. Tôi mơ thế này:

Tôi ngồi chờ trong một tiền sảnh cổ kính. Mới đầu chỉ biết là mình được đăng ký diện kiến một đại nhân nào đấy, rồi chợt nhớ người sắp tiếp tôi chính là ngài von Goethe. Tiếc rằng tôi tới đây không với tư cách cá nhân mà mang danh nghĩa phóng viên một tạp chí; tôi rất bức bối và không thể hiểu nổi ma quỷ nào đã đưa đẩy mình vào hoàn cảnh này. Ngoài ra tôi còn lo lắng vì một con bọ cạp, mới đây tôi còn thấy nó đang tìm cách bò lên chân tôi. Quả thật tôi đã cố dùng đưa chân để gạt con vật đen trũi bò lồm ngồm đó, nhưng chẳng rõ bây giờ nó đang ở đâu và tôi không dám mò tìm.

Tôi cũng không hoàn toàn dám chắc có thật người ta cho mình gặp cụ Goethe, hay do nhầm lẫn lại khiến mình gặp Matthisson, người mà trong giấc mơ tôi cứ đinh ninh là tác giả Những bài thơ gửi Molly, vì tôi nhầm ông với Burger(1). Nhân tiện nói thêm là tôi hết sức ao ước được gặp Molly; tôi hình dung bà là người thật tuyệt vời, dịu dàng, giỏi âm nhạc, sống về đêm. Ước chi tôi không ngồi đây vì thừa ủy nhiệm của cái ban biên tập phải gió nọ! Càng lúc càng thêm bức bối về chuyện này, tôi đâm ra giận lẫy cả Goethe, nên bỗng dưng nghi kỵ và trách móc cụ đủ thứ chuyện. Thế này chắc sẽ hứa hẹn một buổi tiếp kiến hay ho đây! Còn con bọ cạp tuy nguy hiểm và có lẽ đang trốn ngay sát người tôi, nhưng hẳn không đến nỗi nào; có thể nó, như tôi thấy, báo trước điềm vui; rất có thể nó, như tôi thấy, liên quan thế nào đấy với Molly; nó là một loại người đưa tin hay con vật vẽ trên huy hiệu của bà, một con vật biểu trưng đẹp đẽ và nguy hiểm của nữ tính và tội lỗi. Có thể nào tên nó là Vulpius(2) không nhỉ? Đúng lúc ấy một gia nhân mở tung cửa ra, tôi bật dậy bước vào.

1. Friedrich von Matthisson (1761-1831), nhà thơ. Gottfried August Burger (1747-1794), tác giả Những bài thơ gửi Molly.

2. Christiane Vulpius (1765-1816), vợ của Goethe.

Cụ Goethe đang đứng đấy, nhỏ thó và thẳng đơ, trên lồng ngực mẫu mực của cụ chễm chệ một tấm huân chương to tướng hình ngôi sao. Cụ vẫn luôn còn mang vẻ đang cai trị, vẫn luôn còn tiếp kiến, vẫn luôn còn giám sát thế gian từ viện bảo tàng Weimar của cụ. Nên nhắc thấy tôi, cụ đã gục gặc cái đầu như một con quạ già, trịnh trọng phán: “Chà, các cậu bạn trẻ, xem ra các cậu rất ít đồng tình với bọn ta và những nỗ lực của chúng ta, nhỉ?”

“Hoàn toàn đúng thế ạ,” tôi đáp mà lạnh toát người trước ánh mắt thượng thư(1) của cụ. “Thưa ngài, lớp trẻ chúng tôi quả thật không đồng tình với ngài. Đối với chúng tôi thì ngài quá trịnh trọng, quá kiêu căng, làm bộ làm tịch và không mấy thẳng thắn. Có lẽ đây là điều cốt yếu: không mấy thẳng thắn.”

1. Goethe từng là ủy viên Viện Cơ mật - như thượng thư ở nước ta thời phong kiến - ở Weimar. Đã từ lâu ở đây có một viện bảo tàng nổi tiếng mang tên nhà thơ.

Ông lão nhỏ thó ấy hơi hất cái đầu nghiêm khắc tới trước, và trong lúc cái miệng cương nghị với những nếp nhăn trông trịnh trọng của ông dần ra thành một nụ cười tủm tỉm, sinh động tuyệt trần thì tim tôi chợt rộn lên, vì đột nhiên tôi nhớ đến bài “Hoàng hôn nghiêng xuống từ trên cao”(2) và chính con người kia, cái miệng kia đã thốt ra những vần thơ nọ. Thật ra ngay lúc ấy trong tôi mọi nghi kỵ và trách móc cụ đã tan biến sạch rồi, tôi bị cụ chế ngự hoàn toàn và không muốn gì hơn là quỳ xuống trước cụ. Nhưng tôi vẫn đứng

thẳng người, nghe những lời cụ thốt ra từ cái miệng mỉm cười kia: “Chà, nghĩa là các cậu buộc ta tội không thẳng thắn? Mấy từ ấy mới ghê gớm làm sao! Cậu giải thích rõ hơn được chứ?”

2. Tên một bài thơ của Goethe.

Tôi sẵn sàng, rất sẵn sàng.

“Thưa ngài von Goethe, như mọi nhà tư tưởng lớn khác, ngài đã thấy và cảm nhận rõ rệt về điều nghi vấn và sự tuyệt vọng của kiếp người: lộng lẫy trong chớp mắt rồi lụi tàn khốn khổ, nỗ lực không thể trả giá nào khác cho sự thăng hoa của cảm giác hơn là trở thành nô lệ của những sinh hoạt thường nhật, nỗi khát khao cháy bỏng về một vương quốc của tinh thần và sự không ngừng chiến đấu một mất một còn chống lại niềm say mê cũng cháy bỏng và thiêng liêng về sự hồn nhiên, chất phác đã mất của bản tính con người - nghĩa là hết thấy nỗi chơi vơi đáng sợ trong sự trống rỗng và sự không chắc chắn, mang bản án phải tàn phai, chẳng bao giờ toàn thiện, muôn đời chỉ toàn thử nghiệm và vụng về - nói gọn, toàn bộ những bế tắc, xa rời thực tế và tuyệt vọng của kiếp người. Tất cả những điều này ngài đều rõ và mình xác từ thuở nào rồi, thế nhưng ngài lại rao giảng điều ngược lại bằng cả cuộc đời mình, ngài bày tỏ niềm tin cùng sự lạc quan, ngài lừa bịp chính mình cùng người khác rằng những nỗ lực tinh thần của chúng ta bền vững và có ý nghĩa. Ngài đã gạt bỏ và trấn áp những tiếng kêu từ đáy vực, những tiếng nói của chân lý tuyệt vọng, trong chính bản thân ngài cũng như trong Kleist và Beethoven(1). Hàng chục năm ròng ngài đã làm như thể việc tích lũy, sưu tập kiến thức, việc viết lách và gom góp thư từ, như thể cả quãng đời lúc về già của ngài ở Weimar quả là một phương cách để lưu danh thiên cổ cái khoảnh khắc mà thật ra ngài đã chỉ có thể biến nó trở thành một thứ xác ướp, để tinh thần hóa cái bản tính mà ngài đã chỉ có thể cách điệu thành một mặt nạ. Đó chính là sự không thẳng thắn mà chúng tôi thống trách ngài.”

1. Heinrich von Kleist (1777-1811): nhà văn, nhà soạn kịch Đức; Beethoven (1770-1827): nhạc sĩ vĩ đại Đức.

Ngài ủy viên già nua của Viện Cơ mật đắm chiêu nhìn vào mắt tôi, miệng vẫn không ngớt mỉm cười.

Rồi cụ hỏi khiến tôi ngạc nhiên: “Nghĩa là cậu phải ghét cay ghét đắng bản Điều sáo mê hồn của Mozart?”

Tôi chưa kịp phản bác, cụ đã hỏi tiếp: “Điều sáo mê hồn diễn tả cuộc đời như một bài ca tuyệt diệu, nó tán tụng tình cảm của chúng ta, những thứ rất phù vân, như là gì đấy vĩnh cửu và thần thánh, nó không hòa theo các ông von Kleist hay Beethoven, mà thuyết giảng về sự lạc quan và niềm tin.”

“Tôi biết, tôi biết!” tôi bực dọc kêu lên. “Có Chúa mới rõ vì sao ngài lại viện ra ngay bài Điều sáo mê hồn mà tôi thích nhất trên đời này! Nhưng Mozart không thọ đến tám mươi hai tuổi và trong cuộc sống riêng cũng không đòi hỏi phải trường tồn, trật tự và phẩm cách như ngài! Ông ta không làm bộ làm tịch! Ông ta đã ca hát những khúc nhạc thần và sống đói nghèo, chết trẻ, bần hàn, tài năng bị ngộ nhận...”

Tôi hực cả hơi. Cả ngàn điều muốn nói tôi đã phải gói gọn chỉ trong mười từ, trán tôi vã mồ hôi.

Nhưng Goethe đáp lại rất thân ái: “Việc ta thọ tám mươi hai tuổi có lẽ không tha thứ được. Tuy nhiên ta ít vui thú về chuyện này hơn cậu có thể đã tưởng. Cậu nói đúng: ta luôn muốn được sống trường cửu, ta luôn sợ và chống lại cái chết. Ta tin rằng cuộc chiến đấu chống lại cái chết, lòng mong muốn sống, mong muốn một cách bướng bỉnh và vô điều kiện, chính là động lực đã khiến mọi con người xuất chúng hành động và sống. Còn việc cuối cùng con người ta vẫn phải chết thì cậu bạn trẻ ạ, ta đã chứng minh một cách cứng thuyết phục điều này với tám mươi hai tuổi đời, không khác nếu ta chết ở tuổi học trò. Ta muốn nói thêm điều này nữa, nếu có thể giúp được cho sự biện bạch của mình: bản tính ta nhiều thứ rất trẻ con, rất tò mò, ham đùa nghịch và phung phí thời gian. Thành ra ta đã phải mất khá lâu mới nghiệm ra được rằng chơi đùa thế là quá đủ.”

Goethe vừa nói vừa mỉm cười ranh mãnh, như một đứa trẻ nghịch ngợm. Ông trở nên cao lớn hơn, mắt hằn dáng dấp thẳng đơ và vẻ quyền quý gượng gạo trên gương mặt. Bầu không khí quanh chúng tôi giờ đây tràn đầy những khúc nhạc, rất nhiều bài ca của Goethe; tôi nghe rõ trong đó có bài Hoa tím của Mozart, bài Em lại phủ kín rừng rậm và thung lũng của Schubert. Giờ đây gương mặt Goethe hồng hào, trẻ trung, ông mỉm cười khi thì giống Mozart, lúc lại giống Schubert như hai anh em; ngôi sao trên ngực ông biến thành một chùm hoa đồng nội, chính giữa nở rộ một bông anh thảo vàng.

Tôi không vừa ý lắm trước việc ông cụ này muốn lãng tránh theo kiểu bông đùa như thế những câu hỏi và trách cứ của tôi, nên đã nhìn cụ đầy trách móc. Cụ liền cúi tới trước, ghé miệng, nay đã hoàn toàn thành

miệng trẻ thơ, sát tai tôi thì thầm: “Này cậu, cậu quá coi trọng lão Goethe già này đấy. Chớ nên coi trọng những người già đã chết rồi, bằng không sẽ là bất công đối với họ. Chúng ta, những kẻ bất tử, không ưa coi trọng chuyện gì hết, mà thích đùa vui. Sự nghiêm trọng, cậu ạ, là công việc của thời gian; sở dĩ có nó, ta có thể tiết lộ cho cậu ngần này, là do thời gian được đánh giá quá cao. Trước kia chính ta cũng đã đánh giá quá cao thời gian, nên ta mới muốn sống đến trăm tuổi. Nhưng trong cõi vĩnh hằng, cậu biết không, không có thời gian; mà vĩnh hằng chỉ là một khoảnh khắc, vừa đủ dài cho một câu đùa.”

Quả thật tôi chẳng còn trao đổi được lời nào nghiêm chỉnh nữa với người đàn ông này; cụ nhảy nhót một cách thú vị, lên xuống mềm mại, khiến bông anh thảo lúc như hỏa tiễn vọt ra khỏi ngôi sao, lúc nhỏ rồi lại biến mất. Trong lúc Goethe trở tài qua những bước và dáng nhảy, tôi phải công nhận rằng ít ra cụ cũng đã không bỏ lỡ chuyện học khiêu vũ. Cụ nhảy thật tuyệt vời, Tôi sức nhớ tới con bọ cạp, tới Molly thì đúng hơn, liền gọi Goethe: “Thưa ngài, Molly không có đây sao?”

Goethe cười rộ. Cụ đi lại bàn, mở một ngăn kéo, lấy một cái hộp quý bằng da hay nhung gì đấy, mở ra rồi chìa trước mặt tôi. Trên nền nhung thẫm là một cái chân phụ nữ nhỏ xíu, toàn mỹ và óng ánh, đầu gối hơi co, bàn chân duỗi xuống dưới, tận cùng là những ngón vô cùng xinh xắn.

Tôi chìa tay định nắm lấy cái chân tí tẹo khiến mình say mê nọ, nhưng hai ngón tay tôi mới chực cầm thì món đồ chơi kia dường như hơi giật nhẹ, khiến tôi đột nhiên sinh nghi có thể đó là con bọ cạp. Goethe chừng như thấy rõ điều ấy, thậm chí còn có vẻ chủ tâm gây ra sự lúng túng, sự mâu thuẫn bùng lên giữa thèm muốn và sợ hãi này. Cụ gí con bọ cạp nhỏ bé duyên dáng kia vào sát mặt tôi, nhìn tôi thèm muốn nó, nhìn tôi rùng mình khiếp sợ nó và điều này dường như làm cụ thích thú. Trong lúc trêu tôi với món đồ chơi xinh xắn mà nguy hiểm nọ, cụ lại trở thành già, già khú, nghìn tuổi, tóc trắng phau như tuyết, khuôn mặt già nua tàn tạ cười không thành tiếng, kiểu cười dữ dội thâm thúy đầy hóm hỉnh bí ẩn của người già.

Khi thức dậy tôi quên mất giấc mơ, mãi sau mới nhớ lại. Hẳn tôi đã ngủ chừng một giờ giữa tiếng nhạc và sự náo nhiệt, ngay tại chiếc bàn trong quán rượu; chẳng bao giờ tôi nghĩ có thể như thế được. Cô gái đáng mến đứng trước mặt, một tay đặt trên vai tôi.

“Cho em hai, ba mark,” nàng nói, “em đã tiêu pha chút ít ở đằng kia rồi.”

Tôi đưa ví, nàng cầm lấy quay đi, lát sau trở lại.

“Nào, bây giờ em có thể ngồi thêm với anh một lúc ngắn nữa, rồi phải đi, em có hẹn.”

Tôi hốt hoảng. “Với ai vậy?” tôi vội hỏi.

“Với một ông, nhóc Harry ạ. Hẳn đã mời em lại quán rượu Nhà Hát Lớn.”

“Ồ, anh cứ tưởng em sẽ không bỏ anh một mình.”

“Vậy thì lẽ ra anh phải mời em chứ. Có người mời trước anh rồi.Ồ, thế là anh tiết kiệm được khối tiền đấy. Anh biết quán Nhà Hát Lớn không? Sau nửa đêm chỉ toàn là sâm banh, ghế bành như trong câu lạc bộ, ban nhạc da đen, rất sang.”

Tôi đã không lưu ý tới tất cả những điều này.

“Chà,” tôi khấn khoản, “vậy để anh mời em vậy! Anh cứ nghĩ chuyện này là đương nhiên, mình đã là bạn bè của nhau rồi mà. Hãy cho anh mời em đến nơi nào em thích, anh năn nỉ đấy.”

“Anh thật dễ thương. Nhưng anh thấy đó, lời hứa là lời hứa, em đã nhận lời rồi và em sẽ đi. Đừng mất công năn nỉ nữa! Đây, uống nữa đi, trong chai vẫn còn rượu. Anh uống cho hết rồi ngoan ngoãn về nhà ngủ. Hứa với em đi.”

“Không, anh không thể về nhà được, em ạ.”

“Ồi giời, anh thật nhiều chuyện! Mãi vẫn chưa xong với cái nhà ông Goethe à? (Đúng lúc ấy tôi sức nhớ đến giấc mơ gặp Goethe.) Nhưng nếu quả thật anh không muốn về nhà, thì cứ ở lại, ở đây có phòng trọ mà. Em lấy cho anh một cái nhá?”

Tôi đồng ý và hỏi có thể gặp lại nàng ở đâu? Nàng cư ngụ chỗ nào? Nàng không cho tôi biết. Nàng bảo, chỉ cần tôi bỏ chút công tìm thì thế nào cũng sẽ thấy.

“Anh không được phép mời em à?”

“Tôi đâu?”

“Tôi nơi nào em thích, lúc nào tùy em.”

“Được. Thứ Ba, ta ăn tối tại quán ‘Tu sĩ già dòng Francisco’, tầng một. Chào anh nhé!”

Nàng chia tay, mãi lúc đó tôi mới nhận thấy bàn tay ấy đẹp, đầy đặn, thông minh, nhân hậu, quá hợp với giọng nói của nàng. Nàng mỉm cười giấu cợt khi tôi hôn tay nàng.

Vào phút chót nàng còn quay lại lần nữa, bảo tôi: “Em muốn nói thêm với anh điều này, về cái nhà ông Goethe ấy. Thề này nhá, chuyện xảy ra với anh liên quan đến cái nhà ông Goethe đến nỗi anh không chịu đựng nổi bức hình của ông ấy như thế nào thì đôi khi em cũng như thế với các ông thánh.”

“Các ông thánh à? Em ngoan đạo đến thế ư?”

“Không, em không ngoan đạo, tiếc thay, nhưng em đã từng sùng tín và sẽ có ngày sùng tín trở lại. Người ta đâu có thì giờ để mà mộ đạo.”

“Không có thì giờ? Chẳng lẽ phải có thì giờ mới mộ đạo được à?”

“Cần chứ. Để mộ đạo cần phải có thì giờ, thậm chí nhiều thứ hơn nữa: sự không lệ thuộc vào thời gian! Anh không thể thật sự mộ đạo, đồng thời sống trong thực tại, hơn nữa lại coi trọng những thời gian, tiền bạc, quán Nhà Hát Lớn và đủ thứ linh tinh”

“Anh hiểu rồi. Nhưng chuyện các vị thánh thì như thế nào?”

“À, có một số vị thánh em đặc biệt quý trọng: thánh Stefan này, thánh Francis và nhiều vị khác. Thỉnh thoảng em thấy hình như các vị ấy, cả của Đấng Cứu Thế và Đức Mẹ, những bức hình trả giá, sai lạc, ngớ ngẩn và em cũng không chịu đựng nổi đại loại như anh với bức hình nọ của Goethe. Khi em nhìn một bức hình xinh xắn ngu xuẩn như thế của Đấng Cứu Thế hoặc của thánh Francis và thấy người khác trầm trồ khen đẹp, khiến họ phấn chấn, em liền cảm thấy như đó là một sự nhục mạ Đấng Cứu Thế chân chính và em nghĩ: chao ôi, Người đã sống và gánh chịu đớn đau nhường ấy để làm gì, nếu chỉ cần một bức hình vớ vẩn như thế của Người đủ làm họ mãn nguyện! Tuy nhiên em cũng biết rằng bức hình trong lòng em về Đấng Cứu Thế hoặc thánh Francis cũng chỉ là tưởng tượng của con người thôi, đâu sánh nổi với nguyên mẫu; đối với Đấng Cứu Thế thì ngay chính hình ảnh của Người trong lòng em cũng rõ là vớ vẩn và nghèo nàn, không khác những phiên bản xinh xắn nọ đối với em. Em nói điều này không phải để bảo vệ anh tức tối và giận dữ vì bức hình Goethe là đúng; không, anh làm thế là sai. Em nói chỉ để cho anh thấy rằng em có thể hiểu được anh. Các anh, những học giả và nghệ sĩ, đầu óc toàn thứ độc đáo thật đấy, nhưng các anh cũng chỉ là con người như bao kẻ khác thôi và bọn em, những kẻ khác ấy, cũng có lắm giấc mơ và tưởng tượng trong đầu óc mình. Chẳng hạn, thừa nhà học giả, em nhận thấy anh đã hơi lúng túng khi phải kể với em câu chuyện của anh về ông Goethe - anh đã phải cố gắng để một cô gái tầm thường có thể hiểu được những điều lý tưởng của anh. Chắc, em nói thế này chẳng qua vì muốn cho anh thấy không cần phải gồng mình làm gì. Em hiểu anh mà. Thế nhé, bây giờ chấm hết! Anh phải đi ngủ thôi!”

Nàng bỏ đi và một lão bộc đưa tôi lên tầng hai; đúng hơn, trước hết lão hỏi hành lý tôi đâu; khi biết tôi không có hành lý, lão bắt tôi phải ứng trước cái mà lão gọi là “tiền ngủ trọ”. Rồi lão đưa tôi qua cái khoang cầu thang cũ kỹ tối om om lên một căn phòng, để mặc tôi ở đấy. Phòng có một chiếc giường gỗ đơn sơ, ngắn ngủn và cứng, trên tường treo một thanh gương và một tấm hình màu của Garibaldi(1), thêm một vòng hoa đã héo ghi dấu lần liên hoan của một hội đoàn nào đấy. Tôi sẵn sàng trả bọn tiền để có một bộ đồ ngủ! Song ít ra trong phòng cũng sẵn nước và một tấm khăn tay nhỏ nên tôi có thể lau người, rồi lên giường với nguyên áo xống, cứ để đên, nằm nghỉ ngơi; tôi thừa thì giờ mà. Bây giờ chuyện cụ Goethe thế là ổn thỏa rồi. Cụ đã đến với tôi trong giấc mơ, thật tuyệt diệu biết bao! Và người con gái tuyệt vời này - phải chi tôi biết được tên nàng! Bỗng đâu một người, một người bằng xương bằng thịt, đã đập nát cái chụp thủy tinh u ám úp lên cái chết dần mòn của tôi, đã chia tay cho tôi, một bàn tay ấm áp, xinh xắn và nhân hậu! Bỗng dưng lại xuất hiện những chuyện liên quan đến tôi, những chuyện mà tôi có thể nghĩ tới với vui thú, âu lo, căng thẳng. Bỗng dưng một cánh cửa mở ra và cuộc đời đi qua đó đến với tôi! Có lẽ tôi có thể sống lại được, có thể tôi có thể lại trở thành một con người. Tâm hồn tôi, đã thiếp đi và gần như đã hóa băng trong giá lạnh, đang thở lại, đang ngái ngủ vỗ đôi cánh nhỏ yếu. Goethe đã đến với tôi. Một cô gái đã bảo

tôi phải ăn, uống, ngủ, đã bày tỏ sự thân thiện với tôi, đã cười cợt tôi, đã gọi tôi là một nhóc con ngu xuẩn. Và nàng, người bạn gái tuyệt vời ấy, đã kể về các vị thánh và cho tôi thấy rằng ngay cả trong những lúc tôi kỳ quái nhất tôi cũng không phải là một kẻ cô đơn, không người thông cảm và một ngoại lệ bệnh hoạn, rằng tôi cũng có chị có em, rằng người ta hiểu tôi. Tôi sẽ lại gặp nàng chăng? Có, chắc chắn, nàng đáng tin cậy. “Lời hứa là lời hứa.”

1. Giuseppe Garibaldi (1807-1882): nhà cách mạng, anh hùng dân tộc của nước Ý, đã giải phóng Ý khỏi ách đô hộ của ngoại bang.

Và rồi tôi thiếp đi, ngủ vùi bốn, năm giờ liền. Tôi thức dậy lúc đã quá mười giờ, áo quần nhàu nhĩ, mệt bã người, đầu còn ong ong chuyện gì đấy khá đáng sợ của hôm qua, nhưng tôi đã sôi nổi, đầy hy vọng, đầy những ý tưởng tốt lành. Trên đường về căn hộ của mình tôi không cảm thấy chút gì nữa của nỗi kinh hoàng mà sự trở về này đã gây cho tôi tối hôm qua.

Nơi cầu thang, phía trên chậu bách tán, tôi gặp “bà dì”, bà chủ nhà, người tôi hiếm khi thấy mặt, nhưng rất hài lòng về tính tình xởi lởi của bà. Cuộc chạm mặt khiến tôi không thoải mái, vì dấu sao tôi cũng khá lồi thối lếch thếch và bơ phờ vì thức trắng đêm, tóc tai không chải, râu ria không cạo. Tôi chào bà và định đi luôn một mạch. Bình thường bà luôn tôn trọng ý muốn của tôi được sống một mình, không bị dòm ngó, nhưng hôm nay dường như quả thật tấm màn ngăn cách tôi với thế giới chung quanh đã bị xé tan, một rào cản đã sụp đổ - bà cười và cứ đứng ở đấy.

“Ông Haller, tối hôm qua chắc ông bù khú nên không ngủ ở nhà. Ông sẽ mệt đứt cho mà xem!”

“Vâng,” tôi đáp và cũng bật cười luôn, “tối hôm qua cũng hơi quá vui thật, và vì tôi không muốn làm rộn nếp sống của nhà ta, nên đã ngủ ở khách sạn. Tôi rất trân trọng sự yên tĩnh và tiếng tăm của ngôi nhà này, nên đôi khi tự cảm thấy mình như một cơ thể lạ ở trong đó.”

“Ông đừng giấu cợt thế, ông Haller ạ!”

“Ồ không, tôi chỉ tự giễu cợt thôi.”

“Ông lại càng không nên thế. Ông không nên cảm thấy như một ‘cơ thể lạ’ trong nhà tôi. Ông nên sống như ông thích, làm những gì ông muốn. Tôi từng có vài khách trọ rất đáng kính trọng, những hòn ngọc về tư cách, nhưng chẳng ai lạng lẽ và ít làm phiền chúng tôi bằng ông. Bây giờ - ông thích uống trà không nào?”

Tôi không từ chối. Tôi được mời dùng trà trong phòng khách đầy những hình ảnh và đồ đạc cổ kính, nói với bà dăm ba câu chuyện và người đàn bà vui tính này, dù không thật sự hỏi, đã biết được chuyện này chuyện nọ trong đời sống, suy nghĩ của tôi; bà lắng nghe với vẻ vừa tôn trọng vừa không quá quan trọng hóa của bậc hiền mẫu, kiểu mà các bà vợ khôn ngoan thường có trước những gần gũi của chồng. Chúng tôi cũng đề cập tới người cháu trai của bà và bà cho tôi xem ở một phòng bên cái radio, công trình mới nhất của anh ta cặm cụi bao ngày sau khi đi làm về. Nơi đây, tôi tới người thanh niên cần mẫn ấy ngồi rì mọ ráp cái máy nọ, mê say ý tưởng về kỹ thuật vô tuyến, sùng tín khẩu đầu trước ông thần kỹ thuật, kể sau bao nghìn năm đã thành công trong chuyện phát hiện và trình bày cực kỳ không hoàn chỉnh những điều mà mọi nhà tư tưởng đều đã biết và sử dụng khôn khéo hơn. Chúng tôi trò chuyện về những điều ấy, vì bà dì này khá sùng tín và không phải không ưa những chuyện liên quan đến tôn giáo. Tôi bảo bà rằng người Ấn Độ thời cổ đại đã rành rẽ về sự hiện diện khắp nơi của mọi sức mạnh và hành động, còn kỹ thuật mới chỉ có thể biến nổi một tí chút thực tế này thành ý thức phổ biến, qua việc thiết kế một cái máy thu và phát sóng âm thanh còn thiếu sót kinh khủng. Cho tới nay, điều cốt lõi của nhận thức xa xưa nọ, rằng thời gian không có thật, chưa được kỹ thuật quan tâm, nhưng tất nhiên cuối cùng nó cũng sẽ được “khám phá” và rơi vào tay những kỹ sư xằng xái. Có lẽ chẳng bao lâu nữa người ta sẽ thấy rằng không chỉ những hình ảnh và sự kiện ở khoảnh khắc tức thời trong hiện tại mới liên tục tràn ngập chúng ta, tương tự như giờ đây người ta đã khiến âm nhạc ở Paris và Berlin cũng nghe thấy được ở Frankfurt hoặc Zurich, mà mọi chuyện đã xảy ra cũng sẽ được ghi lại cả, và một ngày nào đấy, vô tuyến hay không, rè hay không rè, ta có thể nghe vua Salomon hoặc Walther von der Vogelweide(1) nói. Lúc đó tất cả những chuyện này, giống như bây giờ trong bước khởi đầu của radio, sẽ chỉ khiến con người trốn chạy chính mình và những mục tiêu của mình, rồi tự bủa vây bằng một tấm lưới ngày một khít hơn của sự đăng trí và những bận rộn vô bổ. Nhưng tôi nói ra tất cả những điều quen thuộc này không với giọng cố hữu cay đắng và nhạo báng thời đại cùng kỹ thuật, mà đùa bỡn; bà dì mỉm cười và chúng tôi ngồi uống trà thoải mái suốt một giờ đồng hồ.

1. Salomon: vua Do Thái thời cổ đại, tương truyền nổi tiếng sáng suốt; Walther von der Vogelweide (1170-1230): nhà thơ Đức.

Tôi mời được cô gái lạ lùng, xinh xắn mới quen ở quán Đại Bàng Đen đi ăn vào tối thứ Ba; tôi đã phải nỗ lực ghê gớm mới qua hết được thì giờ cho đến hôm đó. Cuối cùng, khi ngày thứ Ba ấy tới, tôi mới thấy rõ ràng mức độ quan trọng đến kinh hoàng trong quan hệ của mình với người thiếu nữ vô danh ấy. Tôi toàn nghĩ đến nàng, chờ đợi ở nàng đủ mọi thứ, sẵn sàng hy sinh và hiến dâng nàng tất cả, dù chẳng yêu nàng mấy may. Chỉ cần tưởng tượng nàng nuốt lời hoặc quên hẹn là thấy ngay mình sẽ lâm vào trạng huống nào: thế gian sẽ lại trống rỗng, ngày lại ngày sẽ u ám và chẳng đáng kể gì nữa, quanh tôi sẽ lại chỉ toàn sự vắng lặng và lịm chết đến rợn người; không còn lối nào thoát khỏi địa ngục cầm nín này, ngoài lưỡi dao cạo. Trong đôi ba ngày ấy tôi chẳng ham hố gì hơn lưỡi dao cạo, nó không mấy may mất đi về đáng sợ. Song chính đây mới là điều đáng ghét: tôi sợ ghê gớm, sợ đến đứng tim khi phải cửa cổ mình; tôi sợ chết với sức mạnh hoang dại, dai dẳng; tôi kháng cự và vùng lên, như thể tôi là kẻ khỏe khoắn nhất thế gian và cuộc đời tôi là cả một thiên đường. Tôi nhận biết hoàn cảnh của mình rõ ràng rành rành, không chút mơ hồ, rằng chính sự căng thẳng khôn kham giữa sự không thể sống và sự không thể chết đã khiến người con gái vô danh ấy, cô vũ nữ nhỏ nhắn xinh đẹp ở quán Đại Bàng Đen ấy, trở thành quan trọng xiết bao đối với tôi. Nàng là khung cửa sổ tí hon, là lỗ hồng bé tẹo lung linh sáng nơi hang động sợ hãi tối om của tôi. Nàng là sự giải thoát, là con đường đưa tôi đến tự do. Nàng phải dạy tôi sống hoặc dạy tôi chết, nàng phải chạm bàn tay cương nghị và xinh xắn lên trái tim đông cứng của tôi, để nó hoặc bùng nổ do tiếp cận sự sống, hoặc rã thành tro bụi. Từ đâu nàng có những sức mạnh ấy, từ đâu nàng có pháp thuật ấy, cái ý nghĩa sâu xa mà nàng có đối với tôi đã nảy nở từ những nguyên do bí ẩn nào, tôi chịu không nghĩ ra được; mà cũng chẳng có gì quan trọng, tôi không cần phải biết. Tôi chẳng quan tâm chút nào nữa đến tri thức hay nhận thức, vì tôi đã bị nhồi nhét chính những thứ ấy quá nhiều rồi; chính nó chứa đựng nỗi dằn vặt và nhục nhã ghê gớm, ê chề nhất của tôi, nó khiến tôi nhận ra và ý thức quá rõ về trạng huống của mình. Tôi thấy tên khốn nạn ấy, tên thô lỗ Sói Thảo Nguyên ấy, ngay trước mắt không khác một con ruồi sa lưới nhện, tôi nhìn số phận nó nhích dần tới giây phút quyết định như thế nào, thấy nó bất lực ra sao, còn con nhện đang sẵn sàng đón nó và một bàn tay cứu vớt xuất hiện cũng ngay gần đây như thế nào. Tôi có thể nói những điều sáng suốt và rành mạch nhất về các mối tương quan cùng nguyên do gây nên sự đau khổ, bệnh tâm hồn, chứng quỷ ám và loạn thần kinh của tôi, vì tôi thấu suốt cơ chế của chúng. Nhưng trí thức và hiểu biết không phải là điều tôi cần, khiến tôi khao khát đến tuyệt vọng nhường ấy, mà sự trải nghiệm, sự quyết định, cú hích và sức đẩy.

Tuy trong đôi ngày chờ đợi ấy tôi không hề nghi ngờ rằng cô bạn sẽ nuốt lời, song đến ngày cuối tôi rất hồi hộp và không còn dám chắc chắn nữa; trong đời, tôi chưa từng nóng lòng ngóng chờ ngày qua đi và chiều tối đến như thế. Nhưng trong sự căng thẳng và sốt ruột khiến tôi dường như không chịu đựng nổi thì đồng thời chúng lại có mặt rất hay: với kẻ đã vỡ mộng, từ lâu không đợi chờ gì nữa, không ham muốn gì nữa như tôi thì quả là tuyệt diệu, khi suốt ngày toàn đi tới đi lui vì bồn chồn, lo lắng, mong chờ day dứt, hình dung lúc gặp gỡ, chuyện trò, buổi tối này sẽ đưa tới đâu, rồi lo cạo râu, đóng bộ (đặc biệt chăm chút, sơ mi mới, ca vát mới, dây giày mới). Dù cô gái nhỏ nhắn thông minh và đầy bí ẩn này là ai, dù nàng quan hệ với tôi theo cách nào đi nữa, tôi cũng chẳng xem đó là quan trọng; tôi chỉ cần biết một điều: nàng có thật, phép lạ đã xảy ra khiến một lần nữa tôi tìm thấy một con người và hứng thú mới cho cuộc sống! Quan trọng là phép lạ kia cứ tiếp diễn, còn tôi phó thác mình cho lực hấp dẫn này và đi theo ngôi sao ấy!

Giây phút gặp lại nàng thật không thể nào quên! Lúc đó tôi đang ngồi tại một chiếc bàn con trong ngôi nhà hàng cũ kỹ nhưng ấm cúng ấy - trước đây tôi đã gọi điện đặt chỗ, một việc không cần thiết - tìm hiểu thực đơn và cắm vào một ly nước hai đoá lan xinh xắn mua tặng cô bạn. Tôi phải chờ nàng khá lâu, nhưng biết chắc nàng sẽ đến nên không hồi hộp nữa. Và nàng đến kia rồi; nàng dừng lại trước chỗ treo áo, chỉ chào tôi bằng cái nhìn chăm chú, hơi xét nét từ đôi mắt xám nhạt. Tôi nghi ngại để ý xem gã chạy bàn cư xử với nàng thế nào. Không, đội ơn Chúa, gã không thân mật mà giữ đủ khoảng cách, lễ độ không chê trách được. Nhưng họ quen biết nhau sẵn rồi, nàng gọi gã là Emil.

Khi tôi tặng nàng hai bông lan, nàng cười thích thú.

“Anh thật dễ thương, Harry ạ. Anh muốn tặng quà cho em, đúng không, mà không rõ nên chọn món gì, được phép tặng em tới mức nào, có xúc phạm em chẳng, nên anh mới mua lan; chỉ là hoa thôi, nhưng đắt lắm đấy. Em cảm ơn anh. Có điều em muốn nói ngay với anh: em không muốn được anh tặng. Em sống

nhờ vào đàn ông, nhưng không muốn sống dựa vào anh. Mà anh đã thay đổi thật thôi! Không nhận ra nữa đây. Hôm trước trông anh như mới được cứu khỏi dây thòng lọng, nay đã ra dáng con người rồi. Anh có làm theo lệnh của em không đấy?”

“Lệnh gì cơ?”

“Anh mau quên thế à? Em muốn nói là anh nhảy Fostrott được chưa? Anh đã bảo chẳng ao ước gì hơn là nhận mệnh lệnh của em, anh không thích gì hơn là vâng lời em mà. Anh nhớ chứ?”

“À, có chứ và sẽ như vậy mà. Anh nói nghiêm túc đấy.”

“Thế nhưng anh vẫn chưa học nhảy?”

“Nhanh thế được à, chỉ trong vài ngày ư?”

“Dĩ nhiên. Anh có thể học điệu Fox trong một giờ, điệu Boston trong hai giờ. Tango thì lâu hơn, song anh đâu cần.”

“Nhưng bây giờ anh phải dứt khoát biết tên em!”

Nàng lặng lẽ nhìn tôi một lúc.

“Có thể anh đoán ra mà. Em sẽ rất vui nếu anh đoán được. Chú ý nhìn em thật kỹ vào! Chẳng lẽ anh không thấy đôi lúc em có nét mặt con trai sao? Bây giờ chẳng hạn?”

Đúng thế, khi nhìn kỹ khuôn mặt nàng, tôi phải công nhận nàng có lý, đó là một khuôn mặt con trai. Tôi đang ngẫm nghĩ thì gương mặt kia như liền trò chuyện cùng tôi, gợi tôi nhớ lại thời niên thiếu của mình và người bạn trai thuở ấy tên Hermann. Trong một thoáng nàng dường như biến hẳn thành cậu Hermann nọ.

“Nếu em là trai,” tôi sững sốt nói, “tên em phải là Hermann.”

“Biết đâu đấy, có thể em là trai và chỉ cải trang thôi,” nàng đùa.

“Em tên là Hermine(1) à?”

Nàng rạng rỡ gật đầu, vui mừng vì tôi đã đoán ra. Ngay lúc ấy nhà hàng bùng ra món xúp, chúng tôi liền bắt đầu ăn, nàng hào hứng như một đứa trẻ. Trong tất cả những điều nàng làm tôi thích và say mê thì điều tuyệt vời và độc đáo hơn cả là nàng có thể đột

1. Hermine là tên nữ giới, ‘được dẫn’ từ tên Hermann của nam giới. Ở châu Âu không hiếm những tên tương tự (chẳng hạn Pauline dẫn từ Paul, Jeanne dẫn từ Jean...). Bằng cách đặt tên như thế cho cô gái điểm - dẫn từ tên của chính tác giả - Hermann Hesse ngầm qua nhân vật này nói lên khía cạnh phóng đãng, đam mê dục lạc của chính mình.

8. Chương 8

nhiên chuyển từ vẻ nghiêm trang cùng tột sang vẻ vui đùa ngộ nghĩnh nhất mực và ngược lại, rất tự nhiên chứ không cường điệu, cứ như một đứa bé giàu năng khiếu. Giờ đây nàng vui nhộn một lúc, trêu chọc tôi về chuyện Foxtrott, thậm chí còn thúc nhẹ chân tôi, hăm hờ khen ngợi món ăn, nhận xét tôi đã chịu khó trong việc ăn mặc, nhưng chê vẫn còn nhiều thiếu sót.

Trong lúc ấy tôi hỏi nàng: “Em làm cách nào mà đột nhiên trông như con trai khiến anh đoán được tên em vậy?”

“Ồ, chính anh làm những chuyện ấy mà. Chẳng học giả ời, chẳng lẽ anh không hiểu rằng em khiến anh được hài lòng và em quan trọng đối với anh, bởi vì em là một loại gương soi cho anh, vì trong em có cái gì đó cho anh lời giải đáp và hiểu anh? Đúng ra mọi người đều nên là tấm gương soi cho nhau, đáp ứng nhau như thế, nhưng những kẻ kỳ quái như anh đích thị là kỳ quặc và dễ sa vào ma lực, khiến không thể nhìn thấy hay đọc được gì hết trong mắt kẻ khác, thành thử chẳng có gì liên quan tới họ nữa. Và khi một kẻ kỳ quái

như thế đột nhiên lại gặp được một khuôn mặt thật sự chăm chú nhìn mình, cảm thấy nơi khuôn mặt ấy có chút gì như một lời đáp lại và mang nét thân thuộc, thì lúc đó dĩ nhiên hẳn sẽ vui mừng.”

“Em biết hết mọi thứ, Hermine ạ,” tôi sững sốt kêu lên. “Quả đúng y như em nói. Nhưng em vẫn khác anh hoàn toàn! Em chính là sự tương phản của anh; em có tất cả những gì anh thiếu.”

“Anh thấy thế,” nàng nói vắn tắt, “tốt thôi.”

Giờ đây một áng mây nặng trĩu nghiêm trang lướt trên khuôn mặt nàng, đối với tôi nó quả thật giống như một tấm gương ảo thuật; đột nhiên trên cả khuôn mặt ấy chỉ còn nét nghiêm trang, chỉ còn nét bi thương, thăm thẳm như đôi mắt trống rỗng của một chiếc mặt nạ. Nàng chậm rãi thốt ra từng tiếng một, như miễn cưỡng:

“Anh này, chớ quên điều anh đã nói với em đấy! Anh đã bảo em phải sai khiến anh và anh sẽ vui sướng tuân theo mọi sai khiến của em. Anh chớ quên nhé! Harry thân mến ơi, anh phải biết rằng anh cảm thấy từ em như thế nào – khuôn mặt em cho anh lời giải đáp, cái gì đó trong em đáp ứng anh, khiến anh tin cậy – thì em cũng cảm thấy từ anh như thế. Hôm trước thấy anh bước vào quán Đại Bàng Đen, mệt mỏi và lơ đãng kinh khủng, em đã cảm thấy ngay: người này sẽ nghe lời mình đây, anh ta khát khao được mình sai khiến đây! Và em cũng sẽ làm, vì thế em đã bắt chuyện với anh và vì thế mình đã trở thành bạn bè.”

Nàng nói rất mực nghiêm trang như thế, dưới sự thúc giục gay gắt như thế của tâm hồn, khiến tôi không kịp hiểu hết, nên đã tìm cách trấn an nàng và lái sang chuyện khác. Nàng nhíu mày không hài lòng, rồi nhìn tôi với vẻ chế ngự, lạnh lùng nói tiếp: “Anh phải giữ lời, cưng ạ; em bảo rồi đấy, bằng không anh sẽ ân hận. Anh sẽ nhận được nhiều mệnh lệnh của em và sẽ làm theo, những mệnh lệnh hay ho, thú vị và anh sẽ thích thú tuân lời cho mà xem. Và rốt cuộc anh cũng hoàn thành mệnh lệnh cuối cùng của em đấy, Harry ạ.”

“Anh sẽ làm,” tôi nhu nhược đáp. “Mệnh lệnh cuối cùng em giao cho anh là cái gì?” Tôi hỏi, nhưng đã linh cảm thấy rồi, có Chúa biết tại sao.

Nàng lắc đầu như thể run run vì giá lạnh và có vẻ như đang dần tỉnh từ sự trầm ngâm. Nàng nhìn tôi chăm chăm, rồi chợt trở nên ủ dột hơn.

“Không cho anh biết thì em mới là khôn ngoan. Nhưng Harry ơi, em không muốn khôn ngoan, lần này không. Em muốn điều gì đấy khác hẳn. Anh lắng nghe nhé! Anh nghe, rồi anh sẽ quên, sẽ cười, sẽ khóc vì điều em sắp nói. Cưng ơi, chú ý nhé! Em muốn cùng anh chơi trò sống và chết, ông anh thân mến ạ, và em muốn lật cho anh thấy các quân bài của em ngay trước khi mình chơi.”

Khuôn mặt nàng mới đẹp sao, mới siêu phàm sao khi nàng nói điều ấy! Trong đôi mắt lạnh lùng và sáng kia bình bỗng một nỗi buồn có ý thức; đôi mắt ấy dường như đã chịu đựng và chấp nhận mọi khổ đau mà người ta có thể hình dung. Nàng thốt ra thật khó khăn, ngóng nghịu, không khác người nói lúc khuôn mặt cứng đờ vì giá lạnh; nhưng giữa đôi môi và nơi khóe miệng nàng, ở sự nghịch ngợm của chót lưỡi hiểm khi hé lộ - trái ngược với ánh mắt và giọng nói – lại rào rạt nhục cảm ngọt ngào và những đòi hỏi thiết tha về lạc thú. Một lọn tóc ngắn lòa xòa trên vầng trán phẳng phiu trầm lắng và từ đó, từ nơi góc trán vương lọn tóc ấy, làn sóng của vẻ nam tính, vẻ lưỡng tính ma thuật ở nàng thỉnh thoảng lại ủa tới như một làn hơi sinh động. Đây sợ hãi, tôi lắng nghe nàng nói, nhưng nửa mê nửa tỉnh, như thể mù mẫm.

“Anh thích em,” nàng nói tiếp, “vì cái lý do em đã nói với anh; em đã phá vỡ nỗi cô đơn của anh, em đã níu được anh ngay trước cổng địa ngục và làm anh tỉnh lại. Nhưng em muốn nhiều hơn ở anh, thật nhiều. Em muốn làm cho anh say mê em. Không, đừng phản đối, để em nói đã! Anh rất thích em, em cảm thấy mà, và anh biết ơn em, nhưng không say mê. Em muốn làm cho anh say mê em, nghề của em mà; em sống nhờ làm được cho đàn ông say mê em. Nhưng chú ý này, em làm thế không phải vì thấy anh đáng mê đâu nhé. Em không mê anh đâu, Harry ạ, giống như anh đối với em thôi. Nhưng em cần anh, như anh cần em vậy. Anh cần em, lúc này đây, vì anh đang tuyệt vọng và cần được đẩy xuống nước cho tỉnh lại. Anh cần em để học khiêu vũ, học cười, học sống. Còn em cần anh, không phải hôm nay, sau này cơ, cũng cho việc gì đấy thật quan trọng và thật đẹp. Khi anh mê đắm em rồi, em sẽ trao cho anh mệnh lệnh cuối cùng, anh sẽ tuân lời và điều ấy sẽ tốt đẹp cho cả anh lẫn em.”

Nàng nhẹ nâng một trong hai bông lan nâu tím, vân màu lục, cuối nhìn đắm đắm một lúc.

“Anh sẽ thấy chuyện ấy chẳng dễ dàng đâu, nhưng anh sẽ làm. Anh sẽ thực hiện mệnh lệnh của em và giết em. Thế đấy. Đừng hỏi thêm!”

Nàng nín lặng trong khi mắt vẫn không rời đóa lan, khuôn mặt dịu lại, như một nụ hoa nở bung dưới sức căng, và đột nhiên một nụ cười làm mê đắm rạng rỡ trên đôi môi, còn đôi mắt nàng vẫn đắm đắm nhìn một lúc như bị thôi miên. Đoạn nàng lắc cái đầu có những lọn tóc xoăn như một bé trai, hóp một ngụm nước, rồi sực nhớ ra chúng tôi đang dùng bữa, liền thích thú ăn uống ngon lành.

Tôi nghe rõ từng lời nói ghê gớm của nàng, thậm chí đoán được cả cái “mệnh lệnh cuối cùng” trước khi nàng nói ra, nên không kinh hoàng nữa về câu “Anh phải giết em.” Với tôi thì mọi điều nàng nói đều rất thuyết phục và là tiền định, nên tôi chấp nhận chứ không phản bác, tuy nhiên tôi vẫn thấy mọi điều ấy không hoàn toàn thực tế và nghiêm túc, dù nàng nói ra với vẻ nghiêm chỉnh đáng sợ. Một phần tâm hồn tôi nuốt và tin từng lời nàng nói, phần kia gật gù trấn an và ghi nhận rằng hóa ra cô nàng Hermine thông minh, khỏe mạnh, vững vàng nhường ấy cũng có những tưởng tượng và trạng thái nửa tỉnh nửa mê. Nàng vừa dứt lời, một tấm màn của huyền ảo và bất lực phủ lên toàn cảnh.

Tuy nhiên tôi lại không thể nhảy ngược trở về với cõi khả thể và cõi thực dễ dàng như Hermine đi trên dây.

“Nghĩa là anh sẽ có lần giết em?” tôi hỏi, vẫn chưa hết mơ màng, trong khi nàng đã lại cười và hăm hờ cắt miếng thịt vịt.

“Dĩ nhiên,” nàng gật đầu chiếu lệ, “nói thế đủ rồi, bây giờ là lúc mình ăn. Harry, làm ơn gọi cho em ít xa lát! Anh không thấy ngon miệng à? Em nghĩ trước hết anh phải học tất cả những gì mà đối với người khác là đương nhiên, thậm chí cả sự vui thú trong ăn uống. Cho nên cứ hãy nhìn nhé, đây là cái đùi vịt, khi ta bóc lớp thịt trắng ngon lành này khỏi xương thì đúng là một bữa tiệc, ta sẽ thấy thềm, tim ta sẽ căng thẳng và biết ơn như một kẻ si tình lần đầu được giúp người mình yêu cởi bỏ áo khoác[1]. Anh hiểu chứ? Không à? Anh đúng là ngốc như cừu! Chú ý nhé, em cho anh một miếng của chiếc đùi vịt ngon lành này, anh sẽ thấy. Nào, há miệng ra! Anh thật đáng ghét! Lạy Chúa, chàng còn liếc qua những người khác, xem họ có nhìn khi chàng ăn một miếng từ cái nĩa của tôi không! Đừng lo, hỡi cậu con trai hoang toàng, em sẽ không bêu rếu anh đâu. Nhưng nếu anh phải xin phép người khác mới dám vui thú thì anh đúng là một gã ngốc đáng thương!”

[1]: “Giúp(...)cởi bỏ áo khoác” chỉ là đỡ lấy chiếc áo khoác khi người phụ nữ mình quen biết nói chung(chứ không riêng người yêu) cởi ra. Đây là phép lịch sự thông thường của đàn ông sống ở phương Tây (chứ không riêng của đàn ông phương Tây).

Quang cảnh lúc này đây khiến khung cảnh trước đó càng trở nên như không có thật, không đáng tin, rằng mới vài phút trước thôi đôi mắt này còn nhìn trừng trừng, nặng nề và khủng khiếp. Hermine trong khung cảnh đó cũng như chính cuộc đời thôi: luôn chỉ là một khoảnh khắc, không bao giờ lường trước được. Giờ đây nàng đang ăn; đùi vịt và xa lát, bánh ngọt và rượu mùi được coi trọng, thành đối tượng của hân hoan và bình phẩm, của trò chuyện và tưởng tượng. Mỗi lần món cũ được dọn đi, món mới được bưng ra là bắt đầu một chương mới. Người đàn bà này, người đã thấu suốt tôi hoàn toàn, người dường như hiểu biết về cuộc đời hơn mọi nhà thông thái, lại như trẻ thơ chơi thật tuyệt vời trò chơi về cuộc đời trong khoảnh khắc ấy, khiến tôi chỉ đáng là học trò. Dù là thông tuệ cao vời hay thơ ngây nhất mực: ai biết cách sống khoảnh khắc ấy như thế, ai sống trong hiện tại như thế, ai ân cần và thân ái trân trọng từng bông hoa nhỏ trên đường, từng giá trị của khoảnh khắc chơi đùa nho nhỏ thì cuộc đời chẳng gây nỗi thiệt hại gì cho họ. Và lẽ nào cô bé vui tươi đang ăn uống ngon lành kia với vẻ rất sành ẩm thực lại đồng thời là một kẻ mơ mộng, một kẻ loạn thần kinh ước ao được chết hoặc một kẻ tính toán chu đáo, mang trái tim lạnh lùng, cố ý làm tôi say mê và trở thành nô lệ của nàng? Không thể nào lại thế được. Không, nàng sống hết mình với khoảnh khắc của hiện tại, nên nàng mở lòng với mọi điều chợt nghĩ ra, dù vui hay chỉ thoáng qua như một thoáng rung mình mơ hồ từ cõi xa xăm sâu thẳm của tâm hồn và cứ để mặc nó phát triển.

Cô nàng Hermine này, người mà hôm nay là lần thứ hai tôi gặp, đã biết hết tất cả về tôi và dường như tôi không thể giấu giếm nàng một điều gì. Có thể nàng không thấu hiểu hết được đời sống tinh thần của tôi; có thể nàng không theo nổi tôi trong quan hệ với âm nhạc, với Goethe, Novalis hay Baudelaire[2] – nhưng chính điều này cũng rất không chắc, có thể nàng chẳng gặp khó khăn gì. Mà dù đúng vậy chẳng nữa thì “cuộc sống tinh thần” của tôi còn lại gì nào? Tất cả đều chẳng đã nát vụn và mất hết ý nghĩa rồi ư? Còn đối với những vấn đề khác của tôi, những chuyện riêng tư và những mong muốn của tôi, nàng sẽ hiểu được

hết, tôi chắc chắn. Chẳng bao lâu nữa tôi sẽ nói với nàng về Sói Thảo Nguyên, về tập luận thuyết, về hết thảy mọi chuyện, những chuyện cho đến nay chỉ hiện hữu với riêng tôi và tôi chưa hề hé với ai một lời nào. Không thể cầm lòng được, tôi bắt đầu liền.

[2] Baudelaire (1821 – 1867): nhà thơ Pháp.

“Hermine này,” tôi nói, “mới đây anh gặp một chuyện khá ly kỳ. Một kẻ không quen biết đưa anh một quyển sách mỏng, giống tập quảng cáo về chợ phiên, trong đó viết chính xác toàn bộ câu chuyện của anh và mọi thứ liên quan đến anh. Em thấy có lạ kỳ không?”

“Quyển ấy tên gì?” nàng hỏi qua quýt.

“Tên là Luận thuyết về Sói Thảo Nguyên.”

“Ồ, Sói Thảo Nguyên thì tuyệt quá! Và anh là con Sói Thảo Nguyên ấy à? Nó viết về anh?”

“Phải, chính anh đấy. Anh là một kẻ nửa người nửa sói, hoặc giả anh tưởng thế.”

Nàng không đáp, nàng chăm chú nhìn vào mắt tôi, dò xét, ngó hai bàn tay tôi và trong một khoảnh khắc ánh mắt và khuôn mặt nàng trở lại vẻ nghiêm trang sâu lắng, cuồng nhiệt nhưng ảm đạm lúc nãy. Nếu tôi đoán không sai, thì nàng đang nghĩ không biết tôi có đủ là sói không để hoàn thành “mệnh lệnh cuối cùng” của nàng.

“Dĩ nhiên đó chỉ là một điều tưởng tượng của anh thôi,” nàng nói, tươi tỉnh trở lại, “hoặc, nếu anh muốn, một bài thơ. Nhưng cũng có chút gì đấy thật. Bữa nay anh không là sói, nhưng hôm trước, khi bước vào trong quán, anh cứ như từ mặt trăng rơi xuống; lúc ấy anh quả có hơi giống mãnh thú, chính điều ấy đã làm em thích.”

Nàng chợt ngừng, vì đột nhiên nảy ra một ý gì đấy, rồi nói tiếp như bị đụng chạm: “Những từ như ‘mãnh thú’ hay ‘thú dữ’ nghe mới ngớ ngẩn làm sao! Người ta không nên nói như thế về súc vật. Chúng thường gồm ghiếc thật đấy, nhưng vẫn hoàn hảo hơn con người nhiều.”

“Thế nào là ‘hoàn hảo’? Em muốn nói gì chứ?”

“Thế này nhé, anh cứ nhìn một con vật mà xem, con mèo, con chó, con chim hoặc thậm chí một trong những con to đẹp trong vườn thú, chẳng hạn con báo châu Mỹ hay con hươu cao cổ! Anh thấy là chúng đều hoàn hảo, không một con nào lúng túng hoặc không biết phải làm gì và phải cư xử thế nào. Chúng không muốn nịnh nọt anh, cũng không muốn làm anh thất vọng. Chúng không đóng trò. Chúng thế nào thì chúng sống thế, như đá, như hoa hay như các tinh tú trên bầu trời. Anh hiểu chứ?”

Tôi hiểu.

“Phần lớn thú vật đều buồn bã,” nàng nói tiếp. “Khi một con người quá buồn, không phải do đau răng hay mất tiền, mà vì có một lần nào đấy trong vòng một giờ y cảm thấy hết thảy cuộc đời mình là như thế nào, lúc ấy y mới thật sự buồn, lúc ấy trông y luôn hao hao một con thú – lúc ấy trông y thâm nào lắm, nhưng hoàn hảo hơn, đẹp hơn lúc thường. Thế đấy, và anh, con Sói Thảo Nguyên, đã trông như thế đấy, khi em gặp anh lần đầu.”

“Ồ, thế em nghĩ gì về tập sách miêu tả anh trong đó, hử Hermine?”

“Chắc, anh biết không, em không thích nghĩ ngợi hoài hoài. Mình sẽ nói về điều này một lần khác. Có thể lần nào đấy anh đưa nó cho em đọc. À không, nếu có lần nào đấy em nên đọc sách lại, hãy đưa em một trong những quyển sách do chính anh viết.”

Nàng gọi cà phê, rồi có vẻ lơ đãng, mơ màng một lúc; đột nhiên nàng rạng rỡ như vừa ngẫm nghĩ ra điều gì.

“Này,” nàng hớn hờ reo lên, “em nghĩ ra rồi!”

“Chuyện gì thế?”

“Chuyện về điệu Foxtrott ấy, em nghĩ suốt từ nãy đến giờ. Cho em biết: anh có căn phòng nào mà thỉnh thoảng hai đứa mình khiêu vũ chừng một giờ được không? Nhỏ cũng được, chẳng sao, miễn không có ai ở

ngay bên dưới, kéo mỗi lần trần nhà rung chuyển sơ sơ họ lại lên làm toáng lên. Tốt, rất tốt! Vậy anh có thể học nhảy ở nhà được rồi.”

“Ừ,” tôi rụt rè, “càng tốt. Nhưng anh cứ tưởng phải có nhạc mới nhảy được.”

“Dĩ nhiên cần chứ. Thế này nhé, anh sẽ mua nhạc; tôi đa chỉ bằng tiền anh học một khóa nhảy có cô giáo hướng dẫn thôi. Anh tiết kiệm được tiền trả cô giáo, vì em sẽ tự đảm nhiệm vai trò ấy. Thế là lúc nào mình muốn nhạc cũng có, lại còn lời thêm cái máy quay đĩa.”

“Máy quay đĩa à?”

“Đương nhiên. Anh sắm một cái nhỏ thôi và dăm đĩa hát nữa...”

“Tuyệt vời,” tôi reo lên, “và nếu em dạy anh khiêu vũ thật sự thành công, em sẽ được chiếc máy quay đĩa này như tiền thù lao. Đồng ý?”

Tôi nói ra vẻ cương quyết, nhưng lòng lại không nghĩ thế. Tôi không thể hình dung nổi trong căn phòng làm việc của mình với đầy sách vở lại có một cái máy mà mình không chút thiện cảm, cả cái chuyện nhảy nhót tôi cũng có lắm điều bất ưng. Thỉnh thoảng, tôi nghĩ thế, tập tành cũng được, tuy tin chắc rằng mình đã quá già, gân cốt cũng đơ, không học nổi nữa. Mà với tôi thì dồn dập kiểu này là hơi hả quá và tôi cảm thấy trong người mình nhất loạt chống lại, như tôi – một kẻ già nua sành âm nhạc vẫn phản đối máy quay đĩa, Jazz và nhạc khiêu vũ tân thời. Bây giờ trong thư phòng này, nơi suy nghĩ và trú ẩn của tôi, bên cạnh Novalis và Jean Paul lại vang lên cả những bản nhạc bán chạy của Mỹ, còn tôi phải nhảy múa nữa thì đó quả là một đòi hỏi quá đáng mà người ta không thể chờ đợi ở tôi. Nhưng đó không phải là đòi hỏi của một kẻ bất kỳ nào, mà của Hermine, và nàng có quyền ra lệnh. Tôi tuân lời. Dĩ nhiên tôi tuân lời.

Xế trưa hôm sau chúng tôi gặp nhau trong một quán cà phê. Khi tôi đến, nàng đã ngồi ở đấy, uống trà và mỉm cười đưa tôi xem một tờ báo nàng phát hiện có tên tôi. Đó là một trong những tờ báo phản động ở đất nước tôi, chuyên kích động hận thù, thỉnh thoảng lại loan truyền một bài phỉ báng tôi kịch liệt. Trong thời chiến, tôi là kẻ chống chiến tranh; khi chiến tranh kết thúc, thỉnh thoảng tôi lại kêu gọi sự trầm tĩnh, nhẫn nại, lòng nhân đạo và tự phê phán, chống lại sự kích động mang đầu óc dân tộc ngày một thêm gay gắt, ngu xuẩn và điên rồ. Giờ đây tờ báo đó cũng lại có một bài công kích kiểu ấy, viết tồi, nửa của biên tập, nửa kia góp nhặt từ những bài tương tự của báo giới có quan điểm gần gũi với y. Mọi người đều biết không ai viết lách kém cỏi như những kẻ bảo vệ các ý thức hệ đã già cỗi, không ai hành nghề thiếu trong sạch và cầu thả đến thế. Hermine đã đọc bài báo ấy, nên biết rằng Harry Haller là một phần tử nguy hại, một tên vô Tổ quốc và tất nhiên Tổ quốc của y sẽ không thể nào ngóc đầu lên nổi, chừng nào những bọn người như thế, những tư tưởng như thế được dung túng và thanh niên được giáo dục những ý tưởng nhân đạo ủy mị thay vì dùng chiến tranh phục hận kẻ thù truyền kiếp[3].

[3]: Suốt nhiều thế kỷ, Đức và Pháp coi nhau là “kẻ thù truyền kiếp”, cho đến tận Thế chiến II.

“Phải anh đây không?” Hermine chỉ vào tên tôi, hỏi. “Chà, Harry ơi, vậy là anh có khá nhiều kẻ thù rồi đấy nhé. Anh bực mình không?”

Tôi đọc lướt vài hàng, toàn thứ quen thuộc; từ nhiều năm nay tôi đã quá quen đến thành chán ngấy từng lời phỉ báng sao chép vụng về kiểu ấy.

“Không,” tôi đáp, “anh không bực mình, anh quá quen những thứ này rồi. Đã đôi lần anh nói lên suy nghĩ của mình, rằng mỗi dân tộc, thậm chí mỗi người, thay vì tự ru ngủ với những ‘câu hỏi về lỗi lầm’ nhuốm sự giả trá chính trị, cần tìm hiểu ngay chính dân tộc mình, bản thân mình để xem chính nó có lỗi tới đâu trong cuộc chiến tranh ấy cùng mọi thống khổ khác trên thế giới, do sai lầm, sơ suất và tập quán xấu xa; đó là phương cách duy nhất ngõ hầu tránh được cuộc chiến tranh sắp tới. Họ không tha thứ cho anh điều ấy, vì dĩ nhiên họ đều tự cho là vô tội: Hoàng đế, tướng tá, giới đại kỹ nghệ gia, các chính trị gia, các tờ báo - chẳng ai thấy mình có chút gì đáng trách, chẳng ai có lỗi lầm nào hết thấy! Người ta có thể nghĩ rằng thế gian này thật là tuyệt vời, chỉ phải cái có cả chục triệu người bị giết vùi thây trong lòng đất thôi. Và Hermine ơi, dù những bài báo phỉ báng kiểu này không thể khiến anh bực bội nữa, nhưng đôi khi quả có làm anh buồn rầu. Hai phần ba đồng bào anh đọc những loại báo này, sáng nào, tối nào cũng đọc những giọng điệu này, ngày nào họ cũng bị nhào nặn, hiệu triệu, kích động, biến thành bất mãn và căm hận; mục đích và cứu cánh của tất cả những việc này lại là chiến tranh, là cuộc chiến tranh sắp tới, hẳn sẽ kinh tởm

hơn cuộc chiến tranh vừa qua. Tất cả những điều này đều rõ ràng và đơn giản, ai cũng có thể nhận thấy được, ai cũng có thể rút ra cùng một kết luận ấy sau chỉ một giờ suy ngẫm. Nhưng không ai muốn cả, không ai muốn ngăn ngừa cuộc chiến tranh sắp tới, không ai muốn tránh cho bản thân và con cái mình hàng triệu cuộc tàn sát sắp tới, nếu họ không thể trả một giá rẻ hơn. Để ra một giờ ngẫm nghĩ, quán chiếu mình một lúc và tự hỏi rằng chính mình đã tham gia và chịu trách nhiệm tới mức nào về sự hỗn loạn và độc ác trên thế gian này - em thấy đấy, chẳng ai muốn cả! Thành ra mọi chuyện sẽ cứ tiếp diễn như vậy và cuộc chiến tranh sắp tới đang ngày ngày được hàng nghìn, hàng vạn người hăm hở chuẩn bị. Từ khi nhận biết điều này, anh như bị tê liệt và tuyệt vọng; anh không còn ‘Tổ quốc’, không còn lý tưởng nữa, tất cả chỉ còn là vật trang trí cho những ngài đang chuẩn bị cuộc chém giết sắp tới. Ngẫm nghĩ, nói hoặc viết một điều gì nhân bản thì thật là vô nghĩa, đầu óc bận bịu với những tư tưởng tốt lành thì thật là vô nghĩa - trong lúc hai, ba người làm những chuyện này thì ngày ngày có tới cả nghìn tờ báo, tạp chí, diễn văn, những buổi họp công khai hoặc bí mật, ra sức hướng tới điều ngược lại và chúng sẽ thành công.”

Hermine lắng nghe với vẻ cảm thông.

“Vâng,” nàng nói, “anh có lý đấy. Dĩ nhiên sẽ xảy ra cuộc chiến tranh mới, không cần đọc báo cũng biết. Tất nhiên người ta có thể vì thế mà buồn phiền, nhưng đâu được gì. Chẳng khác một người rầu rĩ vì nhất định sẽ có ngày phải chết, dù ông ta làm đủ cách nhằm cưỡng lại. Harry yêu quý ơi, cuộc chiến chống lại chết chóc luôn luôn là một hành động đẹp đẽ, cao quý, tuyệt vời và đáng kính, cuộc chiến chống lại chiến tranh cũng thế. Nhưng nó cũng luôn là một hành động hào hiệp viễn vông vô vọng, kiểu Don Quichotte thôi.”

“Điều đó có thể đúng,” tôi gay gắt kêu lên, “nhưng viện ra những chân lý kiểu chẳng bao lâu nữa chúng ta đều phải chết để rồi làm ngơ trước mọi chuyện sẽ khiến cả cuộc sống trở thành tẻ nhạt và ngớ ngẩn. Vậy chúng ta nên quẳng hết mọi thứ, từ bỏ mọi suy nghĩ, mọi phấn đấu, mọi hành động nhân đạo, để mặc cho tham vọng cùng tiền tài tiếp tục thống trị, ung dung uống bia chờ cuộc tổng động viên sắp tới ư?”

Ánh mắt Hermine nhìn tôi lúc ấy mới lạ lùng sao, một ánh mắt ranh mãnh, đầy thích thú, đầy giễu cợt và đầy cảm thông của tình bạn, đồng thời cũng rất nặng nề, am hiểu và hết sức nghiêm chỉnh!

“Anh đâu cần phải thế,” nàng dịu dàng như một bà mẹ. “Không phải vì anh biết cuộc chiến đấu của mình chẳng đạt kết quả gì mà đời anh thành tẻ nhạt và ngớ ngẩn. Harry ơi, nó sẽ tẻ nhạt hơn nhiều, nếu anh tranh đấu cho điều gì đấy tốt đẹp và lý tưởng với ý nghĩ phải đạt cho bằng được. Lý tưởng là để đạt đến ư? Chẳng lẽ chúng ta, con người, sống để triệt bỏ cái chết ư? Không, chúng ta sống để hãi sợ nó, nhưng rồi lại yêu nó và chính vì nó mà thỉnh thoảng cuộc đời ngắn ngủi bừng lên được một giờ thật huy hoàng. Harry ơi, anh là một đứa trẻ con. Bây giờ hãy ngoan ngoãn đi với em; bữa nay mình có nhiều việc phải làm. Hôm nay em không bận tâm đến chiến tranh và báo chí nữa. Thế còn anh?”

Ồ không, cả tôi cũng không muốn bận tâm nữa.

Chúng tôi cùng đi - đây là lần đầu tiên chúng tôi đi với nhau trong phố - đến một cửa hàng nhạc cụ, ngắm nghía các máy quay đĩa, mở ra đóng vào, vặn dây cót^[4] nghe thử, rồi khi tìm được một cái rất thích hợp, giá phải chăng, tôi muốn mua liền, nhưng Hermine chưa chịu ngay. Nàng bảo hãy thư thả, rồi tôi phải cùng với nàng vào một cửa hàng thứ hai, xem và nghe đủ mọi loại lớn nhỏ, từ đắt nhất đến rẻ nhất, lúc ấy nàng mới đồng ý quay lại tiệm đầu tiên để mua chiếc máy chúng tôi đã tìm thấy ở đó.

[4] Máy hát đĩa ngày xưa có một tay quay để lên dây cót.

“Em thấy chưa,” tôi nói, “lẽ ra mình không cần mất công đi tới đi lui như thế này.”

“Anh nghĩ vậy à? Nhỡ đâu ngày mai mình lại tìm thấy cũng cái máy này ở tủ kính trưng bày của một cửa hàng khác, rẻ hơn hai mươi franc^[5]. Hơn nữa mua sắm thế mới vui, cái gì vui thì mình phải tận hưởng. Anh còn phải học nhiều.”

[5] Franc: ở đây là tiền Thụy Sĩ. Tại quán Đại Bàng Đen, Hermine xin Harry vài mark (tiền Đức).

Một người giao hàng mang giúp món chúng tôi vừa sắm này đi theo về căn hộ của tôi.

Hermine quan sát kỹ càng phòng khách của tôi, ngợi khen lò sưởi và chiếc đi văng; nàng ngồi thử mấy chiếc ghế, cầm lên vài quyển sách, dừng lại một lúc lâu trước tấm ảnh người yêu của tôi. Chúng tôi đặt chiếc máy

quay đĩa trên nóc tủ, giữa những chồng sách. Và giờ đây bắt đầu bài học của tôi. Nàng cho chạy một điệu Foxtrott, biểu diễn vài bước, rồi nắm tay tôi, hướng dẫn. Tôi ngoan ngoãn bước theo, va vào mấy cái ghế; tôi làm theo lệnh nàng, nhưng không hiểu, nên đã giẫm lên chân nàng, đúng là vừa mẫn cán vừa vụng về. Sau bài thứ hai, nàng gieo người lên đi văng, cười rũ rượi như một đứa trẻ.

“Trời ạ, sao mà người anh cứng đơ thế! Anh hãy bước bình thường như đi dạo vậy! Không cần phải gồng! Em nghĩ anh đã nóng người rồi chứ gì? Vậy mình nghỉ năm phút! Anh thấy đấy, nếu rành rẽ thì khiêu vũ cũng đơn giản như suy nghĩ tôi, thậm chí dễ hơn nhiều. Giờ đây anh sẽ bớt nóng nảy khi thấy người ta không muốn tập thói quen ngẫm nghĩ, mà thích gọi ông Haller là một kẻ bán nước hơn và bình thần chờ cuộc chiến tranh sắp tới.”

Một giờ sau nàng từ già, cả quyết rằng lần tới tôi sẽ khá hơn. Tôi lại nghĩ khác, nên rất thất vọng về sự ngu dốt và vụng về của mình; tôi cho rằng trong một giờ này tôi chẳng học được gì sất và không tin lần tới sẽ khá hơn. Không, để khiêu vũ người ta phải sẵn có những khả năng mà tôi hoàn toàn thiếu: vui vẻ, tự nhiên, vô tư, hào hứng. Ồ thì, tôi đã nghĩ thế từ lâu rồi mà.

Nhưng xem kìa, lần thứ nhì quả thật có khá hơn, thậm chí tôi còn bắt đầu thấy thích thú nữa; cuối giờ học Hermine quả quyết tôi nhảy Foxtrott được rồi. Nhưng khi nàng suy diễn tiếp rằng ngày mai tôi phải tới một quán ăn để nhảy với nàng thì tôi hết cả hồn vía, cực lực phản đối. Nàng lạnh lùng nhắc nhở tôi đã thề tuân lệnh và hẹn tôi ngày mai tới dùng trà tại khách sạn Cung Thiên Bình.

Buổi tối ấy tôi ngồi ở nhà, muốn đọc sách mà không nổi. Tôi sợ ngày mai; tôi kinh hoàng khi nghĩ rằng mình, một kẻ kỳ quặc già nua, nhút nhát và nhạy cảm, không chỉ đến một trong những trà đình, đồng thời là vũ trường, tân thời và chán ngắt với nhạc Jazz, lại còn phải chứng tỏ mình là một vũ nam giữa những kẻ lạ hoắc, ngoài ra chẳng biết gì thêm. Tôi thú nhận đã tự cười thầm và xấu hổ, khi một mình quay máy đĩa rồi đôi chân đi vớ nhẹ nhàng tập lại những bước nhảy của bài Fox trong căn phòng im ắng.

Hôm sau có một ban nhạc nhỏ chơi tại khách sạn Cung Thiên Bình; người ta bưng trà và Whisky ra cho khách. Tôi tìm cách dụ khị Hermine, đặt bánh ngọt trước mặt nàng, đề nghị gọi một chai vang ngon, nhưng nàng không nhân nhượng.

“Bữa nay anh đến đây không phải để tiêu khiển. Mà đây là giờ học khiêu vũ.”

Tôi phải nhảy với nàng hai, ba lần và trong lúc nghỉ giải lao nàng giới thiệu tôi với anh chàng thổi kèn saxophone, một thanh niên đẹp trai, da nâu, gốc Tây Ban Nha hay Nam Mỹ gì đấy, chơi được mọi nhạc cụ, nàng bảo thế, và nói được mọi thứ tiếng trên thế giới. Senōr[6] này có vẻ rất thân quen với Hermine; trước mặt y có hai cây kèn saxophone kích cỡ khác nhau mà y dùng thay đổi, trong lúc đôi mắt đen nhánh của y chăm chú thú vị ngắm nhìn người ta khiêu vũ. Tôi sửng sốt khi cảm thấy lòng mình có gì đấy như thể ghen tuông với tay nhạc công bảnh trai, vô hại này; không phải ghen vì yêu đương, bởi giữa tôi và Hermine làm gì có chuyện ấy, nhưng ghen về tình bạn của họ thì đúng hơn, vì tôi thấy y không thật xứng đáng với lòng quan tâm, sự đề cao khác thường, phải nói là ngưỡng mộ, mà nàng dành cho y. Mình phải làm quen với những hạng người kỳ quái, tôi buộc tội nghĩ.

[6] Senōr (tiếng Tây Ban Nha trong nguyên tác): ông.

Rồi Hermine được mời nhảy hết bài này đến bài khác, còn tôi ngồi một mình bên ly trà, nghe nhạc, một loại nhạc xưa nay tôi không ưa nổi. Chúa ơi, tôi thầm nghĩ, thế là giờ đây tôi được hướng dẫn vào - và để trở thành quen thuộc - với một thể giới mà mình lạ lẫm, ghê tởm, khinh bỉ xiết bao và cho đến nay vẫn thận trọng lánh xa, thể giới của bọn la cà trác táng, thể giới của những cái bàn cắm thạch bóng lẳng sao chép vụng về, của nhạc Jazz, của gái điếm thượng lưu, của đám lái thương lưu động! Tôi rầu rĩ nhấp trà, đăm đăm nhìn đám người thanh lịch nửa vờ. Hai cô gái đẹp thu hút ánh mắt tôi, cả hai đều nhảy giỏi, tôi khâm phục và ganh tị dõi theo; bước nhảy của họ mới dẻo, đẹp, tươi và vững làm sao.

Rồi Hermine lại xuất hiện, không hài lòng về tôi. Nàng xỉ vả rằng tôi đến đây đâu phải để mang bộ mặt như thế và ngồi xụi lơ ở bàn uống trà, mà hãy vui lòng mạnh dạn khiêu vũ. Sao cơ, tôi không quen ai à? Cần gì. Chẳng lẽ không có cô gái nào làm tôi thích ư?

Tôi chỉ cho nàng cái cô đẹp nhất vừa đứng gần chúng tôi, thật dễ thương trong chiếc váy nhung xinh xắn, mái tóc vàng ngắn và dày, đôi cánh tay tròn lẳn rất đàn bà. Hermine dứt khoát đòi tôi phải tới mời cô nàng

đó nhảy. Tôi tuyệt vọng phản đối.

“Anh không thể!” tôi khổ sở nói. “Ừ, phải chi anh là một gã xinh trai trẻ trung! Đằng này lại là một lão già ngu ngốc cứng đờ, không hề biết nhảy - cô ta sẽ cười anh tẹo quai hàm mất!”

Hermine khinh miệt nhìn tôi.

“Còn em cười anh thì dĩ nhiên anh mặc kệ chứ gì. Anh thật hèn! Ai lân la làm quen với đàn bà con gái cũng đều mạo hiểm, vì có thể bị cười; đó là cái giá phải trả. Harry ơi, hãy liều đi, cùng lắm thì anh chịu bị cười thôi - bằng không em hết tin rằng anh tuân lời em.”

Nàng không nhân nhượng. Tôi bối rối đứng lên, bước tới chỗ cô gái xinh đẹp nọ, đúng lúc nhạc lại vừa trở lên.

“Đúng ra có người mời em bài này rồi,” nàng nói và tò mò nhìn tôi với đôi mắt to linh lợi, “nhưng người bạn nhảy của em chừng như đã mọc rễ luôn nơi quầy rượu đằng kia. Nào, mời ông!”

Tôi ôm nàng, đi những bước đầu tiên, lòng còn đang ngạc nhiên vì không bị nàng từ chối, thì nàng đã nhận ra trình độ nhảy của tôi, liền đả trách việc hướng dẫn. Nàng nhảy thật tuyệt vời, dìu tôi theo; trong giây lát tôi quên bẵng mọi chuyện mình phải làm cũng những quy tắc khi khiêu vũ, tôi cứ việc bơi theo, cảm thấy đôi hông căng, đôi đầu gối mềm mại nhanh nhẹn của nàng; tôi nhìn vào khuôn mặt trẻ trung, rạng rỡ của nàng, thú thật với nàng hôm nay là lần đầu tiên tôi khiêu vũ trong đời. Nàng mỉm cười, khuyến khích tôi, khôn ngoan đáp lại ánh mắt hân hoan cùng những lời tán tỉnh của tôi không phải bằng lời nói, mà qua những động tác nhẹ nhàng, khiến chúng tôi thêm gần gũi và say đắm. Tay phải tôi ôm chặt eo nàng, sung sướng và hăm hở theo những động tác của đôi chân, đôi tay, đôi vai nàng; tôi sửng sốt vì không một lần giẫm lên chân nàng, rồi khi tiếng nhạc chấm dứt, hai chúng tôi đứng lại, vỗ tay cho đến khi bản nhạc được chơi lại và một lần nữa tôi hăm hở, kính ngưỡng, say mê hoàn tất nghi thức.

Khi bài khiêu vũ chấm dứt, theo tôi là quá sớm, cô gái váy nhung ấy rút lui và Hermine - từ nãy vẫn nhìn chúng tôi - đột nhiên xuất hiện bên cạnh tôi.

“Anh thấy gì chưa?” nàng cười khen ngợi. “Anh phát hiện chân cẳng đàn bà không phải là chân bàn rồi chứ? Hoan hô! Anh nhảy Fox được rồi đấy, đội ơn Chúa, mai mình sẽ tập điệu Boston; ba tuần nữa sẽ có khiêu vũ hóa trang tại sảnh đường Địa Cầu.”

Lúc đó nghỉ xả hơi, chúng tôi ngồi vào bàn; tay Pablo đẹp trai, trẻ trung, cái gã thổi kèn saxophone ấy, tới gạt đầu chào rồi ngồi xuống cạnh Hermine. Xem ra y rất thân mật với nàng. Còn tôi, xin thú nhận, hoàn toàn chẳng chút thích thú trong lần đầu gặp gỡ này. Không thể chối cãi rằng y tốt mã, thân hình đẹp, bánh trai, ngoài ra tôi chẳng phát hiện thêm điểm nào hơn người ở y. Về mặt thông thạo nhiều thứ tiếng thì y chẳng hề gặp khó khăn, vì y có nói năng gì đâu, ngoài những từ như không dám, cảm ơn, đúng vậy, hân rồi, hallo và đại loại mà tất nhiên y có thể nói những từ ấy bằng nhiều thứ ngôn ngữ. Không, Senor Pablo này chẳng nói năng gì sất và y, tay caballero[7] điển trai này, dường như cũng không suy nghĩ nhiều nữa cơ. Công việc của y là thổi kèn saxophone trong dàn nhạc Jazz và dường như y nhiệt thành say mê nghề ấy, nên đôi khi đang chơi nhạc y đột nhiên vỗ tay hoặc tự cho phép lớn tiếng bật ra như thể ca hát những âm thanh bày tỏ lòng hâm mộ: “Ô ô ô ô, ha ha, hallo!” Ngoài ra, rõ ràng y chẳng có nhiệm vụ gì khác trên thế gian này hơn là đẹp trai, làm cho phụ nữ hài lòng, đeo cổ còng cùng ca vát kiểu mới nhất và mang thật nhiều nhẫn. Y giúp vui bằng cách ngồi vào bàn chúng tôi, mỉm cười với chúng tôi, nhìn đồng hồ đeo tay và vắn thuốc lá, việc mà y rất khéo. Đôi mắt đẹp sẫm màu của người Creole[8], mái tóc xoăn đen chẳng cho thấy y có được chút lãng mạn hay ưu tư hoặc suy nghĩ gì - nhìn gần thì tay á thánh đẹp trai có sức quyến rũ đặc biệt này chẳng qua chỉ là một thanh niên vui nhộn, hơi được nuông chiều, biết cách cư xử, thể thao. Tôi nói với y về thứ nhạc cụ y đang sử dụng và về những âm điệu trong nhạc Jazz, để y biết là đang đụng phải một kẻ thường thức lão luyện và am hiểu về những chuyện liên quan đến âm nhạc. Nhưng y không đi vào những chuyện ấy; rồi trong lúc vì lịch sự tôi nói gì đấy với y, đúng ra với Hermine, như thể biện minh về mặt lý thuyết cho nhạc Jazz, y chỉ mỉm cười vô thưởng vô phạt, chẳng ăn nhập gì đến tôi cũng những nỗ lực của tôi, chừng như y hoàn toàn không biết rằng trước khi có nhạc Jazz và ngoài nó ra còn có vài ba thứ nhạc khác nữa. Y khả ái, khả ái và nhã nhặn, mỉm cười dễ thương từ đôi mắt to chẳng chứa đựng gì; nhưng giữa y và tôi dường như không có điều gì chung - chẳng điều gì quan trọng và thiêng liêng đối với tôi, chúng tôi sinh ra từ những vùng đất đối nghịch, ngôn ngữ không có được một từ giống nhau. (Nhưng

về sau Hermine kể tôi nghe một điều khác thường. Nàng cho biết sau buổi trò chuyện này Pablo bảo nàng cần đối xử ân cần với tôi, vì tôi thật rất bất hạnh. Khi nàng hỏi y căn cứ vào đâu, y đáp: “Ông ấy là một con người khốn khổ. Cứ nhìn vào mắt ông ấy khắc rõ! Ông ấy không biết cười.”)

[7] Caballero (tiếng Tây Ban Nha trong nguyên tác): con người hào hoa.

[8] Con cháu những người lai Âu - Phi ở Trung và Nam Mỹ.

Khi gã mắt đen này cáo biệt chúng tôi và nhạc lại trở lên, Hermine đứng dậy. “Harry, bây giờ anh lại có thể nhảy với em đây. Hay anh không uốn nữa?”

Ngay cả với nàng giờ đây tôi nhảy cũng dễ dàng hơn, phóng khoáng và vui vẻ hơn, tuy không thật thoải mái và đắm say như với cô gái nọ. Hermine để tôi dìu đi, nàng theo bước chân tôi, mềm mại và nhẹ nhàng như một cánh hoa; rồi tôi cũng cảm thấy cả ở nàng những vẻ duyên dáng lúc sát lại gần, lúc rời xa, cả nàng cũng tỏa mùi hương đàn bà và tình yêu, cả lối khiêu vũ của nàng cũng trù mền và tha thiết hát lên bài ca thanh nhã và quyến rũ của giới tính - thế mà tôi lại không thể hoàn toàn tự do, hân hoan đáp lại tất cả những điều ấy, không thể toàn tâm dâng hiến. Hermine quá gần gũi với tôi; nàng là bạn học, là em gái, nàng tương tự tôi, giống tôi và giống Hermann, người bạn thuở thiếu thời của tôi, kẻ say mê nhiệt thành, nhà thơ, bạn đồng hành sôi nổi trong những đeo đuổi về tình thần và những thái quá của tôi.

9. Chương 9

Sau đó, khi tôi nói với nàng những điều này, nàng bảo “Em biết, em biết rất rõ. Tuy em sẽ vẫn cứ làm cho anh phải lòng em, nhưng chuyện ấy chẳng vội gì. Trước hết mình là bạn, mình mong muốn trở thành bạn thân, vì mình đã chấp nhận nhau. Bây giờ mình muốn học hỏi lẫn nhau và cùng nhau chơi đùa. Em cho anh thấy cái sân khấu bé nhỏ của em, em dạy anh khiêu vũ, vui chơi một tí và ngớ ngẩn một tí, còn anh chỉ bảo cho em những tư tưởng và đôi chút kiến thức của anh.”

“Chà, Hermine ơi, anh đâu có gì nhiều để chỉ bảo, em biết nhiều hơn anh chứ. Em là một người thật kỳ lạ đấy, cô bé ơi! Em hiểu anh trong mọi chuyện, em vượt xa anh. Anh có đáng kể gì với em không đấy? Anh không làm em nhàm chán sao?”

Nàng sa sầm nhìn xuống đất.

“Em không thích nghe anh nói thế đâu. Hãy nhớ lại buổi tối anh kiệt sức và tuyệt vọng trốn chạy đau khổ lẫn cô đơn, tình cờ gặp em, rồi thành bạn đồng hành của em! Theo anh nghĩ thì tại sao lúc ấy em có thể nhận biết và hiểu được anh chứ?”

“Tại sao thế, Hermine? Nói anh biết đi!”

“Vì em giống như anh. Vì em cũng cô đơn y hệt anh, em cũng không mấy yêu thương và coi trọng cuộc sống, không mấy coi trọng con người ta cùng bản thân em, giống như anh vậy. Bao giờ cũng có một vài kẻ đòi hỏi cuộc đời điều tối đa, chứ không thể chấp nhận sự ngu xuẩn và thô bạo của nó.”

“Em ơi, em!” tôi kêu lên đầy kinh ngạc. “Bạn ơi, anh hiểu em, không ai hiểu em bằng anh. Thế mà em vẫn là một điều bí ẩn đối với anh. Em sẽ vượt qua cuộc đời dễ như bỡn, em biết trân trọng khác thường những điều nhỏ nhặt và những thú vui, em là một nghệ sĩ như thế đấy trong cuộc sống. Làm sao em có thể đau khổ vì nó? Làm sao em có thể tuyệt vọng được?”

“Em không tuyệt vọng, Harry ạ. Nhưng đau khổ vì cuộc sống thì có đấy, em kinh nghiệm chuyện đó mà. Anh ngạc nhiên rằng em không hạnh phúc, trong khi em biết nhảy nhót và rành rẽ những chuyện hời hợt của cuộc đời. Còn em, bạn ơi, em ngạc nhiên thấy anh thất vọng đến thế về cuộc đời, trong khi anh lại rất quen thuộc với những điều đẹp đẽ nhất, sâu xa nhất, trong tinh thần, nghệ thuật và tư tưởng! Chính vì thế mình đã thu hút lẫn nhau, chính vì thế mình là anh em. Em sẽ dạy anh khiêu vũ, vui chơi và cười đùa, nhưng vẫn không thỏa mãn. Và anh sẽ dạy em suy nghĩ cùng hiểu biết, nhưng vẫn không thỏa mãn. Anh có biết rằng hai đứa mình là con của quỷ không?”

“Anh biết, đúng thế đấy. Quỷ là tinh thần, còn mình là những đứa con bất hạnh của nó. Mình rơi khỏi thiên nhiên, lơ lửng giữa tầng không. Nhưng anh chợt nhớ ra điều này: trong tập Luận thuyết về Sói Thảo Nguyên mà anh đã kể với em có nói rằng việc Harry tin hẳn có một hoặc hai linh hồn, hẳn được tạo ra từ một hoặc hai nhân cách chỉ là tưởng tượng của hẳn thôi. Mọi người đều hình thành với mười, với cả trăm, cả nghìn linh hồn.”

“Em rất thích điều này,” Hermine kêu lên. “Chẳng hạn ở anh phần tâm linh đã phát triển rất cao, thành ra bù lại anh lạc hậu trên mọi nghệ thuật sống còn con. Nhà tư tưởng Harry đã trăm tuổi, còn gã vũ nam Harry chưa được nửa ngày tuổi. Bây giờ mình sẽ làm cho gã vũ nam này tiến xa hơn, cùng với lũ anh em cũng nhỏ bé, ngu muội và chưa trưởng thành như hẳn.”

Nàng mỉm cười nhìn tôi, rồi đổi giọng dịu dàng hỏi:

“Còn anh thích Maria thế nào?”

“Maria? Ai vậy?”

“Cô nàng anh vừa cùng nhảy đó. Một cô gái đẹp, rất đẹp. Nếu em không nhầm thì anh đã hơi phải lòng nàng rồi.”

“Em biết cô ấy à?”

“Biết chứ, chúng em rất thân nhau mà. Anh mến nàng lắm phải không?”

“Anh mến cô ấy và rất mừng vì cô ấy đã khoan dung cho trình độ khiêu vũ của anh.”

“A, nếu chỉ có thế thôi! Anh phải tán tỉnh nàng một chút, Harry ạ. Nàng rất xinh, nhảy giỏi, còn anh đã phải lòng nàng rồi. Em tin anh sẽ thành công.”

“Ái chà, anh không tham vọng thế đâu.”

“Anh hơi nói dối đấy nhé. Em được biết anh có đầu gối trên thế gian này một người tình và xuân thu nhị kỳ mới gặp, để rồi cùng nàng cãi cọ. Anh đúng là rất đàng hoàng, nếu muốn trung thành với cô bạn lạ kỳ ấy, nhưng cho em được phép không tin lắm! Em hoàn toàn không tin rằng anh rất mực coi trọng tình yêu. Anh có thể như thế, anh có thể yêu theo kiểu lý tưởng của anh, nhiều như anh muốn; đó là chuyện của anh, em chẳng cần phải lo. Nhưng điều em phải quan tâm là giúp anh học thuần thục hơn chút ít những nghệ thuật và trò chơi nho nhỏ, nhẹ nhàng trong cuộc đời. Trong lĩnh vực này em là cô giáo của anh và sẽ giỏi hơn cô người tình lý tưởng của anh, anh cứ tin đi! Sói Thảo Nguyên ơi, lại đến lúc anh cần ngủ với một cô gái đẹp rồi đấy!”

“Hermine,” tôi khổ sở kêu lên, “nhìn anh này, anh là một lão già!”

“Anh là một cậu bé. Anh đã quá lười không chịu học nhảy như thế nào để đến nỗi suýt quá muộn thì anh cũng quá lười học yêu đương như thế. Bạn ơi, yêu đương kiểu lý tưởng và bi thảm thì chắc chắn anh xuất sắc rồi, em không hề hoài nghi, mà xin bày tỏ lòng kính trọng! Giờ đây anh sẽ học cách yêu đương hơi bình thường và con người hơn. Bước đầu đã xong, chẳng bao lâu nữa em có thể để anh đi dự vũ hội được rồi. Trước hết anh còn phải học điệu Boston nữa, mai mình bắt đầu. Em sẽ đến vào lúc ba giờ. Nhân thế hỏi luôn, anh thấy nhạc ở đây thế nào?”

“Tuyệt.”

“Anh thấy chưa, đó cũng là một tiến bộ anh học thêm được đấy. Trước đây anh không chịu nổi mọi thứ nhạc khiêu vũ và nhạc Jazz, anh thấy chúng không nghiêm trang và quá hời hợt. Bây giờ anh đã thấy ta chẳng cần phải coi trọng nó mà nó vẫn có thể rất dễ thương, rất hay. Nói thêm, nếu thiếu Pablo thì ban nhạc chẳng còn gì nữa. Anh ấy dẫn dắt nó, bơm nhiệt tình vào nó.”

Cái máy quay đĩa đã làm vẩn đục bầu không khí khổ hạnh trong phòng làm việc của tôi như thế nào, những điệu khiêu vũ của Mỹ đã thâm nhập một cách lạc lõng vào thế giới âm nhạc mà tôi dày công chăm chút, đã gây khó chịu, thậm chí hủy hoại như thế nào, thì những điều mới mẻ, những điều đáng sợ, những điều gây tan rã cũng đã từ mọi phía lấn vào cuộc sống của tôi, cho đến nay vẫn được phân định rạch ròi và hết sức tách biệt. Tập luận thuyết về Sói Thảo Nguyên và Hermine đã có lý với thuyết về nghìn linh hồn, vì ngày ngày lại thêm vài linh hồn mới xuất hiện trong tôi, bên cạnh hết thảy những linh hồn cũ; chúng đưa yêu

sách, gây náo loạn và nay tôi thấy cái ảo giác về nhân cách của mình rõ ràng rành rành như một tấm hình ngay trước mắt. Tôi đã chỉ chú tâm đến dăm ba khả năng và kỹ xảo mà mình ngẫu nhiên có được chút tài, đã vẽ nên hình ảnh một tay Harry và đã sống cuộc đời của hắn, kẻ thật ra chẳng là gì khác hơn một chuyên gia được đào tạo rất lơ mơ về thơ văn, âm nhạc và triết lý[9] - còn tất cả những gì sót lại nơi cá nhân mình, cái đồng hồ mang những khả năng, bản năng, khát vọng tôi đều coi là phiền nhiễu và gán cho cái nhân Sói Thảo Nguyên.

[9] Năm 16 tuổi Hesse đã đi học nghề; kiến thức ông có được là do tự học.

Tuy nhiên, sự thay đổi cách suy nghĩ này về ảo giác của tôi, sự xóa bỏ này về nhân cách của tôi hoàn toàn không phải một việc phiêu lưu thoải mái và thú vị; ngược lại nó thường vô cùng đau đớn, thường gần như khôn kham. Cái máy quay đĩa thường vang lên thật khủng khiếp ngay giữa môi trường này, nơi mọi thứ được bố trí hòa hợp với những thanh âm khác hẳn. Và đôi lúc, khi tôi nhảy điệu Onestep giữa những kẻ chơi bởi trác táng và những kẻ khoe khoang bịp bợm thanh lịch trong một nhà hàng thời thượng, tôi cảm thấy như đã phản bội lại tất cả những gì từng là đáng trọng và thiêng liêng đối với mình trong đời. Giả dụ Hermine bỏ tôi lẻ loi chỉ tám ngày thôi, hẳn tôi sẽ ngay lập tức thoát khỏi những trò thử gian lao và lố bịch nhằm trở thành một kẻ ăn chơi phóng đãng. Nhưng Hermine lại luôn có mặt; tuy không phải ngày nào tôi cũng gặp nàng, nhưng nàng luôn theo dõi, hướng dẫn, giám sát, kiểm định tôi - nàng mỉm cười, vì đọc được cả những ý tưởng phản kháng dữ dội và trốn chạy trên gương mặt tôi.

Cùng với sự hủy hoại dần dần cái mà trước đây tôi gọi là nhân cách của mình, tôi cũng bắt đầu hiểu tại sao bất chấp mọi tuyệt vọng mình lại phải sợ chết khủng khiếp đến thế và bắt đầu nhận ra rằng ngay cả sự sợ hãi đến mức kinh tởm và hèn hạ này trước cái chết cũng là một phần sự hiện hữu trường giả, giả dối trước kia của tôi. Cái ông Haller này, cho đến nay là nhà văn có năng khiếu, kẻ am hiểu Mozart và Goethe, tác giả của những chiêm nghiệm đáng đọc về sự siêu hình của nghệ thuật, về thiên tư và sự bi thảm, về nhân loại, nhà ẩn cư sâu muộn trong căn phòng đầy sách vở của mình, đã buộc phải tự phê bình từng điểm một và chẳng điểm nào không thiếu sót. Cái ông Haller tài hoa và lời cuốn này tuy đã rao giảng về lý trí và lòng nhân đạo, đã phản đối sự tàn bạo của chiến tranh, nhưng trong lúc thế giới chém giết lẫn nhau ông lại không chịu để bị lôi ra xử bắn nơi pháp trường, như đúng ra đó là hệ quả tất nhiên từ những tư tưởng của ông, mà lại tìm ra một giải pháp thích nghi nào đấy, đương nhiên hết sức đúng đắn và cao cả, song dấu sao vẫn chỉ là nửa vời thôi. Ngoài ra, ông còn là kẻ thù của quyền lực và sự bóc lột, nhưng ông lại gửi ngân hàng nhiều cổ phiếu của các hãng kỹ nghệ và ông cứ việc tiêu pha số tiền lãi từ các cổ phiếu ấy mà chẳng hề thấy lương tâm cắn rứt. Mọi chuyện khác cũng đều như thế. Tuy Harry Haller đã giả trang tuyệt vời thành kẻ có lý tưởng, kẻ khinh miệt thế gian, thành kẻ ẩn cư âu sầu và nhà tiên tri phần nọ, nhưng thực chất hẳn là một kẻ trường giả, coi lối sống như của Hermine là đáng chê trách, hẳn bực dọc vì những đêm uống phí trong quán ăn, về những đồng tiền hắn đã vung vút cũng chính ở đấy, hẳn bị lương tâm cắn rứt nhưng lại hoàn toàn không khao khát sự giải thoát và toàn thiện, mà ngược lại vô cùng khao khát trở về với quãng đời thoải mái trước kia, khi những trò trí thức vãn hồi của hắn còn khiến hắn thú vị và đem lại cho hắn vinh quang. Y hết như vậy, những độc giả nhật báo bị hắn khinh miệt và nhạo báng cũng khao khát quay về với thời kỳ lý tưởng trước chiến tranh, vì như thế thoải mái hơn là học hỏi từ nhữn điều họ đang phải hứng chịu. Trời đánh thánh vật lão Haller này, hẳn làm tôi muốn nôn mửa! Tuy thế tôi vẫn bám chặt lấy hắn hay đúng hơn bám vào cái mặt nạ đã rã rời của hắn, vào thói làm duyên làm dáng của hắn với trí tuệ, vào nỗi sợ hãi kiểu trường giả của hắn trước sự hỗn loạn và ngẫu nhiên (cái chết cũng thuộc vào đây), và tôi so sánh một cách giễu cợt và đầy đổ kỵ tay Harry mới hình thành này, cái gã vụng về hơi nhút nhát và lố bịch của các phòng khiêu vũ, với hình ảnh lý tưởng giả dối trước kia của hắn, trên đây hẳn đã phát hiện - sau lần ở nhà ông giáo sư - chính mọi đặc điểm đáng căm ghét mà ngày đó tấm hình Goethe đã khiến hắn vô cùng bực bội. Chính hẳn, tay Harry trước đây, từng y hết một ông Goethe được lý tưởng hảo kiểu trường giả như thế, một người hùng của trí tuệ như thế với ánh mắt rất mực quý tộc, sáng ngời - như được phết dầu láng - sự cao cả, đầu óc sắc sảo, lòng nhân đạo và gần như mũi lòng trước chính tâm hồn quý phái của mình! Quý thân ơi, hình ảnh đẹp đẽ này chẳng may đã lỗ chỗ thấm hại, cái ông Haller lý tưởng này đã bị hạ bệ thảm thương! Trông hẳn cứ như một kẻ quyền cao chức trọng bị lũ cướp đường trần lột sạch, còn mỗi cái quần te tua; lẽ ra hẳn nên khôn ngoan học đóng vai kẻ lam lũ rách rưới, nhưng hắn lại cứ khoác mó giẻ rách ấy như thể trên đó vẫn lừng lừng huân chương và tiếp tục nức nở đòi lại phẩm cách đã mất.

Tôi thường hay gặp lại gã nhạc công Pablo nọ; chính vì Hermine quá mến y, thiết tha bầu bạn với y, nên tôi phải xét lại đánh giá của mình về y. Ấn tượng Pablo đã để lại trong tôi là một con số không xinh xắn,

một gã đẹp trai nhỏ nhắn, kiêu căng đôi chút, một đứa trẻ vui nhộn và không gây phiền toái, hơn hở thổi chiếc kèn trumpet ở chợ phiên, để bảo nếu biết cách phỉnh phờ hoặc dùng bánh kẹo. Nhưng Pablo không quan tâm đến nhận xét của tôi; y dừng dừng về chuyện ấy cũng như đối với những lý thuyết về âm nhạc của tôi. Y lịch sự và thân mật nghe tôi nói, thường xuyên mỉm cười, nhưng không bao giờ trả lời nghiêm túc. Mặc dù vậy, chừng như tôi đã khơi được sự chú ý của y, vì rõ ràng y cố hắng làm tôi vui lòng và tỏ ra thiện cảm với tôi. Có lần, khi tôi bực mình và gần như lỗ mắng tại một trong những buổi trò chuyện chẳng tới đâu ấy, y sưng sốt và buồn bã nhìn vào mặt tôi, nắm lấy bàn tay trái của tôi vuốt ve, rồi móc gì đấy từ một chiếc hộp nhỏ mạ vàng mời tôi hít, bảo rằng nó sẽ làm tôi dễ chịu. Tôi đưa mắt hỏi Hermine, nàng gật đầu nên tôi đã nhận và hít thử. Quả thật chỉ lát sau tôi liền thấy tỉnh táo và sinh động hơn, chắc hẳn trong thứ bột ấy có cocain. Hermine kể với tôi rằng Pablo có nhiều loại thuốc như thế này, nhận qua những lối bí mật; thỉnh thoảng y đem mời bạn bè; y là bậc thầy trong việc trộn và định liều lượng: thuốc để giảm đau, để ngủ, để tạo những giấc mơ đẹp, để tinh thần vui tươi và để kích động tình yêu.

Có lần tôi gặp y ngoài đường, trên bến cảng, y nhập bọn với tôi ngay, không dùng dằng. Rốt cuộc, lần ấy tôi đã khiến y chịu nói.

“Ông Pablo này,” tôi nói trong lúc y đang nghịch với một cây ba toong mảnh dễ màu đen ánh sắc bạc, “ông là bạn của Hermine, đây chính là lý do khiến tôi chú ý đến ông. Nhưng phải nói rằng ông đã không tạo điều kiện dễ dàng để tôi cùng ông trò chuyện. Tôi đã nhiều lần thử nói với ông về âm nhạc - tôi muốn được nghe ý kiến, phản bác, nhận xét của ông; nhưng ông không thèm trả lời tôi dù chỉ một lời.”

Y chân thành cười và lần này không tránh né mà bình thản đáp: “Thưa ông, theo ý tôi thì trò chuyện về âm nhạc chẳng có ý nghĩa gì. Tôi không bao giờ nói về âm nhạc. Thế thì tôi nên trả lời gì đây về những lời lẽ rất thông minh và xác đáng của ông? Mọi điều ông nói ra đều rất có lý. Nhưng ông thấy đấy, tôi là một nhạc công, không phải bậc trí giả và tôi tin rằng việc có lý trong âm nhạc chẳng có chút giá trị nào. Trong âm nhạc, việc có lý hay có khiếu thẩm mỹ hoặc có học vấn và đủ mọi thứ chẳng đáng kể gì.”

“Ra thế. Nhưng như vậy cái gì mới đáng kể?”

“Phải chơi nhạc, ông Haller ạ, phải chơi thật nhiều, thật hết mình! Thế đấy, thưa Monsieur[10]. Nếu trong đầu tôi chứa toàn bộ tác phẩm của Bach và Haydn và tôi có thể nói thao thao bao điều thông thái về chúng, thì cũng chẳng giúp ích được ai. Nhưng khi lôi cây kèn của mình ra, chơi liên miên một bài Shimmy, thì dù dở hoặc hay, nó chắc chắn vẫn làm cho người ta vui, nó thấm vào máu họ, khiến chân họ rậm rật. Chỉ điều đó mới đáng kể. Ông cứ nhìn thử một lần những khuôn mặt trong phòng khiêu vũ vào lúc tiếng nhạc trỗi lại sau một lúc nghỉ khá dài mà xem - ông sẽ thấy chúng tươi cười, thấy những cặp mắt sáng lên, những đôi chân rậm rật như thế nào! Chính vì điều ấy nên người ta chơi nhạc!”

[10] Monsieur (tiếng Pháp trong nguyên tác): ông.

“Hay lắm, ông Pablo ạ. Nhưng không phải chỉ có thứ nhạc nhục cảm, còn có nhạc cho tinh thần nữa. Không chỉ có loại nhạc được chơi trong khoảnh khắc này, mà còn thứ bất tử, nó tiếp tục sống, dù hiện không được chơi. Có thể một người nào đấy nằm cô đơn trên giường và gọi lại trong tâm trí mình một giai điệu của bài Điệu sáo mê hồn hay Khổ hình của Chúa theo lời kể của thánh Matthieu thì vẫn có âm nhạc, dù chẳng có ai thổi sáo hay kéo vĩ cầm.”

“Đúng thế, thưa ông Haller. Cả bài Yearning và bài Valencia hằng đêm cũng được bao kẻ cô đơn và mơ mộng cảm nín tái tạo; cả cô thư ký đánh máy đáng thương nhất trong văn phòng cũng có bài Onestep mới nhất trong đầu và gõ phím theo nhịp của bài ấy. Họ có lý, tất cả những con người cô đơn này; tôi không đổ kỵ với họ về những thứ âm nhạc cảm nín ấy, dù là Yearning hay Điệu sáo mê hồn hay Valencia! Nhưng những con người nọ lấy từ đâu ra thứ âm nhạc cô đơn, cảm nín ấy của họ? Họ lấy từ chúng tôi, từ các nhạc công; đầu tiên nó phải được chơi, được nghe và thấm vào máu, trước khi ai đấy nằm ở nhà, ở trong phòng có thể nghĩ đến nó và mơ về nó.”

“Đồng ý,” tôi lạnh lùng nói. “Tuy nhiên không thể đặt Mozart ngang hàng với điệu Foxtrott mới nhất được. Việc ông chơi cho người ta loại nhạc siêu phàm và vĩnh cửu hoặc thứ rẻ tiền chỉ tồn tại ngày một ngày hai thật hoàn toàn không như nhau.”

Thấy giọng nói của tôi bị kích động, Pablo liền tỏ ngay cái vẻ dễ thương nhất của mình, y trêu mếu vuốt ve cánh tay tôi, giọng dịu dàng không tưởng tượng nổi.

“Chà, thưa ông, có thể ông hoàn toàn đúng trong chuyện thứ bậc. Tôi chẳng có gì phản đối, khi ông đặt Mozart ngang hàng với điệu Foxtrott mới nhất được. Việc ông chơi cho người ta loại nhạc siêu phàm và vĩnh cửu hoặc thứ rẻ tiền chỉ tồn tại ngày một ngày hai thật hoàn toàn không như nhau.”

Thấy giọng nói của tôi bị kích động, Pablo liền tỏ ngay cái vẻ dễ thương nhất của mình, y triu mền vuốt ve cánh tay tôi, giọng dịu dàng không tưởng tượng nổi.

“Chà, thưa ông, có thể ông hoàn toàn đúng trong chuyện thứ bậc. Tôi chẳng có gì phản đối, khi ông đặt Mozart, Haydn và bản Valencia vào những thứ bậc mà ông ưa thích! Với tôi điều đó hoàn toàn chẳng có gì quan trọng, tôi không có quyền quyết định về những thứ bậc ấy, tôi không được hỏi ý kiến về chuyện đó. Có lẽ một trăm năm nữa người ta vẫn chơi nhạc Mozart, còn bản Valencia có thể chỉ hai năm rồi thôi - tôi nghĩ chuyện này chúng ta có thể yên tâm phó thác cho Chúa; Người là đáng công minh, Người nắm trong tay hạn kỳ sống của hết thảy chúng ta, cả của mỗi bản Valse và mỗi bản Foxtrott nữa, chắc chắn Người sẽ có quyết định đúng. Về phần đám nhạc công chúng tôi, chúng tôi phải làm nhiệm vụ và công việc của mình: đó là phải chơi những gì hiện giờ người ta khao khát và phải chơi thật hay, thật đẹp và thật diễn cảm.”

Tôi thở dài bỏ cuộc. Không tranh luận nổi với anh chàng này.

Có những khoảnh khắc cái cũ và cái mới, đau khổ và hứng thú, sợ hãi và hân hoan trộn lẫn với nhau rất kỳ lạ. Lúc thì tôi ở trên thiên đường, lúc dưới địa ngục, nhưng phần lớn ở cả hai nơi cùng lúc. Tay Harry cũ và gã Harry mới lúc thì cãi vã kịch liệt, lúc lại sống hòa thuận với nhau. Đôi khi tay Harry cũ như thể chết đứt đứt rồi, bị chôn rồi, đột nhiên sống lại, ra lệnh và hà hiếp, cái gì cũng tỏ ra biết hơn, còn gã Harry mới, nhỏ thó, non trẻ xấu hổ, lặng thinh, chịu bị dồn ép tới chân tường. Lúc khác gã Harry trẻ túm cổ tay Harry cũ, bóp thật chặt, lúc ấy hân tha hồ rên rỉ, tha hồ hấp hối, tha hồ nghĩ tới con dao cạo.

Nhưng khổ đau và hạnh phúc thường nhận chìm tôi trong cùng một ngọn sóng. Một trong những khoảnh khắc ấy xảy ra ít ngày sau khi tôi thử khiêu vũ lần đầu tiên trước mọi người; buổi tối đó tôi bước vào phòng ngủ của mình và vừa kinh ngạc, vừa hoảng sợ, vừa hân hoan - nghĩa là không có tên gọi để diễn tả tâm trạng tôi lúc ấy - thấy cô nàng Maria xinh đẹp đang nằm trên giường tôi.

Trong tất cả những điều ngạc nhiên Hermine đến nay đã gây ra cho tôi, đây là điều mãnh liệt nhất. Vì tôi không nghi ngờ một phút giây nào rằng chính nàng đã gửi đến cho tôi con chim thiên đường này. Trái với lệ thường, chiều hôm ấy tôi không đi chơi với Hermine mà tới đại giáo đường nghe một buổi trình diễn thành công về thánh ca cổ - đó là một chuyến du ngoạn đẹp và buồn vào đời sống ngày trước của tôi, vào những cánh đồng thuở thanh xuân của tôi, vào những vùng của gã Harry lý tưởng. Trong không gian vội vọi kiểu gô tích của giáo đường với khung trần hình vòm đẹp như lưới giăng đung đưa sống động mà ma quái dưới ánh sáng của vài ngọn nến lung linh, tôi nghe những khúc nhạc của Buxtehude, Pachelbel[11], Bach, Haydn, tôi lại đi trên những con đường dầu yêu xưa, lại nghe giọng hát du dương của người nữ ca sĩ chuyên nhạc Bach[12] mà thuở hai chúng tôi còn là bạn, tôi đã cùng nàng dự nhiều buổi trình diễn tuyệt vời. Tiếng nhạc xưa, phẩm cách và sự thiêng liêng vô hạn của nó đã gọi tôi nhớ đến mọi cảm giác hạnh phúc, phấn khởi và hăng say của tuổi trẻ; tôi buồn bã đắm mình ngồi trên bệ cao của khu hát kinh, trong một giờ làm người khách trong cái thế giới thiêng liêng, cao cả từng là quê hương của tôi ngày trước[13]. Lúc nghe một bài song tấu của Haydn tôi đột nhiên ứa nước mắt; không chờ buổi hòa nhạc kết thúc, bỏ luôn cả ý định tái ngộ người nữ ca sĩ (ôi ngày trước, sau những buổi hòa nhạc thế này tôi đã từng sống biết bao buổi chiều rạng rỡ với các nghệ sĩ!), tôi đã len lén ra khỏi giáo đường, mệt mỏi bước đi trong đêm tối trên những con đường hẻm, mà đây đó sau những ô cửa sổ của các quán ăn có các ban nhạc Jazz chơi những giai điệu trong đời sống hiện thời của tôi. Ôi, cuộc đời tôi đã trở thành một mê lộ ẩm đậm xiết bao!

[11] Buxtehude và Pachelbel: hai nhạc sĩ Đức ở thế kỷ 17.

[12] Một nữ ca sĩ Hungary.

[13] Hesse từng là chủng sinh trong tu viện Tin lành ở Maulbronn trong nửa năm, từ cuối 1891 đến đầu 1892.

Đêm ấy, tôi vừa đi vừa suy nghĩ miên man về mối quan hệ lạ lùng giữa tôi với âm nhạc và lại một lần nữa nghiệm ra rằng mối liên hệ vừa cảm động vừa tai hại với âm nhạc chính là số mệnh của toàn giới trí thức Đức. Mẫu quyền thống trị trong tinh thần người Đức, đó là sự gắn bó với thiên nhiên dưới dạng bá chủ của âm nhạc, điều chưa hề thấy ở một dân tộc nào khác. Những người trí thức chúng tôi thay vì dùng cảm

chống lại điều đó và phục tình trí tuệ, Logos, thần ngôn, khiến người ta phải lắng nghe, hết thảy chúng tôi lại mơ tưởng đến một thứ ngôn ngữ không lời, nói được điều không thể nói, diễn tả được điều không thể diễn tả. Thay vì sử dụng hết lòng và trung thực phương tiện của mình, người trí thức Đức lại luôn phản kháng ngôn từ cùng lý trí, nhưng mê đắm âm nhạc. Người trí thức Đức đắm chìm trong nhạc, trong những kết cấu âm thanh thần thánh tuyệt vời, trong những cảm xúc và tâm trạng cực kỳ tao nhã - những thứ không bao giờ được thú đẩy thành hiện thực - và xao lãng phần lớn bốn phận thật sự của mình. Tất cả giới trí thức chúng tôi lạc lõng, xa lạ và thù địch với thực tế, cho nên vai trò của tinh thần mới thâm hại đến thế ngay cả trong thực tại của nước Đức, trong lịch sử, trong chính trị và công luận của chúng tôi. À vâng, tôi thường suy đi ngẫm lại những ý tưởng này và đôi khi không phải không cảm thấy khát khao mãnh liệt được một lần cùng dựng xây thực tại, được một lần hành động nghiêm túc và có trách nhiệm, thay vì chỉ mãi bận rộn với tính thẩm mỹ và chuyện bán buôn thứ nghệ thuật thuộc tâm hồn. Nhưng lần nào nỗi khát khao ấy cũng đều kết thúc với ngao ngán, với sự cam chịu vận số rủi ro. Các ngài tướng tá và những nhà đại kỹ nghệ hoàn toàn có lý: đám “trí thức” chúng tôi chẳng làm nên trò trống gì, chỉ là một đám thông minh ba hoa, vô trách nhiệm, xa thực tế và không cần thiết. Quý thần ơi! Tôi lại nghĩ đến lưỡi dao cạo!

Cuối cùng, đầu óc đầy ắp những suy nghĩ như thế cùng dư âm của tiếng nhạc, lòng nặng trĩu u buồn cùng nỗi khát khao đến tuyệt vọng cuộc sống, thực tại, ý nghĩa và những điều đã mất không tìm lại được nữa, tôi trở về nhà, bước lên cầu thang, bật đèn phòng khách, cố đọc chút ít nhưng hoài công, nghĩ đến cuộc hẹn buộc tôi tối mai phải đến quán rượu Cécil uống Whisky và khiêu vũ, rồi cảm thấy oán hận và cay đắng không chỉ với bản thân mình mà cả Hermine nữa. Có thể nàng có hảo ý và chân thành, có thể nàng là một con người tuyệt vời, nhưng tốt hơn lẽ ra ngày nọ nàng cứ để mặc tôi chết quách, thay vì lôi kéo tôi vào cái thế giới ăn chơi hỗn độn, lạ lẫm, quay cuồng này và dìm tôi trong đó, nơi tôi sẽ mãi vẫn là một kẻ xa lạ và điều tốt đẹp nhất trong tôi sẽ cùng quần, bụi tàn!

Nên tôi đã rầu rĩ tắt đèn, rầu rĩ bước qua phòng ngủ, rầu rĩ bắt đầu cởi áo quần; chợt một mùi hương khác lạ khiến tôi ngỡ vực, nó thoang thoảng mùi nước hoa; nhìn quanh tôi thấy cô nàng Maria xinh đẹp đang nằm trên giường của tôi, đôi mắt to màu xanh mím cười, vẻ hơi bồn chồn.

“Maria!,” tôi kêu lên. Ý nghĩ đầu tiên của tôi là bà chủ nhà, nếu biết chuyện, sẽ không cho tôi tiếp tục thuê căn hộ này nữa.

“Em đến đây,” nàng nói khẽ. “Ông có giận em không?”

“Không, không. Tôi biết Hermine đã đưa cô chìa khóa. Thế đấy.”

“Ồ, ông bực mình về chuyện ấy. Em đi vậy.”

“Không đâu, Maria đẹp xinh ơi, ở lại đi! Có điều tối nay tôi rất buồn, hôm nay tôi không thể nào vui vẻ được, có thể mai chăng.”

Tôi hơi cúi về phía nàng, nàng liền ôm lấy đầu tôi bằng đôi bàn tay to khỏe, ghì xuống và hôn tôi thật lâu. Rồi tôi ngồi xuống cạnh giường, nắm tay nàng, yêu cầu nàng nới khe khẽ kéo người ta nghe thấy; tôi cúi nhìn khuôn mặt đầy đặn xinh xắn, lạ lùng và kỳ diệu tựa một bông hoa to đang nằm đấy, trên chiếc gối của tôi. Nàng từ từ kéo bàn tay tôi tới đôi môi nàng, luồn nó xuống dưới chân và áp lên bộ ngực ấm, phập phồng.

“Anh đâu cần phải vui vẻ,” nàng nói, “Hermine cho em biết rằng anh đang ưu phiền. Ai cũng hiểu mà. Anh có còn ưng em không, hở anh? Hôm trước, khi mình nhảy với nhau, anh si em lắm mà.”

Tôi hôn lên mắt, môi, cổ và ngực nàng. Mới vừa rồi tôi còn nghĩ tới Hermine, cay đắng và trách móc. Giờ đây tôi ôm trong tay món quà của nàng mà lòng thầm biết ơn. Những mơn trớn của Maria không tổn hại gì đến thứ âm nhạc tuyệt vời tôi vừa nghe tối nay, chúng xứng đáng với thứ âm nhạc ấy và là sự thể hiện của nó. Tôi chậm rãi kéo tấm chăn khỏi thân thể mỹ miều, cho đến khi những nụ hôn của tôi tới với hai bàn chân nàng. Khi tôi nằm xuống bên nàng, khuôn mặt tựa đóa hoa của nàng mím cười với tôi đầy vẻ hiền lành và thông hiểu.

Đêm ấy, bên cạnh Maria, tôi ngủ không nhiều, nhưng thật sâu và ngon lành như một đứa trẻ. Giữa những lúc ngủ tôi nốc tràn tuổi thanh xuân tươi đẹp của nàng và qua trò chuyện thì thầm tôi biết được nhiều điều thú vị về cuộc đời nàng và Hermine. Tôi vốn chỉ biết đại khái về loại người và cuộc sống như của hai nàng; trước kia chỉ ở nhà hát tôi mới thỉnh thoảng gặp những mẫu đời tương tự, đàn bà lẳng lơ ông, nữa nghệ

sĩ, nửa ăn chơi. Mãi bây giờ tôi mới được nhìn đôi chút vào cuộc sống kỳ quặc, ngây thơ lẫn hư hỏng khác thường này. Những cô gái ấy phần lớn nhà nghèo, như lại thừa thông minh và xinh xắn nên không cam tâm suốt đời kiếm ăn bằng chỉ một nghề với đồng lương ít ỏi và chẳng có gì vui, nên tất cả đều sống lúc bằng những công việc thất thường, lúc nhờ về duyên dáng và sự dễ thương của họ. Thỉnh thoảng họ làm thư ký đánh máy vài ba tháng, lúc là nhân tình của những tay chơi giàu sụ, được tiền tiêu vật và quà tặng, đôi khi được khoác áo lông, đi ô tô, ở khách sạn lớn, lúc khác lại ở trong những căn gác xép sát mái và có thể đi tới hôn nhân nếu trúng mối, nhưng nói chung họ không ham mấy. Một số người trong bọn họ chẳng ham hố gì tình yêu, mà chỉ miễn cưỡng hiến dâng sau khi đã mặc cả được giá cao nhất. Những người khác - trong số này có Maria, khát khao và giàu năng khiếu khác thường về tình yêu - phần lớn có kinh nghiệm với cả hai phái nam và nữ; họ sống chỉ cho tình yêu và bên cạnh những người bạn chính thức có trả tiền, họ còn nuôi dưỡng những quan hệ tình ái khác. Siêng năng và bận bịu, bồn chồn và nhẹ dạ, khôn ngoan nhưng không ý thức, những con bướm ấy sống cuộc đời vừa trẻ thơ vừa sành sỏi, độc lập, không phải bả ai họ cũng bán; họ chờ thời vận, say mê cuộc sống nhưng lại ít bám víu vào nó bằng kẻ trường giả, luôn luôn sẵn sàng theo một hoàng tử trong chuyện thần thoại về lâu đài của chàng và đương nhiên luôn ý thức mơ hồ về một kết cục gay go và buồn thảm.

Maria đã dạy tôi - trong buổi tối đầu tiên lạ kỳ ấy và những ngày sau - nhiều thứ, không chỉ những trò chơi thú vị mới và những cách thức đem lại thích thú cho giác quan, mà cả sự thông cảm mới, nhận thức mới và tình yêu mới. Thế giới của những vũ trường và chốn ăn chơi, những rạp chiếu phim, những quán rượu và những tiền sảnh ở các khách sạn, những nơi đối với tôi, kẻ ẩn cư và nhà thẩm mỹ, vẫn luôn còn là gì đấy thấp kém, bị cấm đoán và làm mất phẩm giá thì với Maria, Hermine và các cô bạn của họ đơn thuần là thế giới thôi, không tốt cũng chẳng xấu, không đánh ham muốn cũng chẳng đáng thù ghét; cuộc sống ngăn ngui đầy khát vọng của họ bùng nổ trong thế giới ấy, ở đấy họ cảm thấy quen thuộc và sành sỏi. Họ thích một ly sâm banh hay một đĩa thịt nướng đặc biệt, giống những kẻ như chúng ta yêu quý một nhạc sĩ hoặc một nhà thơ, và họ cũng hết lời tán thưởng, mũi lòng cùng cảm động về một điệu nhảy ăn khách mới hoặc một bài hát tình cảm lâm ly của một ca sĩ nhạc Jazz giống như chúng ta đối với Nietzsche hoặc Hamsun[14]. Maria kể với tôi về tay thổi kèn saxophone Pablo đẹp trai nọ và về một bài hát Mỹ thỉnh thoảng y hát cho họ nghe; nàng kể thật say sưa, đầy ngưỡng mộ và tha thiết khiến tôi xúc động và thương cảm hơn hẳn những trạng thái mê ly của một học giả cao cấp nào đấy bàn về sự thưởng thức những nghệ thuật cao quý được tuyển chọn. Tôi sẵn sàng tán thưởng theo, bất kể bài hát ấy như thế nào. Những lời triu mến của Maria, ánh mắt khát khao bùng nổ của nàng đã phá tan hoang thành trì mỹ học của tôi. Chắc chắn có vài ba nhạc phẩm hay đẹp, dăm nhạc phẩm chọn lọc hiếm hoi mà theo tôi không còn phải bàn cãi hay nghi ngờ gì nữa, đứng đầu là Mozart, nhưng đâu là giới hạn? Chẳng lẽ hết thấy chúng ta, những kẻ am hiểu và những nhà phê bình, thời trẻ không từng nồng nhiệt say mê những tác phẩm nghệ thuật cùng những nghệ sĩ mà nay dường như ta thấy là đáng hoài nghi và chướng tai, gai mắt? Chẳng lẽ chúng ta chưa từng cảm thấy như thể ở Liszt, Wagner[15] - thậm chí ở Beethoven, đối với nhiều người? Lẽ nào niềm xúc cảm bùng nổ như trẻ thơ của Maria về bài hát nọ từ nước Mỹ lại không là một trải nghiệm về nghệ thuật cũng thuần khiết, hay ho, trác việt, vượt lên mọi hoài nghi giống như niềm thương cảm của một nhà giáo nào đấy về chàng Tristan[16] hoặc phút mê ly của một nhạc trưởng lúc điều khiển Bản giao hưởng số 9? Và chẳng lẽ điều này không phù hợp lạ lùng với những quan điểm của Pablo và xác nhận y có lý?

[14] Knut Hamsun (1859-1952): nhà văn Na Uy.

[15] Franz von Liszt (1811-1886): nhạc sĩ Đức - Hung. Richard Wagner (1813-1883): nhạc sĩ Đức.

[16] Tristan: nhân vật trong một chuyện tình của sử thi Đức.

Dường như Maria cũng rất yêu gã Pablo điển trai này.

“Y đẹp trai thật đấy,” tôi nói, “ngay cả anh cũng rất thích y. Nhưng Maria ơi, hãy cho anh biết làm cách nào em có thể đồng thời yêu cả anh nữa, một kẻ già nua chán ngắt, chẳng đẹp trai mà tóc đã đốm bạc, không biết thổi saxophone và hát tình ca bằng tiếng Anh?”

“Anh đừng nói vớ vẩn thế!” nàng trách. “Chuyện ấy hoàn toàn tự nhiên thôi. Em cũng thích anh vậy; anh cũng có gì đấy hay đẹp, đáng yêu và độc đáo chứ; anh chớ nên khác anh bây giờ. Đừng nói về những điều ấy và đòi được em giải thích. Thế này nhé, anh anh hôn cổ hoặc tai em, em liền cảm thấy anh thích em, rằng em làm anh hài lòng; anh có kiểu hôn hơi rụt rè, điều ấy bảo em rằng: anh ta thích cô đấy, anh ta biết

ơn cô, vì cô xinh đẹp. Em rất thích, rất thích thế. Rồi với người đàn ông khác em lại ưa chính điều ngược lại, ưa kiểu hằn làm ra vẻ không thích gì em và hôn em như thể ban ân huệ.”

Chúng tôi lại thiếp đi. Rồi tôi lại tỉnh giấc, thấy vẫn ôm choàng nàng, người đẹp của tôi, đóa hoa mỹ miều của tôi.

Tôi không ngớt suy nghĩ, lạ lùng thay, rằng bông hoa mỹ miều này dấu sao vẫn là món quà Hermine tặng tôi! Hình bóng nàng luôn ẩn sau bông hoa ấy như sau một chiếc mặt nạ! Và trong lúc ấy tôi bỗng dừng nghĩ tới Erike, người tình khó tính xa xôi, người bạn đáng thương của tôi. Nàng xinh chẳng thua Maria, dù kém mơn mớn, phóng túng và thiếu những nghệ thuật yêu đương tuyệt vời nho nhỏ. Nàng đứng trước mặt tôi một lúc lâu như một bức tranh, rõ ràng và đau xót, được yêu thương và gắn bó sâu đậm với số phận của tôi, rồi lại chìm đi, trong giấc ngủ, trong lãng quên, trong chốn xa xăm nửa phần buồn tủi.

Và cứ thế, trong cái đêm xinh đẹp êm ái này bao hình ảnh của cuộc đời đã hiện về ngay trước mắt tôi, kể từ lâu từng sống đầy trống trải, nghèo nàn và không hình ảnh. Nay, được thần Ái tình khai mở, nguồn suối hình ảnh dồi dào từ thuở nào bỗng bùng phun; trong một khoảnh khắc trái tim tôi ngừng đập vì hân hoan và buồn bã, khi thấy phòng trưng bày hình ảnh của cuộc đời mình mới phong phú làm sao và tâm hồn Sói Thảo Nguyên khôn khổ đầy ắp đến mức nào các tinh tú cùng những chòm sao vĩnh cửu. Thời thơ ấu và mẹ tôi dịu dàng, rạng rỡ nhìn về phía tôi, như một rừng núi xa hút trầm mặc trong màu xanh thăm thẳm; bản đồng ca về những tình bạn của tôi ngân lên trong sáng và cương quyết, bắt đầu với cậu Hermann huyền thoại, người anh em tinh thần của Hermine; chân dung nhiều người đàn bà - những người tôi đã yêu, thêm khát, ngợi ca và đã cố công nhưng chỉ giành được một số ít - ngát thơm và thoát tục như những bông hoa biển ướt đầm nở rộ vừa mới từ nước vươn lên, bập bênh trôi tới. Cả vợ tôi cũng hiện ra - người vợ đã cùng tôi chung sống nhiều năm, đã dạy tôi về tình bạn, sự xung đột, nổi ngao ngán, và tôi vẫn giữ trọn lòng tin cậy sắt son bất chấp mọi thiếu thốn trong cuộc sống, cho đến ngày tôi ngã bệnh cả về tâm hồn lẫn thể xác và nàng đột nhiên kịch liệt chối từ, rồi bỏ tôi - và tôi nhận ra tôi đã yêu thương nàng biết mấy, đã tin tưởng nàng sâu xa biết mấy, nên sự bội tín của nàng mới gây cho tôi một vết thương đau xót trọn đời như thế.

Hết thấy những hình ảnh này - hàng trăm cái, có tên hoặc không - đều hiện về, vươn lên tươi mát và mới mẻ từ giếng khơi của cái đêm ân ái ấy và tôi hiểu lại điều mình đã lãng quên từ lâu trong thống khổ: những hình ảnh này là tài sản và giá trị của đời tôi, là những trải nghiệm tiếp tục tồn tại không thể hủy hoại, được đúc kết thành những ngôi sao mà tôi có thể quên, nhưng quyết không thể hủy diệt; hàng hàng lớp lớp những vì sao ấy là chuyện thần thoại của đời tôi, ánh sao lấp lánh là giá trị không thể hủy diệt về sự tồn tại của tôi. Đời tôi từng nhọc nhằn, sa chân lỡ bước và bất hạnh, dẫn đến sự khước từ và phủ nhận, nó chất vị muối của số phận cả loài người, nhưng nó giàu sang, kiêu hãnh và giàu sang, kể cả trong khốn khổ vẫn cứ là một cuộc đời vương giả. Dẫu cho đoạn đường ngắn ngủi dẫn tới diệt vong, sự diệt vong tuyệt đối, bị lãng phí thảm hại đến đâu đi nữa, thì cốt lõi của cuộc sống ấy vẫn là cao quý, cuộc sống ấy vẫn có diện mạo và nét độc đáo, nó không màng đến những điều nhỏ nhặt mà quan tâm tới những vì sao.

Từ đó đến nay cũng lâu rồi, có bao điều đã xảy ra và bao chuyện đã khác đi; tôi chỉ còn nhớ được vài chi tiết ít ỏi của đêm hôm ấy, dăm ba câu hai chúng tôi đã nói với nhau, vài ba cử chỉ và hành động rời rạc của sự âu yếm thiết tha, những giây phút tỉnh như sáo khi thức dậy từ giấc ngủ nặng nề mệt mỏi yêu đương. Nhưng chính đêm hôm ấy, lần đầu tiên kể từ ngày tôi sa sút, cuộc đời của chính tôi lại đã nhìn tôi bằng đôi mắt sáng ngời không thương xót, trong đó tôi lại nhận ra sự ngẫu nhiên chính là số phận, lại nhận ra đồng hoang tàn của đời mình chính là những mảnh vụn thần thánh. Tâm hồn tôi hô hấp trở lại, mắt tôi lại nhìn và có những khoảnh khắc tôi say sưa linh cảm rằng tôi chỉ cần gom lại cái thế giới hình ảnh phân tán, chỉ cần nâng cuộc đời con Sói Thảo Nguyên Harry Haller của tôi toàn vẹn thành bức ảnh, để rồi tự mình bước vào trong thế giới hình ảnh và trở thành bất tử. Chẳng lẽ đó không phải là mục tiêu mà cuộc đời mỗi người nên thử hướng tới ư?

Sáng ra, khi Maria dùng điểm tâm với tôi xong, tôi len lén đưa nàng ra khỏi nhà. Trót lọt. Ngay hôm ấy tôi thuê cho nàng và tôi một căn phòng nhỏ trong khu phố gần bên, dành riêng để hai chúng tôi gặp gỡ.

Hermine, cô giáo dạy khiêu vũ của tôi, có mặt đứng theo bốn phận và tôi phải học nhảy điệu Boston. Nàng nghiêm khắc, không khoan nhượng và không cho tôi bỏ một giờ học nào, vì nàng đã quyết định tôi sẽ cùng nàng dự buổi khiêu vũ hóa trang sắp tới. Hermine yêu cầu tôi đưa tiền để mua đồ phục trang cho nàng, nhưng từ chối không tiết lộ chút gì về chuyện ấy. Tôi vẫn còn bị cấm đến thăm, thậm chí không được biết

nàng hiện đang ở đâu.

Quãng thời gian trước buổi khiêu vũ hóa trang, khoảng ba tuần, thật là tuyệt vời. Đối với tôi, Maria dường như là người tình thật sự đầu tiên tôi từng có. Tôi luôn đòi hỏi ở những người đàn bà mình yêu một chút đầu óc và học vấn, mà không nhận thấy rằng ngay cả người phụ nữ trí thức nhất và tương đối có học nhất tôi từng yêu chẳng bao giờ đáp lại được cái Logos - thần ngôn - trong tôi, mà luôn ngược lại; tôi mang những vấn đề và suy tư của mình đến với những người đàn bà và dường như tôi không thể yêu lâu hơn một giờ người con gái nào chưa hề đọc qua một quyển sách, không hề biết đọc sách là gì và không phân biệt nổi Tschaikovsky với Beethoven. Maria thất học. Nàng không cần những thứ vòng vo, những thể giới thay thế này; mọi vấn đề của nàng đều nảy sinh trực tiếp từ các giác quan. Nghệ thuật và nhiệm vụ của nàng là cố tạo thật nhiều lạc thú nhục thể và tình yêu với những giác quan được phú thác, với vóc dáng đặc biệt, màu sắc, mái tóc, giọng nói, làn da, tính khí; nghệ thuật và nhiệm vụ của nàng là tìm kiếm và khơi dậy từ người tình câu trả lời, sự cảm nhận cùng sự đáp ứng sôi nổi, hoan lạc bằng mọi khả năng, mọi đường cong và từng biến đổi trên thân thể nàng. Ngay ở lần khiêu vũ đầu tiên đầy nhút nhát với nàng tôi đã cảm thấy điều ấy, đã đánh hơi thấy cái mùi hương của thứ nhục cảm tài tình, tuyệt vời, cực kỳ tinh tế và đã mê mết vì nó. Đương nhiên cũng không phải ngẫu nhiên mà Hermine, con người rành hết mọi sự ấy, lại đưa Maria đến với tôi. Nàng thơm ngát tựa hoa hồng và hừng hực chẳng khác mùa hè.

Tôi không diễm phúc được làm người tình độc nhất của Maria hoặc được nàng ưu ái, mà chỉ là một trong nhiều người thôi. Nàng thường không có thì giờ cho tôi, đôi khi chỉ được một giờ lúc xế trưa, còn trọn đêm thì thật họa hoằn. Nàng không chịu nhận tiền của tôi, chắc chắn vì Hermine đã nhúng tay vào. Nhưng nàng sẵn lòng nhận quà, nên khi tôi tặng nàng chẳng hạn một cái ví da nho nhỏ màu đỏ bóng, tôi có thể nhét vào đấy vài ba đồng vàng. Nhân tiện nói thêm, vì cái ví này mà tôi đã bị nàng cười giễu khôn xiết! Nó đẹp thật đấy, nhưng là thứ hàng bán ế, hết một từ đời nào rồi. Tôi đã học được nhiều từ Maria trong những lĩnh vực mà cho đến lúc ấy tôi hiểu biết chẳng bao nhiêu, không khác chuyện tôi ít rành rẽ về bất cứ thứ ngôn ngữ nào của người Eskimo. Trước hết tôi học được rằng những đồ chơi nho nhỏ ấy, những món hàng xa xỉ theo thời ấy không chỉ là những thứ vật vãnh được các nhà chế tạo và kinh doanh tham tiền sáng chế ra, ngược lại có lý do thích đáng; chúng đẹp, thiên hình vạn trạng, đúng là một thế giới nho nhỏ - hay một thế giới lớn thì đúng hơn - của những vật mà tất cả chỉ có mục đích duy nhất là phục vụ tình yêu, làm tinh tế các giác quan, làm hồi sinh cái thế giới đã chết chung quanh, ban cho nó một cách thần kỳ những dụng cụ mới cần cho tình yêu: từ son phấn và nước hoa đến giày nháy, từ chiếc nhẫn đến hộp thuốc lá, từ khóa thắt lưng đến xác tay. Xác tay không đơn thuần là xác tay, ví tiền không phải là ví tiền, hoa không phải hoa, quạt không phải là quạt, mà tất cả đều là những vật chất diễn cảm tình yêu, ma thuật, sự quyến rũ, là kẻ đưa tin, người buôn lậu, khí giới, tiếng hô xung trận.

Maria yêu ai thật sự, tôi thường ngẫm nghĩ về điều này. Tôi nghĩ nàng yêu gã Pablo trẻ tuổi chơi saxophone hơn cả, với đôi mắt đen mơ màng xa vắng và đôi bàn tay dài, xanh xao, quý phái, u sầu. Tôi cứ nghĩ rằng tay Pablo này lừ đừ, không hứng thú và thụ động trong chuyện yêu đương, nhưng Maria cả quyết rằng tuy phải mất thì giờ mới làm y hào hứng được, nhưng sau đó y sẽ hăm hở, dữ dội, đàn ông và đòi hỏi hơn bất kỳ một võ sĩ hay kỵ sĩ nào. Và thế là tôi biết được điều bí ẩn về người này người nọ, của tay nhạc công chơi Jazz, của người diễn viên, của một số đàn bà, của những cô gái và những người đàn ông trong môi trường của chúng tôi, biết đủ thứ chuyện bí mật, thấy được những mối liên kết và thù địch ngấm ngầm bên trong, dần dà tôi (kể vốn dĩ hoàn toàn xa lạ không chút liên quan với thế giới này) được tin cậy và được coi như người trong cuộc. Cả về Hermine tôi cũng biết được khối điều. Đặc biệt lúc này tôi thường hay gặp Pablo, người mà Maria mê đắm. Thỉnh thoảng nàng cũng cần đến những thứ thuốc bí mật của y; nàng luôn không quên cung cấp cho tôi những lạc thú này và Pablo luôn sốt sắng hết lòng phục vụ tôi. Một lần y chẳng quanh co nói thẳng với tôi: “Ông bất hạnh quá lắm, thế là không tốt, không nên thế. Tôi thật ái ngại. Ông hãy hút thử một gói thuốc phiện loại nhẹ đi.” Nhận xét của tôi về con người vui vẻ, khôn ngoan, trẻ con nhưng khôn dò này thay đổi liên tục; chúng tôi trở thành bạn bè và không hiếm dịp tôi đã nhận chút ít những thứ thuốc của anh ta. Anh ta có vẻ thích thú thấy tôi mê đắm Maria. Một lần anh ta thết “tiệc” trong phòng riêng, trên gác xếp một khách sạn ở ngoại ô. Phòng chỉ có một chiếc ghế, Maria và tôi phải ngồi trên giường. Anh mời chúng tôi một thứ rượu mùi tuyệt vời, đầy bí mật, pha trộn từ ba chai con. Rồi khi tôi trở nên quá mức hào hứng, anh ta long lanh ánh mắt đề nghị chúng tôi vui chơi một cuộc tình trác táng tay ba. Tôi cộc cằn từ chối vì không thể làm những chuyện như thế được, tuy nhiên tôi cũng đã liếc nhìn Maria xem thái độ nàng ra sao; tuy nàng tán thành ngay sự thoái thác của tôi, song tôi vẫn thấy

đôi mắt nàng le lói và hiểu rằng nàng tiếc rẻ. Pablo thất vọng trước lời từ khước của tôi, nhưng không thấy bị xúc phạm. “Tiếc quá,” anh ta nói, “Harry đắn đo quá nhiều về đạo đức. Đành vậy. Giá được thì sẽ vui đấy, rất vui! Nhưng tôi có thứ thay thế.” Mỗi chúng tôi được hút vào hơi thuốc phiện rồi ngồi bất động, mở mắt, cả ba chúng tôi được sống cảnh tượng mà anh ta đã khêu gợi, trong lúc Maria run rẩy vì mê ly. Sau đó, khi tôi cảm thấy người hơi nôn nao, Pablo liền đặt tôi nằm lên giường, cho uống vài giọt thuốc và khi tôi nhắm mắt trong vài phút, tôi cảm thấy phốt trên mỗi mí mắt mình một cái hôn, nhẹ như hơi thở. Tôi đón nhận nó như thể đó là của Maria. Nhưng tôi biết rõ đó là của anh ta.

Một tối khác anh ta còn làm tôi kinh ngạc hơn nữa. Anh ta đến phòng tôi, bảo cần hai mươi franc và xin tôi số tiền ấy. Đổi lại, anh ta đề nghị tối ấy tôi sẽ thay anh ta vui thú với Maria.

10. Chương 10

“Pablo,” tôi kinh hoàng nói, “anh không biết điều anh vừa nói rồi. Nhường người tình cho kẻ khác để lấy tiền thì đối với chúng ta đó là điều đáng phỉ nhổ nhất. Coi như tôi không nghe thấy điều anh vừa đề nghị, Pablo ạ.”

Anh ta nhìn tôi vẻ thương hại. “Ông không muốn. Được thôi, ông Harry ạ. Ông chỉ toàn tự gây khó khăn cho mình thôi. Vậy đêm nay ông không ngủ với Maria, nếu ông thích thế hơn. Dẫu sao hãy cứ đưa tôi tiền, tôi sẽ hoàn lại. Tôi rất cần.”

“Để làm gì?”

“Cho Agostino, ông biết cái cậu nho nhỏ chơi cây vĩ cầm thứ hai ấy. Cậu ta ốm đã tám ngày nay mà chẳng ai chăm sóc; cậu ta không một xu dính túi, còn tôi cũng hết nhẵn tiền rồi.”

Vì tò mò và phần nào cũng để tự trừng phạt mình, tôi cùng đi với anh ta tới thăm Agostino; anh ta mang sữa và thuốc men đến căn phòng của cậu này trên gác xép, một căn phòng thật thảm hại; anh ta giữ chân nệm, mở cửa cho thoáng khí và quần thật gọn gàng, điệu nghệ quanh đầu kẻ bị sốt một miếng gạc; anh ta làm rất nhen, dịu dàng và thành thạo không khác một nữ y tá giỏi. Cũng tối hôm ấy tôi thấy anh ta chơi nhạc trong quán Đô Thị tới tận sáng.

Tôi thường trò chuyện với Hermine rất lâu và cụ thể về Maria, về hai bàn tay, đôi vai, hông nàng, về cách nàng cười, hôn và khiêu vũ.

“Nàng đã dạy anh cách này chưa?” có lần Hermine hỏi và diễn tả với tôi một kiểu hôn đặc biệt bằng lưỡi. Tôi yêu cầu nàng đích thân chỉ cho tôi, nhưng nàng nghiêm nghị từ chối. “Sau này hẵng hay,” nàng nói, “bây giờ em vẫn chưa là người tình của anh mà.”

Tôi hỏi do đâu Hermine biết nghệ thuật hôn cùng một số đặc điểm bí mật trong cuộc sống của Maria mà chỉ người tình của nàng mới rõ.

“Ồ hay,” nàng đáp, “chúng em là bạn bè mà. Bộ anh nghĩ chúng em giữ bí mật trước nhau à? Em ngủ quá thường ở nhà nàng và chơi đùa với nàng mà. Đây, thế là anh đã vợ được một cô gái đẹp sành sỏi hơn nhiều người khác đấy nhé.”

“Hermine này, anh nghĩ rằng em với Maria vẫn còn giấu nhau nhiều điều bí mật đấy. Hay em cũng đã nói với nàng hết mọi điều em biết về anh?”

“Không, đó là những chuyện khác mà có lẽ nàng sẽ không hiểu đâu. Maria đúng là tuyệt vời, anh may lắm đấy, nhưng giữa anh và em có những chuyện mà nàng chẳng có ý niệm gì. Em đã nói với nàng nhiều về anh, tất nhiên, nhiều hơn là có lẽ anh muốn lúc đó. Em phải quyến rũ nàng cho anh mà! Nhưng bạn ơi, Maria không đời nào và cũng chẳng có ai khác hiểu anh như em. Em cũng đã biết thêm đôi chút về anh từ nàng đấy nhé. Những gì Maria biết về anh thì em cũng được biết luôn. Em biết anh hầu như rất rõ, chẳng khác mình từng thường ngủ với nhau.”

Lúc gặp lại Maria, tôi có cảm giác kỳ lạ và khó hiểu khi biết nàng cũng thương yêu Hermine như yêu tôi, nàng cũng vuốt ve, hôn hít, thưởng thức, xem xét chân tay, đầu tóc và da thịt Hermine hết như nàng làm những điều ấy với tôi. Những liên hệ mới, những giao kết mới, những khả năng mới trong tình yêu và cuộc sống, gián tiếp và phức tạp, xuất hiện trước mắt tôi và tôi nghĩ đến một nghìn linh hồn đề cập trong Luận thuyết về Sói Thảo Nguyên.

Trong khoảng thời gian ngắn ngủi ấy, giữa lần quen biết Maria và vũ hội hóa trang, tôi gần như rất hạnh phúc, nhưng lại không hề có cảm giác đây là sự cứu rỗi, là niềm hạnh phúc đạt được rồi, mà cảm thấy rất rõ ràng tất cả chỉ là màn giáo đầu và chuẩn bị, mọi thứ cứ cuồng nhiệt xông tới, còn điều chính yếu tới sau.

Tôi học nhảy khá thành thạo rồi, nên thấy nay đã có thể tham dự buổi vũ hội mà mỗi ngày mỗi được bàn tán nhiều hơn ấy. Hermine có một điều bí mật, nàng quyết không tiết lộ với tôi rằng sẽ xuất hiện trong bộ phục trang nào. Tôi sẽ nhận ra nàng mà, nàng bảo, và nếu không thì nàng sẽ giúp tôi, nhưng tôi không được phép biết gì trước. Nàng cũng hoàn toàn chẳng tò mò về những dự tính hóa trang của tôi, còn tôi quyết định sẽ không hóa trang gì cả. Về phần Maria, khi tôi muốn mời nàng cùng đi dự, nàng bảo đã có một bạn nhảy rồi, luôn cả vé vào cửa cho buổi vũ hội nữa. Tôi hơi thất vọng, vì thấy sẽ phải đi một mình. Đó là vũ hội thanh lịch nhất của thành phố, hằng năm được Hội Nghệ sĩ tổ chức trong Sân đường Địa Cầu.

Những ngày này tôi ít gặp Hermine, nhưng hôm trước buổi vũ hội nàng tạt qua tôi một lúc - nàng đến để lấy chiếc vé tôi tìm giúp. Nàng hiền lành ngồi chuyện vãn với tôi; buổi trò chuyện này thật lạ lùng và đã gây cho tôi một ấn tượng sâu đậm.

“Bây giờ thì anh tươm tất rồi,” nàng nói, “khiêu vũ thật là hợp với anh. Ai không gặp anh trong bốn tuần qua hẳn sẽ không nhận ra anh đâu.”

“Đúng vậy,” tôi công nhận, “nhiều năm rồi anh mới lại kha khá như thế này. Tất cả là nhờ em đấy, Hermine ạ.”

“Ô, thế không phải là nhờ cô nàng Maria xinh đẹp của anh à?”

“Không. Cả nàng cũng là món quà em đã tặng anh mà. Nàng thật tuyệt vời.”

“Nàng là người tình mà anh cần, Sói Thảo Nguyên ạ. Xinh đẹp, trẻ trung, tính tình dễ thương, rất mực khôn khéo trong chuyện yêu đương và không phải ngày nào cũng có được. Nếu anh không phải chia sẻ nàng với những kẻ khác, nếu đối với anh nàng không luôn chỉ là một người khách chợt đến chợt đi thì sẽ chẳng được như thế đâu.”

Đúng, tôi cũng phải công nhận điều ấy.

“Thế là anh có đủ mọi thứ anh cần rồi, phải không?”

“Không đâu, Hermine ơi, không phải thế đâu. Anh đã có được một thứ tuyệt đẹp và mê ly, một niềm vui lớn, một niềm an ủi thân thương. Anh hầu như rất hạnh phúc...”

“Đấy! Vậy anh còn muốn gì thêm?”

“Anh muốn nhiều hơn nữa. Anh không hài lòng với việc được hạnh phúc. Anh sinh ra không phải cho chuyện ấy, đó không phải là số phận của anh. Số phận của anh ngược lại.”

“Nghĩa là phải bất hạnh à? Chà, điều này anh từng có thừa rồi mà, hồi đó, khi anh không dám về nhà vì sợ con dao cạo ấy.”

“Không phải vậy đâu, Hermine ơi, chuyện này khác. Hồi đó anh rất bất hạnh, đồng ý. Nhưng đó là một bất hạnh ngớ ngẩn, vô bổ.”

“Sao thế?”

“Vì nếu không thì anh đã chẳng phải mang nỗi sợ này trước cái chết mà anh vẫn ước ao! Điều bất hạnh mà anh cần và khao khát có khác. Nó là thứ khiến anh đau khổ vì đam mê và chết trong hoan lạc. Đó mới chính là sự bất hạnh hoặc hạnh phúc anh chờ đợi.”

“Em hiểu anh. Trong chuyện này mình là anh em. Nhưng điều gì khiến anh phản đối niềm hạnh phúc đã tìm thấy với Maria lúc này? Sao anh không hài lòng?”

“Anh chẳng có gì để phản đối hạnh phúc ấy; không đâu, anh yêu quý nó, anh biết ơn nó chứ. Nó thật rực rỡ như một ngày nắng đẹp trong một mùa hè mưa tầm tã. Nhưng anh cảm thấy nó không lâu bền. Cả thứ hạnh phúc này cũng vô bổ. Nó làm anh hài lòng đấy, nhưng sự hài lòng không phải là thực phẩm cho anh. Nó khiến Sói Thảo Nguyên buồn ngủ, làm con sói no căng. Nhưng đó không phải là thứ hạnh phúc để phải chết vì nó.”

“Nghĩa là cần phải chết ư, Sói Thảo Nguyên?”

“Anh nghĩ rằng cần! Anh rất hài lòng với hạnh phúc của mình, anh còn có thể chịu đựng nổi nó lâu thêm nữa. Nhưng nếu thỉnh thoảng hạnh phúc cho anh được một giờ để anh thức tỉnh và có được khao khát, thì nỗi khát khao của anh hoàn toàn không hướng tới sự giữ gìn hạnh phúc này mãi mãi, mà hướng chịu lại đau khổ, nhưng đẹp và ít thảm hại hơn xưa. Anh thêm khát thứ đau khổ khiến anh sẵn sàng và vui lòng chết.”

Hermine dịu dàng nhìn vào mắt tôi, một cái nhìn đột nhiên rất mực buồn bã. Ôi, đôi mắt tuyệt vời và đáng sợ! Nàng chậm rãi lựa từng lời, đắn đo sắp xếp rồi mới nói thật khẽ khiến tôi phải cố gắng mới nghe được.

“Hôm nay em muốn nói với anh đôi điều, đôi điều em đã biết từ lâu, cả anh cũng biết nữa, nhưng có thể anh chưa nói với chính anh thôi. Bây giờ em nói với anh những điều em biết về em, về anh và về số phận của chúng mình. Harry ơi, anh từng là một nghệ sĩ và nhà tư tưởng, một người đầy niềm vui và niềm tin, lúc nào cũng đi tìm sự vĩ đại và vĩnh cửu, không bao giờ hài lòng với điều tầm thường và đơn giản. Nhưng cuộc đời càng thức tỉnh anh, khiến anh thấu hiểu chính mình bao nhiêu thì tình trạng cùng quẫn của anh càng lớn bấy nhiêu, anh càng chìm sâu thêm, đến tận cổ, trong đau khổ, lo âu, tuyệt vọng; mọi điều trước đây anh thấy là đẹp đẽ, thiêng liêng và anh yêu quý, tôn sùng, mọi niềm tin trước đây của anh vào con người và về sứ mạng cao cả của chúng ta đều đã không thể giúp được anh, chúng đã trở nên vô dụng và nát vụn. Niềm tin của anh không tìm được không khí để thở nữa. Và chết ngộp thì thật đau khổ. Đúng thế không, Harry? Có phải đó là số phận của anh không?”

Tôi gật lấy gật để.

“Đầu óc anh sẵn mang một hình ảnh của cuộc đời, một niềm tin, một đòi hỏi; anh từng sẵn sàng hành động, hứng chịu đau khổ và hy sinh, nhưng rồi dần dà nhận thấy rằng thế giới không đòi hỏi ở anh hành động và hy sinh cùng những điều tương tự, rằng cuộc đời không phải là một thiên anh hùng ca với những vai người hùng và những vai này nọ, mà chỉ là một căn buồng tiện nghi trường giả, ở đấy người ta hoàn toàn hài lòng với chuyện ăn uống, cà phê cà pháo, đàn vớ, chơi bài Ta rô và nghe nhạc từ radio. Còn ai thích lối sống khác, ai mang trong người chí khí anh hùng, yêu cái đẹp, tôn sùng những thi hào hay các bậc thánh thì người ấy là một kẻ đại khờ, một kỵ sĩ kiểu Don Quichotte. Đấy. Bạn ơi, em cũng từng như thế đấy! Em vốn là một cô gái nhiều năng khiếu, được sinh ra để sống theo một tấm gương cao cả, đặt cho mình những đòi hỏi lớn lao và hoàn thành những nhiệm vụ cao quý. Em có thể chọn cho mình một định mệnh to tát, thành vợ một ông vua, thành người tình một nhà cách mạng, em gái một thiên tài, mẹ một kẻ tuần đạo. Nhưng cuộc đời chỉ cho em thành một cô điểm thượng lưu với khiếu thẩm mỹ tầm tạm - chỉ điều này thôi cũng đủ làm em khó khăn rồi! Hoàn cảnh em như thế đấy. Em tuyệt vọng mất một lúc và tự trách mình trong thời gian khá lâu. Cuộc đời nhất định phải luôn luôn có lý, em nghĩ thế, thành thử khi cuộc đời nhạo báng những giấc mộng đẹp của em thì bởi vì chúng vớ vẩn và sai lầm. Nhưng trách móc cũng chẳng ích gì. Và vì mắt em tinh, tai em thính và cũng bởi em hơi tò mò, nên em mới quan sát thật kỹ cái gọi là cuộc đời, quan sát những người quen biết và hàng xóm của em, năm mươi con người cùng số phận, hoặc hơn nữa, và Harry ơi, em thấy rằng những giấc mơ của em là đúng đắn, nghìn lần đúng đắn, cũng như những giấc mơ của anh vậy. Còn cuộc đời, thực tại mới nhầm lẫn. Việc một người đàn bà thuộc loại như em không tìm được chọn lựa nào khác hơn là gõ máy chữ, phục vụ một tay giới kiêu chác, rồi già đi thảm hại và vô nghĩa hoặc lấy một kẻ giới kiêu chác như thế vì tiền, hoặc thành một thứ gái điểm, điều ấy cũng đúng chẳng kém việc một người như anh, cô đơn và nhút nhát, phải tuyệt vọng chụp lấy lưới dao cạo. Có thể sự khốn khổ nơi em thiên về vật chất và đạo đức, còn ở anh nặng về tinh thần hơn, nhưng cũng là con đường ấy thôi. Anh cho rằng em không hiểu nổi việc anh sợ hãi điệu Foxtrott, việc anh chán ghét những quán rượu và những sàn nhảy, việc anh không ưa nhạc Jazz cùng mấy thứ vớ vẩn đó ư? Em hiểu quá đi chứ, hiểu luôn cả sự kinh tởm của anh trước chính trị, sự buồn phiền của anh về trò tào lao và bộ tịch vô trách nhiệm của các đảng phái, của báo chí, nỗi tuyệt vọng của anh về chiến tranh, về cuộc chiến vừa qua và sẽ đến, về cung cách ngày nay người ta suy nghĩ, đọc sách báo, xây dựng, soạn nhạc, cử hành lễ lạc, tiến hành giáo dục! Sói Thảo Nguyên ơi, anh có lý, có lý nghìn lần, thế nhưng anh vẫn tiêu vong. Anh đòi hỏi quá nhiều và quá ham muốn đối với cái thế

giới bình dị, thoải mái, dễ hài lòng hiện nay; nó tổng anh ra, vì anh vượt trội hơn nó cả một kích cỡ. Ngày nay ai muốn sống và vui hưởng cuộc đời thì người ấy không thể giống như anh và em. Cái thế giới xinh đẹp này đây không phải là quê hương cho kẻ đòi hỏi âm nhạc thật sự thay vì tiếng ò e, hân hoan thay vì lạc thú, tâm hồn thay vì tiền bạc, lao động thật sự thay vì náo nhiệt, đam mê thật sự thay vì đùa nghịch...”

Nàng nhìn xuống sàn nhà, trầm ngâm.

“Hermine,” tôi dịu dàng kêu, “em gái ơi, em nhìn đời rõ biết bao! Thế mà em đã dạy Foxtrott cho anh đấy! Nhưng em nghĩ gì khi bảo rằng những người như chúng ta, những người thừa một kích cỡ, không thể sống ở đây? Nguyên do tại đâu? Chỉ thời đại chúng ta ngày nay mới thế? Hay đã mãi vậy rồi?”

“Em không rõ. Vì danh dự của thế giới nên em muốn cho rằng chỉ thời đại chúng ta mới thế, rằng đó chỉ là một thứ bệnh, một bất hạnh nhất thời. Trong khi các nhà lãnh đạo chuẩn bị bền bỉ và hữu hiệu cho cuộc chiến tranh sắp tới thì lũ chúng ta nhẩy nhót, kiếm tiền và ăn sô cô la - trong một thời đại như thế này thì quả thật thế giới phải làm ra vẻ rất thanh đạm. Hy vọng những thời đại trước kia khảm khá hơn và rồi mai đây sẽ lại tốt đẹp hơn, giàu sang hơn, phong phú hơn, tận hưởng hơn. Nhưng chúng mình cũng chẳng khá gì hơn. Có lẽ đã luôn như thế này rồi...”

“Luôn như ngày nay à? Luôn là một thế giới cho lũ chính trị gia, bọn gian thương, đám bồi bàn và bọn ăn chơi, còn chẳng có không khí cho con người sao?”

“Chà, điều này em không biết, không ai biết cả. Vả lại, biết hay không cũng vậy thôi. Nhưng bạn ơi, bây giờ em nghĩ tới người mà anh quý mến và thỉnh thoảng vẫn kể và đọc cả thư cho em nghe, em nghĩ đến Mozart. Chuyện của ông ta như thế nào? Hồi đó ai thống trị thế giới, hốt phần béo bở nhất, giữ vai trò quyết định và được chú ý: Mozart hay những kẻ vụ lợi, Mozart hay đám người tầm thường nông cạn? Ông ta đã chết và được chôn cất như thế nào[17]? Đấy, em nghĩ, có lẽ nó đã và sẽ mãi luôn như thế. Còn cái trong trường học gọi là ‘Lịch sử thế giới’ mà ta phải thuộc lòng để nâng cao kiến thức, với những đấng anh hùng, những bậc thiên tài, những hành động và tình cảm vĩ đại - đó chỉ rất là đối trá thôi, do mấy ông thầy nghĩ ra cho mục đích giáo dục, để lũ trẻ có chuyện làm trong những năm học đã được quy định[18]. Lũ hèn mọn và tầm thường nắm giữ thời gian và thế giới, tiền tài và quyền lực, còn những người khác, những con người đích thực, lại chẳng có gì hết - ngoài cái chết; điều này đã luôn như thế và sẽ mãi như thế.”

[17] Khi chết, thi hài Mozart bị vùi lấp trong một ngôi mộ tập thể ở Vienne.

[18] Năm 1925, Hesse viết trong “Sơ yếu lý lịch”: “Tuy trong môn học thú vị mà các thầy gọi là Lịch sử thế giới chúng tôi được dạy rằng thế giới luôn luôn được cai trị, leo lái, thay đổi bởi những con người đặt ra luật lệ riêng của họ và đoạn tuyệt với những luật lệ kế thừa của quá khứ, rằng họ là những bậc đáng kính ngưỡng, nhưng khổ nỗi điều này cũng đối trá như hết thảy môn học nọ, vì khi có ai trong chúng tôi - thành tâm hay không - dám to gan phản kháng bất kỳ một điều cấm đoán nào, hoặc chỉ phản đối một thói quen hay một mốt ngu xuẩn, người đó sẽ chẳng được khen ngợi hay được coi là tấm gương cho chúng tôi, mà còn bị trừng phạt, nhạo báng và bị sức mạnh áp đảo hèn nhát của quý thầy đè bẹp gí.”

“Họ không có gì khác à?”

“Có chứ, sự vĩnh cửu.”

“Em muốn nói tới danh tiếng và vinh quang nơi hậu thế?”

“Không đâu, Sói Thảo Nguyên thân mến ơi, không phải vinh quang - nó có giá trị gì chẳng? Bộ anh tưởng mọi con người thật sự chân chính và hoàn hảo đều nổi tiếng và được hậu thế biết đến ư?”

“Không, dĩ nhiên không.”

“Nghĩa là không phải vinh quang rồi nhé. Vinh quang chỉ có cho sự giáo dục thôi, nó là chuyện của các thầy giáo. Đó không phải là vinh quang, không đâu! Nhưng đấy là cái em gọi là sự vĩnh cửu. Những người sùng tín gọi đó là nước Chúa. Em tự nghĩ: hết thảy bọn người chúng ta, những kẻ đòi hỏi cao hơn, mang khát vọng, thừa một kích cỡ, có lẽ không thể nào sống được nếu ngoài thứ không khí của thế giới này ra chẳng có một thứ không khí nào khác để chúng ta thở, nếu ngoài thời gian không có thêm cả sự vĩnh hằng, và đó chính là vương quốc của sự đích thực. Nó bao gồm âm nhạc của Mozart và những bài thơ của các thi hào anh quý mến, nó gồm cả các vị thánh, những bậc đã làm nên phép lạ, đã hứng chịu sự tuần đạo và thành

một tấm gương vĩ đại cho con người. Nhưng trong sự vĩnh cửu có cả hình ảnh của mỗi hành động chân chính, sức mạng của mỗi tình cảm thật sự, dù không ai biết, trông thấy, ghi chép lại và gìn giữ cho hậu thế. Trong sự vĩnh cửu không có hậu thế, mà chỉ có cùng thế hệ thôi.”

“Em có lý,” tôi nói.

“Những người sùng tín,” nàng trầm ngâm nói tiếp, “biết rõ những điều này hơn cả. Vì thế họ đã dựng nên các vị thánh và cái mà họ gọi là ‘Cộng đồng các thánh’. Các thánh chính là những con người đích thực, là các em của Đấng Cứu Thế. Suốt đời chúng ta tìm đến với họ, bằng mỗi việc thiện, mỗi ý tưởng dũng cảm, mỗi tình thương yêu. ‘Cộng đồng các thánh’ - xưa kia được các họa sĩ minh họa trong một bầu trời dát vàng, rực rỡ, tươi đẹp và đầy yên bình - không là gì khác hơn cái em vừa mới gọi là ‘sự vĩnh cửu’. Đó là một vương quốc ở phía bên kia của thời gian và cái biểu hiện. Chúng ta thuộc về đó; nơi đó là quê hương của chúng ta, con tim chúng ta vươn tới đó, Sói Thảo Nguyên ơi, vì thế nên chúng ta khao khát chết. Ở đó anh sẽ lại tìm thấy Goethe, Novalis và Mozart của anh, còn em sẽ tìm thấy lại những vị thánh của em, thánh Christopher, thánh Philipp xứ Neri và tất cả các vị khác. Trước khi thành thánh, nhiều vị đã phạm tội ghê gớm lắm; cả tội lỗi cũng có thể là một con đường dẫn tới sự thánh thiện, cả tội lỗi và thói hư, tật xấu. Hẳn anh sẽ cười, nhưng em thường tự nghĩ có thể cả anh bạn Pablo của em cũng là một vị thánh đang ẩn mặt. Chao ôi, Harry ơi, chúng ta phải mò mẫm qua bao nơ bấn và phi lý đến thế để về nhà! Và chúng ta không có ai dẫn đường, chỉ lối; hướng đạo duy nhất của chúng ta là nỗi nhớ nhà.”

Những lời cuối cùng này nàng lại nói thật khẽ; giờ đây căn phòng tĩnh lặng với vẻ yên bình, mặt trời đang lặn hắt ánh sáng lóng lánh lên những chữ dát vàng trên gáy nhiều quyển trong tủ sách của tôi. Tôi ôm mái đầu Hermine trong đôi tay, hôn lên trán nàng, áp má nàng vào má tôi, như thể anh em; chúng tôi đứng một lúc lâu như thế. Tôi ước ao cứ được mãi thế này và hôm nay không phải đi ra ngoài nữa. Song tối nay, đêm cuối cùng trước buổi đại vũ hội, Maria đã hứa dành cho tôi.

Nhưng trên đường tới gặp Maria tôi lại không nghĩ tới nàng, mà chỉ nghĩ đến những điều Hermine vừa nói. Tất cả những điều này, theo tôi, có lẽ không phải là ý tưởng của chính nàng, mà của tôi; nàng, người có khả năng nhìn thấu những điều vô hình, đã đọc được chúng, đã hấp thụ, rồi thuật lại với tôi, khiến chúng trở nên có hình dáng, thành mới lạ đối với tôi. Tôi đặc biệt biết ơn nàng đã nói ra ý tưởng về sự vĩnh cửu vào lúc ấy. Tôi cần nó, thiếu nó tôi không thể sống và cũng không thể chết. Hôm nay tôi được người bạn gái, đồng thời là cô giáo dạy tôi khiêu vũ, tặng lại cái thế giới bên kia thiêng liêng, phi thời gian, thế giới của giá trị vĩnh cửu, của thực thể thần thánh. Tôi phải nghĩ đến giấc mơ đã gặp Goethe, đến hình ảnh bậc trí giả già nua đã cười cợt quá mức, đã đùa bỡn tôi kiểu những người bất tử. Mãi lúc này tôi mới hiểu tiếng cười của Goethe, tiếng cười của những người bất tử. Nó không có đối tượng, tiếng cười này ấy mà, nó chỉ là ánh sáng, là sự sáng ngời; nó là cái còn sót lại khi một con người đích thực đã trải qua những đau khổ, tật xấu, lầm lạc, đam mê và ngộ nhận của con người, đi vào cõi vĩnh hằng, vào khoảng không của vũ trụ. Và “sự vĩnh cửu” không là gì khác hơn sự giải thoát của thời gian; có thể gọi đó là sự trở về với sự hỗn nhiên của nó, sự chuyển hóa trở lại của nó vào không gian.

Tôi tìm Maria nơi chúng tôi thường hay ăn tối với nhau, nhưng nàng chưa đến. Tôi ngồi chờ nàng ở cái bàn đã được bày biện sẵn sàng trong cái quán im ắng ở ngoại ô, đầu óc vẫn còn vương vấn buổi trò chuyện với Hermine. Tôi thấy tất cả những ý tưởng xuất hiện đột ngột giữa nàng và tôi đều rất quen thuộc, đều đã biết từ lâu, được cấu thành từ thần thoại và thế giới hình ảnh của tôi, hoàn toàn của riêng tôi! Những con người bất tử đang sống trong khoảng không phi thời gian, trầm mặc, trở thành hình ảnh, quanh họ là sự vĩnh cửu kết tinh tựa ê te và sự trong sáng lạnh lẽo, rực rỡ như trăng sao của cõi siêu trần ấy - từ đâu mà tất cả những điều đó lại quen thuộc với tôi đến thế? Tôi ngẫm nghĩ và chợt nhớ mấy đoạn trong bài Cassations[19] của Mozart, bài Das wohltemperierte Klavier[20] của Bach; tôi thấy dường như trong loại nhạc này đâu đâu cũng rạng ngời thứ ánh sáng mát mẻ lấp lánh sao trời và sự dao động của vĩnh cửu trong vắt tựa ê te. Phải, chính thế, chính âm nhạc này là thứ gì đấy tực như thời gian đông cứng lại thành không gian và một niềm hân hoan siêu phàm, tiếng cười thần thánh bất tuyệt, nhẹ vỗ đôi cách miên viễn bên trên nó. Chà, cụ Goethe già trong giấc mơ của tôi cũng rất hợp vào đấy! Và đột nhiên tôi nghe chung quanh vang dội tiếng cười khó hiểu kia, tôi nghe những người bất tử ấy cười. Tôi ngồi như bị hớp hồn và xuất thần moi túi áo vét tìm bút chì, tìm giấy. Thấy tấm bảng giá rượu vang trước mặt, tôi lật ngược nó lại, viết lên mặt kia những vần thơ mà mãi hôm sau tôi mới lại phát hiện trong túi áo. Những vần thơ ấy như sau:

NHỮNG NGƯỜI BẤT TỬ

Từ những lũng sâu nơi trần thế
 Mãi bốc lên tới tận chúng ta nỗi khát khao mãnh liệt của cuộc đời,
 Cảnh bản hàn cùng cực, cảnh thừa thãi mê cuồng,
 Làn khói đầm máu của hàng nghìn bữa ăn cuối cùng của đám tử tội,
 Khoái lạc vật vã, dục vọng không cùng,
 Những bàn tay của lũ sát nhân, những bàn tay của bọn cho vay cắt cổ,
 những bàn tay chấp lại của kẻ nguyện cầu,
 Bầy người bị nỗi sợ và dục vọng quất túi bụi
 Chúng toát mùi thịt sống, nóng ẩm và thối rửa,
 Chúng hít thở lạc thú và niềm hưng phấn man dại,
 Chúng nhai nhau nghiền ngấu rồi lại ọe ra,
 Chúng hoạch định những cuộc chiến tranh và bàn tính về mỹ thuật,
 Chúng trang hoàng bằng cuồng vọng ngôi nhà chứa đang ngùn ngụt lửa,
 Chúng ăn sống, nuốt tươi và phóng đảng
 qua những trò vui chơi nơi chợ phiên huyền ảo thế giới trẻ thơ của chúng
 Nó vươn lên từ những làn sóng cho mỗi trẻ sơ sinh
 Như nó từng rải thành cát bụi cho mỗi con người
 Chúng ta, ngược lại, đã ngự
 Trong giá băng rực rỡ sao trời trên Thượng giới[21]
 Chúng ta không cần biết đến tháng ngày, giờ khắc,
 Không phân chia nam nữ, trẻ già.
 Tội lỗi hay niềm lo nỗi sợ của các người.
 Hành vi sát nhân hay lạc thú nhục dục của các người
 Đối với chúng ta chỉ là cảnh tượng như các vầng dương đang luân chuyển,
 Đối với chúng ta mỗi một ngày đều là ngày dài nhất.
 Chúng ta nhìn xuống cảnh sống nhốn nháo của các người mà lặng lẽ gât gù,
 Rồi lặng thinh ngẩng nhìn tinh tú vẫn xoay.
 Chúng ta hít thở mùa đông của vũ trụ,
 Làm bạn với thiên long,
 Kiếp trường sinh của chúng ta lạnh lẽo và bất biến,
 Tiếng cười vĩnh cửu của chúng ta lạnh lẽo và sáng rực ánh sao.

[19] Những tổ khúc ngắn của Mozart.

[20] Klavier: tên gọi chung mọi loại đàn có bàn phím để gõ lên bộ dây - chẳng hạn đàn piano (vì thế trong tiếng Đức Klavier thường được hiểu là dương cầm) - Theo Wikipedia, Das wohltemperierte Klavier (tên tác phẩm đã được dịch ra tiếng Việt là Tuyển tập phức điệu bình quân luật) là một tập hợp những “khúc nhạc dạo đầu” (prelude) và những “fuga” (fugue) hay “tấu khúc” do Johann Sebastian Bach soạn vào những năm 1722 và 1740-1742 cho các loại đàn nói trên.

[21] Thượng giới: một nghĩa của Äther (Ête), nơi Ánh sáng và các thần linh ngự trị (theo thần thoại Hy Lạp).

Rồi Maria đến. Sau bữa ăn vui vẻ tôi cùng nàng đi tới căn phòng nhỏ của chúng tôi. Tối hôm ấy nàng đẹp hơn, nồng nàn hơn, gần bó hơn bao giờ hết và nàng cho tôi ném những mơn trớn và đùa giỡn mà tôi cảm thấy đó là sự hiến dâng trọn vẹn.

“Maria,” tôi nói, “bữa nay em hào phóng như một nữ thần. Nhưng chớ làm hai đứa mình thành dở sống dở chết nhé, vì mai là vũ hội hóa trang rồi. Mai em sẽ đi với người bạn nhảy thuộc loại nào? Bông hoa bé nhỏ yêu quý của anh ơi, anh sợ đó là một hoàng tử trong truyện thần thoại và em sẽ bị y bắt cóc, không bao giờ tìm được đường về với anh nữa. Đêm nay em yêu anh khác nào những kẻ yêu nhau tha thiết trước lúc chia tay, chia tay lần cuối.”

Nàng áp sát môi vào tai tôi, thì thầm:

“Đừng nói thế, Harry ơi! Lần nào cũng đều có thể là lần cuối. Nếu Hermine lấy mất anh, anh sẽ không tới với em nữa. Có thể ngày mai nàng lấy mất anh rồi.”

Tôi chưa bao giờ cảm nhận được cái cảm giác đặc biệt mãnh liệt của những ngày này, vừa ngọt ngào vừa cay đắng lạ kỳ, như vào cái đêm trước vũ hội. Điều tôi cảm thấy chính là hạnh phúc: sắc đẹp cùng sự dâng hiến của Maria; tôi tận hưởng, vuốt ve, hít thở hàng trăm thứ dục cảm thanh nhã và tinh tế mà mãi sau này, khi về già, tôi mới tìm hiểu; nó như tiếng róc rách trong một làn sóng đu đưa nhẹ nhàng của sự thỏa mãn. Nhưng đó chỉ là lớp vỏ ngoài thôi, còn bên trong mới thật đầy ý nghĩa, căng thẳng, định mệnh; trong khi tôi triu mến và dịu dàng bận rộn với những chuyện lật vạt ngọt ngào và xúc động của tình yêu, như thể đang ngụp lặn trong hạnh phúc ấm áp thì lòng tôi cảm thấy định mệnh của mình đang cầm đầu cầm cổ lao tới trước, như con ngựa bị săn đuổi và đánh đập nên sợ hãi, phi về phía vực thẳm, về phía nó sẽ rơi xuống, đầy hãi sợ, đầy khao khát, đầy hiến dâng cho cái chết. Giống như không lâu trước đây tôi còn chống lại sự cầu thả thoải mái của tình yêu thuần nhục cảm, cũng như từng cảm thấy sợ hãi trước sắc đẹp cười cợt sẵn sàng hiến dâng của Maria, giờ đây tôi cảm thấy sợ hãi trước cái chết - nhưng đó là sự sợ hãi do ý thức rằng chẳng mấy chốc nó sẽ trở thành dâng hiến và giải thoát.

Trong khi chúng tôi lặng lẽ đắm chìm trong những vui thú của tình yêu và thuộc về nhau hơn bao giờ hết thì tâm hồn tôi vĩnh biệt Maria, vĩnh biệt hết thảy những gì liên quan tới nàng và có ý nghĩa với tôi. Tôi đã học được ở nàng, một lần nữa trước khi kết thúc, sự phó thác mình cho trò chơi ngoài mặt của cuộc đời như một đứa trẻ, tìm kiếm những thú vui rất mực phù du, vừa trẻ thơ vừa thú vị trong sự hồn nhiên của giới tính - một trạng thái mà trong cuộc đời trước kia tôi chỉ biết như những ngoại lệ hiếm hoi, vì đối với tôi cuộc sống của giác quan và giới tính hầu như luôn có dự vị cay đắng của tội lỗi, cái hương vị ngọt ngào nhưng bòn chòn của thứ trái cấm mà một người trí thức phải cảnh giác. Nay Hermine cùng Maria đã cho tôi xem khu vườn này với tất cả sự tinh khiết vô tội của nó và tôi thầm biết ơn được là người khách của khu vườn ấy - nhưng sắp đến lúc tôi lại tiếp tục lên đường rồi. Trong khu vườn này quá đẹp và quá ấm. Số phận của tôi là tiếp tục cố đạt tới đỉnh cuộc sống, tiếp tục sám hối tội lỗi vô hạn của cuộc đời. Một cuộc sống dễ dàng, một tình yêu dễ dãi, một cái chết nhẹ nhàng - những điều này hoàn toàn không phải cho tôi.

Qua những lời úp úp mở mở của hai nàng tôi đoán rằng người ta dự định sẽ có nhiều thú vui độc đáo và lắm trò trêu chọc tại buổi vũ hội ngày mai, hoặc tiếp sau đó. Có thể đây sẽ là màn kết thúc, có thể Maria đã linh cảm đúng và đêm nay chúng tôi gần gũi nhau lần cuối, có thể ngày mai bắt đầu cuộc vận hành mới của định mệnh? Tâm hồn tôi chất chứa đầy khao khát nóng bỏng, đầy âu lo đến ngạt thở và tôi cuống đại ghì chặt Maria, một lần nữa chạy qua mọi lối mòn và bụi rậm trong khu vườn của nàng với ánh mắt bùng bùng thêm khát, một lần nữa cắn vào quả ngọt của cây trái thiên đường.

Hôm sau tôi ngủ bù cho cái đêm thức suốt này. Sáng ra tôi đi xe tới chỗ tắm[22], rồi đi xe về nhà, mệt rã rời, kéo màn cho tới căn phòng ngủ; lúc thay quần áo tôi có thấy bài thơ trong túi, nhưng chẳng buồn xem mà lần ngay ra giường, quên Maria, quên Hermine cùng buổi vũ hội hóa trang. Tôi ngủ vùi suốt ngày, chiều mới dậy; mãi lúc cạo râu mới sực nhớ chỉ một giờ nữa thôi buổi vũ hội sẽ bắt đầu và tôi phải lúc tìm một chiếc sơ mi trắng để mặc với áo đuôi tôm. Tôi vui vẻ đóng bộ rồi ra khỏi nhà, trước tiên để đi ăn tối.

[22] Ở châu Âu, nhiều ngôi nhà xây vào đầu thế kỷ 20, hoặc trước nữa, không có buồng tắm. Người dân phải sử dụng các nhà tắm công cộng của thành phố.

Đây là buổi vũ hội hóa trang đầu tiên tôi tham dự. Xưa kia, thỉnh thoảng tôi cũng đến những dạ hội kiểu này, đôi khi thấy cũng hay hay, nhưng tôi không nhảy mà chỉ làm khán giả thôi, nên luôn thấy thật là khô cứng khi nghe người khác kể lể và mừng vui chờ đợi nó. Còn hôm nay buổi vũ hội cũng là một biến cố đối với tôi và tôi hân hoan chờ đón với tâm trạng căng thẳng và không phải không âu lo. Vì không dẫn theo bạn nhảy nữ nên tôi quyết định sẽ đến đó trễ, chính Hermine cũng đã khuyên như thế.

Đạo gần đây tôi hiếm khi tới quán Mũ Sắt, chốn ẩn dật của tôi ngày trước, nơi những người đàn ông chán nản ngồi cho qua buổi tối, nốc vang, đóng vai thanh niên độc thân; quán ấy không còn phù hợp với cuộc sống hiện giờ của tôi nữa. Song tối nay tôi lại bị kéo tới đó, hoàn toàn tự động. Trong tâm trạng hân hoan lẫn âu lo trước định mệnh và sự vĩnh biệt, cái tâm trạng đang chết ngạt tâm hồn tôi lúc ấy, mọi chốn tôi đã dừng chân và mọi nơi ghi dấu hồi tưởng trong đời tôi đều ngời lên một lần nữa vẻ huy hoàng tươi đẹp đau đớn của quá khứ, và như thế có cả cái quán nhỏ mù khói thuốc lá, nơi gần đây tôi còn là một trong những khách hàng quen thuộc, nơi trước đây không lâu cái chất làm mê tằm thường của một chai vang nhẹ trong vùng cũng đã đủ để động viên tôi lại trở về được một đêm với cái giường cô quạnh của mình, để có thể chịu đựng thêm một ngày của cuộc sống. Từ ấy tôi đã thử những thứ thuốc khác, kích thích mạnh hơn, đã nuốt những chất độc ngọt ngào hơn. Tôi mỉm cười bước vào cái quán ngày trước ấy, được bà chủ đón đả và những người khách quen thuộc đang trầm mặc khẽ gật đầu chào đón. Bà giới thiệu món gà tơ quay rồi bưng cho tôi một con; vang Alsace màu tươi - loại còn non - được rót vào chiếc ly thủy tinh dày kịch kiểu nông thôn; những chiếc bàn gỗ sạch sẽ màu trắng và lớp ván ốp tường cũ kỹ màu vàng thân mật nhìn tôi. Trong lúc ăn uống, lòng tôi trào lên cảm giác của sự tàn phai cùng buổi tiệc chia ly, cái cảm giác ngọt ngào và đớn đau thẳm kín của mối gắn bó tuy chưa hề tách rời hẳn, nhưng nay đã đủ chín muồi để chia ly với mọi nơi và mọi sự vật trong cuộc đời trước kia của tôi. Con người “hiện đại” gọi thế là đa cảm; y không còn yêu quý những sự vật này nữa, kể cả chiếc ô tô là thứ thiêng liêng nhất của y mà y hy vọng sớm có thể đổi sang một hiệu khác tốt hơn. Con người hiện đại này táo bạo và tự tin, tháo vát, khỏe mạnh, lạnh lùng và nghiêm ngặt, một mẫu người xuất sắc; y sẽ chứng tỏ điều này một cách phi thường trong cuộc chiến tranh sắp tới. Tôi chẳng màng gì mấy thứ ấy, tôi là người không hiện đại cũng chẳng lạc hậu, tôi đã thoát ra khỏi thời gian, tôi thôi thúc mình cận kề cái chết và quyết tâm vươn tới cái chết. Tôi chẳng còn chống đối gì sự đa cảm, ngược lại tôi mừng và biết ơn khi còn cảm thấy trong trái tim đã khô héo của mình chút gì đấy như thể cảm xúc. Cho nên tôi đã thả hồn mình vào những kỷ niệm với ngôi quán cũ kỹ này, vào nỗi quyến luyến của tôi với những chiếc ghế cũ kỹ cục mịch, thả hồn vào mùi khói thuốc và rượu vang, vào một thoáng của thói quen, của hơi ấm, của một cái gì đấy giống như Tổ quốc mà tất cả những điều này đã tạo cho tôi. Tựa từ đi thôi, lòng tôi khẽ bảo. Tôi yêu cái ghế cứng ngắc này, cái ly nhà quê này, yêu vị trái cây mát lạnh của vang Alsace, yêu sự thân thiết giữa tôi với tất cả và với mỗi thứ trong căn phòng này, yêu gương mặt của những người mơ màng ngồi uống rượu, những kẻ thất vọng mà tôi từng là anh em của họ từ lâu. Những gì tôi cảm nhận ở đây chính là sự đa cảm trưởng giả, đượm chút hương vị lãng mạn lỗi thời của quán rượu thời tôi còn nhỏ, khi mà từ lâu, rượu vang và thuốc lá vẫn còn là những món kỳ lạ và tuyệt vời, bị cấm đoán. Nhưng chẳng con sói thảo nguyên nào nhồm đậy, nhe nanh xé tan tính đa cảm của tôi ra thành từng mảnh. Tôi ngồi thanh thản ở đấy, nóng bừng bởi quá khứ, bởi tia sáng yếu ớt của một vì sao vừa tắt lịm.

Một người bán hàng rong bước vào quán mời hạt dẻ nướng, tôi mua một vốc. Một bà lão bán hoa bước vào, tôi mua vài bông cẩm chướng tặng bà chủ quán. Chỉ khi tôi định trả tiền mà tìm mãi không thấy cái túi áo khoác quen thuộc, mới sực nhớ mình đang mặc áo đuôi tôm. Vũ hội hóa trang! Hermine!

Nhưng hãy còn quá sớm, tôi lưỡng lự có nên tới Sân đường Địa Cầu ngay bây giờ chưa. Vả lại, tôi cảm thấy - như mọi lần vui chơi trong thời gian gần đây - lòng mình đầy phản kháng và ngần ngại, một mối ác cảm đối với việc vào trong những sân đường rộng lớn, đông nghẹt và quá ồn ào, một sự nhút nhát kiểu học trò trước những bầu không khí xa lạ, trước thế giới của những kẻ ăn chơi, trước cảnh khiêu vũ.

Tôi lững thững đi ngang một rạp xi nê, thấy đèn đuốc và những tấm quảng cáo màu mè khổng lồ sáng lóa; qua được vài bước tôi quay lại, vào rạp. Tôi có thể thoải mái ngồi yên ở đây trong bóng tối đến quãng mười một giờ. Theo anh chàng soát vé cầm đèn bấm dẫn đường, tôi bước cao bước thấp đi qua tấm màn cửa vào căn phòng âm u, tìm được một chỗ ngồi rồi bỗng đứng thấy mình ở ngay trong Cự Uớc. Đây là một trong những bộ phim trên danh nghĩa không phải để hốt bạc, lại được quay thật công phu và tốn kém vì những mục đích cao cả và thiêng liêng, nên thậm chí học trò còn được các ông thầy dạy giáo lý dẫn tới xem suất xế trưa. Phim diễn tả sự tích Moses[23] và dân Do Thái thời ở Ai Cập, với cơ man người, ngựa, lạc đà,

dinh thự, sự huy hoàng của các Pharaon và nỗi thống khổ của dân Do Thái trong sa mạc nóng bỏng. Tôi thấy Moses - một Moses tuyệt đẹp trên sân khấu, tóc tai chải chuốt hao hao bắt chước Walt Whitman[24] - chôn cây gậy dài, bước chân như của thần Wotan[25], sôi nổi và buồn bực đi qua sa mạc, dẫn đầu đám dân Do Thái. Tôi thấy ông cầu khẩn Chúa Trời nơi Biển Đỏ, rồi Biển Đỏ tẽ ra, để lộ một con đường, một cái khe giữa hai làn nước bị chặn lại tựa núi cao vợi vợi (các cậu học trò chịu lễ kiên tin[26] được ông linh mục dẫn xem bộ phim tôn giáo này sẽ tranh cãi dài dài việc các nhà quay phim dựng cảnh nọ bằng cách nào), tôi thấy nhà tiên tri băng qua biển trên con đường ấy cùng với đám dân hãi sợ, thấy chiến xa của Pharaon xuất hiện phía sau họ, thấy quân Ai Cập thẳng thốt và lưỡng lự nơi bờ biển, rồi táo bạo tiến theo, thấy hai núi nước ập vào nhau, vùi lấp Pharaon giáp trụ vàng rực rỡ cùng các chiến xa và binh lính của y, tôi không khỏi nhớ đến bài song ca bất hủ của Handel cho hai giọng trầm, ca ngợi thật tuyệt vời biển cổ này. Tôi tiếp tục thấy Moses leo lên núi Sinai, một đấng anh hùng u sầu trên núi đá hoang vu ảm đạm và thấy Đức Jehova đã dùng bão tố, phong ba và sấm chớp truyền cho ông mười điều răn[27] như thế nào, trong khi dưới chân núi đám dân hèn hạ của ông dựng tượng con bê vàng và buông thả vào những trò tiêu khiển khá cuồng nhiệt. Tôi thật rất lạ lùng và không tin nổi đã cùng xem tất cả những chuyện này, những sự tích thiêng liêng cùng với các anh hùng và phép lạ - những sự tích mà thời thơ ấu xưa kia đã hé mở cho chúng tôi trí tưởng tượng mơ hồ đầu tiên về một thế giới khác, một thế giới siêu phàm - tại nơi đây, trước đám khán giả trả tiền vào cửa để được xem với lòng đầy biết ơn và đang lặng lẽ nhai những ổ bánh mì con mang theo từ nhà. Đây quả là một tấm hình rời nho nhỏ xinh xắn từ đồng hàng khổng lồ rẻ tiền và bán tống bán tháo văn hóa của thời đại này. Chúa ơi, để điều tồi tệ này đừng xảy ra thì tốt hơn lẽ ra ngày trước không chỉ người Ai Cập, mà cả người Do Thái và hết thảy mọi người khác cũng nên bị diệt vong luôn, chết bằng bạo lực và thích đáng, thay vì chết mòn ghê rợn như chúng ta ngày nay. Thế đấy!

[23] Moses: theo Cựu Ước, hơn 1000 năm trước Công nguyên, ông được Chúa Trời giao sứ mạng giải thoát dân Chúa (dân Do Thái) khỏi ách nô lệ ở Ai Cập, đưa họ vượt bao trở ngại - như Biển Đỏ và sa mạc Sinai - trong cuộc hành trình gian khổ kéo dài “40 năm” về miền Đất Hứa.

[24] Walt Whitman (1819-1892): nhà thơ Mỹ nổi tiếng.

[25] Wotan: còn gọi là Wodan hay Odin, một vị thần của tộc German.

[26] Còn gọi là “lễ thêm sức”, tiếp nhận các thiếu niên đạo Tin Lành đạt đủ trình độ cơ bản về giáo lý làm thành viên chính thức của họ đạo.

[27] Mười điều răn này trở thành luật đạo Do Thái.

Những ngại ngùng thẳm kín, nỗi e ngại ngấm ngấm của tôi trước buổi khiêu vũ hóa trang không giảm đi sau cuốn phim và sự kích thích của nó, mà còn tăng thêm thật khó chịu và tôi đã phải nghĩ tới Hermine để cuối cùng tự thúc đẩy mình đi xe đến Sân đường Địa Cầu và vào trong đấy. Lúc ấy đã muộn rồi và buổi dạ vũ đã đến hồi náo nhiệt nhất từ lâu; tôi, tỉnh rượu và nhút nhát, chưa kịp cởi áo khoác, đã lọt ngay vào một đám người mang mặt nạ xô đẩy nhau dữ dội; họ thân mật thụi tôi, các cô gái đòi tôi dẫn đến quầy sâm banh, các anh hề vỗ mông vai tôi, gọi tôi là bồ tèo. Tôi không tham gia mà vất vả luồn lách trong những căn phòng đầy ứ người tới chỗ gửi áo khoác. Khi được trao thẻ số, tôi hết sức cẩn thận cất vào túi áo, thậm chí nghĩ chắc lại sắp dùng đến nó, khi chán cảnh huyền ảo này.

Vũ hội diễn ra trong khắp mọi phòng của tòa nhà lớn; sảnh đường nào cũng có khiêu vũ, cả dưới tầng hầm; mọi hành lang và cầu thang đều tràn ngập người hóa trang, khiêu vũ, âm nhạc, tiếng cười và cảnh đeo đuổi ve vãn. Tôi bối rối lách qua đám đông, từ chỗ ban nhạc da đen tới ban nhạc đồng quê, từ chính sảnh to rộng sáng choang đến các lối đi, cầu thang gỗ, các quầy rượu, những quầy thức ăn, tới những quầy rượu sâm banh. Các bức tường phần lớn treo những bức tranh vui nhộn và hoang đại của những họa sĩ rất trẻ. Nơi đây có đủ mọi hạng người, nghệ sĩ, nhà báo, học giả, doanh nhân và tất nhiên toàn giới ăn chơi của thành phố. Ở một trong các dàn nhạc có Mister[28] Pablo đang ngồi say sưa thổi chiếc kèn uốn cong của anh; khi nhận ra tôi, anh lớn tiếng chào như hát. Tôi bị đám đông xô đẩy hết vào phòng này tới phòng khác, hết lên cầu thang lại xuống cầu thang; một lối đi trong tầng hầm được các nghệ sĩ dàn cảnh thành địa ngục và ở đây có một ban nhạc quỷ sứ chơi như hóa cuồng. Dần dần tôi bắt đầu chú ý tìm Hermine và Maria. Nhiều phen tôi cố chen vào phòng chính, nhưng lần nào cũng nhầm đường hoặc bị đám đông cản lối. Tới nửa đêm vẫn chưa tìm thấy một ai, chưa khiêu vũ mà tôi đã nóng ran và chóng mặt; buông mình xuống chiếc ghế gần nhất, giữa những người lạ hoắc, tôi gọi rượu vang và nhận thấy những buổi lễ hội ồn ào thế

này chẳng hợp tí nào với một kẻ già nua như mình. Tôi chán nản uống ly vang, đắm đắm nhìn những cánh tay và lưng trần của đám phụ nữ, nhìn những hình hài

[28] Tiếng Anh trong nguyên bản.

11. Chương 11

hóa trang hết sức kỳ quái lướt qua trước mặt, chịu bị họ xô đẩy và lạng lẽ từ chối dăm ba cô gái sà vào lòng tôi hay mời tôi nhảy. “Lão già bần tẻ,” một cô đã kêu lên như thế và nàng có lý. Tôi quyết định uống rượu để có chút can đảm và hưng phấn, nhưng thấy vang thật nhạt nhẽo, không nuốt nổi ly thứ hai. Dần dà tôi cảm thấy Sói Thảo Nguyên đứng ngay sau lưng và thè lưỡi chế nhạo. Chẳng có chuyện gì không ổn cả, đây không phải là nơi thích hợp với tôi thôi. Tôi đến đây với tất cả thành tâm, nhưng ở đây tôi không thể vui vẻ được và đối với tôi thì sự hân hoan náo nhiệt, tiếng cười đùa cùng mọi ồn ào âm ĩ chung quanh thật là ngớ ngẩn và gượng gạo.

Thành ra vào lúc một giờ sáng, tôi thất vọng và cúi kính rón rén quay về quầy gửi áo, lấy áo choàng ra về. Đây là một thất bại, là sự trở lại với trạng thái sói thảo nguyên của tôi và Hermine sẽ không mấy may tha thứ. Nhưng tôi không thể làm khác được. Trên đường chen lấn vất vả qua đám đông xô đẩy tới quầy gửi áo tôi còn nhìn quanh một lần nữa thật kỹ, xem có thấy cô bạn nào không. Hoài công. Giờ đây tôi đứng ở quầy và người đàn ông sau quầy lễ phép chìa tay đón thẻ số của tôi. Tôi thọc tay vào túi áo vét - tấm thẻ không còn đó! Quỷ quái thật, lại thế nữa! Trong lúc buồn rầu đi qua các sảnh, trong lúc ngồi uống ly rượu vang nhạt nhẽo tôi đã nhiều lần thọc tay vào túi, chống lại ý định bỏ về và lần nào cũng đều thấy tấm thẻ dẹt tròn còn đó mà. Bây giờ nó biến mất tiêu. Mọi sự đều chống lại tôi.

“Mất thẻ à?” một con quỷ nhỏ bé màu đỏ và vàng đứng cạnh tôi hỏi the thé. “Đây, ông bạn, dùng cái của tôi vậy,” và chìa ngay thẻ cho tôi. Trong lúc tôi như cái máy nhận tấm thẻ và lật qua lật lại trong những ngón tay thì anh chàng nhanh nhẩu nọ đã biến mất.

Nhưng khi tôi đưa tấm thẻ nhỏ bằng giấy bồi, tròn như đồng bạc lên gần mắt để tìm số thì không thấy số mà thấy những chữ nhỏ nguệch ngoạc. Tôi yêu cầu người giữ áo chờ, rồi lại dưới chiếc đèn chùm gần đấy để đọc. Trên tấm thẻ nguệch ngoạc mấy chữ nhỏ xiêu vẹo thật khó đọc:

Đêm nay kể từ bốn giờ ở Hí viện ma thuật

- dành riêng cho những người điên -

Vào cửa trả bằng lý trí.

Không phải cho bất kỳ ai.

Hermine đang ở trong địa ngục.

Tựa một con rối bị vướng dây khỏi người điều khiển trong một khoảnh khắc, rồi hồi sinh sau một cái chết và hôn mê ngắn ngủi, lại tham dự vào trò vui, nhảy nhót và diễn xuất, tôi dẻo dai, trẻ trung và hăm hở - như được sợi dây ma thuật kéo giật - chạy ngược vào cảnh chen chúc ồn ào mà vừa mới đây tôi đã trốn chạy vì cảm thấy mệt mỏi, chán chường và già nua. Chưa kể phạm tội nào từng xông vào địa ngục vội vàng hơn. Vừa mới rồi đôi giày da bóng còn bó chặt tôi, bầu không khí sắc mùi nước hoa còn khiến tôi tởm lợm, nóng nực còn làm tôi mệt lử, giờ đây đôi bàn chân nhún nhảy của tôi nhanh nhẹn chạy theo nhịp của điệu Onestep qua mọi căn phòng về phía địa ngục; tôi cảm nhận được bầu không khí đầy quyến rũ, hơi ẩm, tiếng nhạc ồn ào, màu sắc ngất ngậy, hương thơm từ những bờ vai phụ nữ, cơn say của hàng trăm người, tiếng cười, nhịp của vũ điệu, vẻ rạng ngời của mọi cặp mắt khích động đu đưa và diu diu. Một vũ nữ Tây Ban Nha lao vào vòng tay tôi: “Nhảy với em đi!” - “Không được,” tôi nói, “tôi phải xuống địa ngục. Nhưng tôi rất muốn hôn em.” Đôi môi đỏ dưới chiếc mặt nạ đáp lại nguyện vọng của tôi và chỉ khi hôn nàng tôi mới nhận ra đó là Maria. Tôi ghì chặt nàng, đôi môi đầy đặn của nàng nở tựa một đóa hoa hồng mùa hè đến độ. Và rồi chúng tôi khiêu vũ với nhau, môi vẫn áp môi, nhảy qua mặt Pablo; anh đang đắm đuối gục đầu trên cái

kèn rền rĩ mơn trớn của mình, ánh mắt đẹp như mắt dã thú của anh rạng rỡ và hơi lơ đãng quần chặt lấy chúng tôi. Vừa mới nhảy được hai mươi bước thì ngưng tiếng nhạc, tôi miễn cưỡng buông Maria khỏi vòng tay.

“Anh rất muốn nhảy với em lần nữa,” tôi nói ngắt ngảy vì hơi ấm của nàng, “nhảy với anh vài bước, Maria nhé, anh say mê cánh tay tuyệt mỹ của em, cho anh được nắm thêm một lát nữa! Nhưng mà này, Hermine đã kêu gọi anh. Nàng đang ở địa ngục.”

“Em đã đoán thế mà. Vĩnh biệt, Harry, em sẽ mãi nhớ anh.”

Nàng già biệt. Bông hồng mùa hè ấy đã đến độ và ngọt ngào hương thơm của vĩnh biệt, mùa thu và định mệnh.

Tôi tiếp tục chạy qua những hành lang dài đầy nghẹt người âu yếm túm tụm, xuống những bậc thang, vào địa ngục. Ở đây, những ngọn đèn tinh quái sáng chói chang trên những bức tường đen như hắc ín và ban nhạc quỷ sứ đang chơi cuồng nhiệt. Một chàng trai tuấn nhã không đeo mặt nạ, trong áo đuôi tôm ngồi trên chiếc ghế cao nơi quây rượi liếc nhìn tôi với ánh mắt giễu cợt. Tôi bị làn sóng người đang khiêu vũ ép sát vào tường - khoảng hai mươi cặp đang nhảy trong căn phòng rất chật chội này. Tôi hau háu và lo âu quan sát mọi người đàn bà; phần lớn họ còn mang mặt nạ, vài người mỉm cười với tôi, nhưng không có ai là Hermine. Chàng thanh niên tuấn nhã trên ghế cao giễu cợt nhìn về phía tôi. Lần nghỉ sắp tới nàng sẽ đến và gọi tôi, tôi thầm nghĩ. Màn khiêu vũ chấm dứt, mà chẳng ai tới cả. Tôi bước lại quây rượi bị nhét và một xó của căn phòng nhỏ và thấp chổn này. Tôi đứng cạnh ghế của chàng trai và gọi Whisky. Tôi vừa uống vừa nhìn nghiêng khuôn mặt của anh chàng. Nó quyến rũ và quen thuộc làm sao, cứ như một bức tranh từ thời rất xa xôi, quý giá nhờ lớp bụi êm đềm của quá khứ. A, đầu óc tôi chợt lóe lên: Đây chính là Hermann, cậu bạn thời niên thiếu của tôi.

“Hermann!” tôi ngập ngừng.

Cậu ta mỉm cười. “Harry! Anh tìm ra em à?”

Hermine đấy! Tóc nàng chỉ chải hơi khác đi và trang điểm đôi chút, khuôn mặt thông minh của nàng trông xanh xao và lồi cuốn trên chiếc cổ áo đứng hợp thời trang, đôi bàn tay nhỏ nhắn lạ lùng lộ khỏi ống tay áo đuôi tôm màu đen rộng thùng thình và cổ tay áo sơ mi trắng, đôi bàn chân thanh tú lạ thường mang tất đàn ông bằng lụa trắng lộ khỏi chiếc quần dài đen.

“Hermine ơi, em định là anh phải lòng em trong bộ phục trang này ư?”

“Cho đến lúc này,” nàng gật đầu, “em mới chỉ khiến vài mệnh phụ phải lòng thôi. Nhưng bây giờ thì tới lượt anh. Minh hãy uống sâm banh trước đã.”

Ngồi trên ghế cao, chúng tôi uống rượu trong khi ngay cạnh đấy cuộc khiêu vũ lại tiếp tục cùng tiếng đàn dây trỗi lên nóng bỏng. Chẳng mấy chốc tôi đã phải lòng Hermine, dù nàng chẳng có vẻ tổn chút công sức nào. Vì nàng vận nam trang nên tôi không thể cùng nàng khiêu vũ, không thể âu yếm hay ve vãn; nhưng trong lúc nàng có vẻ xa cách và đứng đưng trong bộ phục trang nam giới, nàng lại quần riết lấy tôi bằng ánh mắt, lời nói, cử chỉ với tất cả nét quyến rũ của nữ tính. Dù chẳng hề chạm đến nàng, tôi vẫn đã bị bùa mê của nàng khuấy phục, chính bùa mê này nằm trong vai nàng đóng, vai một người lưỡng tính. Vì nàng trò chuyện với tôi về Hermann và thời thơ ấu, của tôi và của nàng, về những năm tháng trước tuổi dậy thì, thời mà năng lực yêu đương non nớt không chỉ bao trùm hai nam nữ, mà hết thảy mọi thứ, cả giác quan lẫn tinh thần, nó phú cho mọi vật vẻ quyến rũ của tình yêu và khả năng biến hóa thần kỳ mà chỉ ở các thi sĩ và những kẻ được ân sủng thì khả năng này mới thỉnh thoảng vẫn còn tái hiện khi họ đã về già. Nàng đóng vai chàng thanh niên thật hoàn hảo, hút huốc, chuyện trò thoải mái và hóm hỉnh, hay giễu cợt đôi chút, nhưng trên đường tới với giác quan của tôi thì tất cả đều đượm nét thần ái tình eros, tất cả đều chuyển hóa thành sự cảm dỗ đáng yêu.

Tôi cứ đinh ninh đã hiểu rất rõ Hermine rồi chứ, thế mà đêm nay nàng biểu lộ thật hoàn toàn mới mẻ làm sao! Nàng đã, nhẹ nhàng và không nhận ra được, quần quanh tôi tấm lưới mà tôi hằng khao khát; Hermine - như nàng tiên cá - đã cho tôi uống chất độc ngọt ngào thật dễ dàng!

Chúng tôi ngồi trò chuyện và uống sâm banh. Chúng tôi, những kẻ thám hiểm phiêu lưu, vừa lang thang qua các sảnh vừa quan sát, chọn ra những cặp trai gái để lên nghe họ tình tự. Nàng chỉ cho tôi những người

đàn bà, yêu cầu tôi khiêu vũ với họ; nàng cho tôi những cặp trai gái để lên nghe họ tình tự. Nàng chỉ cho tôi những người đàn bà, yêu cầu tôi khiêu vũ với họ; nàng cho tôi những lời khuyên về nghệ thuật quyến rũ để ứng dụng với người này, người kia. Chúng tôi đóng vai tình địch, cùng đeo đuổi một người đàn bà trong chốc lát, thay phiên khiêu vũ với nàng, tìm cách chinh phục nàng. Nhưng tất cả vẫn chỉ là trò chơi hóa trang, chỉ là đùa vui giữa hai chúng tôi, khiến chúng tôi gắn bó với nhau hơn, làm cho nhau rạo rực. Tất cả đều là chuyện thần tiên, tất cả đều thêm một kích thích mới, một ý nghĩa sâu hơn. Tất cả đều là trò đùa và biểu tượng. Chúng tôi thấy một thiếu phụ rất đẹp, trông hơi đau khổ và rầu rĩ.

Hermann nhảy với nàng, khiến nàng tươi tỉnh hẳn, đưa nàng đi uống sâm banh, rồi sau đó kể với tôi rằng đã chinh phục được nàng không trong tư cách đàn ông, mà đàn bà, với sự quyến rũ của Lesbos[1]. Về phần tôi thì dần dà toàn thể ngôi nhà ồn ào đầy những căn phòng nhảy nhót vang động này, đám người mang mặt nạ hào hứng này đã trở thành một thiên đường điên cuồng tuyệt vời, hết bông hoa này đến bông hoa khác mời mọc tôi với hương thơm của nó, tôi đùa nghịch tìm từ quả này sang trái khác với những ngón tay tập tành của tôi, những con rắn cảm dỗ nhìn tôi từ bóng tối của đám lá xanh, những bông sen lượn lờ như ma trên bùn đen, những con chim phù thủy dụ dỗ trên nhánh cây, tuy vậy tất cả đều chỉ hướng tôi tới một mục tiêu khao khát, tất cả lại chồng chất lên tôi niềm hoài vọng tới điều duy nhất ấy. Có lần tôi hào hứng nhảy với một thiếu nữ lạ; tôi tán tỉnh, lôi kéo nàng vào sự cuồng nhiệt và ngất ngây, trong lúc chúng tôi bay bổng trong hư ảo, nàng chợt phá lên cười: “Người ta không nhận ra anh đâu nhé. Mới hồi chiều anh còn quá sức ngớ ngẩn và tẻ ngắt.” Và tôi nhận ra nàng, người vài giờ trước đó đã gọi tôi là “lão già bần tính”. Giờ đây nàng tưởng đã chiếm được tôi, nhưng lần khiêu vũ sau tôi đã nhảy và rạo rực với một cô gái khác. Tôi khiêu vũ không ngừng suốt hai giờ hoặc hơn nữa, điệu nào cũng nhảy, cả những điệu tôi chưa từng học. Hermann, chàng trai trẻ tươi cười, không ngớt xuất hiện bên cạnh tôi, gật đầu với tôi rồi mất dạng trong đám đông.

[1] Âm chỉ quan hệ đồng tính nữ (Lesbos là tên một đảo ở Hy Lạp; tương truyền vào thế kỷ 6 trước Công Nguyên nhà thơ nữ Hy Lạp nổi tiếng Sappho ở trên đảo này và đã có quan hệ luyến ái với những phụ nữ hâm mộ bà.

Trong đêm vũ hội này tôi được ném trái điều mình chưa từng được biết trong năm mươi năm qua, dù mỗi cô gái mới lớn và mỗi sinh viên đều biết: đó là sự trải nghiệm về lễ hội, niềm vui sướt ngất ngây của những người dự lễ, sự hòa mình bí nhiệm của cá nhân trong tập thể, một *Unio mystica*[2] của niềm vui. Tôi đã thường nghe nói về nó - cô người làm nào cũng đều biết điều đó - và tôi đã thường thấy ánh mắt người kể chuyện sáng long lanh, nhưng tôi chỉ luôn mỉm cười nửa tự cao, nửa ganh tị. Tôi đã thấy cả trăm lần trong đời vẻ rạng rỡ nọ trong đôi mắt ngất ngây của một kẻ sung sướng mê ly đã thoát khỏi Cái Tôi, thấy nụ cười nọ và trạng thái đắm chìm hơi điên rồ của kẻ hòa mình vào cơn say của tập thể, đã thấy qua bao thí dụ cao quý và dễ tiện, nơi những cậu tân binh và những chàng thủy thủ say mềm cũng như nơi những nhà nghệ sĩ lớn, chẳng hạn trong niềm say mê ở những buổi trình diễn trọng thể, điều này cũng chẳng kém nơi những người lính trẻ ra mặt trận và vừa mới đây tôi đã ngưỡng mộ, yêu quý, giễu cợt cùng ganh tị về rạng rỡ và nụ cười này của con người hạnh phúc mê ly nơi anh bạn Pablo của tôi, khi anh say sưa trình tấu trong ban nhạc, đu người trên chiếc kèn saxophone hay hân hoan và xuất thân nhìn viên nhạc chơi đi chơi lại bài Yearning này nhiều lần mà vẫn cứ được yêu cầu, nó thấm đẫm chúng tôi và làm mọi người ngất ngất, khe khẽ hát theo giai điệu. Tôi nhảy không ngừng, với bất kỳ người đàn bà nào tôi bắt gặp, với những cô gái trẻ măng, với những thiếu phụ mơn mớn, với những nàng như mùa hè đến độ, với những bà quá lứa âu sầu: tôi say mê tất cả, cười nói, hạnh phúc, rạng rỡ. Và khi Pablo thấy tôi rạng rỡ như thế, tôi, người mà anh vốn luôn coi như một kẻ khốn khổ hết sức đáng thương, mắt anh tràn đầy hạnh phúc nhìn tôi, anh hào hứng đứng lên, rời khỏi chiếc ghế trong ban nhạc, thối dừ dội vào chiếc kèn, rồi leo lên ghế, phồng má thổi, điên cuồng và hạnh phúc lắc lư người cùng nhạc cụ theo điệu bài Yearning; tôi và người bạn nhảy nữ gửi anh những chiếc hôn gió và cùng cất cao tiếng hát. A, giữa chừng tôi thầm nghĩ, dù chuyện gì sẽ xảy ra với tôi, tôi cũng mặc kệ, vì cả tôi cũng đã được một lần hạnh phúc, rạng rỡ, thoát khỏi chính mình; tôi là một đứa trẻ, một người anh em của Pablo.

[2] Tiếng Latin trong nguyên tác: sự hợp nhất huyền bí.

Tôi mất đi ý niệm về thời gian, tôi không biết cảm giác ngất ngất này đã kéo dài bao nhiêu giờ hay bao nhiêu khoảnh khắc. Tôi cũng không để ý rằng vũ hội càng trở nên cuồng nhiệt thì lại càng thu hẹp vào phạm vi nhỏ hơn. Phần đông khách khứa đã ra về, các hành lang đã trở nên im ắng, nhiều ngọn đèn đã tắt,

khoang cầu thang vắng tanh vắng ngắt, ở những căn phòng lầu trên các ban nhạc đã lần lượt im tiếng và ra về; chỉ trong phòng chính và dưới địa ngục là vẫn còn huyền ảo, sự ngất ngây hỗn tạp của buổi lễ mỗi lúc một tăng. Vì tôi không được phép khiêu vũ với Hermine, trong vai chàng thanh niên, nên chúng tôi luôn chỉ thoảng gặp và chào nhau trong những lúc nghỉ và cuối cùng nàng biến khỏi tôi, không chỉ trong tầm mắt, mà cả trong ý nghĩ. Không còn ý nghĩ nào nữa. Tôi hòa tan và bị cuốn theo trong đám đông ngất ngây khiêu vũ, xúc động bởi hương thơm, âm thanh, tiếng thở dài, lời nói, được những đôi mắt lạ chào hỏi, khích lệ, được những khuôn mặt, những đôi môi, những cặp má, những cánh tay, những bộ ngực, những đầu gối lạ bao quanh, được âm nhạc xô tới xô lui như một làn sóng theo nhịp điệu.

Đột nhiên trong một khoảnh khắc hơi bình tĩnh tôi thấy trong số những người khách cuối cùng còn ở lại - giờ đây đầy ứ trong những gian phòng cuối cùng còn vang tiếng nhạc - đột nhiên tôi thấy một pierrette[3] vận đồ đen mang mặt nạ sơn trắng, một thiếu nữ xinh đẹp tươi mát, người duy nhất mang mặt nạ, một hình ảnh mê ly tôi chưa hề thấy trong suốt đêm nay. Trong khi mọi người khác đều in dấu vết của giờ giấc khuya khoắt này: mặt mũi đỏ gay vì kích động, áo quần nhả nhúm; cổ áo và ống tay nhàu nhĩ thì cô pierrette mặc đồ đen này đứng tươi mát và gọn ghẽ với khuôn mặt trắng trẻo dưới tấm mặt nạ, y phục không một nếp nhăn, cổ áo tinh tươm, cổ tay áo viền ren sạch bong và mái tóc không chút bù rối. Tôi bị cuốn hút về phía nàng, ôm lấy nàng, kéo nàng vào màn khiêu vũ. Cổ áo thơm tho của nàng làm cảm tôi nhột nhạt, tóc nàng phớt nhẹ má tôi; thân thể trẻ trung rắn chắc của nàng đắm lại - dịu dàng và thân thiết hơn mọi cô bạn nhảy tối nay - những động tác của tôi, né tránh, khêu gợi và luôn dễ dàng buộc chúng có những va chạm mới. Và đột nhiên lúc tôi cúi xuống giữa màn khiêu vũ tìm môi nàng thì đôi môi ấy mỉm cười kiêu hãnh và rất quen thuộc; tôi nhận ra chiếc cằm cương nghị, sung sướng nhận ra đôi bờ vai, đôi khuỷu tay, đôi bàn tay. Đây là Hermine, không phải Hermann nữa, đã thay y phục, tươi mát, xúc chút nước hoa và thoa chút phấn. Môi chúng tôi cuồng dại gắn vào nhau, cả thân thể nàng cho đến đầu gối áp chặt vào tôi trong một khoảnh khắc, thêm khát và dâng hiến, rồi môi nàng rời khỏi môi tôi, nàng nhảy một cách giữ kẽ và lẩn tránh. Lúc ngưng tiếng nhạc, chúng tôi ôm nhau đứng tại chỗ, những cặp chung quanh khích động vỗ tay, giậm chân, la hét, thúc giục ban nhạc đã kiệt sức chơi lại bản Yearning. Và lúc này tất cả chúng tôi đột nhiên cảm thấy trời dần sáng, bình minh lờ mờ sau những tấm màn cửa, thấy niềm vui sướng sắp tàn, linh cảm sự mệt mỏi đang đến và phá lên cười, tuyệt vọng điên cuồng lao mình lần nữa vào điệu vũ, vào tiếng nhạc, vào làn ánh sáng đang tràn ngập, sôi sục bước theo nhịp, cặp này sát cặp kia, hân hoan cảm nhận lần nữa cơn sóng lớn đang dội xuống chúng tôi. Lần nhảy này Hermine thôi không kênh kiệu, giấu cợt và lạnh lùng nữa - nàng biết chẳng cần phải làm gì thêm để khiến tôi phải mê đắm. Tôi đã thuộc về nàng. Và nàng dâng hiến trong khiêu vũ, trong ánh mắt, trong môi hôn, trong nụ cười. Mọi người đàn bà của cái đêm đầy kích động này, mọi người đàn bà cùng tôi nhảy, mọi người được tôi gây rạo rức, mọi người đã gây rạo rức cho tôi, mọi người tôi ve vãn, mọi người tôi đã thêm khát ôm sát, mọi người tôi đã mê đắm nhìn theo đều tan chảy thành một người đàn bà duy nhất đang bùng nổ trong vòng tay tôi.

[3]. Pierrette (tiếng Pháp trong nguyên tác): nữ diễn viên kịch câm.

Vũ điệu tân hôn này kéo dài thật lâu. Hai lần, ba lần tiếng nhạc yếu đi, các nhạc công thổi kèn hạ nhạc cụ xuống, người chơi dương cầm đứng lên. người kéo vĩ cầm chính lắc đầu cự tuyệt, song lần nào họ cũng lại được cổ vũ mãnh liệt bởi sự cuồng nhiệt của những người khiêu vũ cuối cùng, họ lại chơi lần nữa, nhanh hơn, cuồng dại hơn. Rồi - chúng tôi còn đang đứng ôm nhau thở dốc sau lần nhảy khao khát cuối cùng - nắp đàn dương cầm đóng sầm xuống, cánh tay chúng tôi buông thông mệt mỏi giống như tay của những người thổi kèn và kéo vĩ cầm, còn người thổi sáo hấp háy mắt cất nhạc khí của mình vào bao, những cánh cửa mở tung, khí lạnh ủa vào, đám người phục vụ xuất hiện với những chiếc áo khoác và tiếp viên nơi quầy rượu tắt phụt đèn. họ tản ra tứ phía, dễ sợ như những bóng ma, những người mới rồi còn nhảy hết sức cuồng nhiệt giờ đây run rẩy rúc vào măng tô, kẹp cặp cổ áo. Hermine nhột nhạt nhưng mỉm cười. Nàng chậm rãi đưa tay vuốt tóc ra sau, nách nàng lấp lánh trong ánh sáng, một vật tối thật mãnh và vô cùng mềm mại trải dài từ đáy tới ngực áo và đối với tôi thì vật tối phập phồng ấy, tựa một nụ cười, hợp nhất mọi vẻ quyến rũ của nàng, mọi trò chơi và năng lực của tấm thân xinh đẹp.

Chúng tôi, những người cuối cùng trong gian phòng, những người cuối cùng trong ngôi nhà, đứng nhìn nhau. Tôi nghe đâu đây dưới kia tiếng một cánh cửa sập, một tấm kính vỡ, một tiếng khúc khích tan biến dần, lần tiếng ồn ào cầu kính và hồi hả của động cơ ô tô quay bằng maniven[4].Đâu đây, ở một nơi xa xăm và trên cao không thể xác định, tôi nghe vang lên tiếng cười, một tiếng cười trong trẻo và sáng khoái khác thường, nhưng lạ lẫm và ghê rợn, một tiếng cười như từ pha lê và nước đá, trong và rạn rở, nhưng lạnh lùng và

nghiệt ngã. Tôi đã nghe tiếng cười lạ lùng này ở đâu? Không nhớ nữa.

[4] Thời bấy giờ, để khởi động ô tô người ta phải quay một thanh maniven (tay quay)

Hai chúng tôi đứng nhìn nhau. Trong một khoảnh khắc tôi bừng tỉnh táo, cảm thấy cơn mệt mỏi rã rời từ sau ập tới, cảm thấy quần áo sưng mồm hôi, ẩm và ẩm, bám vào người thật kinh tởm, nhìn đôi bàn tay đỏ và căng phồng mạch máu lộ khỏi cổ tay áo nhàu nát, đầm mồ hôi. Nhưng cảm giác này biến mất ngay, chỉ một cái nhìn của Hermine đủ xua tan nó. Trước ánh mắt nàng - dường như tâm hồn của chính tôi đang quan sát tôi từ đôi mắt đó - mọi thực tại đều đổ ụp, kể cả thực tại tôi thêm khát nàng về xác thịt. Chúng tôi đắm đuối nhìn nhau, tâm hồn bé nhỏ khốn khổ của tôi ngắm nhìn tôi.

“Anh sẵn sàng chưa?” Hermine hỏi và nụ cười của nàng biến mất, giống như vật tổi trên ngực nàng đã biến mất. Tiếng cười kỳ dị nọ cũng lịm dần trong những không gian xa lạ nơi xa xăm và cao vợi vợi.

Tôi gật. Có chứ, tôi đã sẵn sàng rồi.

Bấy giờ Pablo xuất hiện nơi ngưỡng cửa; anh chàng nhạc công long lanh nhìn chúng tôi bằng đôi mắt tươi vui; đôi mắt ấy đúng ra phải là mắt thú, nhưng mắt thú luôn nghiêm trọng, còn mắt anh luôn mỉm cười và chính nụ cười ấy biến chúng thành mắt người. Anh vẫy chúng tôi với tất cả niềm nở nồng nhiệt. Anh khoác một chiếc vét, loại mặc trong nhà, bằng lụa sắc sỡ, cổ sơ mi đầm mồ hôi ỉu xiu, khuôn mặt bơ phờ nhợt nhạt và tiêu tụy hiện rõ khác thường trên ve áo khoác màu đỏ, nhưng đôi mắt đen nháy rạng rỡ của anh đã xáo tan ấn tượng này. Chúng cũng xóa luôn thực tại, cả chúng cũng có ma thuật,

Chúng tôi đi theo cái vẫy của anh; tới dưới cửa anh nói khẽ với tôi: “Ông anh Harry này, tôi mời ông anh dự một buổi tiêu khiển nho nhỏ. Chỉ những người điên mới được vào, trả bằng lý trí. Ông anh sẵn sàng chứ?” Tôi lại gật đầu.

Anh chàng này thật là thân ái! Anh dịu dàng và ân cần nắm cánh tay chúng tôi, Hermine bên phải, tôi bên trái, dẫn lên cầu thang vào một căn phòng nhỏ hình tròn có ánh sáng xanh xanh từ trên cao rọi xuống; căn phòng hầu như trống trơn, chẳng có gì khác ngoài một cái bàn tròn nhỏ và ba chiếc ghế bành mà chúng tôi ngồi.

Chúng tôi đang ở đâu? Tôi đang ngủ chẳng? Tôi đang ở nhà chẳng? Tôi đang ngồi lái xe chẳng? Không, tôi đang ngồi trong căn phòng hình tròn có ánh sáng xanh xanh, trong một bầu không khí pha loãng, trong một lớp thực tại đã trở thành rất không kín. Sao Hermine lại xanh xao thế kia? Sao Pablo lại nói nhiều thế nhỉ? Không phải chính tôi đã khiến anh ta nói, chính tôi nói bằng miệng của anh ta ư? Không phải chỉ là tâm hồn tôi, con chim lạc lõng, cũng đang ngắm nhìn mình từ đôi mắt đen của anh ta, giống như đã nhìn từ đôi mắt xám của Hermine ư?

Anh bạn Pablo nhìn chúng tôi với tất cả sự thân ái hiền hậu lẫn hơi trịnh trọng và anh nói, nhiều và dài. Anh, người mà tôi chưa hề nghe nói năng mạc lạc, người không quan tâm đến tranh luận và các diễn đạt, người mà tôi không tin có nổi một suy nghĩ, giờ đây đang lên tiếng, trôi chảy và không sai sót với giọng nói ấm và hồn hậu.

“Các bạn, tôi mời các bạn tới dự một buổi tọa đàm mà từ lâu Harry hằng ao ước và mơ thấy. Cũng hơi muộn rồi và hẳn là tất cả chúng ta đều đã khá mệt. Thành thử trước hết chúng ta hãy ngồi đây nghỉ ngơi và giải lao một chút.”

Anh lôi từ một hộc tường ba ly thủy tinh con và một chai nhỏ ngộ nghĩnh, một chiếc hộp con kỳ lạ bằng nhiều thứ gỗ màu, rút đầy ba ly rồi lấy từ hộp ba điều thuốc dài, mảnh dẻ màu vàng, rút bật lửa từ túi áo vét lụa châm cho chúng tôi. Chúng tôi ngả người trên ghế bành, chậm rãi hút, khói đặc tựa khói nhang, và từ tốn nhấp từng ngụm nhỏ thứ chất lỏng ngọt hăng, mùi vị lạ lùng chưa từng biết; nó quả đã có tác dụng hồi sức và làm mê mẩn khôn xiết, cứ như ta được bơm đầy hơi và mất hết trọng lượng. Chúng tôi ngồi như thế, rít từng hơi ngắn, nghỉ ngơi, nhấp chất lỏng kia, cảm thấy nhẹ tênh và thư thái. Đồng thời Pablo hạ thấp giọng nói ấm áp của anh:

“Ông anh Harry thân mến, hôm nay tôi vui mừng được khoản đãi ông anh chút ít. Ông anh đã thường cảm thấy chán ngán đời sống của mình, ông anh đã ra sức từ bỏ chốn này, phải không ạ? Ông anh khao khát rời bỏ thời gian này, thế giới này, thực tại này và đi vào một thực tại khác thích hợp hơn với ông anh, đi vào một thế giới phi thời gian. Ông anh thân mến, hãy cứ làm đi, tôi yêu cầu ông anh đấy. Ông anh biết

thừa cái thế giới khác ấy nằm ẩn ở nơi nào, cái thế giới mà ông anh đang tìm kiếm ấy là thế giới của chính tâm hồn ông anh. Cái thực tại khác mà ông anh đang khao khát ấy chỉ sống trong nội tâm của chính ông anh thôi. Tôi không thể tặng ông anh những gì chưa hiện hữu sẵn trong chính ông anh, tôi không thể mở cho ông anh phòng trưng bày tranh nào khác phòng trưng bày tranh của tâm hồn ông anh. Tôi không thể tặng ông anh gì hết thấy, ngoài cơ hội, sự kích thích, chìa khóa. Tôi giúp ông anh thấy được thế giới riêng của ông anh, chỉ có thế thôi.”

Anh lại thọc tay vào túi áo vét lờ lợc, rút ra một chiếc gương tròn.

“Ông anh xem: cho đến nay ông anh thấy mình như thế này đây!”

Anh đưa chiếc gương con lên trước mắt tôi (tôi chợt nhớ câu đồng dao: “Gương con, gương con trong tay ơi!”[5]) và tôi thấy, mờ ảo, một hình ảnh đáng kinh hãi tự chuyển dịch, hồi hải và lồng lộn trong chính nó: đó chính là tôi, Harry Haller, và bên trong Harry nà là Sói Thảo Nguyên, một con sói nhút nhát, đẹp mã, nhưng lạc đường, ánh mắt khiếp sợ, lúc hung dữ, lúc âm ỉ buồn và hình hài sói này không ngừng chuyển động qua Harry, tựa một nhánh sông khác màu cuộn cuộn đổ mù mịt vào dòng sông chính, rồi chúng đau khổ, cản xé nhau vì dòng sông nào cũng đầy ắp thứ tham vọng không thỏa mãn nổi, đó là giành quyền tạo nên diện mạo chung cuộc. Đôi mắt đẹp nhút nhát của con sói mới định hình được một nửa và đang chuyển dịch kia buồn bã, buồn bã nhìn tôi.

[5] Mượn ý câu “Gương con, gương con trên tường ơi, ai là người xinh đẹp nhất nước?” trong truyện “Bạch Tuyết” (Truyện cổ anh em Grimm).

“Ông anh đã nhìn thấy chính mình như thế đấy,” Pablo dịu dàng lặp lại và cất gương vào túi. Lòng đầy biết ơn, tôi nhắm mắt, nhấp rượu tiên.

“Bây giờ chúng ta đã nghỉ ngơi xong,” Pablo nói, “đã bồi dưỡng và trò chuyện chút ít. Nếu các bạn không còn mệt nữa, tôi sẽ đưa các bạn tới chỗ trình diễn và chỉ cho các bạn thấy hí viện nhỏ bé của tôi. Các bạn đồng ý chứ?”

Chúng tôi đứng dậy, Pablo mỉm cười đi tới trước, mở một cái cửa, kéo qua bên một tấm màn và chúng tôi thấy mình đứng trong hành lang hình móng ngựa, chính giữa một hí viện, hai bên có lối đi uốn cong dẫn qua trước vô số cửa nhỏ vào các ngăn lô, nhiều không tưởng tượng nổi.

“Đây là hí viện của chúng ta,” Pablo giải thích “một hí viện vui nhộn, hy vọng các bạn sẽ thấy được đủ mọi trò cười.” Vừa nói anh vừa cười phá lên chỉ vài tiếng thôi, nhưng nó xuyên thấu tôi mãnh liệt; đó lại vẫn là tiếng cười trong trẻo, lạ lùng mà tôi từng nghe thấy trước đây từ trên cao.

“Tiểu hí viện của tôi có bao nhiêu cửa vào các ngăn lô, mười hay một trăm hay một nghìn, tùy các bạn muốn, và điều các bạn đang tìm kiếm chờ đợi các bạn sau mỗi cửa ấy. Các bạn thân mến, đây là một phòng trưng bày thú vị, nhưng như tình trạng ông anh bây giờ thì đi khắp mọi nơi chẳng ích lợi gì. Ông anh sẽ bị mù quáng và kìm hãm bởi cái mà ông anh quen gọi là nhân cách của mình. Chắc chắn ông anh đã đoán được từ lâu rằng việc khuất phục thời gian, việc giải thoát khỏi thực tại và nỗi khao khát, mà ông anh muốn gắn cho nó tên gì cũng được, không là gì khác hơn sự mong muốn trút bỏ cái gọi là nhân cách của ông anh. Nhân cách đó chính là nhà tù giam hãm ông anh đấy. Nên nếu ông anh cứ như thế này bước vào hí viện thì ông anh sẽ nhìn mọi sự với đôi mắt của Harry, mọi sự qua cặp kính cũ của Sói Thảo Nguyên. Thành ra yêu cầu ông anh hãy gỡ bỏ cặp kính này và vui lòng gửi nhân cách rất mực tôn quý ấy ở quầy giữ quần áo; ông anh muốn có lại nó bất cứ lúc nào cũng được. Buổi dạ vũ thú vị ông anh đã trải qua, bản Luận thuyết về Sói Thảo Nguyên, sau hết là chút chất kích thích mà chúng ta vừa chia sẻ, mong rằng đã chuẩn bị đủ cho ông anh rồi. Ông anh Harry, sau khi đã gỡ bỏ nhân cách tôn quý của mình thì mời ông anh sử dụng phần bên trái hí viện, còn Hermine phần bên phải. Vào trong rồi thì các bạn có thể tha hồ gặp nhau. Hermine, tạm thời cô vui lòng vào khuất sau tấm màn, tôi muốn hướng dẫn Harry trước đã.”

Hermine đi qua một tấm gương khổng lồ che kín bức tường sau từ sàn tới vòm trần, biến vào phía bên phải.

“Harry, thế là xong, bây giờ mời ông anh tới đây và nhớ vui lên nhiều lên nhé. Mục đích lần tổ chức này là để làm cho ông anh vui, để dạy ông anh cười - hy vọng ông anh tạo thuận lợi cho tôi trong chuyện này. Ông anh thấy thoải mái chứ? Có à? Ông anh không sợ hãi chứ? Thế là tốt, rất tốt. Bây giờ ông anh sẽ không

sợ hãi mà rất mực hân hoan bước vào thế giới tưởng tượng của chúng ta, bằng cách tự mở đầu với một màn tự sát giả tưởng nho nhỏ, như tập quán đòi hỏi.”

Anh lại móc chiếc gương con, chìa ra trước mặt tôi: Harry lại đang nhìn tôi - một Harry bối rối, lơ mơ, bên trong có hình dạng con sói đang lồng lộn chui qua hắn - một hình ảnh rất quen thuộc và đúng là không thiện cảm, thành ra nếu nó bị hủy diệt thì cũng chẳng khiến tôi lo ngại gì.

“Ông bạn thân mến, bây giờ ông bạn phải xóa sạch cái hình ảnh phản chiếu đã trở thành không cần thiết này, chứ chẳng cần làm gì nhiều hơn. Ông bạn chỉ cần, nếu tâm trạng mình cho phép, quan sát hình ảnh này với một nụ cười chân thật. Ông bạn đang ở đây, trong một ngôi trường dạy hài hước, ông bạn nên học cười. Mọi khôi hài cao quý đôi chút đều bắt đầu bằng việc không coi bản thân mình là quan trọng nữa.”

Tôi dăm dăm nhìn vào tấm gương con, tấm gương con trong tay, trong đó con sói - Harry đang co giật. Trong tôi, sâu thẳm trong tôi, cũng co giật một khoảnh khắc, nhẹ thôi, nhưng dần vật, tựa niềm hoài vọng, tựa nỗi nhớ quê hương, tựa sự ân hận. Rồi sự ức chế nhẹ nhàng này nhường chỗ cho một cảm giác mới, tương tự cảm giác khi ta được nhổ chiếc răng sâu khỏi hàm răng đã được gây tê bằng cocaine, cảm giác được thở phào nhẹ nhõm, đồng thời sưng sốt vì chẳng thấy đau đớn gì, Cùng với cảm giác này là một tâm trạng hưng phấn và muốn phì cười mới mẻ, khiến tôi rộ lên một tiếng cười giải thoát.

Hình ảnh buồn rầu trong gương lóe lên rồi tắt ngấm, mặt tấm gương tròn nhỏ đột nhiên trở nên xám xịt, sâu sùi và mờ đục như bị thiêu đốt. Pablo cười quảng tấm gương đi, nó lăn trên sàn hành lang hun hút rồi biến mất dạng.

“Bạn cười hay lắm, Harry ạ,” Pablo nói, “bạn sẽ còn học cười như những người bất tử nữa, Thế là cuối cùng bạn đã giết được Sói Thảo Nguyên rồi. Không thể giết nó bằng dao cạo được đâu. Nhớ phải để cho nó chết nhé! Bạn sẽ có thể rời khỏi cái thực tại ngớ ngẩn này ngay thôi. Lần tới gặp nhau mình sẽ cạ chén kết nghĩa đệ huynh. Bạn thân mến ơi, chưa bao giờ bạn làm tôi hài lòng như hôm nay. Và nếu bạn thấy bỏ công thì chúng ta có thể cùng nhau triết lý và mạn đàm về Mozart, Gluck, Plato và Goethe nhiều như bạn muốn. Bây giờ bạn sẽ hiểu tại sao trước đây việc này không thể thực hiện được. Hy vọng bạn gặp may và hôm nay dứt khỏi con Sói Thảo Nguyên. Vì dĩ nhiên cuộc tự sát của bạn không phải là triệt để; chúng ta đang ở trong một hí viện ma thuật mà, ở đây chỉ có hình ảnh thôi, không có thực tại. Bạn hãy chọn cho mình những hình ảnh xinh đẹp vui tươi và chứng tỏ bạn thật sự không còn say mê cái nhân cách đáng ngờ của mình nữa! Tuy nhiên, nếu bạn thêm khát có lại nó, bạn chỉ cần nhìn vào tấm gương mà tôi sắp chỉ cho bạn. Nhưng bạn biết câu ngạn ngữ cổ này mà: “Thà một tấm gương con trong tay còn hơn hai tấm trên tường!” Ha ha! (Anh lại cười thật trong trẻo và đáng sợ) - Đây, bây giờ chỉ còn phải hoàn thành một lễ nghi rất nhỏ và vui nhộn thôi. Bạn đã vất bỏ cặp kính nhân cách của mình rồi, bây giờ mời bạn lại đây nhìn vào một tấm gương đích thực! Nó sẽ khiến bạn thích thú.”

Anh vừa cười, vừa làm những mơn trớn kỳ cục vừa xoay tôi đứng đối diện tấm gương khổng lồ trên tường. Tôi nhìn thấy mình trong đó.

12. Chương 12

Tôi thấy, trong một thoáng ngắn ngủi, gã Harry quen thuộc, chỉ khác là với khuôn mặt tươi cười, rạng rỡ, vui vẻ khác thường. Nhưng tôi vừa mới nhận ra hắn thì hình ảnh hắn đã vỡ vụn, một hình thứ hai tách khỏi hắn, hình thứ ba, thứ mười, thứ hai mươi và rồi tấm gương không lồ đầy những Harry hay những mảnh Harry, vô số Harry, mà mỗi cái tôi đều chỉ nhìn qua và nhận ra trong chớp nhoáng. Vài cái trong vô vàn hình ảnh Harry này cũng cỡ tuổi tôi, một số gài hơn, một số già khú đế, số khác trẻ măng, những thanh niên, những thiếu niên, những học trò, những nhóc con, những đứa bé. Những Harry năm mươi tuổi và hai mươi tuổi chạy nhảy tung tăng, những Harry ba mươi tuổi và năm tuổi, đạo mạo và vui nhộn, nghiêm trang và buồn cười, áo quần lịch sự và rách rưới, có cả trần truồng, hói trọc và tóc quăn dài, và tất cả đều là tôi; mỗi hình ảnh ấy đều được tôi nhìn và nhận ra nhanh như chớp, rồi biến mất, chúng chạy tứ tung, sang trái, sang phải, vào sâu trong tấm gương, từ trong gương chạy ra. Một gã, một chàng trai trẻ trung thanh lịch,

vừa cười vừa nhảy bổ vào Pablo, ôm choàng anh rồi cùng anh bỏ chạy. Và một cậu mà tôi đặc biệt thích, một cậu xinh xắn, duyên dáng, khoảng mười sáu hay mười bảy tuổi, chạy ào như chớp vào hành lang, đọc ngẫu nhiên những câu viết trên mọi cánh cửa; tôi chạy theo; cậu dừng lại trước một cánh cửa, trên đó tôi đọc thấy dòng chữ

Mọi đàn bà con gái đều là của bạn

Bỏ một đồng mark vào khe

Cậu bé dễ thương này nhảy phóc lên một cái, chui tọt đầu vào khe bỏ tiền rồi mất dạng sau cánh cửa.

Cả Pablo cũng biến mất, dường như cả tấm gương cũng biến mất luôn cùng với vô số hình ảnh Harry. Tôi cảm thấy giờ đây bị phó mặc cho chính mình cùng với hí viện, nên tò mò lần la hết cửa này sang cửa khác, đọc trên mỗi cánh cửa một câu viết, một cảm dỗ, một lời hứa hẹn.

Hàng chữ:

Hãy tham dự cuộc săn thú vị!

Săn bằng ô tô

đã cám dỗ tôi. Tôi mở cánh cửa hẹp và bước vào. tức thì tôi bị cuốn vào một thế giới ồn ào và kích động. Những chiếc ô tô, có cái bọc thép, săn đuổi khách bộ hành trên đường phố, cán họ nát như tương hoặc ép bẹp gí vào những tường nhà. Tôi hiểu ngay: đó là cuộc chiến đấu giữa con người và máy móc, được chuẩn bị từ lâu, chờ đợi từ lâu, lo sợ từ lâu, nay cuối cùng đã bùng nổ. Ngổn ngang xác chết và những thân người nát bét, cả xác những chiếc xe bị đập phá, cong queo, cháy nham nhở; máy bay lượn vòng trên khung cảnh lộn xộn đáng sợ này, ngay cả chúng cũng bị súng săn và súng máy nã đạn từ những mái nhà và cửa sổ. Những tấm bích chương tuyệt đẹp đầy kích động tựa ngọn đuốc hừng hực, chữ thật to, treo cùng khắp mọi bức tường kêu gọi Nhà nước cuối cùng hãy bảo vệ con người chống lại máy móc, hãy đập chết bọn nhà giàu phi nộn, ăn mặc bảnh bao, thơm nức, bọn đã dùng máy móc vắt kiệt mỡ người khá, hãy phá tan những chiếc ô tô to ồn ào, gầm gừ, rền rĩ dữ dội của chúng, hãy đốt nhà máy của chúng, hãy don quang Trái Đất bị ô uế này và làm giảm số dân để cây cối lại mọc, để rừng rậm, bãi cỏ, đồng hoang, suối lạch và đầm lầy có thể tái sinh từ cái thế giới xi măng bụi bặm. Ngược lại, có những bích chương khác được vẽ thật đẹp, cách điệu hóa tuyệt vời, màu dịu, ít ngậy ngô hơn, mang những hàng chữ thông minh ý nhị, cảnh báo một cách xúc động mọi kẻ sở hữu và mọi người có lý trí trước sự hỗn loạn có thể xảy ra của tình trạng vô chính phủ; chúng minh họa thật ấn tượng rằng có được trật tự, việc làm, sở hữu, văn hóa, pháp luật là cả một sự may mắn; chúng ca ngợi máy móc là phát minh mới nhất và cao siêu nhất của con người, nhờ máy móc mà con người sẽ trở thành thần thánh. Tôi trầm ngâm và thán phục đọc những tấm bích chương, những tấm màu đỏ và những tấm màu lục; giọng điệu hùng biện sôi nổi, logic áp chế của chúng cực kỳ tác động lên tôi: chúng có lý và tôi rất được thuyết phục lúc đứng trước tấm này hay tấm khác, nhưng cứ bị tiếng súng liên hồi khá giòn giã chung quanh quấy rầy không ít. Thế đấy, vấn đề chính đã sáng tỏ: đó là chiến tranh, một cuộc chiến tranh khốc liệt, cuồng nhiệt và hết sức khả ái, không phải vì Hoàng đế, nền Cộng hòa, biên cương, cờ quạt, màu sắc cùng những thứ bề ngoài và kệch cỡm, cơ bản vật vãnh tương tự, mà một cuộc chiến trong đó ai thấy thiếu không khí để thở, thấy cuộc sống không còn thích hợp nữa, đều biểu lộ xác đáng sự bức bối của mình và nỗ lực dọn đường cho sự hủy diệt toàn thể cái văn minh bằng sắt thép này. Tôi thấy mọi đôi mắt đều rạng rỡ và chân thành toát ra vẻ thích thú được phá hủy, giết chóc; trong lòng tôi bùng nổ những bông hoa đại đỏ, cao lớn, mập mạp và mơn mẩn tươi cười. Tôi vui vẻ tham gia chiến đấu.

Nhưng điều tuyệt vời hơn cả là Gustav, người bạn học tôi không gặp đã mấy chục năm nay, đột nhiên xuất hiện bên cạnh tôi; anh là người hiểu động nhất, khỏe nhất và liêu lĩnh nhất trong số các bạn thời niên thiếu của tôi. Tim tôi rộn rã vui khi thấy anh lại nheo đôi mắt màu xanh nhạt với tôi. Anh vậy và tôi hơn hử theo liền.

“Trời đất ơi, Gustav,” tôi sung sướng kêu lên, “thế là lại được gặp cậu! Cậu đã trở thành ông gì rồi?”

Anh cười gằn, y như hồi nhỏ.

“Cái thằng! Cứ phải hỏi và tán dóc ngay à? Tổ trở thành giáo sư thần học rồi; đấy, nay cậu biết rồi nhé; nhưng may phước bây giờ không còn môn thần học nào nữa, mà chiến tranh. Nào!”

Anh bắn gục xuống đường người lái một chiếc xe con vừa mới phì phò chạy về phía chúng tôi; rồi vọt nhanh như vượn lên xe, phanh lại cho tôi đoạn chúng tôi phóng như điên qua những lằn và những chiếc xe lật nhào, ra khỏi thành phố, về vùng ngoại ô.

“Cậu theo phe bọn chủ xí nghiệp à?” tôi hỏi bạn tôi.

“Chà chà, đó là vấn đề sở thích, ra tới ngoài kia mình sẽ tính. Ấy không, khoan đã, tớ lại muốn mình chọn phe kia hơn, dù về cơ bản đương nhiên như nhau thôi. Tớ là nhà thần học và ngày xưa tổ sư Luther[6] của tớ đã giúp đám vương hầu và bọn nhà giàu chống lại nông dân, bây giờ mình hãy sửa sai một chút. Xe này cà chớn quá, hy vọng nó chạy nổi vài cây số nữa!”

[6] Martin Luther (1483 - 1546), tu sĩ người Đức dòng Augustin. Ngày 31.10.1517m ông đã dán bố cáo trên cổng nhà thờ chính tòa ở Wittenberg lên án 95 năm tệ nạn của Giáo hội Thiên Chúa giáo La Mã thời bấy giờ (như bán chức sắc mọi cấp thuộc hàng giáo phẩm, bán giấy xá tội để được lên Thiên đường...) kêu gọi Nhà thờ cải cách, được đông đảo nông dân Đức nồng nhiệt hưởng ứng. Nhưng khi nông dân Đức nổi loạn chống lại giới lãnh chúa quý tộc và Nhà thờ, họ không được Luther ủng hộ, vì ông không cổ súy cách mạng! Song, những tư tưởng cải cách của Luther đã đưa đến sự ra đời của một tôn giáo mới: đạo Tin Lành.

Như đứa con của trời cao, nhanh như gió, xe chúng tôi lọc cọc vọt đi nhiều dặm, lặn vào một vùng quê xanh mướt yên tĩnh, qua một bình nguyên rộng lớn rồi từ từ leo lên một rặng núi khổng lồ. Nơi đây chúng tôi dừng xe trên một con đường nhẵn nhụi, sáng loáng với những khúc quanh hiểm trở vòng vèo giữa sườn đá dốc đứng và một bức tường chắn thấp tè. Dưới kia là một hồ nước xanh lấp lánh.

“Vùng này đẹp thật,” tôi nói.

“Rất đẹp. Mình có thể gọi nó là ‘con đường của những trục xe’ được, vì sẽ có nhiều loại trục xe bị gãy ở đây. Nhóc Harry, xem này!”

Một cây thông to sừng sững bên đường; chúng tôi thấy trên tán cây có thứ gì dựng bằng ván, như thể một chòi canh và chỗ quan sát. Gustav cười rạng rỡ nhìn tôi, ranh mãnh nháy đôi mắt xanh và hai chúng tôi vội vã ra khỏi xe, leo phốc lên cây, thở hổn hển nấu mình trong cái chòi canh mà chúng tôi rất thích. Chúng tôi tìm thấy trong đó súng săn, súng lục và những thùng đạn. Chúng tôi vừa mới nghỉ ngơi được một tí và chuẩn bị cho cuộc săn bắn thì đã nghe vang lên từ khúc quanh gần nhất tiếng còi khàn khàn và hống hách của một chiếc xe to sang trọng đang phóng ào ào trên con đường núi bóng loáng. Tay chúng tôi đã nâng sẵn súng sẵn. Căng thẳng tuyệt vời.

“Nhắm gã tài xế!” Gustav nhanh chóng ra lệnh, vừa lúc chiếc xe nặng nề chạy qua phí dưới chúng tôi. Tôi nhắm vào gã lái xe đội mũ lưỡi trai màu xanh và bóp cò. Người đàn ông ấy gục xuống, chiếc xe sẵn đã phóng tới, húc vào sườn đá, dội lại, giật dữ tông mạnh vào bờ tường thấp tựa một con tôm hùm to béo, lật ngược rồi lặn qua bức tường, rơi xuống vực với một tiếng nổ ngắn khe khẽ.

“Xong!” Gustav cười. “Tớ sẽ thâu tay tài xế chiếc xe tới.”

Chưa gì đã thêm một chiếc xe khác chạy tới với ba hoặc bốn hành khách ngồi trong nhò thó trên ghế nệm; một chéo khăn màu xanh nhạt trên đầu người thiếu phụ bay thẳng tắp ra sau quả thật tôi thấy thương hại nó, biết đâu nó chẳng đang được ôm ấp khuôn mặt tươi cười kiêu diễm nhất thế gian. Chúa ơi, một khi đã chơi trò thảo khấu, chúng tôi nên noi theo những tấm gương vĩ đại, không háo sát đối với đàn bà, con gái đẹp thì có lẽ đúng đắn và đáng khen hơn. Nhưng Gustav đã lấy cò. Người tài xế giãy lên rồi gục xuống, chiếc xe chồm lên vách đá thẳng đứng, dội lại, lật nhào xuống đường, chống bốn bánh lên trời. Chúng tôi chờ, chẳng thấy gì nhúc nhích, mọi hành khách nằm im lìm dưới chiếc xe như trong một cái bẫy. Nó vẫn còn kêu rì rì, lạch cạch, bốn bánh quay kỳ dị trong không khí; đột nhiên nó phát nổ dữ dội và bốc lửa sáng lóa.

“Một chiếc Ford,” Gustav nói. “Mình phải chạy xuống đây, dọn cho trống đường.”

Chúng tôi leo xuống ngắm nghía cái đồng đang cháy phừng phừng. Chẳng mấy chốc nó cháy rụi. Trong lúc đó chúng tôi dùng cây con làm đòn, bẩy nó sang một bên rồi qua vệ đường xuống vực, lát sau vẫn còn nghe tiếng các bụi cây gãy răng rắc. Lúc xe lặn, hai trong số những người chết văng xuống đường, y phục cháy sém. Áo vết của một người còn khá nguyên vẹn; tôi lục tìm trong các túi áo vết để may ra biết được ông ta

là ai, thấy một cái cặp da đựng giấy với những danh thiếp. Tôi lấy một tấm, đọc hàng chữ trên đó: “Tat twam asi.”[7]

[7] Tiếng Phạn, “Đó chính là bạn đấy.” Theo Áo nghĩa thư - sách chú giải ý nghĩa uyên áo Kinh Vệ Đà của đạo Bà La Môn - câu này có nghĩa: cái thân tính, cái Tuyệt đối ở ngay trong tâm của chúng ta.

“Dĩ dỏm gớm” Gustav nói. “Nhưng thật ra bọn người bị mình giết tên gì cũng thế thôi. Họ đều là những con quỷ đáng thương như chúng ta, thì tên gọi nào đáng kể gì. Thế giới này phải bị phá hủy, cùng với cả chúng ta nữa. Dìm cái thế giới này xuống nước được mười phút hẳn sẽ là giải pháp nhẹ nhàng, êm ái nhất. Nào, bắt tay vào việc thôi!

Chúng tôi đẩy các xác chết xuống theo xe. Chưa gì đã lại thấy một chiếc xe nữa nhẩn còi chạy tới. Chúng tôi đứng trên đường bắn ngay. Nó loạng choạng như người say rượu một đoạn nữa rồi lật nhào, nằm thõ hòng hộc. Một người ngồi bất động trong xe, một thiếu nữ xinh xắn chui ra, hoàn toàn lạnh lặn, dù cô run lấy bầy và mặt mũi nhợt nhạt. Chúng tôi thân mật chào cô và ngỡ ý sẵn sàng giúp đỡ. Cô ấy quá khiếp hãi, không thốt nên lời, chỉ chònh chọc nhìn chúng tôi một lúc như bị loạn trí.

“Nào, trước hết mình xem ông già ra sao cái đã,” Gustav nói rồi quay qua ông khách vẫn còn ngồi rìt trên chiếc ghế sau lưng người tài xế đã chết. Đó là một người đàn ông tóc ngắn, hoa râu, đôi mắt xám nhạt thông minh vẫn mở, song dường như đã bị thương nặng, ít nhất miệng đã ứa máu, cổ lệch đi và cứng đờ thật kỳ dị.

“Thưa ông, xin được giới thiệu tôi tên là Gustav. Chúng tôi đã tự phép bắn chết người tài xế của ông. Xin mạn phép hỏi chúng tôi hân hạnh được hầu chuyện cùng ai ạ?”

Đôi mắt nhỏ và xám của ông già lạnh lùng và buồn bã nhìn chúng tôi.

“Tôi là Loering, công tố viên tòa án phúc thẩm,” ông chậm chạp nói. “Các ông không chỉ giết người tài xế đáng thương của tôi, mà cả tôi nữa; tôi cảm thấy sắp chết rồi. Vì sao các ông lại bắn chúng tôi?”

“Vì xe chạy quá nhanh.”

“Chúng tôi chạy vận tốc bình thường.”

“Điều ngay hôm qua là bình thường thì hôm nay không bình thường nữa, thưa ông công tố viên. Hôm nay chúng tôi quan niệm rằng mọi vận tốc mà một chiếc xe có thể chạy đều là quá nhanh. Bây giờ chúng tôi phá hủy xe ô tô, hết thấy, và cả những máy móc khác nữa.”

“Cả súng săn của các ông?”

“Rồi sẽ đến lượt chúng, nếu chúng tôi còn đủ thời gian. Có thể ngày mai hay ngày kia tất cả chúng ta đều bị tiêu diệt. Ông biết rằng Trái Đất của chúng ta tràn ngập người đến mức kinh tởm mà. Đấy bây giờ nó sẽ lại có không khí để thở.”

“Nghĩa là các ông bắn bừa bãi bất kỳ ai?”

“Tất nhiên. Đối với một số người thì chắc chắn điều ấy có thể là đáng phàn nàn. Chẳng hạn tôi sẽ lấy làm tiếc, nếu chuyện đó xảy ra với cô gái trẻ xinh đẹp này. Hẳn cô đây là ái nữ của ông?”

“Không, cô ấy là nữ tốc ký của tôi.”

“Càng hay. Bây giờ mời ông xuống hoặc để chúng tôi kéo ra khỏi xe, vì nó sẽ bị phá hủy.”

“Tôi thích bị phá hủy cùng với nó hơn.”

“Tùy ý ông thôi. Xin phép được hỏi câu nữa! Ông là công tố viên. Tôi luôn không hiểu nổi làm sao người ta lại có thể trở thành công tố viên được. Ông sống nhờ vào việc ông buộc tội người khác, phần lớn là những kẻ khốn khổ, và kết án họ. Đúng thế không?”

“Đúng thế. Tôi làm nhiệm vụ của mình. Đó là chức trách của tôi. Giống như chức trách của đạo phủ là hành quyết những kẻ bị tội kết án. Chính các ông cũng nhận cùng chức trách ấy. Các ông cũng giết người vậy.”

“Đúng. Chỉ khác là chúng tôi không giết vì nhiệm vụ, mà vì vui thú, hay đúng hơn: vì bất mãn, vì tuyệt vọng thế giới này. Vì thế việc giết người khiến chúng tôi thích thú đôi chút, Chẳng lẽ nó chưa từng làm ông vui thú?”

”Ông làm tôi chán ngấy. Ông vui lòng kết thúc công việc cùng mình đi thôi, Nếu ông không biết khái niệm nhiệm vụ...:

Ông ta im lặng và đầu môi như thể muốn nói. Nhưng chỉ khắc ra được tí máu, dính ở cằm.

“Khoan đã!” Gustav lịch sự nói. “Đương nhiên tôi không biết khái niệm nhiệm vụ, không biết nữa. Trước đây, do chức trách nên tôi liên quan nhiều với nó, tôi vốn là giáo sư thần học mà. Ngoài ra từng là lính và đã tham gia chiến tranh. Cái đối với tôi dường như là bổn phận và cái tôi bị những kẻ quyền uy và cấp trên ra lệnh đều chẳng tốt lành gì, tôi luôn ao ước được làm ngược lại. Song cho dù tôi không còn biết khái niệm bổn phận đi nữa, tôi vẫn biết khái niệm tội lỗi - có thể hai khái niệm này là một thôi. Bởi tôi được một bà mẹ sinh ra nên tôi có tội, bị kết án phải sống, bắt buộc phải làm dân một đất nước, làm lính, giết người, đóng thuế để vũ trang quân đội. Giờ đây, trong giây phút này, lầm lỗi của đời sống lại khiến tôi một lần nữa phải giết người, như trong cuộc chiến tranh trước kia. Và lần này tôi không giết người với lòng ghê tởm nữa, tôi cam chịu tội lỗi; tôi hoàn toàn không phản đối gì việc thế giới ngu xuẩn, đầy nhóc này vỡ tan thành mảnh vụn, tôi còn muốn giúp sức vào nữa, và thích thú được tan rã theo.”

Công tố viên gắng sức mỉm cười với đôi môi bết máu. Không thành công lắm, nhưng rõ ràng ông ta đã nỗ lực.

“Tốt lắm,” ông ta nói. “Vậy thì chúng ta là đồng nghiệp. Thừa đồng nghiệp, ông vui lòng làm nhiệm vụ của mình đi thôi.”

Trong lúc đó cô gái xinh xắn đã ngồi xuống vệ đường và ngất xỉu.

Đúng lúc ấy lại một chiếc xe ầm còi và phóng hết tốc độ tới. Chúng tôi kéo cô gái qua bên một chút rồi đứng nép người vào vách đá, mặc cho chiếc xe đang chạy tới húc vào xác chiếc xe cũ. Nó phanh gấp, lồm lên rồi dừng lại không suy suyển. Chúng tôi lẹ làng cầm súng sẵn chữa vào những người mới.

“Xuống xe!” Gustav ra lệnh. “Giơ tay lên!”

Ba người đàn ông xuống xe, ngoan ngoãn giơ cao tay.

“Có ai trong các ông là thầy thuốc không?” Gustav hỏi.

Họ lắc đầu.

“Vậy các ông vui lòng thận trọng đưa ông đây ra khỏi xe, ông ấy bị thương nặng. Rồi lấy xe của các ông chở ông ấy tới thành phố gần nhất. Nào, làm đi!”

Chẳng mấy chốc ông già được đặt nằng trong chiếc xe kia; Gustav ra lệnh và họ phóng đi ngay.

Trong lúc đó cô tốc ký của chúng tôi đã hồi tỉnh và quan sát các diễn biến. Tôi thích thú vừa đã bắt được con mồi xinh đẹp này.

“Này cô,” Gustav nói, “cô đã mất chủ rồi. Hy vọng ngoài việc đó ra ông ta không phải là gì thân thiết của cô. Bây giờ cô giúp việc cho tôi; hãy là một chiến hữu tốt của chúng tôi! Thế nhé, bây giờ khẩn trương lên một chút. Nơi đây sẽ mau chóng trở nên bất tiện. Cô biết leo không? Được à? Vậy cô leo đi, chúng tôi theo hai bên, hỗ trợ cô.”

Ba chúng tôi leo, nhanh nhất có thể, lên chiếc chòi. Tới bên trên, cô thấy nôn nao, nhưng sau khi được uống Cognac, cô nhanh chóng hồi phục, đến độ nức nở khen cảnh trí trên hồ, trên núi và cho chúng tôi biết tên cô là Dora.

Ngay sau đó lại một chiếc xe trở tới phía dưới kia; nó thận trọng lách qua chiếc xe bị lật, chứ không ngừng, rồi tăng tốc độ ngay.

“Đồ nhát gan!” Gustav cười, bắn người cầm lái.

Chiếc xe loạng choạng một chút, vọt đâm vào tường, xuyên qua nó rồi nghiêng lơ lửng trên vực thẳm,

“Dora,” tôi nói, “cô biết sử dụng súng săn chứ?”

Cô không biết, nhưng chúng tôi chỉ cô cách nạp đạn. Mới đầu cô vụng về, làm xước chảy máu một ngón tay, gào lên khóc lên, đòi bằng dấm. Nhưng Gustav bảo rằng đang thời chiến và cô hãy chứng tỏ là một cô gái can trường, dũng cảm. Cô nín ngay.

“Nhưng rồi chúng ta sẽ ra sao?” cô hỏi.

“Tôi không biết,” Gustav đáp. “Anh bạn Harry của tôi thích đàn bà đẹp lắm, anh ấy sẽ là bạn của cô.”

“Nhưng người ta sẽ đưa cảnh sát và lính tráng tới đây, giết chết chúng ta.”

“Không còn cảnh sát và những bọn đại loại như thế nữa. Chúng ta có thể chọn lựa, Dora ạ. Hoặc chúng ta bình thần ở trên này và bắn mọi chiếc xe chạy qua. Hoặc chúng ta tóm lấy một chiếc chạy đi và để bọn khác bắn chúng ta. Chọn cách nào thì cũng như nhau cả thôi. Tôi chọn ở lại đây.”

Dưới kia lại một chiếc xe ẩn còi lanh lảnh chạy lên. Nó bị diệt chóng vánh, nằm chổng bốn bánh lên trời.

“Lạ thật,” tôi nói, “không ngờ bắn người lại có thể thú vị thế! Vậy mà trước kia tớ là kẻ chống chiến tranh!”

Gustav mỉm cười. “Đúng vậy, chẳng qua chỉ vì thế giới quá đông người. Hồi xưa người ta không nhận thấy thế đâu. Nhưng giờ đây, khi ai cũng không chỉ hít thở không khí mà còn muốn có cả ô tô nữa, người ta mới nhận ra. Dĩ nhiên điều chúng ta làm là không khôn ngoan; nó là trò nghịch ngợm, giống như chiến tranh là một trò nghịch ngợm ở mức độ gớm ghê. Rồi đây nhân loại sẽ có lúc phải học hạn chế sinh sản bằng phương cách hợp lý. Tạm thời mình phản ứng lại những tình trạng không thể chịu đựng nổi này bằng cách hơi thiếu khôn ngoan nhưng về cơ bản mình làm đúng: mình giảm bớt người.”

“Phải,” tôi nói, “việc chúng mình làm hẳn là điên rồ thật, xong có lẽ đúng đắn và cần thiết. Thật chẳng hay ho chút nào, khi nhân loại quá lao tâm khổ tứ tìm cách dùng lý trí chinh đốn những việc mà nó hoàn toàn chưa vươn tới được. Rồi từ đó nảy ra những tư tưởng như của người Mỹ hay người Bôn-sê-vích cả hai tư tưởng này đều cực kỳ chín chắn, nhưng vì chúng quá đơn giản hóa đời sống, nên đâm ra chúng lại áp bức và bóc lột đời sống gớm ghê. Hình ảnh con người, xưa kia là một lý tưởng cao cả, nay đang trở thành một thứ sao chép vụng về. Chúng ta, những kẻ điên rồ, có thể sẽ làm nó trở thành cao quý lại.”

Gustav cười đáp: “Nhóc ơi, cậu ăn nói khôn ngoan tuyệt vời; thật là thú vị và bổ ích được lắng nghe những lời thông tuệ này. Thậm chí có thể cậu khá có lý. Nhưng thôi, làm ơn nạp đạn vào khẩu súng săn của cậu đi, tớ thấy cậu hơi quá mơ mộng đấy. Bất cứ lúc nào cũng lại có thể có vài con hươu đực chạy lên đây, mình không thể bắn chết chúng bằng triết lý được, trong nòng súng phải sẵn đạn.”

Một chiếc xe trở tới, bị lật ngay, thế là đường tắc nghẽn. Một kẻ sống sót, một người đàn ông phì nộn tóc đỏ giận dữ vung tay vung chân bên những xác xe, hết trở mắt ngó xuống dưới, lại nhìn lên cao; khi phát hiện chỗ chúng tôi ẩn nấp, y vừa gầm gừ vừa chạy tới, chĩa súng lúc lên nã nhiều lần.

“Cút ngay không tôi bắn,” Gustav hét xuống. Người đàn ông nhắm anh nã phát nữa. Chúng tôi liền bắn gục y bằng hai phát.

Thêm hai xe nữa bị chúng tôi bị bắn hạ. Con đường trở nên vắng lặng; dường như sự nguy hiểm của nó đã đồn xa. Chúng tôi được rảnh rang ngắm nhìn cảnh đẹp. Trong thung lũng phía bên kia hồ có một thị trấn nhỏ, khói đang bốc lên từ đó và chỉ lát sau chúng tôi thấy lửa lan từ mái nhà này sang mái nhà khác. Nghe cả tiếng súng nữa. Dora thổn thức, tôi vuốt nhẹ đôi má đầm lệ của cô.

“Tất cả chúng ta phải chết sao?” cô hỏi. Không ai trả lời. Trong lúc đó một người bộ hành đi tới phía dưới kia, nhìn các xác xe, đi quanh hình mũi người, rồi cúi vào trong một chiếc, lôi ra một cái ô sặc sỡ, một xác tay phụ nữ bằng da, một chai vang; rồi y bình thần ngồi trên bức tường, ăn gì đấy bọc giấy nhôm lấy từ xác tay, nốc sạch rượu rồi kẹp ô dưới nách vui vẻ đi tiếp. Y thanh thản bước. Tôi bảo Gustav: “Cậu có thể bắn thủng đầu gã khả ái kia không? Lạy Chúa, tớ chịu!”

“Đâu ai đòi cậu bắn,” bạn tôi lầu bầu. Nhưng chính anh cũng thấy không thoải mái trong lòng. Chỉ vừa mới nhìn thấy một con người cung cách vô hại, hiền hòa và như trẻ con, một người còn có thể sống hồn nhiên, thì mọi hành động đáng ca ngợi và cần thiết nhường ấy của chúng tôi đột nhiên dường như thành ngu xuẩn

và ghê tởm. Mẹ kiếp, bao nhiêu máu đã đổ! Chúng tôi hổ thẹn. Nhưng trong chiến tranh thậm chí các viên tướng cũng đôi khi cảm thấy như thế đây.

“Chúng ta không nên ở đây lâu hơn nữa,” Dora than thở, “mà nên xuống dưới kia; chắc chắn chúng ta sẽ tìm thấy gì đấy để ăn trong những chiếc xe. Mấy người không đói sao, hử các Bôn-sê-vích?”

Phía dưới, nơi thị trấn đang cháy kia tiếng chuông nhà thờ bắt đầu rền rĩ, náo động và đầy sợ hãi. Chúng tôi chuẩn bị leo xuống. Lúc giúp Dora leo qua lan can, tôi hôn đầu gối cô. Cô cười ré lên. Nhưng rồi những thanh gỗ bung ra và hai chúng tôi rơi vào khoảng không...

Tôi lại thấy mình đang ở trong hành lang hình móng ngựa, vẫn còn bị kích thích bởi trò phiêu lưu sẵn sẵn vừa rồi. Và những hàng chữ lồi cuốn khắp nơi, trên hết thấy vô số cánh cửa:

Mutabor[8]

Hóa thân thành thú vật và cây cỏ bất kỳ

[8]Mutabor (tiếng Latin): tôi sẽ được hóa thân

Kamasutram[9]

[9] Kamasutram (hay Kamasutra): cổ thư Ấn Độ, khoảng thế kỷ 2 và 5, dạy nghệ thuật ái ân.

Dạy nghệ thuật yêu đương Ấn Độ

Lớp cho người mới học: 42 cách ân ái khác nhau.

Tự sát đầy hoan lạc

Cười tới chết.

Bạn muốn tâm linh hóa

Mình triết phương Đông.

Ước chi tôi có nghìn cái lưới!

Dành riêng cho đàn ông.

Sự suy tàn của phương Tây

Giảm giá. Vẫn mãi dẫn đầu.

Bản chất của nghệ thuật

Sự chuyển hóa từ thời gian sang không gian nhờ âm nhạc.

Cười chảy nước mắt

Phòng hài hước.

Trò chơi của người ẩn dật

Thay thế hoàn toàn cho mọi sự quảng giao.

Những hàng chữ như thế này nhiều vô số kể. Một hàng viết:

Hướng dẫn tạo dựng nhân cách

Bảo đảm thành công.

Tôi thấy thật đáng chú ý, liền bước vào.

Một căn phòng tĩnh lặng, sáng lờ mờ chào đón tôi. Một người đàn ông ngồi bệt dưới đất phương Đông, trước mặt là một bàn cờ vua thật to. Thoạt nhìn, tôi tưởng đó là anh bạn Pablo, vì ông cũng khoác một chiếc áo vét lụa sặc sỡ tương tự và đôi mắt cũng đen và long lanh y hệt.

13. Chương 13

“Phải Pablo không?” tôi hỏi.

“Tôi chẳng là ai cả,” ông thân mật giải thích. “Ở đây chúng ta không mang tên, ở đây chúng ta chẳng là ai hết thấy. tôi là người chơi cờ vua. Ông muốn học về sự tạo dựng nhân cách à?”

“Vâng, thưa ông.”

“Vậy ông hãy vui lòng cho tôi sử dụng vài chục hình ảnh của ông đi.”

“Hình ảnh của tôi ư...?”

“Những hình ảnh mà ông đã thấy, cái gọi là nhân cách của mình tan thành ấy. Không có hình ảnh thì tôi không thể nào chơi được.”

Ông chìa ra trước mặt tôi một cái gương, tôi lại thấy trong đó cái cá nhân thống nhất của tôi vỡ tan thành nhiều Cái Tôi, dường như còn tăng hơn so với mới đây. Những hình ảnh này giờ đây nhỏ lắm, chỉ bé tựa quân cờ vua thông thường thôi. Với những ngón tay vững vàng và lặng lẽ người chơi cờ kia nhặt vài chục cái, đặt xuống sàn bên cạnh bàn cờ. Cùng lúc, ông ta nói đều đều như một người quen lặp lại một bài thuyết trình hay bài giảng:

“Ông không lạ gì cái quan niệm sai lầm, đưa đến bất hạnh rằng con người là một khối thống nhất trường tồn. Ông cũng biết rằng con người được cấu tạo từ một số linh hồn, từ rất nhiều bản ngã. Quan niệm về sự thống nhất bề ngoài của cá nhân phân tán ra thành nhiều hình dạng này bị coi là điên rồ; khoa học đặt cho nó cái tên ‘chứng tâm thần phân liệt’. Tất nhiên khoa học có lý, bao lâu nó cho rằng không thể kiểm chế một đám đông không được lãnh đạo, không có một trật tự và phân nhóm nhất định. Ngược lại nó sai lầm khi quan niệm chỉ có thể có một trật tự duy nhất, liên kết vĩnh viễn cho nhiều Cái Tôi bị phân tán nhỏ. Nhầm lẫn này của khoa học đã gây ra một số hậu quả đáng tiếc; nó chỉ được mỗi một việc là giúp cho các thầy cô và các nhà giáo dục của Nhà nước thấy công việc của họ đơn giản đi và khỏi cần suy nghĩ cùng thử nghiệm. Do sai lầm này mà nhiều người điên khùng bất trị được xem là ‘bình thường’, thậm chí là thành phần cao quý trong xã hội, và ngược lại những thiên tài bị coi là điên rồ. Vì thế chúng tôi bỏ khuyết môn tâm hồn học thiếu sót của khoa học bằng khái niệm mà chúng tôi gọi là nghệ thuật tạo dựng. Chúng tôi sẽ chỉ vẽ cho người đã trải nghiệm sự phân tán Cái Tôi của họ rằng bất kỳ lúc nào họ cũng có thể sắp xếp lại những mảnh của Cái Tôi này theo bất kỳ trật tự nào và bằng cách như thế đạt được tính muôn hình vạn trạng của trò chơi. Giống như nhà thơ sáng tạo nên vở kịch từ một nhóm nhân vật, chúng tôi không ngừng dựng nên từ các hình thù bị tách ra của Cái Tôi những nhóm mới, với những trò chơi và những căng thẳng mới, với những hoàn cảnh luôn luôn mới. Ông xem này!”

Bằng những ngón tay khôn ngoan và lặng lẽ, ông nhặt những hình ảnh của tôi, tất cả những hình ảnh già lão, thanh niên, trẻ con, đàn bà, tất cả những hình ảnh vui tươi và rầu rĩ, khỏe mạnh và mảnh mai, linh lợi và vụng về, nhanh chóng xếp chúng trên bàn cờ thành ván cờ, trong đó chúng lập tức hình thành những phe nhóm, những gia đình, thành những trò chơi và những ẩu đả, thành những thân hữu và những kinh địch, thành một thế giới nhỏ. Trước đôi mắt hân hoan của tôi, ông cho cái thế giới tí hon sinh động và rất thứ tự ấy hoạt động, chơi đùa và ẩu đả, thành lập liên minh và giao chiến, ve vãn, cưới hỏi, sinh con đẻ cái; đó quả thật là một vở kịch với đông đảo nhân vật, cảm động và hồi hộp.

Rồi ông, một nghệ sĩ cầu toàn, với dáng điệu vui vẻ, nhẹ nhàng gạt đổ các quân cờ, gom thành đồng rồi trảm ngâm xếp cũng từ những quân cờ ấy một ván mới hoàn toàn, với những phe nhóm mới, những tương quan và liên hệ chẳng chịt mới. Ván thứ hai này tương tự ván đầu: cũng thế giới ấy, tạo từ cùng chất liệu ấy, nhưng không khí toát ra khác, nhịp độ thay đổi, chủ đề được nhấn mạnh khác, hoàn cảnh dựng lên khác.

Và bằng cách ấy người công trình sư thông minh đã dựng từ những hình ảnh, mỗi cái là một phần của chính tôi, hết ván cờ này đến ván cờ khác. Những bàn cờ này hao hao nhau, rõ ràng tất cả thuộc về cùng một thế giới, gắn bó với cùng một nguồn gốc, nhưng lại hoàn toàn mới.

“Đây là nghệ thuật sống,” ông nói như giảng bài. “Từ nay ông có thể tha hồ tự tiếp tục tạo dựng và làm sinh động ván cờ của cuộc đời ông, nó phức tạp hay phong phú là do ông quyết định. Tựa như sự điên rồ, trong một ý nghĩa cao, là khởi điểm của mọi sự thông tuệ, chứng tâm thần phân liệt là khởi điểm của mọi nghệ thuật, mọi tưởng tượng. Thậm chí các học giả cũng đã phần nào nhìn nhận điều này, như ta có thể tra cứu trong quyển Cửa ông hoàng Wunderhorn[10] chẳng hạn, một tác phẩm thú vị, ở đây công trình gian lao và cần cù của một học giả được cao thượng hóa nhờ sự cộng tác thiên tài của một số nghệ sĩ điên rồ bị nhốt trong các bệnh viện tâm thần. Đây, ông hãy cắt những hình ảnh bé nhỏ này của ông đi, ván cờ sẽ còn thường làm cho ông vui thích. Cái quân cờ hôm nay lớn ngồng thành lão ba bị trong bàn cờ khiến ông mất vui, ngày mai sẽ bị ông giáng xuống thành một quân cờ phụ vô hai. Còn quân cờ bé bỏng đáng yêu khốn khổ dường như suốt một lúc lâu chỉ toàn gặp rủi ro và bất hạnh sẽ được ông cho làm công chúa trong ván sắp tới. Thưa ông, tôi chúc ông nhiều vui thú.”

[10] Hesse chơi chữ, đặt ra cái tên Prinz Wunderhorn (Ông hoàng Sừng nhiệm màu) để giễu cợt một quyển sách xuất bản năm 1922 của nhà tâm lý học Prinzhorn (Ông hoàng Sừng!).

Tôi cúi rạp người tỏ lòng biết ơn trước bậc kỳ thủ tài ba này, rồi cắt quân cờ vào túi và rút lui qua khung cửa hẹp.

Thật ra tôi định sẽ lập tức ngồi bệt xuống hành lang, chơi hàng giờ liền, chơi liên miên với những quân cờ này; nhưng vừa bước trở lại lối đi hình móng ngựa sáng choang của hí viện thì những dòng lưu chuyển mới, mạnh hơn tôi, đã kéo tôi đi. Một tấm bích chương sáng lóa trước mắt tôi:

Chuyện diệu kỳ trong việc huấn luyện sói thảo nguyên

Hàng chữ này dấy trong lòng tôi nhiều loại cảm giác; mọi sự sợ hãi và kiềm chế trở về từ cuộc đời đã qua của tôi và từ thực tại bị chối bỏ đã siết chặt trái tim tôi ghê rợn. Tôi mở cửa với bàn tay run rẩy rồi bước vào một gian hàng chợ phiên; tôi thấy ở đó dựng lên một tấm lưới sắt ngăn cách tôi với sân khấu bài trí sơ sài. Tôi thấy trên sân khấu một người dạy thú đang lớn tiếng có vẻ huênh hoang. Dù gã mang bộ ria to tướng, tay cuộn cuộn cơ bắp và y phục gánh xiếc dỏm dáng, trông gã giống tôi một cách xảo quyệt và hết sức đáng ghét. Gã đàn ông lực lưỡng này nắm dây dắt, như dắt chó, một con sói cao lớn, xinh đẹp, nhưng gầy đét, ánh mắt nó lệ nhút nhát, trông thật thảm hại! Rồi tôi coi, kinh tởm mà hồi hộp, ghét mà lại thích thú ngẫm, gã dạy thú tàn bạo này trình diễn con vật dữ và quý, nhưng lại tuân phục hết sức nhục nhã, qua một loạt ngón nghề và những màn giật gân.

Dẫu sao người đàn ông này, gã song sinh khốn kiếp méo mó của tôi, đã thuần dưỡng được con sói của gã thật tuyệt vời. Con sói chăm chú tuân theo mọi mệnh lệnh, phản ứng hệt như chó trước mỗi tiếng gọi và tiếng roi vun vút; nó quỳ xuống, giả chết, ngồi bệt như người, ngoan ngoãn ngậm một ổ bánh mì, một quả trứng, một miếng thịt, một chiếc giỏ con, thậm chí dùng mõm ngậm cây roi roi gã kia đánh rơi, lại còn khúm núm ve vẩy đuôi trông chịu hết nổi. Đoạn người ta dẫn đến trước mặt nó một con thỏ, rồi một con cừu trắng; tuy sói ta nhe răng và nhỏ dãi run rẩy thêm khát, nhưng không hề động chạm đến con nào, mà tuân lệnh diệu nghệ phóng qua hai con vật đang khiếp đảm co rúm trên sàn, đúng thế, nó còn nằm xuống giữa thỏ và cừu quàng chân trước qua chúng, thành một hình ảnh gia đình đầy xúc động. Cùng lúc nó quỳ lụy ăn một phong sô cô la từ tay gã dạy thú. Quả là một cực hình khi chứng kiến con sói này học được cách chối bỏ bản tính của nó đến mức không tưởng tượng nổi và tôi đã kinh hoàng đến tóc tai dựng đứng.

Dẫu sao, trong phần thứ hai của buổi trình diễn, khán giả khích động đã được đền bù cho cực hình nọ, cũng như cho chính con sói. Bởi sau màn trình diễn thuần dưỡng thú vô cùng diệu nghệ kia và sau khi gã dạy thú mỉm nụ cười dễ thương, đắc thắng nghiêng người trên nhóm cừu và sói chào khán giả thì các vai diễn liền được hoán đổi. Gã dạy thú giống hệt Harry đột nhiên khom thấp, đặt roi xuống trước chân sói, rồi bắt đầu run rẩy, rúm người trông thảm hại y như con sói hồi nãy. Còn sói ta vừa cười vừa liếm mép, mọi gương gạo và giả trá biến mất sạch. Mắt nó rực sáng, thân thể nó trở nên rắn chắc và sinh động trong vẻ hoang dại vừa giành lại được.

Và bây giờ sói ta ra lệnh, con người phải vâng lời. Người quỳ gối theo mệnh lệnh, giả làm sói, thè dài lưỡi, dùng răng vàng cắn xé áo quần trên thân thể. Tùy theo con thú dạy người kia ra lệnh mà gã đi hay bò hoặc ngồi bệt xuống, giả chết, để sói cười lên lưng và nhặt roi cho nó. Hệt như con chó đầy năng khiếu, gã tham gia với trí tưởng tượng phong phú mọi sự sỉ nhục và trò đùa bại. Một cô gái xinh lên sân khấu, lại gần gã người được thuần dưỡng vượt cầm gã, cọ má vào má gã, song gã vẫn cứ đứng trên hai chân lẫn hai tay, vẫn

làm con thú, lúc lắc cúi đầu, nhe răng với cô, cuối cùng đầy đe dọa hệt như sói, khiến cô gái phải bỏ chạy. Người ta để sô cô la trước mặt gã, nhưng gã chỉ khinh thị đánh hơi rồi đẩy ra. Sau cùng, hai con cừu trắng và thỏ đốm mập mập lại được mang ra; gã người sáng dạ kia liền trở hết tài ba đóng vai sói, với đầy hứng thú. Ngón tay gã bấu, răng gã ngoạm vào hai con thú bé bỏng đang ré lên, rút da thịt chúng, vừa cười vừa nhai sống, hăm hở uống máu nóng của chúng, mắt gã nhắm nghiền đầy khoái lạc.

Tôi kinh hoàng chạy ra ngoài. Hí viện ma thuật này, tôi đã thấy, không phải thiên đường thuần túy; ẩn dưới bộ mặt mỹ miều của nó là hết thảy địa ngục. Chúa ơi, ngay cả ở đây cũng không có giải thoát ư?

Tôi chạy tới chạy lui, đầy khiếp hãi, cảm thấy trong miệng tanh mùi máu và mùi sô cô la, mùi này kinh tởm y như mùi kia; khao khát thoát khỏi làn sóng ô trọc này nên tôi không ngớt nỗ lực để lòng mình có được những hình ảnh thân mật hơn, dễ chịu hơn. “Các bạn ơi, đừng có những giọng điệu ấy!”[11], tôi thầm nhủ và kinh hoàng nhớ lại những hình ảnh ghê tởm nơi mặt trận mà lúc chiến tranh người ta thỉnh thoảng được thấy, những xác người chồng chất quần vào nhau, mặt nạ phòng hơi ngạt đã biến mặt họ thành những mặt quỷ cười trâng tráo. Ngày đó, tôi - một kẻ yêu thương đồng loại và có khuynh hướng phản chiến - đã ngu xuẩn và con nít biết bao, khi kinh hoàng trước những hình ảnh ấy! Nay tôi hiểu rằng không người huấn luyện thú nào, không viên bộ trưởng nào, không viên tướng nào, không kẻ điên rồ nào lại có thể áp ủ trong đầu óc y những ý tưởng và hình ảnh kinh tởm, điên rồ và độc ác, thô bạo và ngu xuẩn mà bản thân tôi chưa từng có.

[11] Trước sự kiện không ít văn nghệ sĩ và trí thức Đức (và Áo) đã hân hoan khi Thế chiến I bùng nổ vào tháng Tám năm 1914, tháng Mười một cùng năm Hesse đã gửi đăng trên một tờ báo Thụy Sĩ bài luận văn “Các bạn ơi, đừng nói những giọng điệu ấy” (O Freunde, nicht diese Töne!) kêu gọi giới trí thức Đức hãy vượt ra khỏi chủ nghĩa dân tộc và yêu nước hẹp hòi, vì “Tình thương cao cả hơn thù hận, cảm thông cao cả hơn giận dữ, hòa bình cao quý hơn chiến tranh.” Hesse liền bị báo chí Đức mạt sát, thậm chí chụp mũ “phản quốc” và không ít bạn bè xa lánh, khiến phải lấy bút hiệu Emil Sinclair cho quyển *Demian* (1919) nổi tiếng của mình. Thời Quốc xã, nhiều tác phẩm của ông bị cấm ở Đức và Áo (sau khi nước này bị sáp nhập vào Đức).

Thở dài nhẹ nhõm, tôi nhớ lại hàng chữ mà lúc mới bước chân vào hí viện đã trông thấy gã thiếu niên bảnh bao nọ cắm đầu cắm cổ chạy theo:

Mọi đàn bà, con gái đều là của bạn

và thấy rằng thật ra rốt cuộc chẳng có gì đáng ham muốn bằng điều ấy. Vui mừng vì đã lại thoát khỏi cái thế giới sói đáng nguyên rủa, tôi bước vào ngấn lộ ấy.

Nơi đây, lạ kỳ thay - thật hoang đường đồng thời lại quá thân quen, khiến tôi rùng mình - mùi hương thuở thanh xuân, bầu không khí thời thơ ấu và trai trẻ của tôi, hắt ngược vào tôi và trong tim tôi lại cuộn cuộn dòng máu ngày xa xưa ấy. Nhưng điều tôi vừa mới làm, vừa mới suy nghĩ, và tôi vừa mới là gì, tất cả những điều ấy đều chìm lắng sau lưng tôi và tôi trẻ trung trở lại. Mới một giờ trước đây, mới khoảnh khắc trước đây tôi ngỡ mình biết khá rõ tình yêu, ham muốn, khao khát là gì, nhưng đó là thứ tình yêu và khao khát của một người đàn ông già. Giờ đây tôi đã trẻ trung trở lại và những gì tôi cảm thấy trong lòng mình - dòng lửa sôi sục đang cuộn cuộn chảy, nổi nhớ nhung cuồng nhiệt đang lôi kéo, nổi đam mê được thả lỏng như làn gió ấm tháng Ba - tất cả đều trẻ trung, mới mẻ và chân thật. Ôi, giờ đây ngọn lửa ngày trước bị lãng quên nay lại bùng cháy, những thanh âm ngày trước lại nghe mơ hồ rồi to dần, máu tôi đang bùng bùng nở hoa, tâm hồn tôi đang la hét và hát ca! Tôi là một thiếu niên, đâu chừng mười lăm hay mười sáu tuổi, đầu óc chỉ toàn những tiếng Latin với Hy Lạp cùng những câu thơ diễm tuyệt, tâm trí đầy những nỗ lực và tham vọng, toàn mơ những giấc mơ nghệ sĩ; nhưng sâu xa hơn, mãnh liệt hơn và đáng sợ hơn tất cả những ngọn lửa đang bùng cháy này là ngọn lửa của tình yêu, sự đối khát tình dục, sự dự cảm mỗi mòn của khoái lạc đang thiêu đốt và giày vò tôi.

Tôi đang đứng trên một trong những ngọn đồi cao nơi thành phố quê hương bé nhỏ của tôi. Trời thơm mùi gió ấm tháng Ba và những bông đồng thảo đầu mùa; dòng sông và các cửa sổ ngôi nhà của cha mẹ tôi dưới thành phố hắt nắng lên lấp lánh; màu sắc, thanh âm và hương thơm của tất cả mọi vật sao nồng nàn ngất ngây đến thế, mới mẻ và thấm đẫm sự tạo dựng đến thế, sâu đậm và rực rỡ đến thế, pháp phới trong nắng xuân siêu thực và rạng rỡ đến thế, giống như tôi đã nhìn thế giới trong những giờ phút viên mãn, đầy thi hứng thời mới lớn xa xưa. Tôi đứng trên đồi, gió lùa qua mái tóc dài, chìm đắm trong khao khát yêu đương

mơ mộng; tay lơ đãng ngắt một lá non nhú trên bụi cây vừa chớm trở lại xanh tươi, đưa lên nhìn và ngửi (chỉ mới ngửi mùi này thôi mà mọi chuyện ngày xưa đã lại ập về nóng bỏng trong tôi), rồi nghịch ngợm ngậm và nhấm chiếc lá non xanh lục ấy bằng đôi môi vẫn chưa từng hôn người con gái nào. Vị thơm nồng đắng khiến tôi đột nhiên thấu rõ điều mình đang trải nghiệm, rằng mọi chuyện đang trở lại đây rồi. Tôi sống lại một giờ của năm cuối cùng thời niên thiếu; vào một xế trưa Chủ nhật đầu xuân tôi gặp Rosa Kreisler trên con đường đi dạo đơn độc của tôi; tôi đã nhút nhát biết bao khi chào nàng và say đắm yêu nàng.

Ngày đó người con gái xinh xinh ấy một mình mơ mộng lên đồi nhưng chưa nhận ra tôi; lòng đầy thấp thỏm tôi thấy nàng tới gần, thấy mái tóc nàng tết thành bím dày, song hai bên má vẫn còn những lọn tóc xòa đùa trong gió. Tôi thấy, lần đầu tiên trong đời, cô bé mới xinh làm sao, gió vờn mái tóc mềm mại của nàng đẹp cứ như mơ, chiếc áo xanh mỏng thả chùng trên đôi chân trẻ trung của nàng mới duyên dáng và gợi khao khát làm sao; khi tôi trông thấy người con gái ấy, toàn thể mối linh cảm chết người về tình yêu đã tràn ngập tôi, mối linh cảm về đàn bà, mối linh cảm gây bàng hoàng về những khả năng to lớn và những hứa hẹn, những vui sướng không tên, những bối rối, âu lo và đau khổ, sự giải thoát sâu sắc và tội lỗi thâm sâu, giống như vị đắng thơm tho của chiếc lá non nhai nát đã tẩm đẫm tôi hết thảy hân hoan ngọt ngào thấp thỏm và nổi xao xuyến của mùa xuân. Ôi, vị đắng mùa xuân mới rất bỏng trên lưỡi tôi làm sao! Ôi, làn gió lùa qua những lọn tóc mơn man đôi má tươi hồng của nàng! Rồi khi đã đến gần tôi, nàng ngước lên, nhận ra tôi, nàng thoáng đỏ mặt một lúc và quay nhìn chỗ khác; rồi tôi gắp chiếc mũ đội vào buổi lễ kiên tín chào, Rosa trấn tĩnh lại ngay, mỉm nụ cười hơi có vẻ mệnh phụ chào lại, rồi ngẩng cao đầu, chậm rãi bước tiếp tự tin và kiêu hãnh, trong lúc tôi thẩn thờ theo cả nghìn ước mơ, lời thỉnh cầu và lòng ngưỡng mộ quẩn quýt quanh nàng.

Chuyện ngày ấy như thế đấy, vào một Chủ nhật cách đây ba mươi lăm năm và trong khoảnh khắc này tất cả mọi cảnh tượng ngày đó đã lại quay về: ngọn đồi và thành phố, gió tháng Ba và mùi chồi lá, Rosa và mái tóc nâu của nàng, niềm khao khát như ngọn triều dâng và nỗi lo âu nghẹt thở nhưng ngọt ngào. Tất cả vẫn như ngày xưa và dường như trong đời tôi không còn yêu ai như đã yêu Rosa ngày ấy. Nhưng lần này, tôi được dịp đón chào nàng khác lần trước. Thấy nàng đỏ mặt, cố che giấu thẹn thùng khi nhận ra tôi, tôi biết ngay nàng mến thương tôi và đối với nàng lần gặp gỡ này có tầm quan trọng giống như đối với tôi. Nên thay vì lại trịnh trọng ngả mũ đứng chờ nàng đi qua, lần này bất chấp sợ hãi và ngại ngùng, tôi đã làm điều mà dòng máu của tôi đòi hỏi, tôi gọi: “Rosa! May quá, em đã đến, cô bé đẹp xinh của anh ơi. Anh yêu em quá chừng.” Có lẽ như vậy là không thật văn hoa trong những điều có thể nói ra lúc ấy, nhưng cần gì văn hoa ở đây, thế là đủ lắm rồi. Rosa không làm ra vẻ mệnh phụ và cũng không đi tiếp, mà dừng lại dăm dăm nhìn tôi, mặt đỏ bừng hơn và nói: “Chào anh Harry, có thật anh thương em không?” Rồi đôi mắt nâu của nàng rạng rỡ trên khuôn mặt rần rở và tôi cảm thấy cả quãng đời cùng những mối tình đã qua của tôi đều sai lầm, rắc rối và đầy những bất hạnh đáng tiếc kể từ giây phút tôi để vuột mất Rosa vào Chủ nhật ấy. Nhưng giờ đây lỗi lầm nọ đã chuộc xong, mọi chuyện đã trở nên khác hẳn, mọi chuyện đã trở nên tốt đẹp.

Chúng tôi nắm tay nhau, sóng vai chậm rãi bước tiếp, hạnh phúc khôn tả, cực kỳ bối rối, không biết nói gì, làm gì; để bớt lúng túng chúng tôi liền rảo bước và chạy nhanh hơn, cho đến lúc thở không ra hơi phải dừng lại, tay vẫn trong tay. Chúng tôi vẫn còn trẻ con, không biết rõ nên làm gì với nhau; Chủ nhật ấy tuy chưa dám trao nhau nụ hôn đầu, nhưng chúng tôi vô cùng hạnh phúc. Chúng tôi đứng thở, chúng tôi ngồi xuống cỏ và tôi vuốt ve bàn tay nàng, còn bàn tay kia của nàng thẹn thùng vuốt tóc tôi; rồi chúng tôi lại đứng lên, đo xem ai cao ai thấp; thật ra tôi cao hơn nàng quãng một đốt ngón tay, nhưng tôi không nhận, mà cả quyết hai đứa cao bằng nhau, rằng Chúa Trời yêu quý đã dành hai đứa cho nhau và sau này chúng tôi sẽ nên vợ nên chồng. Chợt Rosa bảo nàng ngửi thấy mùi hoa đồng cỏ và chúng tôi quỳ trên lớp cỏ mùa xuân lúp xúp, tìm được vài bông cuống ngắn, tặng nhau; khi trời trở lạnh và nắng chéch trên sườn đá, Rosa bảo nàng phải về, hai đứa buồn não nuột, vì tôi không dám đi cùng với nàng, nhưng nay chúng tôi đã có chung một bí mật và đó là điều quý báu nhất. Tôi nán lại trên núi, ngửi bông đồng cỏ của Rosa, rồi nằm sấp trên một khe đá, nhìn xuống thành phố dưới thung lũng sốt ruột ngóng chờ bóng dáng nhỏ bé thân yêu hiện ra ở đấy, đi ngang bờ giếng và chạy qua cầu. Lúc ấy tôi biết nàng đã về tới nhà và đi qua hết phòng này sang phòng khác, còn tôi nằm tận trên này, xa nàng, nhưng từ tôi đến với nàng có một sợi dây gắn bó, một dòng lưu chuyển và lát phát một bí mật nhỏ nhoi.

Suốt mùa xuân ấy chúng tôi đã gặp lại nhau, lúc chỗ này, khi chỗ nọ, trên sườn núi đá, bên những hàng giậu và khi hoa tử đinh hương chớm nở, chúng tôi rụt rè trao nhau nụ hôn đầu. Lũ trẻ chúng tôi chỉ có thể cho nhau rất ít thời và nụ hôn ấy chưa cuồng nhiệt và trọn vẹn; tôi chỉ dám nhẹ nhàng vuốt ve những lọn

tóc lòa xòa quanh tai nàng. Nhưng tất cả tình yêu và hạnh phúc mà chúng tôi có thể có được của chúng tôi; và với mỗi ve vuốt thẹn thùng, với mỗi lời yêu đương non nớt, với mỗi đợi chờ khắc khoải chúng tôi đều học được một hạnh phúc mới, chúng tôi đều leo được một nấc nhỏ trên chiếc thang tình yêu.

Tôi đã sống lại, bắt đầu với Rosa và những bông hoa đồng thảo, suốt cả cuộc đời tình ái của mình một lần nữa như thế, dưới những vì sao may mắn hơn. Rosa khuất dạng thì Irmgard xuất hiện và vàng dương trở nên nóng bỏng hơn, sao trời ngất ngây hơn, nhưng cả Rosa lẫn Irmgard đều không trở thành của tôi; tôi phải leo từng bậc, phải ném trải nhiều, học hỏi nhiều, phải mất Irmgard lẫn cả Anna nữa. Tôi lại yêu từng cô gái tôi đã yêu thuở thanh xuân, nhưng nay tôi đủ khả năng truyền cảm hứng tình yêu cho từng người, tặng gì đấy cho từng người và nhận gì đấy của từng người, Những khao khát, những ước mơ và những khả năng trước kia chỉ sống trong tưởng tượng của tôi nay thành hiện thực và được trải nghiệm. Ôi, hết thấy những bông hoa xinh đẹp của ta, Ida và Lore, hết thấy những người ngày trước ta đã từng yêu suốt một mùa hè. một tháng, một ngày!

Tôi hiểu rằng giờ đây tôi là gã trai xinh tươi sôi nổi kia, cái gã hồi nãy tôi thấy hăm hở lao mình vào cánh cửa tình yêu, giờ đây tôi đang tận hưởng cái phần ấy của mình - cái phần chỉ đáng một phần mười, một phần nghìn bản chất và cuộc đời tôi - và để nó phát triển, vô tư lự trước mọi hình ảnh khác của Cái Tôi bản ngã, thanh thản trước nhà tư tưởng, không bị Sói Thảo Nguyên dẫn dắt, kị các nhà thơ, những kẻ huyền tưởng và các bậc đạo đức gièm xiêm. Không, giờ đây tôi không là gì khác hơn một kẻ đang yêu, không thờ hýt hạnh phúc và đau khổ nào khác hơn hạnh phúc và đau khổ của ái tình. Irmgard đã dạy tôi khiêu vũ, Ida đã dạy tôi hôn và cô nàng xinh đẹp nhất, Emma, là người đầu tiên đã cho tôi hôn đôi vú nâu nâu của nàng và nhấp chén hoan lạc trong một buổi chiều thu, dưới tán lá cây dư lất phất.

Tôi đã trải nghiệm nhiều thứ trong hli viện con con của Pablo và không thể diễn tả nổi lấy một phần nghìn. Tất cả những thiếu nữ tôi từng yêu nay đều là của tôi; mỗi người ban phát cho tôi điều chỉ riêng họ có để ban phát, còn tôi ban phát cho mỗi người điều chỉ riêng họ biết đón nhận từ tôi. Tôi đã được ném nhiều tình yêu, nhiều hạnh phúc, nhiều hoan lạc, lẫn nhiều rối rắm và đau khổ; vào giờ phút mơ mộng này mọi mối tình dang dở của đời tôi đều bùng nổ tuyệt diệu trong khu vườn tôi, những đóa hoa mảnh dễ trình bạch, những đóa hoa màu lửa sắc sỡ, những bông hoa thâm mau tàn, hoan lạc bùng bùng, mộng mơ thâm kín, sâu muộn cháy bỏng, chết chóc kinh hoàng, tái sinh rạn rở. Tôi gặp những người đàn bà ta chỉ có thể chinh phục chớp nhoáng và ào ạt, ở những người khác ta được diễm phúc đeo đuổi lâu dài và thận trọng; mỗi góc tối nhập nhoạng của đời tôi - nơi xưa kia, dẫu chỉ trong một phút thôi, giọng nói của giới tính đã kêu gọi tôi, một ánh mắt đàn bà đã thiêu đốt tôi, một thoáng da con gái nồn nà đã khêu gợi tôi - lại hiện ra và tôi bắt lại được mọi điều từng bỏ lỡ. Người đàn bà nào cũng đều đã trở thành của tôi, mỗi nàng theo cách riêng của mình. Ở đây có mặt người đàn bà với đôi mắt nâu sẫm lạ thường dưới mái tóc màu vàng sáng mà ngày trước tôi từng đứng cạnh suốt mười lăm phút bên cửa sổ trong hành lang một chuyến tàu tốc hành và sau đó nàng đã nhiều lần hiện ra trong những giấc mơ của tôi; nàng không nói một lời, nhưng đã dạy tôi những ngôn yêu đương đáng sợ, chết người, không lường nổi. Và cô gái Trung Hoa mỡ màng, lẳng lẽ, nụ cười dờ dẩn ở cảng Marseilles, với mái tóc mượt đen nhánh và đôi mắt ướt rượt, cả nàng cũng biết những điều kỳ lạ. Mỗi nàng đều có bí mật riêng, thơm mùi mảnh đất quê hương riêng; họ hôn, cười kiểu riêng, bên lên kiểu riêng, sờ sàng kiểu riêng. Họ đến rồi đi, dòng đời đưa họ đến với tôi, cuốn tôi lại với họ, kéo tôi xa họ, như trẻ con bơi đùa trong dòng chảy của giới tính, đầy quyến rũ. đầy hiểm nguy, đầy bất ngờ. Và tôi kinh ngạc thấy đời mình - đời sói thảo nguyên có vẻ khốn khổ và khô khan của tôi - lại giàu yêu đương say đắm, giàu cơ hội và giàu sự hấp dẫn biết bao. Tôi đã bỏ lỡ và trốn chạy hầu như tất cả, đã sa sầy vì chúng, đã vội vã quên chúng, nhưng chúng được tồn trữ hết cả nơi đây, đầy đủ, hàng trăm cái. Và giờ đây tôi trông thấy chúng, đắm mình với chúng, để chúng tha hồ muốn làm gì tùy ý, tôi chìm vào địa ngục chạng vạng tươi vui của chúng. Cả sự cảm dỗ mà Pablo đã đề nghị với tôi ngày nọ cũng đã trở lại cùng những cảm dỗ khác, trước nữa, mà mà bấy giờ tôi không thật hiểu được lấy một lần, những trò chơi kỳ quái tay ba. tay tư, chúng mỉm cười kéo tôi vào màn luân vũ của chúng. Nhiều chuyện đã xảy ra, nhiều trò đã được chơi, không diễn tả nổi bằng lời.

Từ trong cái dòng vô tận của những cảm dỗ, tạt xấu, vướng mắc ấy tôi lại trôi lên, kín đáo, lẳng lẽ, sẵn sàng, hiểu biết đầy đủ, sáng suốt, từng trải, đủ chín chắn cho Hermine. Nàng - khuôn mặt cuối cùng trong truyện thần thoại với cả nghìn nhân vật của tôi, cái tên cuối cùng trong loạt tên dài vô tận - xuất hiện, cùng lúc tôi sự tỉnh và chấm dứt chuyện tình ái hoang đường của mình, vì tôi không muốn gặp lại nàng ở đây trong cảnh tranh tối, tranh sáng của một tấm gương ảo thuật; không chỉ quân cờ nọ trên bàn cờ của

tôi mới thuộc về nàng, mà toàn bộ gã Harry. A, bây giờ tôi sẽ biến đổi ván cờ của mình để tất cả đều tập trung vào nàng và trở thành hiện thực.

Dòng lưu chuyển đã đẩy tôi dạt vào đất liền, tôi lại đứng trong hành lang im ắng trước các ngăn lô của hí viện. Làm gì bây giờ đây? Tôi đưa tay nắn các quân cờ trong túi, nhưng lại bỏ ngay ý định này. Quanh tôi là thế giới vô tận của các cánh cửa, của các hàng chữ, của những tấm gương ma thuật. Tôi thờ ơ đọc hàng chữ gần nhất:

Làm cách nào giết người bằng tình yêu

mà rùng mình. Một hình ảnh vụt lóe lên gợi tôi nhớ lại trong tích tắc: chúng tôi đang ngồi trong nhà hàng, đột nhiên Hermine ngừng ăn uống, đắm chìm vào một cuộc trò chuyện bí hiểm; ánh mắt nàng cực kỳ nghiêm trang, khi bảo rằng nàng sẽ chỉ làm cho tôi sya mê để được giết bởi tay tôi. Một con sóng dữ của lo sợ và bóng tối tràn ngập hồn tôi, đột nhiên mọi sự lại thể hiện trước mặt tôi, đột nhiên tôi lại cảm thấy trong thâm tâm sự khốn quẫn và định mệnh. Tôi tuyệt vọng thọc tay vào túi áo móc quân cờ, để làm chút trò ảo thuật và sắp xếp lại trật tự trên bàn cờ của mình. Nhưng trong túi không còn quân cờ nào nữa. Thay vì quân cờ, tôi rút ra một con dao. Sợ hết vía, tôi chạy xuyên hành lang, qua các cánh cửa, rồi đột nhiên đứng trước tấm gương khổng lồ nọ, nhìn vào đấy. Trong gương có một con sói khổng lồ xinh đẹp, cao cỡ tôi, nó đứng im, đôi mắt lo lắng ánh lên vẻ rụt rè. Nó búng búng, nhấp nháy nhìn tôi, khẽ cười khiến hai mép hơi hở ra một lúc, lộ cái lưỡi đỏ lôm.

Pablo đâu rồi? Hermine đâu rồi? Cái gã thông thái giỏi tán huyên thuyên về tạo dựng nhân cách đâu rồi?

Tôi nhìn vào gương lần nữa. Hóa ra tôi vừa mới điên. Bây giờ chẳng thấy con sói nào đứng sau tấm gương cao, đảo lưỡi trong mồm cả. Trong gương chỉ có tôi, chỉ có Harry đang đứng, mặt mũi thê lương, bị mọi trò chơi bỏ rơi, mệt mỏi vì những thói hư tật xấu, nhợt nhạt một cách gớm ghiếc, nhưng dấu sao vẫn là một con người, dấu sao vẫn là ai đấy mà ta có thể trò chuyện được.

“Harry,” tôi nói, “mi làm gì trong đây thế?”

“Chẳng làm gì hết,” gã trong gương đáp, “ta chờ đợi thôi. Ta chờ cái chết.”

“Thế thì cái chết đang ở đâu?” tôi hỏi.

“Nó đang đến kia,” gã đáp. Và tôi nghe thấy từ những căn phòng trống rỗng bên trong hí viện vang lên một điệu nhạc, tuyệt vời nhưng khủng khiếp, từ vở Don Juan[12], một điệu nhạc đệm cho sự xuất hiện của người khách nhần tâm. Những thanh âm lạnh như băng vang dội qua ngôi nhà ma quái; chúng đến từ cõi bên kia, cõi của những người bất tử.

[12] Don Juan (hay Don Giovanni): vở nhạc kịch nổi tiếng của Mozart

“Mozart!” tôi trầm nghĩ và bằng cách đó thành kính khẩn cầu những hình ảnh thân yêu nhất và cao quý nhất trong đời sống nội tâm của tôi.

Sau lưng tôi liền vang lên một tiếng cười rộ, trong trẻo và lạnh giá, đến từ thế giới bên kia, một thế giới mà nhân gian chưa hề nghe nói tới, được những người từng hứng chịu khổ đau và tính hài hước của thần thánh tạo nên. Tôi quay ngoắt lại, toàn thân thể đông cứng và lảng lảng hạnh phúc bởi tiếng cười này. Mozart đang đi tới, ông vừa cười vừa đi qua trước mặt tôi, thản nhiên thông thả tiến lại một trong những cửa ngăn lô, mở ra, bước vào và tôi hau háu đi theo ông, vị thần thời thanh xuân của tôi, đối tượng trọn đời của tình yêu và lòng ngưỡng mộ của tôi. Điệu nhạc vẫn tiếp tục ngân vang. Mozart đứng lại bao lơn ngăn lô; chẳng thấy chút gì của hí viện, bóng tối đã ngập tràn không gian mênh mông.

“Ông thấy đấy,” Mozart nói, “không có kèn saxophone bản nhạc này nghe cũng vẫn được. Tôi không có ý chê thứ nhạc cụ tuyệt vời ấy đâu nhé.”

“Chúng ta đang ở đâu vậy ạ?” tôi hỏi.

“Chúng ta đang ở hồi cuối của vở Don Giovanni, Leporello đã quỳ xuống rồi. Một màn tuyệt diệu, cả âm nhạc nghe cũng hay ho, thế đấy. Tuy nó vẫn còn chứa đựng bao thứ rất con người, nhưng từ đó người ta vẫn cảm nhận được cõi bên kia, cái tiếng cười ấy mà-nhì?”

“Đó là thứ âm nhạc vĩ đại cuối cùng đã được sáng tác,” tôi trịnh trọng nói như một nhà giáo. “Tất nhiên, còn có Schubert, còn có Hugo Wolf và tôi cũng không được phép quên Chopin[13] xuất sắc đáng thương. Cụ nhân mặt, à vâng, thưa Maestro[14], có cả Beethoven nữa, ông ấy cũng tuyệt vời chứ. Nhưng tất cả những âm nhạc này, dù hay đến mấy, cũng hàm chứa gì đấy chưa thật hoàn hảo, hàm chứa sự bắt đầu tàn lụi. Sau vở Don Giovanni, chẳng còn ai tạo ra nổi một tác phẩm hoàn hảo như khuôn đúc nữa.”

[13] Schubert, Wolf, Chopin, Brahms, Wagner: một số nhạc sĩ cổ điển Đức, Áo, Ba Lan.

[14] Maestro (tiếng Ý trong nguyên bản): Thầy - thường được dùng khi tỏ ý kính trọng hoặc đùa vui.

“Ông chẳng nên quá nhọc công khen ngợi,” Mozart cười đầy giấu cợt. “Hắn ông cũng là nhạc sĩ? Chà, tôi đã giải nghệ, đã về vườn rồi. Chỉ thỉnh thoảng xem họ sinh hoạt cho vui thôi.”

Ông giờ cao hai tay như đang điều khiển dàn nhạc; đầu dấy trên bầu trời có mặt trăng hay một vì sao mờ xuất hiện; tôi nhìn qua bao lơn xuống không gian thăm thẳm, giăng bủa mây mù, mờ mờ núi non sông biển, bên dưới chúng tôi mênh mông một đồng bằng tựa sa mạc. Chúng tôi thấy trong đồng bằng ấy một ông già đáng dấp khả kính, râu dài, mặt mũi u sầu dẫn đầu một đoàn khổng lồ độ vài vạn dặm đàn ông y phục màu đen. Ông ta trông ủ dột và tuyệt vọng. Mozart bảo tôi:

“Ông nhìn kia, Brahms đấy. Ông ta cố tìm kiếm sự giải thoát, nhưng còn phải chờ khá lâu nữa.”

Mozart cho tôi biết rằng hết thấy hàng nghìn kẻ vận đồ đen kia, theo phán quyết của thần thánh, đều là những người đã chơi những nốt nhạc thừa trong các nhạc phổ liên hiệp của Brahms.

“Quá nhiều hòa âm, qua phung phí chất liệu,” Mozart gật đầu.

Ngay sau đó chúng tôi thấy Richard Wagner dẫn đầu một đạo quân đông không kém và cảm thấy ông đã bị họ trì kéo ra sao, vì chính ông cũng mệt nhọc lê những bước chân của kẻ đầy cam chịu.

“Thời tôi còn trẻ,” tôi buồn bã nhận xét, “hai nhạc sĩ này được xem là tương phản nhất.”

Mozart cười.

“Phải, xưa nay đều thế cả. Nhìn từ một khoảng cách nào đấy, sẽ thấy rằng những tương phản này luôn trở nên giống nhau hơn. Vả chăng, việc hòa âm thừa thãi này không phải là lỗi của cá nhân Wagner hay Brahms, mà một nhầm lẫn của thời đại họ.”

“Sao ạ? Và vì vậy mà nay họa phải chuộc tội nặng đến thế ư?” tôi lớn tiếng kết án.

“Tất nhiên. Đó là thứ tự theo đúng thủ tục mà. Chỉ sau khi họ trả hết món nợ của thời đại họ rồi thì mới biết cá nhân họ còn nợ bao nhiêu và có đáng phải trả hay không.”

“Nhưng cả hai người này đâu thể chịu trách nhiệm về chuyện đó được!”

“Tất nhiên là không. Họ cũng đâu chịu trách nhiệm về chuyện ông Adam ăn quả táo, thế nhưng họ vẫn cứ phải chuộc tội[15].”

[15] Trong Cựu ước: theo sách Sáng thế thì tổ tiên loài người là Adam và Eva bị quỷ dụ dỗ, đã cãi lời căn dặn của Chúa Trời, ăn trái cấm nên con cháu đời đời mang tội tổ tông ngay từ lúc lọt lòng và bị liên đới trừng phạt.

“Khủng khiếp quá.”

“Đương nhiên, cuộc đời luôn khủng khiếp mà. Chúng ta không thể làm gì khác, nhưng vẫn cứ phải chịu trách nhiệm. Người ta sinh ra là đã mang sẵn tội lỗi rồi. Nếu ông không biết điều này thì hẳn ông đã được học thứ giáo lý kỳ quái.”

Tôi chán chường quá. Tôi nhìn thấy chính tôi, một kẻ hành hương mệt mỏi, lê lét qua sa mạc của thế giới bên kia, vác đầy những quyển sách vô dụng mình đã viết, những bài luận thuyết, những chuyện đăng báo nhiều ký, theo sau là đội quân sắp chữ đã lên khuôn những thứ ấy và đội quân độc giả, những người đã phải nuốt hết thấy mọi thứ này. Chúa ơi! Ngoài ra còn Adam với quả táo và đủ mọi tội tổ tông khác nữa. Phải chuộc tội hết, nghĩa là tôi sẽ phải ở trong luyện ngục đời đời kiếp kiếp; chỉ sau đó mới nảy sinh câu hỏi không biết

phía sau tất cả những điều này có còn chút gì cá nhân, chút gì riêng tư chẳng, hay mọi việc tôi làm cùng các hậu quả của chúng chỉ như bọt nước rỗng tuếch trên biển cả, là trò đùa vô nghĩa trong dòng sự kiện.

Thấy tôi dờ mắt, Mozart cười ồ. Rồi ông vừa nhảy cẫng lên, hai chân đập vào nhau như một nốt nhạc lách, vừa quát: “Ê, nhóc con, á khẩu rồi a, nghệt thở rồi à? Chú mày đang nghĩ đến độc giả, đến lũ xô lá, đến đám giả trá? đến bọn sắp chữ, đến bọn dị giáo thú dữ, đến bọn xúc xiểm khốn nạn, đến bọn mài gươm hại bạn? Thật khôi hài, chú mày cóc có tài, chỉ bốc phét, miệng cứ luôn quang quác! Chú mày đùa nhảm nhí, chú mày châm chọc, nhưng chú mày chỉ là thằng ngốc. Chúa đã ban lệnh, chú mày sẽ bị quỷ trừng phạt, vì chú mày viết lách dở ồm, toàn ba đĩa, ba sám, chỉ ‘đạo văn’ là nhất!”

Thật quá đáng! Con giận dữ khiến tôi quên phất u sầu. Tôi chụp bím tóc của Mozart, ông ta bắn tung lên trời, bím tóc cứ dài thêm, dài thêm, tựa đuôi sao chổi và tôi bị xoay tít trong vũ trụ. Mẹ kiếp, thế giới này lạnh khiếp! Những người bất tử này chịu nổi một bầu không khí giá lạnh và loăng ghê gớm. Nhưng bầu không khí lạnh giá này thật thú vị, tôi còn cảm thấy như thế trong khoảnh khắc ngắn ngủi nọ, trước khi bất tỉnh. Một niềm hân hoan, một ham muốn giá băng, sắc buốt, ngồi như thép xuyên qua tôi, tôi khao khát cười, cũng trong trẻo, dữ dội và siêu phàm như Mozart đã cười. Nhưng rồi tôi ngộp thở và ngắt đi.

Tôi hồi tỉnh, hoang mang và mệt mỏi. Làn ánh sáng trắng nơi hành lang phản chiếu trên mặt sàn bóng láng. Tôi không, tôi chưa ở giữa những người bất tử. Tôi vẫn còn ở thế giới bên này, thế giới của những điều bí ẩn, khổ đau, những sỏi thảo nguyên, những rối rắm đầy dẫy vật. Đây không phải là nơi đất lành, là chốn dung thân được. Phải chấm dứt! Harry đang đứng đối diện tôi trong tấm gương lớn sát tường. Hắn trông không được vui, chẳng khác buổi tối nọ bao nhiêu, sau chuyến viếng thăm ông giáo sư và ghé quán Đại Bàng Đen nhìn người ta khiêu vũ. Nhưng chuyện này qua lâu lắm rồi, đã nhiều năm, nhiều thế kỷ. Harry đã già đi; hắn đã học khiêu vũ, đã đến coi hí viện ma thuật, đã nghe Mozart cười, đã không còn sợ những buổi khiêu vũ, những người đàn bà, những con dao nữa. Được trải đời đôi ba thế kỷ thì một kẻ tầm thường cũng thành chín chắn. Tôi ngắm nhìn Harry trong gương thật lâu: tôi vẫn còn biết rõ hắn mà, hắn vẫn hao hao giống gã Harry mười lăm tuổi đã gặp Rosa trên sườn núi đá vào ngày Chủ Nhật tháng Ba và đã ngã chiếc mũ đội nhân dịp lễ kiên tín để chào nàng. Thế nhưng từ đó hắn đã già đi vài trăm tuổi, đã theo dõi âm nhạc cùng triết lý rồi chán ngấy, đã nhậu vang Alsace trong quán Mũ Sắt và bàn luận với những học giả hồn hậu về Krishna, đã yêu Erika và Maria, đã thành bạn trai của Hermine, đã nã đạn vào ô tô và đã ngủ với cô gái Trung Hoa mỡ màng, đã gặp được Goethe với Mozart, đã xé toạc nhiều lỗ hổng trong tấm lưới thời gian và thực tại ảo mà hắn còn bị giam hãm trong đó. Dù đã mất những quân cờ xinh xinh, nhưng hắn vẫn còn một con dao sắc trong túi áo. Tiến lên, hồi Harry già nua, hồi lão già mệt mỏi!

Mẹ kiếp! Cuộc đời mới cay đắng làm sao! Tôi nhỏ nước bọt vào Harry trong gương, tôi đập vào hắn và giẫm nát hắn. Tôi chậm chạp bước qua hành lang vang vọng âm thanh, chăm chú nhìn những cánh cửa đã hứa hẹn biết bao điều thú vị: không cánh cửa nào còn mang một hàng chữ! Tôi chậm rãi bước qua cả trăm cánh cửa của hí viện ma thuật. Không phải tối nay tôi đã dự một dạ vũ hóa trang sao? Từ đó đến nay đã trăm năm trôi qua rồi. Chẳng bao lâu sẽ chẳng còn năm với tháng nữa. Nhưng hãy còn chút việc cần làm. Hermine vẫn đang đợi. Sẽ là một đám cưới kỳ quái. Tôi bơi bừa đi trong một làn sóng u sầu, bị cuốn trong cơn sóng buồn thảm, tôi, một kẻ nô lệ, một con sỏi thảo nguyên. Bớ khỉ!

Tôi dừng lại trước cánh cửa cuối cùng. Cơn sóng u sầu đã lôi tôi đến đây. Ôi Rosa, ôi thời thanh xuân xa hút, ôi Goethe và Mozart!

Tôi mở cửa. Cảnh tượng phía sau đơn giản mà đẹp đẽ. Tôi thấy hai người lỏa lồ nằm trên thảm, Hermine đẹp gái và Pablo điển trai, kề bên nhau, mê một ngủ, kiệt sức sau trò ân ái, thứ trò chơi dường như không thể làm thỏa mãn nhưng lại khiến nhanh chóng chán chê. Đẹp, những con người rất đẹp, hình ảnh thật đẹp, những thân thể tuyệt vời. Dưới ngực trái Hermine có một vết tròn, mới rành rành, bầm tím, dấu Pablo cắn yêu với hàm răng đẹp lóng lánh. Tôi thọc dao vào ngay vết cắn, lút tới cán. Máu tuôn trên làn da trắng mịn của Hermine. Lẽ ra tôi đã hôn sạch vết máu ấy, nếu mọi sự trước đó khác đôi chút. Giờ đây tôi đã không làm như thế; tôi chỉ nhìn máu chảy, nhìn mắt nàng mở ea một lúc, đầy đau đớn, đá đổi kinh ngạc. Sao nàng kinh ngạc nhỉ?” tôi tự hỏi. Rồi tôi nghĩ phải vuốt mắt cho nàng. Nhưng chúng đã tự khép lại rồi. Thế là xong. Nàng chỉ hơi nghiêng người qua một bên; tôi thấy từ nách đến ngực nàng chấp chờn một vết tối mềm mại như muốn nhắc tôi nhớ lại chuyện gì đấy. Quên mất rồi! Rồi nàng nằm im lìm.

Tôi ngắm nhìn nàng thật lâu. Cuối cùng tôi rùng mình như vừa thức giấc và dợm bỏ đi. Đón lúc ấy tôi

thấy Pablo ưỡn người, mở mắt, duỗi chân tay, thấy anh cúi xuống cô gái xinh đẹp đã chết và mỉm cười. Anh chàng này chẳng bao giờ nghiêm trang nổi, tôi nghĩ, chuyện gì cũng khiến anh cười được. Pablo khẽ khàng lật một góc thảm, phủ kín ngực Hermine, để không còn thấy vết thương nữa, rồi đi êm như ru ra khỏi ngăn lò. Anh ta đi đâu? Hết cả bọn họ đã bỏ rơi tôi ư? Tôi nán lại, một mình với người chết được che đầy sơ sài, người tôi từng yêu và ganh tị. Lọn tóc xoăn kiểu con trai lòa xòa trên vầng trán tái nhợt của nàng, đôi môi đỏ chót hé mở trên khuôn mặt trắng bệch, tóc nàng thoang thoảng thơm và hơi để lộ vành tai nhỏ nhỏ, xinh xinh, óng ánh.

Giờ đây nàng đã toại nguyện. Tôi đã giết người mình yêu, trước khi nàng hoàn toàn là của tôi. Tôi đã làm điều không tưởng tượng nổi và giờ đây tôi quý, mắt trừng trừng nhìn và không rõ điều mình đã làm ấy có ý nghĩ gì, không hề biết nó tốt và đúng đắn hay ngược lại. Gã chơi cờ khôn ngoan nọ sẽ nói gì về chuyện này, Pablo sẽ nói gì về chuyện này? Tôi hoàn toàn không biết, tôi không thể nghĩ ngợi gì. Đôi môi tôi son càng lúc càng rực đỏ trên khuôn mặt đã tàn sinh khí. Cả cuộc đời tôi giống như thế, chút hạnh phúc còn con và tình yêu của tôi cũng giống đôi môi khô cứng này: một chút màu hồng tô trên mặt người chết.

Và từ khuôn mặt chết chóc ấy, từ đôi bờ vai chết chóc ấy, từ đôi cánh tay nõn nà chết chóc tỏa ra, len lén, một cơn rừng mình, một sự hoang vu và quạnh quẽ của mùa đông, một cơn giá buốt dần dần, khiến hai bàn tay và môi tôi từ từ cứng đờ. Tôi đã dập tắt mặt trời rồi ư? Tôi đã giết chết trái tim của mọi cuộc sống rồi ư? Khí lạnh chết người của vũ trụ đã ập vào rồi ư?

Tôi rùng mình nhìn trần trời vầng trán đã lạnh như băng, nhìn lọn tóc cứng đờ, nhìn sắc lóng lánh lạnh lẽo nhợt nhạt của vành tai. Giá lạnh từ chúng tỏa ra làm chết người được nhưng vẫn đẹp: nó ngân vang, nó rung động tuyệt vời, nó là âm nhạc!

Há không phải ngày trước, thuở xa xôi, tôi từng có lần cảm thấy sự ớn lạnh đồng thời có gì đấy như thể hạnh phúc này ư? Há không phải tôi đã từng có lần nghe thấy điệu nhạc này ư? Đúng, ở Mozart, nơi những người bất tử.

Tôi sức nhớ những vần thơ đã tìm thấy ở đâu đấy, thuở xa xôi ngày trước:

Chúng ta, ngược lại, đã ngự

Trong giá băng rực rỡ sao trời trên Thượng giới,

Chúng ta không cần biết đến tháng ngày, giờ giấc

Không phân chia nam nữ, trẻ già...

Kiếp trường sinh của chúng ta lạnh lẽo và bất biến,

Tiếng cười vĩnh cửu của chúng ta lạnh lẽo và sáng rực ánh sao...

Đúng lúc ấy cửa ngăn lò vụt mở và Mozart - nhìn mãi tôi mới nhận ra ông - bước vào, không bím tóc, không quần ống lửng với giày cài móc khoen, mà ăn vận tân thời^[16]. Ông ngồi xuống sát cạnh tôi, suýt nữa tôi đã đưa tay cản, để ông khỏi bị vấy máu đang từ ngực Hermine rỉ xuống sàn. Ông ngồi xuống, chăm chú mảy mò vài thứ mảy mò cùng dụng cụ nhỏ nhỏ lẫn lóc ở đấy. Rất nghiêm túc, ông chỉnh chỗ này, vặn ốc chỗ nọ và tôi thán phục nhìn những ngón tay nhanh nhẹn, khéo léo của ông, những ngón tay mà tôi ao ước được một lần nhìn thấy lướt trên phím dương cầm. Tôi tự lự nhìn ông làm việc, đứng ra không phải tự lự, mà mơ màng và đắm chìm khi nhìn đôi bàn tay thon thả, khôn khéo của ông, cảm thấy lòng ấm lại do sự gần gũi của ông, song cũng lo lo thế nào đấy. Còn thật sự ông đang làm gì, đang vặn ốc cho cái gì và thao tác gì tôi chẳng hề để ý tới.

^[16] Vào thế kỷ 18, 19 đàn ông quý tộc, thượng lưu châu Âu có một đội tóc giả tết bím như đuôi sam, ống quần chỉ dài qua đầu gối khoảng mười phân, thắt chèn, vớ dài và đi giày cài móc khoen (chỉ đàn ông bình dân mới mặc quần ống dài như ngày nay).

Nhưng rồi tôi thấy đó là một cái radio mà ông đã lắp ráp và cho chạy. Ông gắn loa vào rồi nói: “Quý vị đang nghe đài Munich, bản *Concerto grosso in F-Dur*^[17] của Händel.”

^[17] Bản concerto âm Fa trưởng cho nhiều nhạc cụ độc tấu và cho cả dàn nhạc.

Quả thật, trước sự sững sốt và kinh hoàng khôn tả của tôi, cái loa bằng thiếc liền ọe ngay ra thứ hổ lớn dài với bã kẹo cao su, mà những sở hữu chủ máy hát cùng những người thuê dài hạn[18] radio đồng lòng gọi đó là âm nhạc - và quả thật ta nhận ra đằng sau đồng bầu nhầy bần thiu và khọt khẹt đó, tựa như đằng sau lớp bụi dày cộm, ẩn tàng một bức tranh cổ quý giá, cái cấu trúc cao nhã của âm nhạc thần thánh, cái kết cấu có vương giả, cái hơi thở bao la mát mẻ, cái âm thanh tròn đầy của tiếng đàn dây.

[18] Có lẽ ngay từ thời đó người dân phương Tây đã phải trả tiền cho Đài phát thanh mới được nghe radio.

“Chúa ơi,” tôi hốt hoảng kêu lớn, “cụ làm gì thế, hử cụ Mozart?” Chẳng lẽ cụ thật sự bắt chính cụ và tôi phải chịu đựng thứ tồi tệ này ư? Chẳng lẽ cụ thật sự định tống cho chúng tôi cái máy ghê tởm này, thứ thành công rực rỡ, thứ vũ khí mới nhất đầy chiến thắng của thời đại chúng tôi trong cuộc chiến đấu hủy diệt nghệ thuật? Tới mức ấy rồi sao, thưa cụ Mozart?”

Ồi chao, con người kỳ dị ấy cười, tiếng cười lạnh lẽo và ma quái làm sao, nó cảm lạnh nhưng hủy hoại tất cả! Ông vừa siết con ốc chết bầm, chỉnh lại loa thiếc, vừa thú vị quan sát nỗi thống khổ của tôi. Ông vừa cười vừa để thứ âm nhạc quái đản, không hồn và nhiễm độc ấy tiếp tục tuôn chảy vào phòng, vừa cười vừa trả lời tôi.

“Ông hàng xóm ơi, đừng thống thiết thế! Nhân tiện xin hỏi ông có để ý đến nhịp điệu chậm dần của khúc nhạc này không? Một ngẫu hứng, nhỉ? Đúng thế, và bây giờ ông, một người nôn nóng, hãy cứ để những ý tưởng của nhịp điệu chậm dần này thấm vào mình xem - ông nghe những âm trầm chứ? chúng gầm gào như thần thánh - và ông hãy để ngẫu hứng này của lão già Händel thấm vào trái tim bất ổn của ông, cho nó bình thần lại! Đừng thống thiết và giễu cợt, mà hãy nghe đi, ông bạn đáng thương ơi; phía sau tấm màn quả thật ngu xuẩn hết chỗ nói của cái máy lố lăng này có bóng dáng xa xôi của thứ âm nhạc thần thánh ấy thấp thoáng bước dạo qua! Hãy lắng nghe và ông sẽ học được chút gì đấy. Hãy lưu ý xem cái ống diên rồ phát ra thứ âm thanh này dường như đang làm cái việc ngu xuẩn nhất, vô dụng nhất và không thể chấp nhận nhất thế gian như thế nào; nó ngu xuẩn và thô lỗ phóng bừa thứ âm nhạc được chơi ở đâu đây, lại còn bị bóp méo thậm hại nữa chứ, vào một gian phòng chẳng liên quan gì với nó - tuy thế nó vẫn không hủy diệt nổi cái hồn nguyên thủy của âm nhạc, mà chỉ càng lộ rõ nó đã được nặn ra vô duyên nhạt nhẽo với kỹ thuật nghèo nàn! Hãy lắng nghe này, ông bạn, nó có ích cho ông đấy! Đồng tai lên nào! Thế. Và bây giờ ông không chỉ nghe một Händel, tuy bị bóp méo thô bạo qua radio mà vẫn rất thần thánh. Thưa ông bạn quý, ông đồng thời nghe và thấy một biểu tượng tuyệt vời của toàn thể sự tồn tại. Khi lắng nghe radio, ông nghe và thấy cuộc chiến đấu không ngừng từ nguyên thủy cho đến nay giữa ý tưởng và hiện tượng, giữa vĩnh cửu và thời gian, giữa thần thánh và con người. Hệt như thế, thưa ông bạn, chiếc radio truyền tùy tiện thứ âm nhạc tuyệt diệu của thế gian suốt mười phút vào những không gian rất không thích hợp, vào những phòng trường giả và những gác xép, vào giữa những người đặt mua dài hạn đang tán gẫu, ăn nhậu, ngáp dài và đang ngủ, cũng giống như radio tước mắt của âm nhạc về đẹp nhục cảm; nó làm hồng, làm trầy trụa và làm nhor bẩn âm nhạc, nhưng vẫn không giết nổi hoàn toàn cái hồn của âm nhạc - hệt như cuộc đời, cái gọi là thực tại, phung phí trò chơi hình ảnh tuyệt vời của thế giới ảnh đảo điên hỗn loạn, nó để cho bản nhạc của Händel được tiếp nối bằng một bài thuyết trình về cách thức lập bản kết toán mập mờ trong một xí nghiệp bậc trung, nó biến thành âm thanh tuyệt vời của dàn nhạc thành một đồng tạt âm bầy nhầy; nó nhét kỹ thuật của nó, sự năng nổ của nó, nhu cầu tự nhiên đáng tởm cùng sự hợm hĩnh của nó vào mọi nơi mọi chỗ giữa ý tưởng và thực tại, giữa dàn nhạc và cái tai. Cả cuộc đời là như thế đấy, chú bé ơi, hãy mặc xác nó và nếu chúng ta không phải là lũ lừa thì nên cười thêm vào. Những người thuộc loại ông hoàn toàn không có quyền phê phán radio hay cuộc sống. Tốt hơn ông hãy học lắng nghe trước đã! Hãy học có thái độ nghiêm trang với những gì đáng nghiêm trang và cười vào những thứ còn lại! Hay ông bạn đã hành xử tốt hơn, khôn ngoan hơn, ý vị hơn? Không đâu, Monsieur Harry, ông đã không làm thế. Ông đã biến từ cuộc đời ông thành một chuyện bệnh hoạn kinh tởm, biến năng khiếu của ông thành nỗi bất hạnh. Và theo tôi thấy, ông chẳng biết làm gì khác với một cô gái xinh đẹp như thế kia, mê hồn như thế kia hơn là đắm vào thân thể nàng và hủy diệt nàng! Ông cho như thế là đúng sao?”

“Đúng à?”Ồ, không!” tôi tuyệt vọng kêu lên. “Lạy Chúa, mọi chuyện đều sai, đều quá ngu xuẩn và tồi tệ! Tôi là đồ súc sinh, thưa cụ Mozart, một con vật ngu xuẩn ác độc, bệnh hoạn và băng hoại; cụ nghìn lần có lý. Nhưng về chuyện xảy đến với cô này thì chính nàng đã muốn thế mà, tôi chỉ hoàn thành ý nguyện của nàng thôi.”

Mozart cười không thành tiếng, những đã bày tỏ hảo ý qua việc tắt chiếc radio.

Bỗng dưng chính tôi cũng thấy lời biện hộ của mình, mà mới đây tôi còn tin tưởng hết lòng, là quá đỗi ngu xuẩn. Lần ấy - tôi sức nhớ lại - khi Hermine nói về thời gian và sự vĩnh cửu, tôi đã tức khắc sẵn sàng coi những suy nghĩ của nàng là phản ánh những suy nghĩ của chính tôi. Nhưng tôi lại đương nhiên chấp nhận ý tưởng Hermine để tôi giết là ngẫu hứng và ước nguyện độc đáo của nàng, chứ chẳng mảy may do ảnh hưởng của tôi. Nhưng tại sao ngày ấy không những tôi chỉ chấp nhận và tin cái ý tưởng kinh khủng và kỳ quặc này mà thậm chí còn đoán trước? Phải chăng vì nó đúng là ý tưởng của chính tôi? Và tại sao tôi lại giết Hermine đúng lúc bắt gặp nàng nằm lả lơi trong tay kẻ khác? Tiếng cười lặng lẽ của Mozart vang lên nghe toàn trí và đầy giễu cợt.

“Ông Harry ơi,” Mozart nói, “ông quả là thích bông đùa. Chẳng lẽ cô gái xinh đẹp này thật sự không mong muốn gì khác ở ông ngoài một nhát dao? Ông thử thuyết phục người khác tin xem nào! Ấy, ít ra thì ông cũng đã đâm đích đáng, cô bé đáng thương ấy chết đứt dừ rồi. Có lẽ đã đến lúc ông nên làm cho chính mình được rõ về những hậu quả từ việc nịnh đầm của ông đối với cô gái này. Hay ông muốn tránh né?”

“Không,” tôi kêu lớn. “Cụ chẳng hiểu gì hết ư? Tôi mà lại thêm tránh né hậu quả à! Tôi không khao khát gì hơn là được chuộc tội, chuộc tội, chuộc tội, được kê đầu dưới máy chém để bị trừng phạt và hủy diệt.”

Mozart nhìn tôi với vẻ giễu cợt không chịu nổi.

“Ông lúc nào cũng thông thiết! Nhưng Harry ơi, hông sẽ học được hài hước ngay thôi mà. Chỉ thức hài hước lúc cùng quẫn mới đáng gọi là hài hước và trong trường hợp cần thiết ông sẽ được chọc nó ngay dưới máy chém. Ông sẵn sàng chưa? Rồi à? Tốt, vậy ông hãy tới gặp công tố viên va2hu71ng chịu hết thủy bộ máy khô khan của các pháp quan, cho tới lúc đầu ông bị chặt một cách lạnh lùng vào buổi sáng sớm trong nhà giam. Ông sẵn sàng chấp nhận chứ?”

Một hàng chữ đột nhiên lóe lên trước mắt tôi:

Cuộc hành quyết Harry

và tôi gật đầu đồng ý. Một cái sân trơ trụi giữa bốn bức tường với những khung cửa sổ nhỏ rào lưới, một cỗ máy chém dựng nghiêm chỉnh, khoảng chục ông mặc áo pháp quan và áo khoác, còn tôi lại run đứng chính giữa, trong bầu không khí ảm đạm của buổi sáng tinh mơ, tim thất lại vì nỗi kinh hoàng thảm hại, nhưng sẵn sàng và chấp nhận. Tôi bước tới trước theo lệnh, quỳ xuống theo lệnh. Công tố viên ngả mũ, hắng giọng, mọi người kia hắng giọng theo. Ông ta giở một tờ giấy, loại dành cho những dịp trang trọng, giơ lên đọc:

“Thưa quý vị, đứng trước quý vị là bị cáo Harry Haller, can tội cố ý lạm dụng hí viện ma thuật của chúng ta. Haller không những chỉ xúc phạm nghệ thuật cao quý qua việc lẫn lộn phòng trưng bày tranh ảnh đẹp đẽ của chúng ta với cái gọi là thực tại và đã đâm chết hình ảnh phản chiếu của một thiếu nữ bằng hình ảnh phản chiếu của một con dao, mà hắn còn không chút khôi hài định dùng hí viện của chúng ta làm một thứ máy móc để tự sát. Căn cứ theo đó chúng ta kết án Haller hình phạt phải sống đời đời và bị tước quyền vào hí viện của chúng ta trong thời hạn mười hai giờ. Bị cáo cũng không được miễn trừ hình phạt bị một lần cười nhạo. Xin mời quý vị bắt giọng: một - hai - ba!”

Tiếng “ba” vừa dứt, mọi kẻ hiện diện đều đồng thanh rống lên một tràng cười hoàn mỹ, một điệp khúc cười oang oang, một tràng cười khủng khiếp của thế giới bên kia, mà con người ta không thể chịu đựng nổi.

Khi tôi hồi tỉnh, Mozart vẫn đang ngồi cạnh tôi như trước; ông vỗ vai tôi và bảo: “Ông đã nghe bản án của ông rồi đấy. Thành ra ông sẽ phải quen dần với việc tiếp tục nghe âm nhạc phát từ radio của đời sống. Sẽ tốt cho ông thôi. Ông bạn gốc gác thân mến ơi, ông kém cỏi khác thường, nhưng dần dà ông bạn cũng sẽ phải hiểu ra người ta đòi hỏi gì từ ông bạn. Ông cần học cười, người ta đòi hỏi ở ông bạn điều đó. Ông bạn cần hiểu được tính hài hước của cuộc đời, tính hài hước giả tạo của cuộc đời này. Tất nhiên ông bạn đã sẵn sàng với mọi thứ trên thế gian này nhưng riêng với điều người ta đòi hỏi ở ông bạn thì ông bạn chưa sẵn sàng! Ông bạn sẵn sàng đâm chết đàn bà con gái, ông bạn sẵn sàng trang trọng chịu hành quyết, hắn ông bạn cũng sẵn sàng chịu sống khổ hạnh và tự hành xác suốt trăm năm. Hay là không?”

“Có chứ ạ, sẵn sàng với tất cả lòng thành,” tôi kêu lên thống khổ.

“Hắn rồi! Ông đúng là người hào hiệp, sẵn sàng tham gia mọi trò gốc gác, khô khan như trấu, mọi trò thông thiết và vô duyên! Không có tôi rồi đấy, tôi chẳng chút động lòng trước cái trò hời hợt lãng mạn của

ông. Ông muốn bị xử tử hình mà, muốn bị chặt đầu mà; ông đúng là mất trí! Vì cái lý tưởng ngu ngốc này mà ông sẽ còn phạm thêm mười lần ngộ sát nữa đấy. Ông muốn chết, chứ không muốn sống, ông thật hèn nhát. Bớ kìa, nhưng ông phải sống cơ! Nếu ông bị kết án hình phạt nặng nhất hẳn cũng đáng đời thôi.”

“Thưa, hình phạt gì vậy ạ?”

“Chẳng hạn chúng tôi có thể làm cô gái này sống lại rồi gả cho ông.”

“Không được, tôi không chịu đâu. Như thế sẽ gây ra tai họa.”

“Cứ như thế những gì ông đã gây ra chưa đủ là tai họa! Nhưng bây giờ cần chấm dứt sự thống thiết và những vụ ngộ sát. Đã đến lúc ông cần tỉnh táo rồi đấy! Ông cần phải sống và cần học cười. Ông cần tập lắng nghe thứ âm nhạc khôn kiếp từ radio, trân trọng cái hồn ẩn sau âm nhạc ấy, tập cười cái điều ngớ ngẩn trong đó. Chỉ thế thôi, không đòi hỏi nhiều hơn ở ông.”

Tôi khẽ hỏi qua hàn răng nghiến chặt: “Còn nếu tôi từ chối? Nếu tôi không cho cụ, thưa cụ Mozart, quyền quyết định về Sói Thảo Nguyên và can thiệp vào số phận của nó?”

“Thế thì,” Mozart bình thản đáp, “tôi sẽ đề nghị ông bạn hút thêm một trong các điếu thuốc xinh xắn của tôi.” Lúc ông nói và phù phép từ túi áo ra một điếu thuốc mời tôi, đột nhiên ông không còn là Mozart nữa, mà là anh bạn Pablo đang nong nân nhìn tôi với đôi mắt sẫm đẹp kỳ lạ; anh giống người đã dạy tôi chơi cờ vua như anh em sinh đôi.

“Pablo!” tôi giật mình kêu lên. “Pablo, chúng mình đang ở đâu đây?”

Pablo đưa điếu thuốc và mời lửa cho tôi.

“Chúng mình,” anh mỉm cười, “đang ở trong Hí viện ma thuật của tôi và nếu bạn muốn học nhảy điệu Tango hay trở thành tướng soái hoặc trò chuyện với Đại đế Alexandre thì lần tới xin để bạn mặc tình sử dụng. Nhưng Harry ơi, tôi phải nói điều này: bạn đã làm tôi hơi thất vọng. Trong chuyện này bạn đã không kiểm soát nổi mình một cách quá đáng, bạn đã xâm phạm tính hài hước của hí viện nhỏ bé của tôi, đã gây nên chuyện tệ hại, đã đâm loạn xạ, vấy bẩn thế giới hình ảnh xinh đẹp của chúng tôi với những vết nhơ thực tại. Vậy là không tốt. Hy vọng ít ra bạn đã làm thế vì ghen tuông, khi thấy Hermine và tôi nằm kia. Đáng tiếc bạn đã không biết cách sử dụng quân cờ này - tôi cứ đinh ninh bạn đã học trò chơi này kha khá rồi chứ. Thôi được, lần tới sẽ khá hơn.”

Anh nắm lấy Hermine - trong những ngón tay anh, nàng tức thì biến thành nhỏ xíu như một quân cờ - và bỏ vào chính cái túi áo mà hồi nãy anh vừa mới rút thuốc là mời tôi.

Làn khói thuốc nặng và ngọt tỏa mùi thơm dễ chịu. Tôi cảm thấy như bị xói mòn và sẵn sàng ngủ vùi suốt cả năm dài.

Ô, tôi thấu hiểu tất cả, thấu hiểu Pablo, thấu hiểu Mozart, tôi nghe tiếng cười khùng khiếp của ông đâu đó phía sau, tôi biết hết thấy trăm nghìn quân của ván cờ đời trong túi áo mình, bắn khoan phỏng đoán ý nghĩa của nó, sẵn sàng bắt đầu ván cờ lần nữa, ném những thống khổ của nó lần nữa, rùng mình trước sự phi lý của nó lần nữa, trải qua địa ngục trong nội tâm mình lần nữa và thường nữa.

Sẽ có lần tôi chơi ván cờ thành thạo hơn. Sẽ có lần tôi học được cười. Pablo đang chờ đợi tôi. Mozart đang chờ đợi tôi.

Đọc và tải ebook truyện tại: <http://truyenclub.com/soi-thao-nguyen>